

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
TRUNG QUỐC

Tả Truyện

BỨC TRANH VỀ CUỘC ĐIỆN LIỆT QUỐC

TÔN PHƯƠNG LY biên soạn
PHAN KỲ NAM biên dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN
ĐỒNG NAI - 1995



TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

TẢ TRUYỆN

LIỆT QUỐC PHONG VÂN ĐỒ

Người biên soạn : **TÔN PHƯƠNG LY**

Người biên dịch : **PHAN KỶ NAM**

Người hiệu đính : **TRẦN KIẾT HÙNG**

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1995

LỜI GIỚI THIỆU

Thời Xuân Thu, có ba bộ sách được ghi chép thành văn là : Tà Truyện, Công Dương truyện và Cốc Lương truyện

Trong đó “Tà Truyện”, còn có tên gọi “Xuân Thu tà thị truyện” hay “Tà thị xuân thu”, là một bộ sách lịch sử có tính văn học cao, ra đời sớm nhất.

Tác giả Tà Khưu Linh Quan sử học nước Lỗ dựa theo biên niên sử “Xuân Thu” ghi chép lại những sự kiện lịch sử quan trọng, tương đối tỉ mỉ có hệ thống về các phương diện chính trị, ngoại giao, quân sự, văn hóa, thiên đạo, quỷ thần, họa phúc, Thệ bói, chiêm mộng... từ đời Lỗ Ẩn Công nguyên niên đến đời Lỗ Ai Công năm 27 trước công nguyên

Tà truyện là một bộ sách lịch sử, phong phú đa dạng về nội dung, nhưng cũng mang tính văn học khá đậm nét. Thông qua lời nói và việc làm của các nhân vật trong sách, thể hiện khá rõ nét những tư tưởng tiến bộ đương thời, tư tưởng ấy vẫn còn có giá trị giáo dục cho đời sau

Đó là

— Tư tưởng dân bản

— Tư tưởng yêu nước

-Bóc trần sự tàn bạo và hoang dã vô sỉ của bọn thống trị đương thời

— Tư tưởng chống lại chế độ bạo hành, dùng người làm vật tế lễ và tuần tấu.

Nhưng ở "Tà Truyện" vẫn còn có những mặt hạn chế lớn, đó là tư tưởng luân lý phong kiến với quan niệm đẳng cấp chính thống, tuyên truyền tôn giáo mê tín, ham mê hoặc con người còn yếu kém về hiểu biết

Tinh nghệ thuật trong Tà Truyện biểu hiện nổi bật những đặc điểm sau

Câu chuyện giàu kịch tính, với những tình tiết khẩn trương hấp dẫn và gây cảm xúc mạnh.

Thể hiện sở trường viết về chiến tranh rất tài tình của tác giả, đặc biệt diễn tả xuất sắc những trận chiến có tính quy mô ác liệt, đồng thời thể hiện tác giả có cách nhìn về các cuộc chiến tranh bằng nguyên tắc tư tưởng nhất định

Lời lẽ đối đáp trong câu ngụ ngôn từ rất đẹp, biểu hiện tài nghệ sử dụng ngôn ngữ giàu tính hình tượng của tác giả

Lương Khải Siêu nhà khai sáng thời cận đại của Trung Quốc nhận xét rằng : Tà Truyện là "một cuộc cách mạng trong lịch sử thời Thương Chu đến nay... Tà Truyện còn là pho sử liệu quý giá nhất của hai ngàn năm trước".

Tiền Mục nhà sử học lớn đương đại rằng : Tôi cho rằng khi nghiên cứu lịch sử Trung Quốc cổ đại hãy lấy bộ sách Tà Truyện làm tiêu chuẩn cơ bản để nghiên cứu

Chúng ta đọc và nghiên cứu bộ sách Tà Truyện, không những giúp chúng ta làm phong phú thêm kiến thức về sử học, văn học, mà còn giúp chúng ta hiểu biết về quá khứ, giúp chúng ta xử lý mọi công việc trên đời.

Thay mặt nhóm dịch và hiệu đính
Trần Kiệt Hùng

MỤC LỤC

Lời nói đầu	9
Trịnh Trang Công đánh đuổi em trai là Công Thúc Đoạn	23
Chu Bình Vương và Trịnh Trang Công trao đổi con tin	27
Nước Trịnh đại thắng Bắc Nhung	29
Dằng hầu, Tiết hầu tranh nhau ngồi ghế đầu	30
Công tử Huy cử người ám sát Lỗ Ẩn Công	31
Quý Lương can ngăn việc truy lách quân Sở	32
Cha và chồng ai thân hơn ?	35
Liên Xung, Quân Chí Phụ của nước Tề làm loạn	36
Trận Trường Thục	39
Vệ Ý Công vì thích hạc mà mất nước	42
Tề Hoàn Công đánh Sở	44
Gung Chi Kỳ can vua không cho nước Tấn mượn đường	46
Cuộc chiến giữa Tần, Tấn ở đất Hàn	49
Cuộc chiến giữa Tống, Sở ở đất Hoàng	60
Quá trình Trọng Nhĩ, công tử của nước Tấn trốn chạy sang nước khác	64
Trận chiến đấu ở Thành Bộc giữa nước Tần và nước Sở	74
Chúc Chi Vũ thuyết phục nước Tần rút quân	88
Trận đánh giữa Tần và Tấn ở đất Hào	91
Nước Trịnh bắt Hoa Nguyên, đại phu nước Tống làm tù binh	97
Tống Linh Công không thực hiện đạo làm vua	99
Vương Tôn Văn trả lời Sở Trang Vương về Cửu đỉnh	103
Trận đánh giữa Tần và Sở ở đất Tất	105
Nước Tống và nước Sở giảng hòa	125
Cuộc chiến giữa Tề và Tống ở Yên	130
Nước Sở tiến Tuần Diêu của nước Tần về nước	142
Hạ Cơ	144
Nước Tấn trả Chung Nghi về cho nước Sở	153

Hết phương cứu chữa	155
Lã tướng tuyết Tần	157
Cuộc chiến giữa Tần và Sở ở Yên Lăng	163
Kỳ Khê tiến cử người hiền	175
Thôi Trữ giết Tề Trang Công	177
Hướng Nhung chấm dứt chiến tranh	183
Quý Trát, công tử nước Ngô xem lễ nhạc	192
Tử Sản giúp nước Trịnh	197
Em gái của Tử Ngô Phạm chọn chồng	207
Án Tử không thay đổi chỗ ở	209
Mạnh Hy Tử học lễ	211
Sở Linh Vương lâm nạn tại Can Khê	213
Tử Sản và thương nhân	227
Tử Sản bàn về chính sách khoan dung hay khắc nghiệt	231
Án Tử khuyên can Tề Lãm Công hủy bỏ lễ cầu yên	233
Là đàn bà con gái phải tránh xa đàn ông	234
Khổng Tử tham dự cuộc gặp gỡ ở Giáp Cốc	236
Cuộc chiến giữa Tề và Lỗ ở đất Thanh	239
Quý Khang Tử sai Nhiễm Câu hỏi Khổng Tử về thuế ruộng	243
Hiệp ước đồng minh ở Hoàng Trì	244
Cái chết của Tử Lộ	247
Tử Cống chế cười bài văn điệu Khổng Tử của Ai Công	250
Thọ thủ công vây đánh Vệ Trang Công	251
Phụ Lục : Tuyển chọn từ nguyên tác	253

LỜI NÓI ĐẦU

Vào năm thứ tám sau khi tiêu diệt sáu nước thống nhất thiên hạ, Tần Thủy Hoàng nghe lời thừa tướng Lý Tư : “Những kẻ có học thức, cần phải loại bỏ đi”, “Người nào muốn học hỏi thì lấy quan lại làm thầy”, bèn ban bố “Luật khống chế sách”, thu gom sách vở lại, thực hiện chính sách ngu dân, để cho thiên hạ không dùng người hoặc việc của thời xưa để mà phủ định công kích hiện thức thời nay. Năm thứ tám sau khi công bố “Luật khống chế sách” (năm 206 trước công nguyên) Hạng Võ cầm đầu quân khởi nghĩa đánh vào quan ải, chiếm lĩnh Hàm Dương ra lệnh phóng hỏa đốt cháy cung A Phòng mà Tần Thủy Hoàng đã bỏ bao nhiêu công sức ra để xây dựng. Kết quả là đốt luôn toàn bộ sách trong thiên hạ mà Tần Thủy Hoàng đã thu gom lại. Mãi cho đến năm thứ hai mươi ba sau ngày công bố “Lệnh khống chế sách” (năm 191 trước công nguyên) Hán Huệ đế mới bãi bỏ : lệnh khống chế sách”. Điều này đã đem lại tai nạn lớn cho thư tịch thời tiền Tần, cũng gây nên cuộc tranh cãi liên miên giữa kinh học kim văn và kinh học cổ văn. Trong cuộc tranh luận này “Tả Truyện” luôn luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng.

NGUỒN GỐC CỦA TẢ TRUYỆN.

Tả Truyện xuất hiện vào lúc nào ? Đó là vấn đề được tranh luận không ngớt về niên đại xuất hiện của Tả Truyện, có ba thuyết. Một là do Trương Thương đời Hán sơ hiện; hai là Tả

Truyện được phát hiện trong lớp tường trong phòng học Khổng Tử hay giảng bài từ thời Hán Vũ đế; ba là vào những năm cuối cùng của Tây Hán, tìm thấy được từ trong kho sách của hoàng cung triều Hán. Trong ba thuyết này nói gọn lại là : Tả truyện xuất hiện vào đầu triều Hán, giữa triều Hán và cuối triều Hán.

Về thuyết thứ nhất, đó là thuyết của Hứa Thận thời Đông Hán. Trương Thương là một người am hiểu văn hiến, chương điển, pháp luật và binh pháp. Ông ta từng làm ngự sử đời Tân, thời Hán sơ giúp Tiêu Hà nắm giữ tài sản cả nước, đến thời Hán Vũ đế làm quan đến chức thừa tướng. Về việc Trương Thương hiến Tả Truyện rất nhiều học giả không chịu thừa nhận lý do của họ là : một là Hứa Thận là học giả, là người ủng hộ kinh học cổ văn thời đông Hán, lập trường của Hứa Thận có thiên lệch, e rằng chủ trương của Hứa Thận có thành kiến. Hai là trong các thư tích khác thời Tây Hán không thấy ghi chép việc Trương Thương hiến Tả Truyện. Ba là về việc Lỗ quân tử Tả Khán Minh lo sợ mọi người dị đoan, mỗi người một ý làm mất đi tính chân thật cho nên Khổng Tử ghi chép lại thêm vào những lời bình luận làm nên Tả thị xuân thu” được ghi chép trong niên biểu mười hai chư hầu trong sử ký, các nhà kinh học kim văn đương đại chứng minh đoạn văn này là do các nhà kinh học cổ văn sửa đổi sử ký nên gạch bỏ đi. Do đó không thể dùng đoạn sử liệu này để chứng minh rằng trước Vũ đế đã xuất hiện Tả Truyện.

Thuyết thứ hai do Vương Sung thời kỳ đầu của Đông Hán đề xuất. Trong bình luận của mình Vương Sung nói ngay Lỗ Cung Vương thời Hán Vũ Đế cần xây dựng cung thất cho mình, tháo gỡ phòng học mà Khổng Tử thường hay giảng bài. Trong khi tháo gỡ phòng học, phát hiện từ trong bức vách mười bài trong Tả

Truyện. Về giả thuyết này Đoàn Ngọc Tài một học giả lớn đời Thanh cho là “e rằng không đúng sự thật”. Bởi vì Vương Sung là người thời Mạc sơ Đông Hán, trong các văn hiến của Tây Hán cũng không tìm được những chứng cứ của giả thuyết này.

Thuyết thứ ba là thuyết của Lưu Hâm một học giả lớn trong những năm cuối đời Tây Hán. Hán Vũ đế rất coi trọng tàng thư của ông ta, ông ta đặt ra quan viết sách, sao chép lại rất nhiều sách cổ bị thất lạc. Hán Thành đế vào năm hà bình thứ ba (năm 26 trước công nguyên) lệnh cho Trần Nông đi khắp nơi thu thập thư tịch, lại lệnh cho Lưu Hưởng, Nghiêm Hoàng... hiệu đính các thư tịch đã lưu giữ và sưu tầm được. Lưu Hưởng hiệu đính tàng thư trong gần hai mươi năm, mất năm tuy hòa nguyên niên thành đế (năm thứ 7 trước công nguyên). Con của Lưu Hưởng là Lưu Hâm kế tục sự nghiệp của cha, tiếp tục hiệu đính tàng thư trong cung. Vào năm thứ hai Hán Viên đế kiến bình nguyên niên trong thư chỉ trích bác sỹ Thái Thường đương thời đã từng nói : “Xuân Thu tả thị” do Khán Minh viết đều là sách cổ văn, cất giữ trong mật phủ (kho sách trong cung) rất hay nhưng chưa được phát hiện. Hiếu Thành Hoàng đế lo sợ rằng học thức nông cạn sẽ làm sai lệch sự chân thật nên đã khai thác tàng thư chỉnh lý các bài văn cũ nên đã thấy được tam sự (tam sự chỉ Tả Truyện, Thượng Thư và Dịch Lễ). Nếu căn cứ vào những lời Lưu Hâm nói thì Tả Truyện được phát hiện vào thời kỳ này. Nhưng Khang Hữu Vi nhà kinh học kim văn cuối triều Thanh viết tân học ngục kinh khảo, qua khảo cứu đã cho rằng Tả Truyện là do Lưu Hâm cất xén ngục tạo. Ông này còn cho rằng Tả Truyện được phát hiện trước khi Lưu Hâm viết thư cho bác sỹ Thái Thường. Ông Tiềm Mục trong Lương Hán bác sỹ gia phả khảo chỉ rõ nhà sử học Tư Mã Thiên xác nhận đã nhìn thấy Tả Truyện. Nói cách khác không

thừa nhận việc Lưu Hàm phát hiện Tả Truyện trong mật phủ.

Tóm lại, Tả Truyện xuất hiện vào lúc nào, đến bây giờ vẫn chưa giải quyết dứt điểm. Nhưng phần nhiều đều thiên về thuyết cho rằng Tả Truyện xuất hiện vào thời kỳ đầu của triều Hán, cho rằng lúc Tư Mã Thiên viết sử ký đã sử dụng rất nhiều điều ghi chép trong Tả Truyện.

XUÂN THU VÀ TẢ TRUYỆN

Theo cách nói truyền thống, Xuân Thu có ba truyện, tức Tả Truyện, Công Dương truyện, Cốc Lương truyện. Cách nói Xuân Thu có ba truyện đã được sản sinh như thế nào ? Nho gia đến cuối thời Chiến Quốc đã trở thành Hiền học cũng tức là học phái quan trọng và có ảnh hưởng lớn. Thi, thư, lễ, nhạc, dịch, Xuân thu mà nho gia truyền tập được gọi là kinh. Phàm giải thích lục kinh mà tập hợp lại thành sách thì gọi là truyện. Do đó, truyện của mỗi loại kinh thư cũng là kết tinh học thuyết của một học phái. Hán Cảnh đế bổ nhiệm Hồ Vô Sinh và Đồng Trọng Thư là Xuân thu bác sỹ. Hồ Vô Sinh và Đồng Trọng Thư đều là những người viết truyện thuộc Công Dương học phái. Họ giải thích Xuân thu theo truyền thống của Công Dương học thời Hán Tuyên đế lập Cốc Dương bởi học quan và Chính Lưu Hương do biên soạn Cốc Dương mà được gọi là bác sỹ. Từ sau khi Lưu Hàm yêu cầu lập học quan cho cổ văn thượng học, dịch lễ tả thị Xuân thu, thiết lập bác sỹ thì sự phân tranh giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh học bắt đầu từ đó. Ngon cở của kim cổ văn kinh học được thể hiện rất rõ ràng. Đến thời Hán Quang Vũ đế Tả truyện được lập bác sỹ. Đến những năm cuối đời Đông Hán sau khi Trịnh Huyền hòa nhập giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh học thì thanh thế của Tả Truyện ngày càng thịnh vượng và áp đảo Công Dương truyện và Cốc lương truyện. Đây là nguồn gốc của

Xuân thu tam truyện. Thực ra thời đại Tây Hán ngoài ba truyện Dương, Cốc lương và Tả thị ra còn có các truyện giải thích Xuân thu như Thị truyện, Giáp thị truyện. Đến thời Đông Hán khi Bán Cổ viết Hán thư thì Thị truyện và Giáp thị truyện đã thất truyền.

Từ Hán Viên đế kiến binh nguyên niên (năm thứ 6 trước công nguyên), đến cuối đời Thanh thì “Tả truyện có phải là viết về Xuân Thu chi học hay không ?” đã trở thành vấn đề then chốt trong cuộc tranh cãi giữa những người theo kim văn kinh học cho rằng Tả truyện không phải viết về Xuân Thu chi học, cổ văn kinh học lại cho rằng Tả truyện là viết về Xuân Thu chi học. Vấn đề tranh luận suốt hai ngàn năm nay thì hiện nay trong giới học thuật Trung Quốc đã không thành vấn đề nữa. Sở dĩ có một cuộc diện như vậy có thể giải thích từ hai phương diện : một là không ít học giả đã tiếp thu cách nói của đại gia Lưu Phùng Lộc nhà kim văn kinh học giữa triều Thanh khi khảo chứng Tả thị Xuân thu ông đã đề xuất ý kiến Tả truyện không phải là viết về Xuân thu chi học. Hai là, phần lớn các học giả hiện đại tương đối coi thường quyển Xuân thu này. Thái độ của phần lớn các học giả hiện đại đối với Xuân thu là : Cho dù không phủ nhận việc Khổng Tử viết Xuân thu, cũng quyết không khẳng định Khổng Tử viết Xuân thu, cho dù khẳng định Khổng Tử viết Xuân thu, cũng chỉ cho rằng Xuân thu chẳng qua là “những bài cũ rích, lộn xộn viết về những việc trong triều đình”, chẳng qua là “sổ” nợ của các cửa tiệm nhà quê thường dùng” mà thôi, chứ quyết không thừa nhận Tả truyện là sách có lý lẽ cao xa, ngôn từ tinh xảo. Tóm lại Xuân thu là sách không có giá trị gì bởi vì Xuân thu không có giá trị gì cho nên không hề chú ý đến mối quan hệ giữa Xuân thu và Tả truyện.

Còn về việc Xuân thu có phải là do Khổng Tử sáng tác hay không ? Trước hết chúng ta hãy xem xét cách nói của Mạnh Tử, người sống cách Khổng Tử hơn một trăm năm nhưng lại tự nguyện học Khổng Tử. Mạnh Tử nói : “Thế suy đại vi (phong khí xã hội ngày càng sa sút, cái đạo lớn mọi người vì việc công ngày càng không thể thực hiện được) tà thuyết bạo hành hữu tác (những luận điệu xằng bậy những hành vi tàn bạo lại nở rộ) thần thị kỳ quân hữu hữu chi (có chuyện quân thần giết quân chủ), tử chi kỳ phu giả hữu chi (có chuyện con giết cha). Khổng Tử cù (Khổng Tử rất lo lắng về điều này), tác Xuân thu (bèn viết bộ Xuân thu). Chúng ta lại xem tiếp ý kiến của thái sử công Tư Mã Thiên người sống cách Khổng Tử trên dưới bốn trăm năm và cũng rất ngưỡng mộ Khổng Tử. Thái sử Công nói : “Khổng Tử nói : “Phất hồ (không thể sống một cuộc đời vô ích) ! phất hồ (không thể sống một cuộc đời vô ích) ! Quân tử bệnh một thể nhi danh bất xung yên (quân tử không thể lưu danh lại đời sau cũng là việc ân hận suốt đời). Ngô đạo bất hành ai (cái đạo thiên hạ vi công mà ta chủ trương không thực hiện được), ngô hà dĩ tự kiến ư hậu thế lai (Ta làm sao có thể làm cho người đời sau biết đến ta ?) Nãi nhân sử ký tác Xuân thu (thế là căn cứ vào sách sử thời xưa để viết ra bộ Xuân thu này) thượng chi ẩn công (đi ngược về thời Lỗ Ẩn Công), hạ ngật ai công thập tứ niên (ghì chép đến Lỗ Ẩn Công năm thứ mười bốn), thập nhị công (cả thấy gồm 12 quốc công của nước Lỗ)” Căn cứ vào ý kiến của Mạnh Tử và Thái sử Công, Khổng Tử viết Xuân thu là việc chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng người đời nay Tiên Huyền Đồng cho rằng “Mạnh Tử viết rằng “Khổng Tử viết Xuân thu” chỉ có thể xem như việc ông ta thuật về Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Y Doãn... mà thôi, không tin

đó là sự thật được”. Còn Cổ Kiệt Cương thì lại nói rằng : “Trước Mạnh Tử không ai nói Khổng Tử viết Xuân thu cả. Nếu như những lời của Mạnh Tử và Thái Sử Công không chân thật, không đáng tin, thế thì chúng ta phải tin ai bây giờ ?

Xuân thu là một bộ sách như thế nào ? Ở đây chỉ xin giới thiệu tóm tắt ý kiến của Mạnh Tử và Thái Sử Công. Mạnh Tử nói : “Khổng Tử thành Xuân thu nhi loạn thân tặc tử cụ, (Sau khi Khổng Tử viết xong Xuân thu, những bầy tặc làm loạn, những đứa con bất hiếu đều sợ hãi)” Thái Sử Công nói : “Phu Xuân thu, thượng minh tam vương chi đạo, hạ biện nhân sự chi kỳ (Xuân thu nói rõ cái đạo thiên hạ vị công của tam vương, phân biệt rõ các mức độ sự việc trong trần gian) biệt hiềm nghi, minh thị phi, định do dự (phân biệt rõ nghi hoặc, làm sáng tỏ chân lý, định đoạt sự chân chừ không dám quyết), thiện thiện ác ác, hiền hiền tiên bất tiêu (biểu dương người tốt, trừng trị bọn xấu, đề cử những quan lại có khả năng, loại bỏ quan lại bất tài) tồn vong quốc, kế tuyệt thế (giúp đỡ những quốc gia bị xâm lược đang đứng trước họa diệt vong, bênh vực cho những quốc gia vì chuyển giao chính quyền trong nước mà phát sinh một số vấn đề), bổ tộ khởi phế (sửa chữa những cái bị phá hoại bị thiếu sót, dùng lại những đang nhàn rồi không có việc làm) Vương đạo chi đại giả dã (Đây là những người có công phổ biến đạo thiên hạ vị công)”. Từ những câu nói trên, chúng ta cho rằng quả thực Khổng Tử đã đem “những lý lẽ cao xa và ngôn từ tinh xảo” gửi gắm vào bộ sách Xuân thu này. Trên thực tế, trước Tùy, Đường, Xuân thu được người ta coi trọng hơn Luận Ngữ. Đến Bắc Tống luận ngữ mới có được địa vị như Xuân thu. Cho mãi đến Trình Hạo, Trình Di và Chu Hy đề cao địa vị của Luận Ngữ, Luận Ngữ mới vượt qua Xuân thu.

Nếu như không giữ chặt cánh cửa của kim văn kinh học và cổ văn kinh học chúng tôi cho rằng Công dương, Cốc lương và Tả truyện đều truyền Xuân thu chi học. Nội dung của Công dương và Cốc lương truyện là cái nghĩa của Xuân thu, còn cái mà Tả truyện ghi chép là sự việc thời Xuân thu. Cái gọi là “nghĩa” của Xuân thu là nói đến một số lý luận trừu tượng gửi gắm trong sách Xuân thu, cái gọi là “sự việc” thời Xuân Thu, là nói đến những sự thật lịch sử cụ thể trong sách Xuân thu.

THỜI ĐẠI CỦA TÁC PHẨM TẢ TRUYỆN

Trong sử ký Thái Sử Công đã viết rằng : “Lỗ quân tử Tả Khâu cụ đệ tử nhân nhân dị đoan (quân tử của nước Lỗ là Tả Khâu Minh, lo rằng con em của Khổng Tử mọi người nói khác nhau) Các an kỳ ý (mỗi người căn cứ vào ý kiến của mình để giải thích Xuân thu) thất kỳ chân (làm mất đi ý nghĩa ban đầu), cố nhân Khổng Tử sử ký cụ luận kỳ ngữ (cho nên căn cứ vào sử liệu Khổng Tử viết Xuân thu, tường thuật tận tường đầu đuôi của các sự kiện lịch sử) thành Tả thị Xuân thu (viết ra cuốn Tả thị xuân thu)”.

Từ đây, chúng ta biết được hai việc. Việc thứ nhất, Tả thị xuân thu là viết những chuyện về Xuân thu. Việc thứ hai, Tả thị Xuân thu do Tả Khâu Minh viết sau khi Khổng Tử Xuân thu xuất hiện không bao lâu.

Về tác giả của Tả thị Xuân thu thì Thái Sử Công Lưu Hưởng, Lưu Hâm thời Tây Hán, Ban Cố thời Đông Hán... đều cho rằng do Tả Khâu Minh viết. Nhưng từ Bắc Tống người ta bắt đầu hoài nghi về phong khí của kinh thư thì tác giả của Tả thị Xuân thu đã có nhiều cách nói khác nhau chẳng hạn như : Vương An

Thạch cho rằng Tả thị là người thời Chiến quốc. Diệp Mộng Đức cho rằng Tả thị Xuân thu là do người ở vào giai đoạn giao thời giữa Chiến quốc và Tần sáng tác : Trịnh Tiều cho rằng Tả thị Xuân thu là do người nước Sở thời Chiến quốc viết ra... Trong các học giả đời Thanh rất nhiều người cho rằng Tả truyện không phải do Tả Khâu Minh cuối thời Xuân thu viết ra. Khang hữu Vi nhà kim văn kinh học thời Văn Thanh cho rằng Tả thị Xuân thu hiện có là do Lưu Hâm ngụy tạo.

Các học giả thời kỳ “Quan sử biên vận động” chịu ảnh hưởng của Khang hữu Vi lại đẩy lên phong trào khảo cứu tác giả của Tả thị Xuân thu. Đầu tiên Vệ Tự Hiền ra một cuốn sách nghiên cứu về Tả truyện, quả quyết rằng Tả truyện là do Tử Hạ, học sinh của Khổng Tử viết, sau đó Tử Hạ truyền lại cho Ngô Khởi người cùng địa phương với Tả thị ở nước Vệ. Bởi vì Ngô Khởi là người vùng Tả thị nên có tên là Tả thị Xuân thu. Sau đó Bernhard Karlgren người Thụy Điển viết “Bàn về thật giả của Tả truyện và tính chất của nó” (On the Authenticity and the Nature of the Tsochvan), Tác giả có hai ý kiến đối với Tả truyện : Một là, trước khi đốt sách Tả truyện đã tồn tại, thời đại của tác phẩm Tả truyện là vào giữa năm 468 — 300 trước công nguyên. Hai là, qua văn pháp có thể chứng minh được rằng Tả truyện không phải là tác phẩm của người nước Lỗ. Diện Nại một học giả thời Dân quốc Thanh cho rằng cuốn Tả thị không phải do một người viết, mà do Ngô Khởi tạo thêm và mỹ hóa các sự kiện lịch sử của nước Ngụy. Điều này đã dẫn đến cách nói : Ngô Khởi viết Tả thị Xuân thu phủ định Tả Khâu Minh viết Tả thị Xuân thu của ông Tiền Mục.

Tại sao lại nảy sinh cách nói Tả thị Xuân thu (hoặc gọi là

Tả truyện) không do Tả Khâu Minh viết ? Một mặt là bởi vì cuộc tranh luận giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh học. Kim văn kinh học nói chắc chắn rằng Tả thị Xuân thu là do Lưu Hâm ngẫu tạo, mặt khác trong Tả truyện ghi chép rất nhiều sự việc xảy ra sau thời Khổng Tử. Trong Tả truyện có những lời tiên đoán của thầy bói rất là linh nghiệm. Do đó nói chắc chắn rằng Tả thị Xuân thu quyết không phải do Tả Khâu Minh người cùng thời với Khổng Tử viết ra. Còn về cách nói của các nhà kim văn kinh học cho rằng Tả truyện là do Lưu Hâm ngẫu tạo, qua sự nghiên cứu và thảo luận của các học giả từ đầu đời Minh đến nay thì cách nói này không thể đứng vững được. Còn về cách nói Tả truyện không phải do Tả Khâu Minh viết mà là do người khác viết, ở đây chúng tôi xin nêu ra ý kiến của mình : Từ sau Chương Học Thành vào giữa triều Thanh, chúng ta có những nhận thức bước đầu về thể tài các tác phẩm thời tiền Tần. Chương thị nêu ra vấn đề trước Khổng Tử không có trước thuật tư nhân. Đối với trước thuật tư nhân thời đại Chiến quốc, Chương thị còn có những kiến giải độc đáo : “Các nhà tư tưởng nổi lên... mỗi người đi sâu vào một bộ phận của đạo lớn, dần dần lấy đó mà thay đổi thiên hạ, ai cũng có lý lẽ của mình. Những kẻ lập luận được thì khuếch trương học thuyết của mình, rồi lại truyền cho đồ đệ. Nếu làm cho học thuyết của mình sáng tỏ ra, lập nên trường phái, viện dẫn người trước, phát huy truyền lại cho người sau, mọi người không hề kể công lớn nhỏ. Do đó mới nói rằng : những lập luận của cổ nhân đều là của chung, không hề khoe trương văn chương của mình và coi đó là thứ của riêng mình mà thôi”. Căn cứ vào những lời nói này chúng ta biết rằng trước thuật tư nhân thời chiến quốc, thực ra đều là phát ngôn của một nhà. Nói một cách

khác cùng là thuyết của một môn phái, căn cứ vào quan điểm này, chúng ta có thể thảo luận từng quyển một các tác phẩm tư nhân thời Chiến quốc. Chẳng hạn quyển “Mạnh Tử”, không phải là trước tác của cá nhân Mạnh Tử mà là tác phẩm của cả môn phái Mạnh Tử. “Mặc Tử”, “Trang Tử”, “Tuân Tử”... cũng là như vậy. Như vậy chúng ta sẽ không phải tranh cãi nhau về thời đại ra đời của một quyển sách. Đối với Tả truyện chúng tôi có quan điểm như vậy, cho rằng Tả truyện cũng là những lời nói của một trường phái. Tả truyện đã là lời nói của một trường phái thì đương nhiên không phải do một mình Tả Khâu Minh sáng tác mà còn có những phần thêm thắt của người đời sau, do đó trong Tả truyện có ghi chép những sự việc lịch sử sau thời Tả Khâu Minh thì cũng không lấy gì làm lạ, đồng thời cũng không nên vì Tả truyện có những sự kiện lịch sử sau Tả Khâu Minh mà phủ định việc Tả Khâu Minh viết Tả thị Xuân thu. Về cơ bản, chúng tôi cho rằng Tả thị Xuân thu là do Tả Khâu Minh người cùng thời với Khổng Tử viết đồng thời có sự thêm thắt của người đời sau.

TẢ TRUYỆN VÀ QUỐC NGŨ

Về hai bộ sách Tả truyện và Quốc ngữ cũng có rất nhiều vướng mắc không rõ về quan hệ giữa Tả truyện và Quốc ngữ, và không ít học giả tham gia nghiên cứu. Về quan hệ giữa Tả truyện và Quốc Ngữ, có bốn chủ trương khác nhau : Một là, Tả truyện và Quốc ngữ là hai bộ sách đều do Tả Khâu Minh viết. Học giả thời lương Hán như như Thái Sử Công, Tư Mã Thiên... có ý kiến như vậy. Hai là, Tả truyện và Quốc ngữ vốn là một cuốn sách sau đó chia làm đôi, các kim văn kinh học gia thời Văn Thanh nghiêng về chủ trương này. Khang Hữu Vi cho rằng Lưu Hâm ngụ ý tạo Tả truyện cũng tức là từ Quốc ngữ mà tách ra. Ba là, cho rằng Tả

truyện và Quốc ngữ không phải do một người viết. Bốn là, cho rằng Tả truyện và Quốc ngữ không phải từ một quyển sách mà tách ra.

Ông Trương Dĩ Nhân người đời nay viết cuốn “Bàn về mối quan hệ giữa Tả truyện và Quốc ngữ” so sánh giữa Tả truyện, Quốc ngữ và Sử ký, phán định rằng Tả truyện và Quốc ngữ không phải do một quyển sách tách ra làm hai. Lại có bài “Từ sự khác nhau giữa Văn pháp và Từ ngữ chứng minh hai cuốn Quốc ngữ và Tả truyện không phải do một người viết ra” cũng quả quyết Tả truyện và Quốc ngữ không phải do một người viết. Nói một cách khác, Ông Trương Dĩ Nhân chủ trương Tả truyện và Quốc ngữ vốn là sách do hai người khác nhau viết ra. Chủ trương này của Trương Dĩ Nhân được nhiều học giả thời nay tiếp thụ. Làm sáng tỏ quan hệ giữa Tả truyện và Quốc ngữ xác định Tả truyện không phải là được tách ra từ Quốc ngữ.

VỀ VIỆC CHÚ THÍCH TẢ TRUYỆN

Ngôn ngữ văn tự trải qua thời gian nhất định sẽ có thay đổi, khoảng cách thời gian càng lâu, thì sự khác nhau giữa ngôn ngữ văn tự càng lớn. Tả truyện là một bộ sách thời tiên Tần, do đó cần phải chú thích. Ở đây xin giới thiệu một cách đơn giản tình hình về chú thích Tả truyện để cung cấp cho những người đọc nguyên tác Tả truyện tham khảo.

Những năm đầu thời đông Hán có Giả Quỳ viết giải thích Tả thị truyện, thời kỳ sau của đông Hán lại có Phục Kiên viết Xuân thu Tả thị truyện giải. Đỗ Dự thời Tây Tấn viết Tả truyện tập giải. Tả truyện tập giải đó của Đỗ Dự cho đến ngày hôm nay vẫn được coi là cuốn sách chú giải Tả truyện tiêu chuẩn nhất.

Không Dẫn Đạt đời Đường gộp Xuân thu kinh, Tả truyện và Tả truyện tập giải của Đỗ Dự làm một để giải thích gọi là Tả truyện chinh nghĩa. Từ sau đời Đường phân định rõ ngũ kinh chinh nghĩa thì người ta không còn chú giải Tả truyện nữa. Từ đời Đường, trải qua Tống Nguyên Minh Thanh cho mãi đến ngày hôm nay đã có không ít trước tác chuyên nghiên cứu về Tả truyện. Nhưng sách chú thích một cách toàn diện, Tả truyện thì không nhiều lắm, chỉ có một ít sách như cuốn Tả truyện hủ của Hồng Lượng Cát đời Thanh Trúc, Thiêng Quang Hồng người Nhật Bản vào năm 1893 có viết cuốn Tả truyện hội tiên. Quyển sách này hiện nay tương đối phổ biến. Ngoài ra còn có quyển Xuân thu Tả thị truyện cự chú số chứng của Lưu Văn Kỳ đời Thanh.

Trong những sách chú giải này, cuốn Xuân thu Tả thị truyện cự chú số chứng của Lưu Văn Kỳ là tốt nhất. Lấy làm tiếc là cuốn này chỉ chiếm khoảng một nửa của toàn cuốn Tả truyện. Trên thực tế, Xuân thu Tả thị truyện cự chú số chứng là sự nghiệp còn dang dở của ông cháu ba đời họ Lưu. Khoảng giữa năm gia khánh đời Thanh, Lưu Văn Kỳ bắt tay biên soạn “Xuân thu Tả thị truyện cự chú số chứng”, làm trong suốt bốn mươi năm, chỉnh lý 80 quyển, bản thảo gần 10 tập lớn. Sau đó con của ông là Lưu Dục Tung kế tục sự nghiệp của cha, sau khi Dục Tung qua đời, con trưởng là Thọ Tăng kế tục sự nghiệp của ông nội, sau đó con trai thứ hai là Quý tăng, con trai thứ ba là Phú Tăng cùng nhau tham gia vào sự nghiệp của ông. Nhưng vẫn chưa hoàn thành được. Ngày nay không những Xuân thu Tả thị truyện cự chú số chứng chưa hoàn thành, mà tập bản thảo trường thiên gồm hơn 10 cuốn cũng không biết nằm ở đâu. Tập bản thảo dài 10 cuốn mất vào lúc nào ? Năm 1919 Lưu Phú Tăng khi khắc vào mộ chí của người cháu đã mất là Lưu Sư Bồi có viết rằng, ông ta rất muốn về quê cùng với Lưu Sư Bồi chỉnh lý lại việc chú thích

Tả truyện của cha ông. Từ sự việc này chúng ta có thể suy ra rằng, tập bản thảo dài gồm 10 tập này đến những năm 20 của thế kỷ này vẫn còn tồn tại. Từ bản thảo cuốn Xuân thu Tả thị truyện cự chú số chứng của gia đình họ Lưu, chúng ta biết rằng nghiên cứu học vấn không phải là việc một sớm một chiều là xong, mà phải qua hết năm này năm khác, là sự nghiệp của nhiều thế hệ. Đồng thời chúng ta cũng biết văn hóa học thuật có quan hệ gắn bó với sự ổn định về xã hội chính trị của một nhà nước. Trung Quốc từ đời Thanh đến nay, xã hội luôn luôn xáo động, sự tồn thất đâu chỉ dừng lại ở tập bản thảo 10 tập “Xuân thu tả thị truyện cự chú số chứng” mà thôi ! Và cuộc tranh cãi giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh lục há chẳng phải có có liên quan đến tình hình xã hội bất ổn của thời đại giao tiếp giữa Tần Hán hay sao ?

TRỊNH TRANG CÔNG ĐÁNH ĐUỐI EM TRAI LÀ CỘNG THỨC ĐOẠN

Ấn Công nguyên niên (năm 722 trước công nguyên)

Ban đầu, Trịnh Vũ Công lấy con gái của thân hầu là Khương thị làm vợ, Khương thị sanh ra Trịnh Trang Công và Cộng Thúc Đoạn. Khi Khương thị sanh Trịnh Trang Công lại đẻ ngược, chịu nhiều đau đớn và kinh hãi, vì thế rất ghét Trịnh Trang Công, đặt cho Trang Công cái tên là “Ngộ Sinh”, lại hết lòng yêu dấu Cộng Thúc Đoạn. Thế là Khương thị nhiều lần yêu cầu Trịnh Vũ Công lập Cộng Thúc Đoạn là người thừa kế ngôi vua, nhưng Trịnh Vũ Công chưa bằng lòng. Đợi đến sau khi Trịnh Trang Công nối ngôi, Khương thị xin Chế ấp (thuộc phía đông huyện Cửng tỉnh Hà Nam ngày nay) phong cho Cộng Thúc Đoạn. Trịnh Trang Công giả vờ có lòng tốt mà nói rằng “Chế ấp là nơi địa thế hiểm trở, ngày xưa Quốc Công bởi vì dựa vào địa thế hiểm trở của vùng Chế Ấp này mà Công chịu trao đổi đạo đức, kết quả đã mất mạng tại vùng đất này. Nếu yêu cầu thành ấp nào khác thì con xin theo ý”. Thế là Khương thị xin phong cho Cộng Thúc Đoạn đất Kinh thành (vùng đông nam huyện Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Trang Công bằng lòng để cho Cộng Thúc Đoạn sở hữu vùng đất đó. Do đó mọi người gọi Cộng Thúc Đoạn là Kinh thành thái thúc.

Lúc bấy giờ, đại phu của nước Trịnh là Sài Trọng nói rằng : “Phạm vi của một thành ấp vượt quá ba trăm trượng vuông thì sẽ có hại cho quốc gia. Chế độ của tiên vương qui định, thành ấp lớn

không vượt quá một phần ba quốc đô, thành ấp loại vừa quá một phần năm quốc đô, thành ấp loại nhỏ không vượt quá một phần chín quốc đô. Nay Kinh thành đã quá lớn, không phù hợp với chế độ của tiên vương, Chúa công sẽ khó lòng mà chịu đựng được và không có cách nào khống chế nổi” Trang Công trả lời : “Mẹ của ta là Khương thị muốn làm như vậy, ta làm sau tránh khỏi những tai nạn này”. Sài Trọng tiếp lời : “Khương thị chẳng bao giờ chịu thỏa mãn, chỉ bằng sắp xếp trước cho Cộng Thúc Đoạn, đừng để cho thế lực của Đoạn càng ngày lan rộng, nếu lan rộng ra thì khó mà đối phó. Cô đại mợ lan tràn còn khó diệt tận gốc, huống hồ là đứa em trai yêu quý của quốc quân”. Trang Công nói : “làm nhiều điều bất nghĩa, tất sẽ chuốc lấy sự diệt vong, khanh cứ đợi mà xem !”.

Chẳng bao lâu, Cộng Thúc Đoạn ra lệnh các biên ấp ở phía Bắc và phía Tây nước Trịnh một mặt thuộc về Trang Công, một mặt thuộc về mình. Một đại phu khác của nước Trịnh là công tử Lã nói : “Một quốc gia không cho phép có hai người thống trị. Chúa công sẽ xử lý việc này ra làm sao ? Nếu như đem nước Trịnh giao cho Cộng Thúc Đoạn thống trị, thì xin phép chúa công cho khanh đi hầu hạ ông ta, nếu như không giao nước Trịnh cho Cộng Thúc Đoạn, thế thì xin Chúa công loại bỏ ông ta đi, đừng để nhân dân sinh hai lòng”. Trang Công nói : “Không cần, chẳng bao lâu Cộng Thúc Đoạn sẽ tự chuốc lấy hậu quả”.

Không bao lâu Cộng Thúc Đoạn đem vùng đất nguyên thuộc quyền thống trị của hai người, quy về sở hữu của riêng mình đồng thời mở rộng đến Diên Bâm (phía Bắc huyện Diên Tân tỉnh Hà Nam ngày nay). Công tử Lã sốt ruột nói : “Được rồi, được rồi ! Đất đai mở rộng thêm nữa, thì sẽ không có ít người qui phục ông ta”. Trang Công nói : “Một người làm nhiều điều bất nghĩa, thì sẽ

không có ai qui phục họ đâu, đất đai càng mở rộng càng thúc đẩy nhanh hơn quá trình diệt vong của ông ta mà thôi”.

Cùng lúc Cộng Thúc Đoạn tu sửa trường thành, tập hợp nhân dân, chế tạo binh giáp vũ khí, huấn luyện binh sĩ, binh xa chuẩn bị đánh úp quốc đô nước Trịnh. Khương thị chuẩn bị làm nội ứng, mở cổng thành. Ngày giờ Cộng Thúc Đoạn đánh úp quốc đô, Trịnh Trang Công đều biết trước bèn nói : “Thôi đủ rồi”, và ra lệnh cho công tử Lã cầm đầu hai trăm binh xa đánh kinh thành. Nhân dân kinh thành chống lại Cộng Thúc Đoạn, Cộng Thúc Đoạn bèn chạy trốn về Yên (huyện Yên Lăng tỉnh Hà Nam) Trang Công lại đem quân đánh vào đất Yên. Ngày 23 tháng 5, Cộng Thúc Đoạn lại trốn đến Cộng quốc (huyện Huy tỉnh Hà Nam ngày nay)

Cuối cùng Trang Công trực xuất Khương thị đến thành Dĩnh (vùng tây bắc huyện Lâm Dĩnh tỉnh Hà Nam ngày nay) và thề với thân mẫu rằng : “Từ nay về sau, trừ khi xuống suối vàng, còn thì mẹ con ta sẽ không bao giờ gặp nhau.” Không bao lâu Trang Công lấy làm hối hận về lời thề này của mình.

Quan quản lý cương giới ở Dĩnh Cốc (tây nam huyện Đãng Phong tỉnh Hà Nam ngày nay) gọi là Dĩnh Khảo thúc, nghe được chuyện này bèn dâng một số lễ vật cho Trang Công. Trang Công thiết đãi ông ta ăn uống tử tế. Lúc ăn cơm ông ta cố ý không ăn thịt, Trang Công hỏi ông ta vì lý do gì ? Ông đáp rằng : “Ở trong nhà tôi còn có mẹ, mẹ tôi đã ăn đủ các thức ăn của tôi, nhưng chưa hề được ăn đến thức ăn của quốc quân, tôi xin quốc quân để dành những thức ăn này cho mẹ tôi”. Trang Công than thở mà rằng : “Khanh có mẹ có thể dâng phẩm vật cho mẹ, còn ta thì không”. Dĩnh Khảo thúc nói : “Khanh xin nói một câu phạm thượng, chúa công nói câu này là có ý gì ?” Trang Công kể lại

đầu đuôi câu chuyện, đồng thời báo cho ông ta biết sự ân hận của mình. Đinh Khảo Thúc đáp rằng : “Chúa công làm gì phải suy nghĩ về điều này. Ví dụ, đào một cái địa đạo thẳng đến tuổi vàng, chúa thượng sẽ gặp mặt mẹ mình trong đường hầm, thế thì ai dám bảo chúa thượng là không giữ lời thề ?”. Trang Công làm theo lời của Đinh Khảo Thúc, Trang Công đi vào đường hầm mà hát rằng : “Trong đường hầm rộng lớn, cũng vui vẻ thoải mái vậy”. Lúc đi ra đường hầm, Khương thị cũng hát rằng : “Ở ngoài đường hầm rộng lớn, phấn khởi lại vui vẻ”. Tình mẫu tử từ đó được khôi phục trở lại.

Quân tử nói : Đinh Khảo Thúc quả là người con có hiếu. Ông ta yêu mến mẹ ông ta, mở rộng ảnh hưởng làm cho Trang Công cũng yêu mến mẹ ông ta. Trong Kinh thi có câu : “Hiếu tử bất quy, Vĩnh tích nhi loại” Có nghĩa là : Chữ hiếu của những người con có hiếu là vô cùng vô tận, mãi mãi truyền cho nhân loại. Có lẽ đây là nói về chuyện này.

CHU BÌNH VƯƠNG VÀ TRỊNH TRANG CÔNG TRAO ĐỔI CON TIN

Ấn công tam niên (năm 720 trước công nguyên)

Trịnh Vũ Công và cha con Trịnh Trang Công đều làm khanh sĩ cho vua Bình Vương nhà Chu, nắm giữ chính trị trong vương triều nhà Chu. Sau đó vua Bình Vương định để cho Tây Quốc Công chia xẻ quyền lực của Trịnh Trang Công, nên không còn chỉ tin nhiệm Trịnh Trang Công nữa. Do đó Trịnh Trang Công vô cùng oán giận Bình Vương. Bởi vì Bình Vương sợ rằng đắc tội với nước Trịnh nên khi Trang Công hỏi đến việc này, vua Bình Vương liền đáp : “Làm gì có chuyện đó”. Vì thế vương thất nhà Chu và nhà Trịnh bèn trao đổi con tin. Vua Bình Vương phái Vương Tử Hồ đến nước Trịnh làm con tin, nước Trịnh phái công tử Hốt đến Vương thất nhà Chu làm con tin. Ngày 25 tháng 3 vua Bình Vương nhà Chu qua đời, Vương thất nhà Chu chuẩn bị đưa Tây Quốc Công ra nắm chính quyền. Tháng 4, đại phu nước Trịnh là Sài Túc đưa quân đội đến Ôn ấp trong khu vực đô thành (phía tây huyện Ôn, tỉnh Hà Nam ngày nay) để tàn phá các ruộng lúa. Mùa thu năm đó lại đến Lạc ấp (phía đông huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) để phá các ruộng mạ. Tình cảm giữa vương thất nhà Chu và nước Trịnh ngày càng xấu đi, mối hận thù giữa hai bên càng sâu sắc.

Quân tử khi bình luận về việc này có nói : Lòng thành nếu không xuất phát từ nội tâm, thì dù có trao đổi con tin cũng chẳng

có tác dụng gì. Nếu như hai bên hiểu biết lẫn nhau, thông cảm lẫn nhau, thì chỉ cần dùng lễ để ràng buộc nhau, tuy không trao đổi con tin thì cũng không ai có thể ly gián nổi. Chỉ cần hiểu biết lẫn nhau, tin tưởng lẫn nhau thì cây cò ở khe suối, thung lũng, ao hồ, cồn đất, lục bình, khao tử, rong rêu, thủy thảo... các đồ dùng như sọt tre, nồi sắt, nước đọng, nước chảy... đều có thể dùng để cúng tế quỷ thần, đều có thể dùng để dâng cho vua chúa. Huống chi chính nhân quân tử ký kết sự ban giao giữa hai nước làm việc theo lễ nghĩa thì cần gì phải dùng con tin để làm sự bảo đảm. Các bài “Hải ngữ” trong Kinh thi “hành vi” “động chúc” trong Đại nhã... đều nói rõ đạo lý trong việc giữ chặt chữ trung chữ tín.

NƯỚC TRỊNH ĐẠI THẮNG BẮC NHUNG

Ấn Công cửu niên (năm 714 trước công nguyên)

Bắc Nhung (phân bố ở khu vực chân Núi Thái Hành Sơn ngày nay) xâm phạm nước Trịnh. Trịnh Trang Công đem quân đội chống lại, ông ta lo ngại về quân đội của Bắc Nhung "Họ là bộ binh, chúng ta là xa binh. Chiến xa của chúng ta rất khó điều động, khó đánh nhanh rút nhanh. Ta e rằng Bắc Nhung không đánh chính diện mà đột nhập từ phía sau". Công tử Đột con của Trịnh Trang Công nói : "Trước hết cử một số tráng sĩ dũng cảm đánh thử vào Bắc Nhung, sau đó rút nhanh để dụ Bắc Nhung truy kích, đồng thời chuẩn bị ba cánh quân mai phục đợi Bắc Nhung. Người đất Nhung tánh tình nông nổi, đội ngũ không chặt chẽ cho lắm, tham lam mà cũng không thương yêu lẫn nhau, chiến thắng thì không nhường nhịn nhau, chiến bại thì không chi viện cho nhau. Quân đội đi phía trước nhìn thấy thắng lợi thì vội vàng tiến lên. Khi tiến lên bị mai phục thì nhất định tháo chạy. Quân đội ở phía sau sẽ không chi viện thế thì chúng nó mất đi sự tiếp ứng thì chúng ta sẽ giành được thắng lợi".

Trịnh Trang Công nghe theo kiến nghị của công tử Đột. Quả nhiên, quân tiên phong của Bắc Nhung bị mai phục liền tháo chạy, đại phu nước Trịnh là Chúc Đam đem quân truy kích từ phía sau, bao vây một bộ phận quân đội Bắc Nhung, phía trước phía sau cùng tập kích tiêu diệt toàn bộ quân Bắc Nhung. Số quân lính Bắc Nhung còn lại vội vàng tháo chạy. Ngày 26 tháng 11 người nước Trịnh đại thắng quân đội Bắc Nhung.

ĐĂNG HẦU, TIẾT HẦU TRANH NHAU NGỒI GHẾ ĐẦU

Ấn Công thập nhất niên (năm 712 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Lỗ Ấn Công thứ mười một, Đăng hầu (nước Đăng phía tây nam huyện Đăng thuộc tỉnh Sơn Đông ngày nay) và Tiết hầu (nước Tiết ở phía nam huyện Đăng tỉnh Sơn Đông ngày nay) đến triều kiến Lỗ Ấn Công. Hai người tranh nhau ngồi ghế đầu. Tiết hầu nói : “Tổ tiên của chúng tôi được thụ phong trước, tôi có tư cách hơn phải ngồi ghế đầu”. Đăng hầu nói : “Tôi là quan bố chính triều đình nhà Chu. Tiết là chúng tách, tôi không thể ngồi dưới ông ta”.

Lỗ Ấn Công cử công tử Huy thay mặt mình thỉnh cầu Tiết hầu : “Ông và quốc quân nước Đăng đã tự hạ mình đến thăm viếng nước tôi. Tôi quả thật vô cùng cảm kích. Người nước Chu có câu ngôn ngữ nói rằng : “Trên núi có gỗ, thợ mộc đi đến, khách khứa có nghi lễ, chủ nhân tùy ý chọn lựa”. Liên kết đồng minh do nước Chu chủ trì thì người khác họ phải ngồi phía sau. Giả phũ quốc quân nước Lỗ đến nước Tiết triều kiến cũng không dám tranh giành ghế đầu với các vị họ Nhiệm của quý quốc. Ngài đã tự hạ mình đến viếng thăm tể quốc thì xin ngài cho phép Đăng hầu ngồi ở vị trí trên ngài”.

Tiết hầu bằng lòng. Thế là Đăng hầu ngồi ở ghế đầu.

CÔNG TỬ HUY CỬ NGƯỜI ÁM SÁT LỖ ÁN CÔNG

Ấn công thập nhất niên (năm 712 trước công nguyên)

Công tử Huy muốn làm thái tể (quan chấp chính) của nước Lỗ, cho nên nói xấu Lỗ Hoàn Công trước mặt Lỗ Án Công, chủ trương giết Hoàn Công. Trái lại Lỗ Án Công nói rằng : “Chỉ vì trước đây ông ta nhỏ tuổi tôi mới thay ông ta nhiếp chính. Bây giờ ông ta lớn tuổi rồi, tôi cần phải trả ngôi vua lại cho ông ta. Tôi còn dự kiến xây dựng Cung thất tại Thô Cầu (phía tây bắc huyện Tứ Thủy tỉnh Sơn Đông ngày nay) định dưỡng lão ở đó luôn”. Sau khi công Huy nghe Án Công nói những lời như vậy cảm thấy mưu kế không thể thực hiện được, bất giác trong lòng cảm thấy sợ hãi, bèn quay qua nói xấu Án Công trước mặt Lỗ Hoàn Công đồng thời thỉnh cầu Hoàn Công giết Án Công.

Lúc Lỗ Án Công lên làm công tử từng soái lãnh quân đội cùng giao chiến với người nước Trịnh tại Hồ Nhượng (vùng đông nam huyện Vũ tỉnh Hà Nam hiện nay) kết quả bị bắt làm tù binh. Người nước Trịnh giam ông ta ở chỗ Doãn thị đại phu nước Trịnh. Án Công hối lộ Doãn thị, còn cúng vái cầu khẩn thần chủ của Doãn thị là Chung Vu. Sau đó cùng với Doãn thị trở về nước Lỗ và lập đền thờ Chung Vu ở nước Lỗ. Tháng 11 năm Án Công thứ mười một, Lỗ Án Công đi tế lễ Chung Vu, trai giới ở trong sân vườn nhà, và ở tại nhà thị đại phu của nước Lỗ. Ngày 15 tháng 11, công tử Huy phái thích khách giết Lỗ Án Công tại nhà của thị. Sau đó đưa Hoàn Công lên ngôi, cất quân đi đánh thị, giết chết hàng ngàn người.

QUÍ LƯƠNG CAN NGĂN VIỆC TRUY KÍCH QUÂN SỞ

Sở Vũ Vương đánh nước Tùy (huyện Tùy tỉnh Hồ Bắc hiện nay, một mặt phái đại phu là Viễn Chương đến nước Tùy giảng hòa, một mặt phái quân đội sang đóng ở đất Hà (huyện Tùy tỉnh Hồ Bắc ngày nay) đợi thời cơ. Nước Tùy phái Thiếu Sư kết ước với Sở.

Đại phu nước Sở là Đâu Bá ty nói với Sở Vũ Vương : “Nước Sở chúng ta đối với các nước nhỏ từ Hán thủy trở về phía đông kế hoạch đến nay vẫn chưa đạt được mục tiêu đó là vì sự sai lầm của sách lược chúng ta tạo nên. Sách lược ban đầu của chúng ta là khuếch trương quân đội, đổi mới quân trang quân bị, đồng thời dùng vũ lực uy hiếp các nước khác. Các nước khác vì lo sợ quân lực của nước ta nên đoàn kết hợp tác với nhau để đối phó lại chúng ta, vì vậy chúng ta khó ly gián họ để đạt được lợi ích của mình. Trong các nước từ Hán thủy trở về phía đông, nước Tùy là lớn nhất. Nếu thế lực của nước Tùy mở rộng thì sẽ nuốt bỏ các nước nhỏ khác, tạo nên sự ngờ vực lẫn nhau giữa các nước nhỏ vùng Hán thủy trở về phía đông, dẫn đến sự mất đoàn kết. Như vậy nước Sở của chúng ta sẽ đạt được lợi ích. Thiếu Sư nước Tùy tính tình ngạo mạn, nếu ta giấu hết quân sĩ khỏe mạnh đi, chỉ cho hắn xem bọn quân sĩ già yếu để dụ dỗ nước Tùy khuếch trương thế lực. Sở đại phu Hùng Xuất ty nói : “Nước Tùy còn có hiền đại phu Quý Lương thì chưa làm gì được”. Đâu Bá ty nói : “Đây là kế hoạch lâu dài, trong tương lai sẽ có hiệu quả. Bởi vì Thiếu Sư được vua Tùy sủng ái, sớm muộn gì vua Tùy cũng sẽ

nghe theo lời Thiệu Sư". Sở Vũ Vương nghe theo kiến nghị của Đẩu Bá tỷ giấu bớt quân đội, ra nghênh tiếp Thiệu Sư.

Sau khi Thiệu Sư trở về nước Tùy, thỉnh cầu Tùy hầu truy kích quân Sở. Lúc Tùy hầu đang định đồng ý với lời thỉnh cầu của Thiệu Sư, Quý Lương đứng ra can ngăn : "Lúc này chính là lúc ông trời đem vận may đến cho nước Sở. Tình thế nước Sở ngày càng thịnh vượng. Nước Sở đưa ra một đội quân hèn yếu là cốt để dụ chúng ta vào tròng, chúa thượng hà tất phải vội vã như vậy ? Thần nghe nói một nước nhỏ mà có thể địch lại một nước lớn là do nước nhỏ biết làm theo đạo trời, còn nước lớn làm xằng làm bậy. Cái gọi là đạo trời là tận trung với nhân dân, giữ chữ tín với quỷ thần. Những người bề trên lo lắng suy nghĩ đến lợi ích của nhân dân, đó là trung, lời cầu chúc khi tế lễ không ba hoa khoeác lác, không dối trá, đó là tín. Ngày nay nhân dân ăn không đủ no mà chúa thượng chỉ thỏa mãn những ham muốn của riêng mình, lúc tế lễ cầu khẩn thì thôi phỗng công đức, lừa dối quỷ thần. Thần cho rằng như thế là không thể được". Tùy hầu nói : "Ta thường dùng ba con vật là bò, dê, heo để tế lễ, da chúng một màu thuần nhất, thân hình chúng mập mạp. Gạo trắng, cao lương rất là thịnh soạn. Tại sao lại nói không giữ chữ tín với thần ?" Quý Lương trả lời : "Nhân dân là chủ của quỷ thần. Cho nên thánh vương thời cổ đại trước hết đều lo nuôi dưỡng nhân dân, làm cho họ có thành tựu, sau đó mới dốc sức cho việc phụng sự quỷ thần. Cho nên khi dâng các con vật hy sinh và cầu chúc thì nói : "to lớn và mập đẹp". Điều đó có nghĩa là sức mạnh của nhân dân tồn tại phổ biến, những con vật mà nhân dân nuôi dưỡng nhiều và mập mạp, da của các con vật mà nhân dân nuôi thuần khiết không xù xì. Dùng lương thực để tế lễ, khi cầu chúc thì nói : " Trăm loại lương thực thịnh soạn đầy đủ". Đó là nói : ba mùa xuân, hạ, thu không có thiên tai, có thể ra sức mà cấy cây.

Nhân dân đồng tâm hiệp lực, cuối năm được mùa lớn. Khi dâng rượu ngon để tế lễ thì cầu chúc : “Gạo thơm nấu rượu ngon”. Đó là nói trong chúng ta bất kể là ở địa vị cao hay thấp đều có phẩm chất tốt đẹp, đều không có tà tâm. Đó là điều mà người ta thường nói : Rượu thì mùi vị bay xa, nhân tâm vốn không gian tà, cho nên ba mùa xuân, hạ, thu cần phải chuyên tâm làm việc, cần phải học tập một cách nghiêm túc năm đạo lý làm người, đó là phụ nghĩa mẫu tử, huynh hữu, đệ cố, tử hiếu. Cần phải thương yêu bà con dòng họ mình. Sau đó mới dốc sức ra mà tế lễ quỷ thần. Như thế nhân dân mới đồng tâm hiệp lực, mới được quỷ thần bảo hộ và ban phước. Đợi đến sau khi nhân dân đồng tâm hiệp lực, quỷ thần bảo hộ và ban phước lành thì việc chấn hưng giáo dục, phát động quần chúng mới thành công. Ngày nay, nhân dân ai cũng có dự định riêng của mình, quỷ thần không thể biết được phải bảo hộ những người nào. Quỷ thần như mất đi người chủ của mình, không biết nên làm như thế nào. Tuy chúa thượng một mình dâng lên vật cúng thịnh soạn, điều đó đâu có thể nhận được sự bảo hộ của quỷ thần. Chúa thượng chỉ có chinh đồn lại chính giáo, gần gũi các nước lân cận, thì có thể tránh khỏi tai nạn”.

Tùy hầu trong lòng vô cùng sợ hãi, ra sức chinh đồn lại nền chính trị trong nước, nước Sở do đó không dám tấn công nước Tùy.

CHA VÀ CHỒNG AI THÂN HƠN ?

Hoàn Công thập ngũ niên (năm 697 trước công nguyên)

Đại phu nước Trịnh Sài Trọng chuyên quyền ngang ngược. Trịnh Lệ Công vô cùng lo lắng về sự chuyên quyền ngang ngược của Sài Trọng, cho nên Lệ Công muốn tìm con rể của Sài Trọng là Ung Củ để giết Sài Trọng. Ung Củ dự định sẽ giết chết Sài Trọng trong một cuộc yến tiệc mời Sài Trọng tại ngoại thành. Sự việc này bị con gái của Sài Trọng là Ung Cơ biết được. Ung Cơ vô nhà hỏi mẹ : “Cha và chồng ai thân hơn”. Mẹ Ung Cơ nói : “Bất kỳ một người đàn ông nào cũng có thể trở thành chồng, nhưng cha thì chỉ có một, chồng làm sao có thể đặt ngang hàng với cha được”. Thế là Ung Cơ bèn nói cho Sài Trọng biết : “Ung Củ không mời cha ăn cơm ở nhà, mà lại chuẩn bị mời cơm ở thành ngoại, con cảm thấy rất là kỳ lạ, có cái gì hơi khang khác”. Sau đó Ung Cơ lại kể đầu đuôi sự việc cho Sài Trọng nghe. Vì vậy Sài Trọng tìm cách giết Ung Củ rồi đem thi thể của Ung Củ vứt vào hồ nước của Chu thị là đại phu của nước Trịnh. Trịnh Lệ Công thương hại Ung Củ bị giết nên thu nhặt thi thể của Ung Củ chuẩn bị dùng xe chở thi thể của Ung Củ cùng chạy ra nước ngoài, còn nói : “Bàn công chuyện với đàn bà chết là đáng kiếp”. Mùa hạ Trịnh Lệ Công chạy trốn sang nước Thái.

LIÊN XUNG, QUẢN CHÍ PHỤ CỦA NƯỚC TỀ LÀM LOẠN

Trang Công bát niên (năm 686 trước công nguyên)

Tề Tương Công phái Liên Xung, Quản Chí Phụ bảo vệ Quý Khâu (phía đông huyện Lâm Nãi, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Vào mùa dưa chín tháng bảy hai người đi đến Quý Khâu. Trước khi bọn họ xuất phát Tề Tương Công nói với hai người rằng : “Đến mùa dưa chín sang năm ta sẽ cử người đến thay các khanh”. Một năm đồn trú đã hết, không thấy mệnh lệnh của Tề Tương Công, hai người bèn yêu cầu Tương Công cử người đến thay thế. Tương Công không chịu, cho nên hai người bàn kế làm loạn. Em trai của Tề hỷ Công là Di Trọng Niên, con của Di Trọng Niên gọi là Công tôn Vô Tri. Tề Hoàn Công rất thương yêu Tôn Vô Tri cháu trai của mình, cho nên quần áo mà Tôn Vô Tri mặc, đai ngọc mà Tôn Vô Tri được thừa hưởng chẳng khác gì con trai đích. Sau khi Tề Tương Công kế vị, ông đã giảm bớt sự đai ngọc đối với Tôn Vô Tri. Do đó Tôn Vô Tri vô cùng bất mãn đối với Tề Tương Công anh họ của mình. Liên Xung, Quản Chí vì thế cấu kết với Tôn Vô Tri để làm loạn, định đưa Tôn Vô Tri lên kế vị thay thế cho Tề Tương Công. Liên Xung có một người em gái họ là hậu cung của Tề Tương Công, nhưng không được Tề Tương Công sủng ái. Tôn Vô Tri sai cô ta dấn ngộ mọi hành động của Tề Tương Công, đồng thời nói với cô ta : “Nếu như sự việc thành công, ta sẽ lấy nàng làm vợ”.

Tháng 12 mùa đông Tề Tương Công đến Cô Phân (đông bắc huyện Bắc Hưng tỉnh Sơn Đông ngày nay) du ngoạn, sau đó lại đến Bối Khâu (phía nam huyện Bắc Hưng, tỉnh Sơn Đông ngày nay) để săn bắn. Tề Tương Công gặp một con heo rừng lớn, nhưng những người cùng đi la lên : “Xem kia Công tử Bành Sinh” Tề Tương Công vốn là người hoang dã vô độ. Vợ của Lỗ Hoàn Công Văn Khương là em gái của Tề Tương Công, nhưng ông ta thông dâm với bà. Lỗ Hoàn Công năm thứ mười tám (năm 694 trước công nguyên) Văn Khương cùng Lỗ Hoàn Công đến nước Tề. Lỗ Hoàn Công phát hiện quan hệ khác thường giữa Văn Khương và Tề Tương Công, bèn quở trách Văn Khương, Văn Khương nói lại cho Tề Tương Công biết, Tương Công bèn sai khiến công tử Bành Sinh giết chết Lỗ Hoàn Công. Sau đó nước Lỗ chất vấn Tề Tương Công, Tương Công bèn giết công tử Bành Sinh để thoát trách nhiệm. Cái chết của Bành Sinh là chết oan, cho nên mới biến thành con heo rừng để đòi mạng Tề Tương Công. Tề Tương Công nghe người hầu la lớn : “Công tử Bành Sinh”, vừa phẫn nộ hét lớn : “Bành Sinh, sao còn dám đến đây ?” vừa giương cung nhắm bắn về hướng con heo rừng. Con heo rừng giơ hai chân trước đứng thẳng lên như người khóc thảm thiết. Lúc này Tề Tương Công vô cùng hoảng sợ, từ trên xe ngã lăn xuống đất, bị thương ở chân, rơi cả giày.

Sau khi du ngoạn trở về cung Tương Công bảo Đồ Nhân Phi (đồ nhân là một chức quan nhỏ để chúa thượng sai khiến) cất công dò hỏi xem hiện giờ chiếc giày ở đâu. Giày tìm không được, dùng roi đánh Đồ Nhân Phi đến chảy cả máu. Đồ Nhân Phi bèn rời bỏ Tương Công. Ra khỏi cung môn thì gặp bọn người làm loạn. Bọn người làm loạn trối Đồ Nhân Phi lại. Đồ Nhân Phi nói : “Tại sao ta phải chống lại các ngươi ?” Đồ Nhân Phi cởi áo, chỉ cho bọn họ xem những vết roi trên lưng. Bọn làm loạn tin lời Đồ

Nhân Phi nói. Đồ Nhân Phi yêu cầu bọn người làm loạn cho ông quay vào. Sau khi trở vào ông ta giấu kín Tương Công, sau đó đánh nhau với bọn làm loạn và chết ngay tại cổng thành. Thạch Chi Phân như một quan khác của Tương Công cùng chiến đấu và chết ngay tại bậc tam cấp. Bọn làm loạn đánh thẳng vào cung đình, giết chết Mạnh Dương người đóng giả Tương Công đang nằm ở trên giường, bèn nói : “Không phải là quốc quân, không phải là quốc quân”. Sau đó thấy chân của Tương Công lộ ra ở cửa bèn giết chết ông ta, đưa Công Tôn Vô Tri lên ngôi.

Nguyên là khi Tề Tương Công kế vị, chinh lệnh không bình thường. Đại phu nước Tề là Bao Thúc Nha nói : “Quốc quân tùy tiện sai khiến, nhân dân nhất định sẽ có nổi loạn !” Nói rồi đưa theo công tử Tiểu Bạch chạy sang nước Cừ (huyện Cừ tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Sau khi chuyện nổi loạn xảy ra, Quân Trọng, Thiệu Hốt đem công tử Cừ chạy sang nước Lỗ.

Nguyên là Công tôn Vô Tri ngược đãi Ung Lãm đại phu nước Tề. Lỗ Trạng Công năm thứ chín (năm 685 trước công nguyên) vào mùa xuân, Ung Lãm giết công tử Vô Tri.

TRẦN TRƯỜNG NHƯỢC

Trang công thập niên (năm 684 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Lỗ Trang Công thứ mười (năm 684 trước công nguyên) quân đội nước Tề tiến đánh nước Lỗ. Lỗ Trang Công chuẩn bị ứng chiến, Tào Quệ xin được gặp Trang Công người đồng hương cùng ở chung với Tào Quệ nói với ông ta rằng : “Những người làm quan lớn, bổng lộc nhiều, ăn toàn thịt cá tất sẽ biết bàn cách đánh nhau với nước Tề, liên quan gì đến ông mà ông cũng muốn chen một chân vào ?”. Tào Quệ nói : “Những kẻ ăn nhiều thịt đầu óc sẽ mê muội, không có cách suy nghĩ sâu xa được” Thế là ông đi bái kiến Trang Công.

Ngay câu mở đầu Tào Quệ đã hỏi : “Chúa thượng vì có gì đi đánh nước Tề ?” Trang Công nói : “Quần áo, thức ăn mà ta thích, ta không dám hưởng một mình, nhất định phải sốt chia cho người khác cùng hưởng. Làm như vậy nhân dân sẽ ủng hộ ta”. Tào Quệ đáp rằng : “Loại ân huệ còn con này của chúa thượng chỉ có một số ít người được hưởng, chứ không phổ cập đến quần đại quần chúng, nhân dân không nghe theo lời chúa thượng đâu” Trang Công nói : “Lúc tế lễ các con vật hy sinh, vải vóc, lương thực, hoa quả... không dám tùy ý tăng thêm nhất thiết phải cúng lễ một cách chân thành, nghiêm túc. Làm vậy quỷ thần tất sẽ ban phúc và phù hộ” Tào Quệ đáp rằng : “Đây chỉ là một sự thành tâm quá ít ỏi, chưa chắc đã làm cho tất cả quỷ thần đều tin tưởng,

quỉ thần cũng không ban phúc và phù hộ cho đâu”. Trang Công nói : “Tất cả thẩm phán trong pháp viện, tuy không thể làm được bất kỳ một việc gì cũng đều xem xét tỉ mỉ nhưng nhất định có được sự phán quyết hợp tình hợp lý”. Tào Quệ bỗng nghiêm túc nói với Trang Công : “Đây là việc tận tâm tận lực, mưu sự vì nhân dân, xứng đáng tận trung với nhân dân. Dựa vào việc này có thể đánh nhau một trận sống chết với nước Tề. Nếu như đánh nhau với nước Tề, xin chúa thượng cho phép khanh cùng chúa thượng tham chiến”. Trang Công và Tào Quệ đi trên một chiếc binh xa ra trận cùng đánh nhau với quân Tề tại Trường Thước (Phía bắc huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông hiện nay) Trang Công chuẩn bị đánh trống trận, ra lệnh công kích, Tào Quệ nói : “Chưa đến lúc, chưa được hạ lệnh xuất kích”. Quân Tề đánh ba lần trống trận, Tào Quệ nói : “Có thể đánh trống trận và phát lệnh công kích rồi.” Quân đội nước Tề thua trận tan rã, Trang Công chuẩn bị truy kích quân Tề, Tào Quệ nói : “Chậm một chút”. Tào Quệ xuống xe kiểm tra dấu vết binh xa của quân Tề, leo lên thành xe nhìn ra nơi xa xa, rồi nói rằng : “Được rồi”. Thế là Trang Công hạ lệnh truy kích quân Tề.

Sau khi đánh thắng trận. Trang Công hỏi Tào Quệ vì sao làm như vậy, Tào Quệ trả lời rằng : “Về việc đánh nhau cần nhất là phải có dũng khí. Lần thứ nhất đánh trống trận để lấy dũng khí của quân đội, đánh trống trận lần thứ hai thì dũng khí của quân đội đang hăng sẽ tàn lụi dần, đến lần trống trận thứ ba thì dũng khí của quân đội sẽ mất hết. Dũng khí của quân Tề xẹp hết rồi, trái lại quân ta dũng khí tràn đầy, cho nên chúng ta có thể đánh bại quân Tề. Nước lớn là rất khó dự liệu e rằng họ giả vờ tháo chạy rồi nằm lại mai phục. Tôi xuống xe xem thấy vết xe của

quân Tề rất lộn xộn, leo lên cao thấy quân kỳ của họ cái nằm ngang cái nằm dọc, nên tôi phán đoán rằng không phải quân Tề giả bộ tháo chạy để dụ chúng ta cho nên mới bắt đầu hạ lệnh truy đuổi chúng”.

VỆ Ý CÔNG VÌ THÍCH HẠC MÀ MẤT NƯỚC

Mãn công nhị niên (năm 660 trước công nguyên)

Mùa đông tháng 12 người Địch (người Địch hoạt động ở vùng chân núi Thái Hành Sơn ngày nay) tiến đánh nước Vệ. Bởi vì thường ngày Vệ Ý Công nuôi hạc cũng thích chơi hạc, nên Ý Công cho hạc của mình nuôi ngồi vào xe mà chỉ có đại phu mới có tư cách ngồi. Bởi vì người Địch đến xâm lược nên Vệ Ý Công bèn triệu tập quốc nhân chuẩn bị cất quân đánh trận. Những người tiếp nhận binh khí và áo giáp nói : “Đưa những con hạc mà chúa thượng nuôi ra đánh nhau với người Địch ! Hạc của chúa thượng có chức tước bổng lộc, chúng tôi còn chưa có đủ tư cách ngồi lên chiếc xe mà hạc của chúa thượng đã từng ngồi. Chúng tôi, những người không có công danh làm sao biết đánh trận được !” Vệ Ý Công không biết làm thế nào, chỉ còn biết đưa ngọc quyết cho Vệ đại phu Thạch Kỳ Tử (ngọc quyết là một loại vũ khí thời cổ đại), đưa tên cho Ninh Tốc, bảo bọn họ phòng thủ người Địch. Vệ Ý Công nói : “Hai khanh nên sử dụng có hiệu quả quyết và tên để bảo vệ an toàn cho đất nước. Quyết là biểu hiện của sự quyết đoán, Tên là biểu thị sự bảo vệ nước nhà. Các khanh cần lựa chọn những việc có lợi nhất mà làm”. Ông ta còn đưa cho phu nhân áo thêu ngũ sắc và nói : “Từ nay trở đi phu nhân cần làm theo lời của Thạch Kỳ Tử và Ninh Tốc”. Cừ Không đánh xe cho Vệ Ý Công, Tử Bá đi hộ vệ, Hoàng Di đi trước mở đường, Không Anh

Tề đi sau cùng. Quân nước Vệ và người狄 đánh nhau ở Huỳnh Trạch (phía đông huyện Kỳ, tỉnh Hà Nam ngày nay).

Quân nước Vệ đại bại, thế là người狄 tiêu diệt nước Vệ.

(Ghi chú : Sau khi người狄 rút quân, nước Vệ lại được khôi phục trở lại).

TỀ HOÀN CÔNG ĐÁNH SỞ

Hi công tử niên (năm 656 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Hi công thứ tư, Tề Hoàn Công cầm đầu quân đội các nước chư hầu tiến vào nước Sở. Sau khi đánh bại quân nước Sở lại đem quân đánh nước Sở. Sở Thành Vương phái sứ giả đi giao thiệp với quân chư hầu : “Nước Tề các ông nằm bên bờ Bắc Hải, nước Sở chúng tôi nằm bên bờ Nam Hải. Chúng tôi và các ông cách nhau rất xa, chả dính líu gì đến nhau, cũng chẳng liên quan gì đến nhau không ngờ các ông lại xâm nhập vào đất đai của nước chúng tôi, có cái lý gì để làm như vậy ?”. Quân Trọng của nước Tề đáp rằng : “Thời Chu Thành Vương, Thái Bảo Thiệu Công Thích bảo với Khương Thái Công là tiên quân của chúng tôi rằng : “Chư hầu các nước có những hành vi không đúng, người đều có quyền đi thảo phạt họ, để giúp đỡ cho vương thất nhà Chu, còn giao cho chúng tôi phạm vi thảo phạt là : đông đến biển, tây đến lưu vực Hoàng Hà, nam đến Mục Lăng, bắc đến Vô Đệ. Các ông phải cống nạp một bó cỏ tranh. Không giao đúng hạn, phẩm vật tế lễ Chu thiên tử không cung cấp đầy đủ, không có cỏ tranh thì không có gì để nấu rượu. Ta phải đến hỏi về việc này, đồng thời, Chu Chiêu Vương nam chinh mà không thấy trở về, ta cũng hỏi về việc này. Sứ giả của nước Sở đáp rằng : “Cỏ tranh không cống nạp đúng hạn, đó là tội lỗi của quốc nhân chúng tôi đâu dám không cống nạp ? Còn như Chu Chiêu Vương nam chinh mà không quay về, thế thì, xin ông đến Hán thủy mà hỏi vậy !”.

Thế là, quân đội của chư hầu tiến về phía trước, rồi đóng quân tại đất Hình (phía nam huyện Yên Thành tỉnh Hà Nam

ngày nay).

Mùa hạ năm đó, Sở Thành Vương cử đại phu nước Sở là Khuất Hoàn đi đến quân đội các nước. Quân đội các nước rút lui về phía sau một ít, rồi đóng quân tại Chiêu Lăng (phía đông huyện Yên Thành tỉnh Hà Nam ngày nay).

Tề Hoàn Công bố trí lại quân đội các nước cùng Khuất Hoàn đi xe kiểm duyệt số quân đội này. Tề Hoàn Công làm ra vẻ khiêm tốn nói : “Những quân đội này đâu phải vì cá nhân ta. Những quân đội này chỉ là vì kế tục mối quan hệ hữu hảo của tiên quân ta mà thôi. Nước Sở các anh cùng hữu hảo với nước Tề chúng tôi có được không?”. Khuất Hoàn đáp rằng : “Nhờ ơn ông cầu phúc cho xã tắc chúng tôi, không hủy diệt chúng tôi. Nếu như ông không chê nước tôi, quốc quân của chúng tôi rất đồng ý hữu hảo với quý quốc”. Tề Hoàn Công đắc ý nói : “Dùng những tướng sĩ này mà đánh trận, ai mà địch lại nổi ! Dùng những tướng sĩ này mà đánh vào thành lũy thì không thành lũy nào còn đứng vững được”. Khuất Hoàn ung dung nói : “Nếu như ông dùng đức để làm yên lòng các nước, thì nước nào lại dám không phục tùng ? Nếu ông dùng vũ lực đe dọa các nước thì nước Sở chúng tôi không sợ cái trò này. Nước Sở chúng tôi sẽ lấy Phương Thành Sơn (phía nam huyện Diệp tỉnh Hà Nam ngày nay) để làm tường thành, lấy Hán thủy làm dòng sông bảo vệ tường thành của chúng tôi. Tướng sĩ liên quân các nước các ông tuy có nhiều cũng không có tác dụng gì !”.

Cuối cùng Khuất Hoàn liên kết với chư hầu các nước.

CUNG CHI KỲ CAN VUA KHÔNG CHO NƯỚC TẤN MƯỢN ĐƯỜNG

Hì công ngũ niên (năm 655 trước công nguyên)

Tổng Hiến Công lại sắp mượn đường nước Ngu (phía đông bắc huyện Bình Huyện tỉnh Sơn Tây ngày nay) để quân đội của nước Tấn đi qua, để tiến đánh nước Quắc (huyện Thiểm tỉnh Hà Nam ngày nay) Cung Chi Kỳ can ngăn Ngu quân rằng : “Nước Quắc là binh phong của nước Ngu. Nếu nước Quắc bị diệt vong, thì nước Ngu cũng theo đó mà diệt vong. Không thể để cho nước Tấn được hưởng lợi. Sau khi nước Tấn hưởng lợi, thì dã tâm của họ càng lớn hơn. Đối với kẻ địch bên ngoài không thể lơ là cảnh giác. Mượn đường một lần đã quá đáng lắm rồi, làm sao lại có thể mượn lần thứ hai. “Môi và răng dựa vào nhau. Môi hở thì răng lạnh”. Câu tục ngữ này cũng hình dung quan hệ giữa nước Ngu và nước Quắc.

Ngu quân nói : “Nước Tấn cùng tộc họ với chúng ta làm sao có thể hãm hại chúng ta ?”. Cung Chi Kỳ đáp rằng : “Thái Bá, Ngu Trọng đều là con của Thái Vương. Thái Bá không nghe lệnh cha mà nhường ngôi, đi đến đất Ngô cho nên không kể tục ngôi vua. Quắc Trọng, Quắc Thúc là con của Vương Quý là anh em của Văn Vương lại làm khanh sĩ của Văn Vương, lo việc quốc chính, có công với vương thất. Điển sách ghi chép về việc có công mà được thụ phong cất giấu tại minh phủ (minh phủ là cơ quan của

nhà nước chủ quản minh thệ diên sách). Nếu nói đến quan hệ tộc họ thì địa vị của Quắc thị trong họ Cơ phải cao hơn Ngu thị. Quan hệ giữa Quắc và Tấn thân thiết hơn so với Ngu. Nước Tấn chuẩn bị tiêu diệt nước Quắc, thì làm sao mà yêu thương nước Ngu. Hơn nữa tình yêu thương của nước Tấn đối với nước Ngu chúng ta, lẽ nào lại vượt qua người anh em cùng Tổ của họ hay sao ? Anh em cùng Tổ với họ, tộc Hoàn Trang suy cho cùng có tội gì ? Mười lăm năm trước đây đã giết hết họ. Chẳng phải là vì tộc Hoàn Trang có chút uy hiếp họ hay sao ? Thân thích mà chỉ vì có chút uy hiếp họ, họ còn ra tay hãm hại, huống chi là một nước ?”.

Ngu quân đáp rằng : “Lúc ta tế lễ tế phẩm rất phong phú khỏi phải nói, hơn nữa trai giới triệt để, quỷ thần nhất định sẽ nghe ta”. Cung Chi Kỳ đáp : “Thần nghe nói : quỷ thần không vì con người mà trở nên thân thiết hơn, chỉ gần gũi với người có đức. Cho nên trong Chu thư có nói : “Trời xanh không có lòng tư lợi, chỉ giúp đỡ những người có đức hạnh” lại còn nói : “Đồ vật cúng lễ không thơm tho, đức hạnh tốt mới thơm tho”, lại nói : “Đồ vật cúng lễ giống nhau, nhưng chỉ chọn lựa đồ cúng của những người có đức”. Như vậy, bởi vì không có đức hạnh, nhân dân mới không hiệp lực, quỷ thần cũng không hưởng các vật cúng lễ. Cái mà quỷ thần dựa vào là đức hạnh. Nếu như nước Tấn lấy được nước Ngu, mà có thể lành sạch thân thể, tu chính đức hạnh, sau đó dâng lên những vật cúng thơm tho, lẽ nào quỷ thần không tiếp nhận ?”.

Ngu quân không nghe theo lời trung thành của Cung Chi Kỳ, đáp ứng thỉnh cầu của sứ giả nước Tấn, cho quân Tấn mượn đường. Cung Chi Kỳ dẫn toàn tộc rời khỏi nước Ngu. Ông ta nói :

“Nước Ngụ không thể cử hành tế lễ vào tháng chạp cuối năm. Lần này nước Tấn sẽ rất hài lòng, không cần thiết phải cất quân đi đánh nữa”. Mùa đông. Mừng một tháng mười hai, nước Tấn tiêu diệt nước Quắc, quốc quân nước Quắc tháo chạy đến Vương Thành (tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay). Lúc quân đội nước Tấn quay trở về triều, mượn đường ở lại nước Ngụ. Cuối cùng đem quân đánh úp, tiêu diệt luôn nước Ngụ.

CUỘC CHIẾN GIỮA TẤN, TẦN Ở ĐẤT HÀN

Hi công thập ngũ niên (năm 645 trước công nguyên)

Lúc Tấn Huệ Công được nước Tần hộ tống về nước Tấn kẻ vị, Tần Mục phu nhân dặn dò ông ta chăm sóc Giả Quân, cung phi của Tấn Hiến Công. Đồng thời còn dặn dò ông ta : “Phải đưa tất cả công tử nước Tấn đang trốn ở nước ngoài về nước Tấn”. Kết quả là Tấn Huệ Công dâm loạn với Giả Quân, cũng không đón tiếp các công tử của nước Tấn đang chạy trốn ở nước ngoài về. Vì vậy, Tần Mục phu nhân rất oán hận Tấn Huệ Công. Đồng thời Tấn Huệ Công cũng từng đồng ý hồi lộ cho Lý Khắc, Phi Trịnh là trung đại phu đang chấp chính ở nước Tấn, sau đó không những nuốt lời hứa mà còn giết hại Lý Khắc, Phi Trịnh. Ông ta cũng đã từng hứa dâng năm thành ở khu vực phía nam Hoàn Khúc Hoàng hà cho Tần Mục Công, phía đông đến tận cùng biên giới nước Quắc cổ xưa (thuộc huyện Thiểm, tỉnh Hà Nam ngày nay), phía bắc đến tận Giải Lương thành (huyện Lâm Tấn, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Sau đó cũng không giữ lời hứa. Vào năm Hi công thứ mười ba (năm 647 trước công nguyên), lúc nước Tấn bị đói kém, nước Tần đưa lương thực đến nước Tấn để cứu trợ. Nhưng đến năm sau, năm Lỗ Hi công thứ mười bốn (năm 646 trước công nguyên) khi nước Tần bị mất mùa, nước Tấn ngược lại không cho nước Tần đến mua lương thực. Bởi vì các nguyên nhân này mà Tần Mục Công đem quân đi đánh nước Tấn.

Trước khi nước Tấn xuất quân, Bốc đồ phu, một bốc quan của nước Tấn bói một quẻ, là một quẻ tốt. Trong quẻ này có câu : “Qua sông, binh xa của công hầu sẽ thất bại”. Tấn Mục Công không hiểu câu này, hỏi rằng câu này có ý nghĩa gì. Bốc đồ phu trả lời rằng : “Là một sự việc đại cát đại lợi, ba lần liên tục đánh bại quân Tấn, thì có thể bắt quốc quân nước Tấn làm tù binh. Quẻ này là quẻ “Cổ quái” của “Sơn, Phong, cổ ”. Lời trong quẻ nói rằng : “Nước lớn có hàng trăm binh xa ba lần tiến quân về phía trước, sau khi ba lần tiến quân về phía trước, thì có thể bắt được con cáo lớn”. Hồ (con cáo), Cổ (con sâu độc) nhất định là chỉ quốc quân của bọn họ. Nội quái của “Cổ” là “Phong”, ngoại quái của Cổ là Sơn . Tượng trưng của nước Tấn chúng ta là phong, tượng trưng của đối phương, nước Tấn là Sơn. Bây giờ là mùa thu, gió mùa thu sẽ làm rơi rụng trái cây trên núi. Mà gỗ trên núi cũng có thể lấy mà dùng được cho nên, chúng ta nhất định thắng lợi. Trái cây rơi rụng hết, gỗ cũng không còn nữa, không đánh thắng trận, thì còn đợi gì nữa ?”. Quả nhiên, quân Tấn ba lần liên tiếp đánh bại quân Tấn, truy đến Hàn Nguyên của nước Tấn (giữa huyện Hà Tân và huyện Vạn Tuyền tỉnh Sơn Tây ngày nay) Tấn Huệ Công nói với Khánh Trịch : “Kẻ địch đã thâm nhập vào lãnh thổ nước Tấn chúng ta, chúng ta nên làm như thế nào ?” Khánh Trịch đáp rằng : “Do chúa thượng đưa kẻ địch vào, chúng ta còn biết làm sao được nữa” Tấn Huệ Công nghe xong vô cùng tức giận nói : “Ăn nói vô lễ, ăn nói vô lễ ! Thật đáng ghét, thật đáng ghét !” Nước Tấn xem bói xem dùng ai làm phò tá, kết quả, nếu dùng Khánh Trịch thì là điềm may, nhưng Tấn Huệ Công không chịu dùng ông ta, nên bổ nhiệm Bô Dương đại phu điều khiển binh xa. Gia Bốc đồ làm phò tá, ngồi xe thắng ngựa do nước

Trịnh đưa đến. Khánh Trịnh vội nói : “Ngày xưa, việc chiến tranh đại sự, nhất định phải ngồi vào xe thắng ngựa của nước mình, ngựa sinh ra ở nước mình, lớn lên trên đất nước của mình, sẽ hiểu được ý của chủ, yên tâm với sự tập trung của chủ, quen thuộc đường đi. Bất kể điều khiển như thế nào cũng đều được như ý muốn. Bây giờ đi ngựa do nước ngoài đưa đến để tham gia chiến tranh, những con ngựa này vì sợ hãi mà thay đổi tính nết, sẽ không thuận theo sự điều khiển. Hễ ngựa mà sợ hãi thì hô hấp không bình thường, máu tuần hoàn gấp gáp bên ngoài tuy có vẻ cường tráng, nhưng thực ra đã rệu rã hết sức lực, không thể tiến lên được, cũng không thể lùi lại được, muốn quay đầu lại cũng không làm nổi. Chúa thượng nhất định sẽ hối hận về việc ngồi vào xe do ngựa của nước ngoài kéo”. Tấn Huệ Công không đếm xỉa đến ý kiến của Khánh Trịnh.

Tháng 11, Tấn Huệ Công nghênh chiến với quân Tần, cử Hàn Giản đại phu của nước Tấn thám thính tình hình của quân Tần. Hàn Giản báo cáo rằng : “Quân số của nước Tần ít hơn chúng ta, nhưng số binh sĩ thiện chiến gấp đôi chúng ta”. Tấn Huệ Công hỏi rằng : “Là lý gì ?” Hàn Giản trả lời : “Khi chúa thượng chạy trốn ra nước ngoài dựa vào sự giúp đỡ của nước Tần. Cho nên mới có thể trở về nước làm quốc quân, đó cũng là kết quả của sự ưu ái của nước Tần, lúc chúng ta đói kém mất mùa, nước Tần chở lương thực đến cứu trợ. Nước Tần người ta ba lần có ơn nghĩa đối với chúng ta, chúng ta chưa một lần báo đáp, cho nên họ đến tìm chúng ta thanh toán món nợ đó. Chúng ta lại đem quân ra đối chọi với họ. Phía chúng ta thì đã quá mệt mỏi, phía quân Tần thì cùng chung kẻ thù hăng hái quyết chiến. Theo Khanh không chỉ gấp đôi ta mà thôi đâu” Tấn Huệ Công nói :

“Một người còn không thể để người khác làm nhục, huống chi là một nước !” Nói xong bèn sai Hàn Giản đi khiêu chiến với nước Tần. Hàn Giản thay mặt cho Tấn Huệ Công nói với nước Tần : “Ta không có tài năng, chỉ tập hợp quân đội lại, nhưng không giải tán họ được, cho nên chỉ còn cách đánh nhau một trận với nước Tần các người. Nếu như các người không chịu rút lui chúng ta chỉ đành sống chết với các người mà thôi”. Tần Mục Công cử Chi Công Tôn làm đại diện trả lời cho phía Tấn rằng : “Lúc ông (Tấn Huệ Công) chưa về nước ta (Tần Mục Công) rất lo lắng cho ông. Khi ông (Tấn Huệ Công) chưa ổn định được ngai vàng, ta (Tần Mục Công) lo lắng cho người (Tấn Huệ Công). Giờ ông (Tấn Huệ Công) đã ổn định được ngôi báu, ta (Tần Mục Công) làm sao dám không nhận lời khiêu chiến của người (Tấn Huệ Công) ?” Hàn Giản lui ra nói : “Ta dù còn sống mà bị bắt làm tù binh, cũng là may mắn lắm rồi...”.

Ngày 14 tháng 11 nước Tần và nước Tấn giao chiến với nhau trên cánh đồng vùng đất Hàn (giữa huyện Hà Tân và huyện Vạn Tuyên tỉnh Sơn Tây ngày nay). Ngựa chiến của Tấn Huệ Công bị sụp vào chõn sinh lầy, loay hoay mãi mà không thể nào thoát ra được. Tấn Huệ Công kêu gào Khánh Trịnh đến cứu, Khánh Trịnh bảo rằng : “Chúa thượng quá tự tin không nghe lời can ngăn, lại làm trái với lời tiên đoán của quẻ bói, quả là tự mình chuốc lấy thất bại, làm sao thoát đi đâu được”. Nói xong, bèn bỏ đi. Đại phu nước Tấn Lương Do Mị điều khiển xe cho Hàn Giản. Một đại phu khác là Quắc Xạ làm phò tá. Trên chiến trường cả đoàn người trong xe gặp Tần Mục Công, chuẩn bị bắt Tần Mục Công làm tù binh. Khánh Trịnh vì không cứu Tấn Huệ Công nên gọi bọn Hàn Giản để cứu Tấn Huệ Công. Hành động này làm vụt

mất cơ hội bắt sống Tần Mục Công để cho Tần Mục Công chạy mất. Kết quả là nước Tấn bắt Tấn Huệ Công làm tù binh và mang về nước.

Các đại phu nước Tấn để xóa tóc râu xuống, trú ngụ ngoài trời, bám theo quân Tần. Tần Mục Công dùng lời lẽ ngon ngọt vỗ về họ : “Tại sao các anh lại đau buồn như vậy ? Ta cùng đi với quốc quân nước Tấn về phía Tây (đây là lời nói mang tính chất ngoại giao, trên thực tế Tần Mục Công bắt Tấn Huệ Công làm tù binh và đang dẫn về nước Tần ở phía tây), cũng chẳng qua là vì ứng với cơn ác mộng của nước Tấn ngày xưa mà thôi — Cơn ác mộng có ý chỉ Lỗ Hi Công năm thứ mười (năm 650 trước công nguyên) Đại phu nước Tấn Hồ Đột gặp phải hồn ma của thái tử Thần Sinh. Hồn ma của Thần Sinh quở trách Tấn Huệ Công không thực hành quân đạo, còn dự đoán rằng sẽ bị thất bại ở đất Hàn — Ta đâu dám đối xử thái quá với quân chủ nước Tấn”. Các bậc đại phu của nước Tấn, lay ba lần, rạp đầu ba lần rồi nói : “Trên đầu chúa thượng có trời xanh, dưới chân có thần thổ địa. Trời xanh và thổ địa đã nghe rõ lời nói của chúa thượng. Quân thần chúng tôi cũng mạo muội đứng cuối chiều gió, những lời nói vừa rồi nghe cũng rất rõ ràng”.

Tần Mục phu nhân nghe nói quân chủ nước Tấn sắp bị đem về đô thành bèn dẫn thái tử Đào, Hoàng và con gái là Giản Bích cùng leo lên đồng củi chất trên đài cao, biểu thị sẽ tự thiêu mà chết, đồng thời cử người mặc tang phục đi đón Tần Mục Công, bảo ông ta nói với Tần Mục Công : “Trời đã giáng tai họa làm cho quân chủ hai nước Tần, Tấn không giao thiệp với nhau bằng con đường ngoại giao như thường lệ, mà đã dấy lên chiến tranh. Nếu như quân chủ nước Tấn vào thành vào lúc rạng sáng, thì buổi tối

nữ tì sẽ tự sát. Nếu như vào thành buổi tối thì sáng hôm sau sẽ tự sát. Mong chúa thượng suy nghĩ cho kỹ !” Thế là Tần Mục Công để Tấn Huệ Công tại Linh Đài (huyện Hộ tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Các đại phu nước Tần yêu cầu đưa Tấn Huệ Công vào thành, Tần Mục Công nói : “Ta vốn tưởng rằng bắt được quân chủ nước Tấn đưa về đô thành chúc mừng thắng trận. Bây giờ nếu đưa quân chủ nước Tấn vào thành thì kết quả sẽ làm cho quốc gia xảy ra việc tang, thế thì việc gì phải đưa quân chủ nước Tấn vào thành ? Đại phu các khanh phỏng được lợi ích gì ? Hơn nữa người nước Tấn dùng buồn thương làm tăng thêm gánh nặng trong lòng ta, dùng trời xanh, thổ địa để ràng buộc ta. Nếu như ta không nghĩ đến những việc mà người Tấn lo lắng thì sẽ làm tăng thêm lòng thù hận của họ đối với ta, nếu như ta nói lời không giữ lấy lời thì sẽ bội tín với trời đất. Làm tăng thêm sự thù oán của người Tấn đối với ta, ta sẽ chịu không nổi. Bội tín đối với đất trời đó là việc chẳng lành. Cho nên nhất định phải đưa quân chủ nước Tấn trở về nước Tấn”. Công tử Chấp, con trai của Tần Mục Công nói : “Chỉ bằng giết quách ông ta đi, để lòng ta khỏi tụ hợp quần chúng làm điều ác”. Tôn Chi đại phu nước Tần nói rằng : “Đưa trả quân chủ nước Tấn về nước, bắt thái tử của ông ta đưa về nước Tần làm con tin nhất định sẽ có kết quả tốt. Chúng ta đã không tiêu diệt nước Tấn, giết quân chủ của họ chỉ tạo nên sự thù hận giữa hai nước. Sử Dật có một câu nói nổi tiếng : “Không nên gây mầm mống tai họa, không nên lợi dụng người khác gặp nguy biến, không nên làm tăng thêm hận thù”. Làm tăng thêm hận thù thì khó chịu đựng nổi. Hiệp đáp người khác là không may” Thế là nước Tần cho phép giảng hòa với nước Tấn.

Tấn Huệ Công cử đại phu Thích Khất về nước báo với đại

phu Lã Di Sanh biết việc nước Tần cho phép giảng hòa với nước Tấn, đồng thời triệu Lã Di Sanh đến nước Tần đàm phán. Lã Di Sanh dạy bảo Thích Khất rằng : “Ông nên triệu tập người trong nước đến triều đình họp lấy danh nghĩa mệnh lệnh của quân chủ mà khen thưởng họ, đồng thời thay mặt quân chủ bảo với họ rằng : “Ta tuy đã về nước, nhưng đã đem lại một cái nhục lớn cho đất nước. Phải dùng thẻ bói để quyết định xem phò tá thái tử Ngũ kế ngôi như thế nào ?” Thích Khất làm theo lời dạy của Lã Di Sanh, nhiều người cảm động đến rơi nước mắt. Sau đó nước Tấn lập ra chế độ viên điền. Lã Di Sanh nói với mọi người : “Quốc quân nước ta đánh trận bị bắt làm tù binh, chúng ta ở trong nước đều không thể đi giải cứu cho quốc quân, trái lại quốc quân lại quan tâm lo lắng đến mọi người chúng ta. Ân tình này to lớn xiết bao ! Chúng ta nên làm thế nào để báo đáp quân chủ của chúng ta ?” Mọi người nói : “Làm thế nào để đền đáp công ơn của quân chủ đối với chúng ta ?” Lã Di Sanh trả lời rằng : “Thu sưu thuế, chỉnh đốn lại quân đội, phò tá thái tử. Chư hầu nghe nói, quốc quân chúng ta tuy đánh trận bị bắt làm tù binh, nhưng trong nước đã có tân quân chủ lo việc nước, hơn nữa tất cả quốc thần đều hòa mục, quân bị cũng đã được tăng cường. Các nước láng giềng hữu nghị sẽ khích lệ chúng ta. Còn những nước không tốt với nước ta, chúng sẽ sợ hãi chúng ta. Làm như vậy mới có thể tốt được”. Mọi người nghe xong đều rất phấn khởi. Sau đó nước Tấn lại xây dựng chế độ chân binh.

Lúc đầu, Tấn Hiến Công dùng cò thi để bói quẻ gả con gái lớn đến nước Tần. Bói một quẻ từ “Qui muội” biến thành quẻ “Khuê” (đi ngược lại, không hợp, chia tay nhau) Bộc quan nói rằng : “Đây là một quẻ không tốt. Lời trong quẻ nói rằng : kẻ sĩ

giết dê cũng không có máu. Con gái cầm giỏ cũng không thu hoạch được gì. Sự chỉ trích đối với nước láng giềng phía tây, bởi vì tôi đuổi lý nên không thể nào trả lời được. “Qui muội” có nghĩa là thiếu nữ xuất giá, “Khuê” là đi ngược lại. Từ “Qui muội” biến thành “Khuê”, thiếu nữ xuất giá mà có sự làm ngược lại, đương nhiên không giúp ích được gì cho mẹ đẻ. Lôi — trạch — qui muội — hòa — trạch — khuê. Từ “qui muội” biến thành “khuê”, tức là từ “lôi” biến thành “hỏa” cũng là “hỏa” biến thành “lôi”. Bất kể là “lôi” hoặc “hỏa” đều là quẻ bên ngoài, tượng trưng cho nước Tấn Hoa khi quá thịnh là điềm báo trước con gái sau khi gả chồng sẽ trở lại làm hại nhà mẹ đẻ, cũng tức là cái điềm họ Doanh đánh bại họ Cơ. “Xe bị rơi cả trục, lửa đốt cháy cờ xí” đều tượng trưng cho việc bại trận, không có lợi cho việc đem quân đi đánh trận, sẽ bị bại trận, sẽ bị bại trận ở Tông Khâu (tức Hàn Nguyên). Thiếu nữ xuất giá đi ngược lại lợi ích của nhà mẹ đẻ, kẻ địch gương cung sắp bắn về phía mình. Cháu đi theo cô, sáu năm sau mới tháo chạy về, chạy trốn về tổ quốc mình và vứt bỏ lại nhà của mình. Năm sau ông ta sẽ chết ở Cao Lương (huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây ngày nay)” Đến khi Tấn Huệ Công bị bắt làm tù binh ở nước Tần, ông ta nói : “Nếu như trước đây nghe theo lời bói của Sử Tô, ta không đến nỗi rơi vào tình thế như bây giờ !” Hàn Giản đang hầu hạ bên cạnh nói chen vào : “Mu rùa là một loại hình tượng, cô thi là một loại số lý. Sự vật sau khi sản sinh mới có hình tượng, sau khi có hình tượng mới có diễn biến, sau khi diễn biến mới có số lý. Những việc xấu mà tiên quân gây nên quá nhiều, “số” làm sao phản ánh hết được. Cái quẻ mà Sử Tô bói có quan hệ gì. Trong Kinh thi có nói : “Tai nạn của nhân dân không phải từ trên trời rơi xuống. Tự tập nhau lại nói năng lung

tung, sau lưng thì ghen ghét lẫn nhau, kẻ xách động chủ yếu vẫn là con người". Từ đó mà biết rằng, sự việc là do con người tạo nên không có được một chút quan hệ gì với diêm dữ diêm lành của bói toán.

Tháng 11 Lữ Di Sanh của nước Tấn hội kiến Tần Mục Công, ký kết hiệp ước liên minh với nước Tần tại Vương Thành (tây nam Triều áp huyện tỉnh Thiểm tây ngày nay). Tần Mục Công hỏi rằng : "Nội bộ nước Tấn có thể chung sống hòa mục với nhau không ?" Lữ Di Sanh đáp rằng : "Không thể sống hòa mục với nhau. Những người dân bình thường cảm thấy xấu hổ vì quân chủ bị bắt làm tù binh, lại tưởng nhớ đến người thân của họ hy sinh trong chiến tranh không sợ trưng thu thuế má, không sợ chinh đồn quân đội sửa sang vũ khí, còn ủng hộ thái tử Huy làm quân chủ, lại còn nói : "Mỗi hạn này nhất định phải trả thù, cho dù phải cúi đầu trước Nhung Dịch, hầu hạ Nhung Dịch cũng phải trả thù". Các quý tộc yêu mến bảo vệ quân chủ của họ biết sai lầm của quân chủ, không sợ trưng thu thuế má, không sợ chinh đồn quân đội sửa sang vũ khí, để chờ đợi mệnh lệnh chiến đấu của nước Tấn, lại còn nói : "Nhất định phải đền đáp công ơn của nước Tần, cho dù có chết cũng không có lòng dạ nào khác. Chính vì thế nên không thể sống hòa mục với nhau được". Tần Mục Công nói : "Các ông có suy nghĩ thế nào về vận mạng của quân chủ các ông ?" Lữ Di Sanh đáp rằng : "Phần đông nhân dân hơi lo lắng, cho rằng ông ta không thể thoát chết được ! Các quý tộc thì suy nghĩ có lẽ sâu xa hơn, cho rằng ông ta nhất định sẽ về nước. Người dân bình thường nói rằng : "Chúng ta lấy thù địch mà đáp lại ân huệ của nước Tần, nước Tần làm sao chịu trả lại quân chủ của chúng ta". Nước Tấn của chúng tôi bấy giờ sinh ra hai lòng,

nước Tần các ông phải lập tức chớp lấy thời cơ này. Đợi đến khi nước Tấn đang chia rẽ này thần phục rồi, thì nước Tần lập tức nổi lòng ra. Nếu làm được như vậy, thì cái nhân đức sâu dày của nước Tần là không thứ gì có thể sánh được. Cái uy lực về sự trừng phạt của nước Tần cũng không có ai sánh được. Cuộc chiến như thế này nước Tần có thể xưng bá trong thiên hạ. Nếu như đưa quân chủ nước Tấn về nước mà không ổn định được ngôi vị của ông ta, phế quân chủ cũ mà không lập quân chủ mới, làm như vậy sẽ khiến cho việc vốn là nhân đức trở thành việc oán giận. Nước Tần chắc sẽ không làm như vậy !” Tần Mục Công nói : “Ta vốn cũng suy nghĩ như vậy”. Sau đó đưa Tấn Huệ Công đến ở một nơi khác, đồng thời tặng cho ông ta bảy con dê, bảy con bò và bảy con heo.

Đại phu nước Tấn là Nga Tích nói với Khánh Trịnh : “Tại sao không bỏ ra đi ?” Khánh Trịnh nói : “Tôi làm cho quân chủ nước tôi thất bại. Quốc quân thất bại mà tôi lại không thể hy sinh vì nước. Nếu như tôi bỏ ra đi, hình phạt cũng không rơi vào người tôi, nhưng lại làm cho hình phạt của quốc chủ nặng hơn, đó là hành vi không nên có của một trung thần. Một người là “thần” mà không hành thần đạo, thì có nơi nào có thể dung nạp tôi, tôi có thể đi được đến nơi nào ?” Tháng 11, Tần Huệ Công về nước, ngày 29 giết Khánh Trịnh, sau đó vào đô thành.

Năm đó, nước Tấn lại mất mùa đói kém. Tần Mục Công lại tặng lương thực cho nước Tấn, đồng thời nói rằng : “Ta chán ghét quân chủ của họ, nhưng thương hại nhân dân của họ. Hơn nữa ta nghe nói lúc Đường Thúc ở nước Tấn, Kỳ Tử có nói rằng : “Hậu nhân của ông ta nhất định sẽ phát triển mạnh mẽ”. Làm sao ta lại có thể tính toán thiệt hơn với nước Tấn. Trước mắt hãy

cho nước Tấn một số ân huệ dợi đến ngày sau nước họ xuất hiện những người có năng lực”.

Sau đó, nước Tấn trưng thu sưu thuế, thiết lập sự cai trị của quan phủ tại vùng đất cũ của nước Tấn ở phía đông Hoàng Hà.

CUỘC CHIẾN CỦA TỔNG, SỞ Ở ĐẤT HOÀNG

Hì công nhị thập niên (năm 640 trước công nguyên)

Tổng Tương Công một lòng định triệu tập chư hầu tham gia vào liên minh do mình làm chủ. Đại phu nước Lô Trang Tôn Thên nghe được việc này bèn nói : “Dục vọng của một con người phải nghe theo sự chi phối của một ý chí thì mới có thể được. Một con người không có ý chí, chỉ tuân theo một dục vọng là không thể được. Ý chí của một con người tuân theo dục vọng của một người thì rất khó làm được một việc gì”.

Hì công nhị thập nhất niên (năm 639 trước công nguyên)

Lô Hì Công năm thứ hai mươi một. Vào mùa xuân nước Tống triệu tập đồng minh tại Lộc Thượng (phía tây huyện Thái Hòa, tỉnh An Huy ngày nay). Bởi vì ba nước Tống, Tề, Sở cử đại phu tham gia hội nghị nên nước Tống yêu cầu các chư hầu tổ chức một lần hội nghị. Nước Sở giả bộ đồng ý. Công tử Mục Di nói : “Nước nhỏ giành làm minh chủ, đây là họa chứ không phải là phúc. Chỉ sợ nước Tống sắp mất nước, cũng không kéo dài thêm được bao lâu nữa”.

Mùa thu, Tống Tương Công cùng Sở Thành Vương, Trần Mục Công Thái Trang Hầu, Trịnh Văn Công, Tào Cộng Công... họp hội nghị tại đất Vu (tây bắc huyện Tuy tỉnh Hà Nam ngày nay). Công tử Mục Di nói : “Lê nào họa lại xảy ra tại nơi đây ? Dục vọng của quân chủ chúng ta quá lớn, người ta làm sao có thể chịu đựng nổi ?”. Sau đó nước Sở giữ Tống Tương Công tại phòng

hợp và tiến hành đánh nước Tống.

Mùa đông nước Sở và nước Tống lại hợp tại đất Bạc (tây bắc Thương Khâu tỉnh Hà Nam ngày nay) Trong cuộc hợp, phóng thích Tống Tương Công. Công tử Mục Di nói : “Tai họa vẫn chưa chấm dứt, sự trừng phạt này vẫn chưa thể trừng trị quân chủ của chúng ta”.

Hì công nhị thập nhị niên (năm 638 trước công nguyên)

Mùa hạ, Tống Tương Công đem quân chinh phạt nước Trịnh. Công tử Mục Di nói : “Tai họa mà ta nói sẽ xảy ra tại nơi đây”. Mùa thu, để giải cứu cho nước Trịnh, nước Sở xuất quân đánh nước Tống. Tống Tương Công chuẩn bị đánh nhau với nước Sở. Quan đại ty Mã Cố can ngăn Tương Công rằng : “Ông Trời đã từ bỏ người Thương chúng ta (người Tống là hậu duệ của triều Thương cho nên mới xưng là người Thương) từ lâu rồi. Ta chủ yếu là phục hưng sự thịnh vượng của người Thương. Tội lỗi này là không thể tha thứ được. Chúng ta xuất quân thì ông Trời không ủng hộ ta đâu” Tống Tương Công không chịu nghe lời khuyên răn của Mã Cố.

Ngày mùng một tháng 11 mùa đông năm đó, Tống Tương Công dẫn quân ra đối chọi với quân Sở tại Hoàng Thủy (phía bắc huyện Thạch Thành tỉnh Hà Nam ngày nay). Quân đội nước Tống đã bố trí sẵn thế trận. Quân Sở vượt Hoàng Thủy mới được một nửa, công tử Mục Di nói : “Họ quân nhiều, ta quân ít, khi họ chưa qua sông hết ta hạ lệnh công kích”. Tống Tương Công nói : “Không được”. Đợi quân Sở qua sông xong, chưa kịp lập thế trận, công tử Mục Di lại xin Tống Tương Công ra lệnh công kích. Tống Tương Công nói : “Vẫn chưa được”. Đợi đến lúc quân Sở bày xong trận thế, Tống Tương Công mới hạ lệnh công kích. Kết quả quân Tống thất bại thảm hại. Quân Sở truy đuổi một mạch cho đến tận

kinh thành nước Tống. Bắp đùi của Tống Tương Công bị thương. Tất cả quan bảo vệ thành đều bị giết sạch.

Dân nước Tống đều trách tội Tống Tương Công. Tống Tương Công nói : “Trên chiến trường một người quân tử không giết kẻ địch đã bị thương, không bắt làm tù binh những người lớn tuổi trên đầu đã có hai thứ tóc. Ngày xưa đánh nhau không cần phải dựa vào quan ải hiểm trở để mà giành thắng lợi. Quả nhân tuy là hậu duệ của người vong quốc (người Tống là hậu duệ của người Thương, do đó tự xưng là hậu duệ của vong quốc), nhưng cũng phải giành chiến thắng một cách堂堂 hoàng, cho nên không tiến công kẻ địch chưa kịp bày binh bố trận”.

Công tử Mục Di nói : “Chúa công ta không biết đánh giặc như thế nào. Kẻ địch hùng mạnh không bày nổi thế trận ở nơi đất hẹp đó là ông Trời phù hộ cho chúng ta. Sự tiến quân của kẻ địch hùng mạnh gặp trở ngại, chúng ta hạ lệnh công kích có gì là không phải ? Cho dù như vậy đi nữa chưa chắc ta đã đánh thắng. Huống hồ kẻ địch bây giờ người nào người nấy cường tráng dũng cảm. Tuy rằng gặp một người già, bắt được thì cứ bắt làm tù binh, hơi đâu mà suy nghĩ đến những người trung niên tóc vừa chớm bạc ? Chúng ta huấn luyện người dân chiến đấu, cần làm cho người dân hiểu rõ liêm sỉ, đánh trận quyết không thể đầu hàng, chăm chú lo việc dũng cảm giết giặc. Ta không giết giặc, giặc tất giết ta. Kẻ địch bị thương chưa chết, tại sao lại có thể không giết kẻ địch đang bị thương ? Ví thử yêu mến kẻ địch bị thương, chỉ bằng thả đừng làm cho nó bị thương. Giả thử yêu mến bảo vệ kẻ địch đâu đã có chút tóc bạc, chỉ bằng đầu hàng, xưng làm thần cho xong chuyện. Ba quân đánh trận thế có lợi cho chúng ta thì phải hành động ngay. Tiếng kèn tiếng trống chính là để khích lệ sĩ khí của quân đội chúng ta. Hễ có lợi cho chúng ta

là hành động ngay bất kể là kẻ địch đang gặp khó khăn trở ngại. Tiếng trống càng vang to, càng nâng cao ý chí chiến đấu, cho dù kẻ địch chưa bày xong thế trận, cũng có thể ra lệnh công kích trong tiếng trống trận vang rền”.

Hi công nhị thập tam niên (năm 637 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Hi công thứ hai mươi ba, Tề Hiếu Công tấn công nước Tống, bao vây vùng đất Mân (đông bắc huyện Kim Hương tỉnh Sơn Đông ngày nay). Nước Tề tấn công nước Tống vì bốn năm trước không tham gia minh hội tại nước Tề. Mùa hè ngày 25 tháng 5 Tống Tương Công chết vì bệnh. Vết thương mà ông bị thương tại trận Hoảng Thủy là nguyên nhân gây ra cái chết của ông.

QUÁ TRÌNH TRỌNG NHỊ — CÔNG TỬ CỦA NƯỚC TẤN — TRỐN CHẠY SANG NƯỚC KHÁC

Hì công nhị thập tam niên (năm 637 trước công nguyên)

Công tử nước Tấn là Trọng Nhị gặp hồi loạn lạc khi Lệ Cơ gièm pha hãm hại thái tử nước Tấn là Thân Sinh bèn trốn chạy đến Bồ Thành (huyện Tập tỉnh Sơn Tây ngày nay). Tấn Hiến Công xuất quân đánh Bồ Thành. Người Bồ Thành chấp nhận đánh nhau với quân đội của Tấn Hiến Công, nhưng công tử Trọng Nhị không cho phép, và nói : “Dựa vào mệnh lệnh của quân phụ, hưởng thụ bổng lộc ưu đãi, sau đó mới được sự ủng hộ yêu mến của thuộc hạ. Được người khác ủng hộ rồi lại chống đối lại cha mình thì không còn có tội lỗi nào lớn hơn thế. Chi bằng ta trốn chạy đến nơi khác thì hơn” Thế là trốn sang chỗ người Địch (một chủng tộc ở miền Bắc thời cổ đại Trung Quốc) để lánh nạn. Hồ Yên, Triệu Tương, Điền Hiệt, Ngụy Ngưu, Ty Không Quý Tử... cùng đi theo. Gặp phải lúc người Địch đánh Lâm Cửu Như (là một nước nhỏ do người Địch lập ra, thời Xuân thu nằm rải rác ở hai tỉnh Hà Bắc và Sơn Đông) bắt được hai người con gái của bọn họ tên là Thúc Ngỗi và Quý Ngỗi. Gả Quý Ngỗi cho công tử Trọng Nhị. Sau đó nàng sinh được hai người con là Bá Thốc và Thúc Lưu. Gả Thúc Ngỗi cho Triệu Tương, sau đó nàng sinh ra Triệu Thuần. Bọn Trọng Nhị muốn đi đến nước Tề, thế là Trọng Nhị

nói với Quý Ngỗi : “Đợi ta 25 năm, nếu ta chưa về thì nàng đi lấy người khác !” Quý Ngỗi trả lời rằng : “Bây giờ em đã 25 tuổi rồi, đợi một thời gian dài là 25 năm nữa mới tái giá, em sợ rằng lúc đó đã đến quan tài rồi. Thôi thì cứ để em đợi chờ chàng”. Bọn Trọng Nhĩ trước sau cả thấy là 12 năm ở trong vùng của người Dịch.

Lúc họ đi ngang qua nước Vệ, Vệ Văn Công không đón tiếp họ theo nghi lễ. Đi đến Ngũ Lộc (vùng Huyện Bộc Dương tỉnh Hà Bắc ngày nay) họ phải xin cơm ăn, dân quê cho họ một nắm đất bùn. Công tử Trọng Nhĩ vô cùng tức giận, định lấy roi đánh dân quê, Hồ Yên can ngăn ông ta : “Đây là báo bồi mà ông Trời tặng cho chúng ta. Nắm đất là tượng trưng cho đất, được một nắm đất, đó là điềm báo trước có thể xây dựng đất nước” Thế là công tử Trọng Nhĩ rập đầu nhận nắm đất đó đồng thời mang nắm đất đi theo.

Bọn họ đến nước Tề, Tề Hằng Công gả con gái cho ông ta, còn tặng cho 80 con ngựa để kéo 20 xe. Công tử Trọng Nhĩ yên tâm với cuộc sống thoải mái này. Hồ Yên và một số người khác cho rằng không thể làm hao mòn chí khí như vậy, chuẩn bị rời khỏi nước Tề. Đang bàn bạc kế hoạch ở dưới cây dâu thì có một nô tì đang hái dâu nghe được kế hoạch của họ, cô ta bèn kể lại những điều nghe được cho Khương thị, vợ của Trọng Nhĩ nghe. Khương thị giết nô tì vì sợ cô ta tiết lộ bí mật, đồng thời nói với Trọng Nhĩ : “Chàng có chí nguyện đi khắp thiên hạ, đưa nô tì nghe trộm được kế hoạch của chàng thiếp đã giết chết rồi”. Trọng Nhĩ nói : “Ta chẳng có chí hướng đi khắp thiên hạ đâu.” Khương thị nói : “Chàng phải rời khỏi nước Tề. Ham muốn hưởng thụ, bằng lòng với hiện trạng thì dễ làm bại hoại khí tiết của một con người”. Trọng Nhĩ không bằng lòng. Thế là Khương thị bàn với

Hồ Yến phục rượu cho Trọng Nhĩ say rồi khênh lên xe, đưa ông ta rời khỏi nước Tề. Đợi đến khi Trọng Nhĩ tỉnh rượu phát hiện mình đang ở trên đường rời khỏi nước Tề, trong cơn tức giận nhất thời đã dùng kích đâm chết Hồ Yến.

Bọn họ đến nước Tào, Tào Cộng Công nghe nói xương sườn dưới nách Trọng Nhĩ dính liền nhau, định nhân lúc Trọng Nhĩ ở trần xem cho rõ thực hư có phải xương sườn của ông ta dính liền với nhau không. Lúc Trọng Nhĩ tắm, Tào Cộng Công lảng lảng đến gần ông ta nhìn trộm xương sườn của ông ta. Vợ của Hi Phụ Ki, đại phu nước Tào nói rằng : “Theo quan sát của tôi, bọn tùy tùng của Tấn công tử kẻ nào cũng xứng đáng là đại thần phò tá cho một nước. Nếu như Tấn công tử dùng những người này để phò tá thì Tấn công tử nhất định trở về được. Sau khi về nước chấp chính, nhất định sẽ trở thành hùng mạnh trong các chư hầu mà trở thành bá chủ. Kẻ hùng mạnh trong các chư hầu, trở thành bá chủ của chư hầu mà ta thất lễ với ông ta, thì phải kể Tào quốc là số một. Tại sao chúa công không sớm có quan hệ với nước Tấn gây chút thiện cảm với họ”. Thế là tối hôm đó đem đến một đĩa cơm, trong đĩa cơm giấu một miếng ngọc. Trọng Nhĩ nhận đĩa cơm nhưng đem trả lại miếng ngọc.

Bọn họ đến nước Tống, Tống Tương Công tặng họ 80 con ngựa.

Bọn họ đến nước Trịnh, Trịnh Văn Công không đón tiếp họ theo nghi lễ. Đại phu nước Trịnh là Thúc Chiêm khuyên can Trịnh Văn Công : “Thần nghe nói những việc mà trời giúp đỡ thì con người không thể nào làm được. Công tử nước Tấn có ba việc được trời giúp đỡ, ông Trời có lẽ định dựng ông ta làm quốc quân

của nước Tấn ! Chúa thượng nên tiếp đón ông ta theo lễ. Trai gái cùng một họ lấy nhau thì con cái của họ không hưng thịnh được. Cha mẹ của Tấn công tử đều họ Cơ. Ông ta là con của hai người cùng họ, mà ông ta vẫn sống tràn đầy sinh lực cho đến ngày nay. Đây là điều thứ nhất. Ông ta gặp tai họa chạy trốn ra nước ngoài, mà ông Trời thì luôn luôn làm cho nước Tấn bất an, có lẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ông ta. Đây là điều thứ hai. Có tài năng của ba hiền sĩ vượt qua bất cứ hiền sĩ nào, họ lại còn theo ông ta lang thang khắp nơi. Đây là điều thứ ba. Nước Tấn và nước Trịnh cùng địa vị như nhau, họ đi qua anh em của nước Trịnh, nước Trịnh vẫn phải dùng nghi lễ để tiếp đãi họ, hưởng hồ công tử Trọng Nhĩ là người mà Trời trợ giúp". Trịnh Văn Công không hề đếm xỉa đến lời khuyên can của Thúc Chiêm.

Sau khi họ đến nước Sở, Sở Thành Vương mở tiệc khoản đãi. Sở Thành Vương nói : "Nếu công tử trở về nước Tấn thì sẽ báo đáp bất cốc như thế nào ?" ("bất cốc" là lối xưng hô khiêm tốn của vương hầu thời cổ đại Trung Quốc. Nghĩa của từ ngữ ấy là : không tài giỏi, không có tài gì để nói, không có ưu điểm gì cả). Trọng Nhĩ đáp rằng : "Gái đẹp, tiền của chúa công đủ cả rồi, còn như lông chim, lông thú, ngà voi, da tê giác... cũng đều là sản vật của nước Sở. Còn như những đồ vật trôi dạt đến nước Tấn thì cũng là những thứ mà nước Sở thừa thải. Những thứ thừa mứa đó làm sao có thể báo đáp chúa công ?" Sở Thành Vương bám chặt không buông tha nói tiếp : "Tuy nói như vậy, nhưng rốt cuộc nhà ngươi định báo đáp ta như thế nào ?" Trọng Nhĩ chỉnh đốn y phục ngồi ngay ngắn đáp rằng : "Nếu nhờ ơn chúa công tôi được trở về nước Tấn, quân đội hai nước Tấn, Sở giao tranh, quân đội hai nước gặp nhau ở Trung Nguyên. Để báo đền công ơn của

chúa công, quân đội nước Tấn chúng tôi sẽ nhượng bộ lui binh. Sau khi chúng tôi nhượng bộ lui binh mà nước Sở không ra lệnh rút quân, thì tay trái tôi gương cung tay phải tôi sờ vào túi đựng tên, chuẩn bị quần nhau với quân Sở". Từ Ngọc, chấp chính nước Sở đề nghị Sở Thành Vương giết Trọng Nhĩ, Sở Thành Vương nói : "Tấn công tử chí hướng rất lớn, ép mình rất nghiêm, nói năng lễ phép khôn ngoan chu đáo. Những người đi theo ông ta thái độ nghiêm túc, đối xử với người khác rất rộng lượng, một mực trung thành, tài năng hơn người. Quốc quân của nước Tấn hiện nay không yêu mến ủng hộ ông ta, người trong nước, ngoài nước đều chán ghét ông ta. Ta nghe nói, trong các nước mang họ Cơ hậu nhân của Đường Thúc ngày càng suy yếu. Đây có lẽ là vì Tấn công tử. Ông Trời muốn hưng vượng thì ai có thể loại bỏ được. Đi ngược lại ý Trời, tất sẽ có tai họa lớn". Thế rồi đưa họ sang nước Tần.

Tân Mục Công đem cho Trọng Nhĩ năm cô gái để làm thiếp, trong đó có con gái của Mục Công, người đã từng gả cho Hoài Doanh của Tấn Hoài Công. Một hôm Hoài Doanh bưng một cái chậu đồ nước cho Trọng Nhĩ rửa tay, sau đó Trọng Nhĩ dùng tay ướt vẩy vào Hoài Doanh. Hoài Doanh vô cùng tức giận nói : "Nước Tần, nước Tấn là hai nước ngang hàng nhau, tại sao ông coi khinh ta !" Trọng Nhĩ rất lo sợ, cởi áo tự trói mình để tạ tội. Có một hôm Tân Mục Công mở tiệc khoản đãi Trọng Nhĩ, Hồ Yển nói : "Tôi nói năng không văn vẻ bằng Triệu Tương, hãy để cho Triệu Tương cùng công tử đi dự tiệc. Trọng Nhĩ đọc bài thơ hà thủy, dùng nước sông để ca ngợi nước Tần, Tân Mục Công đọc bài thơ lục nguyệt, cầu chúc Trọng Nhĩ sự nghiệp thành đạt, đồng thời khích lệ Trọng Nhĩ phò trợ chân thiên tử. Triệu Tương vội

vàng nói : “Trọng Nhĩ ! Mau cảm tạ những lời tốt đẹp mà nước Tần đã tưởng thưởng !”. Thế là Trọng Nhĩ chấp hai tay cúi đầu cảm tạ. Tần Mục Công đứng dậy, bước xuống bậc tam cấp cuối cùng biểu thị không dám nhận lễ tạ này. Triệu Tương nói : “Chúa công đem bài thơ phò trợ thiên tử để dẫn dò Trọng Nhĩ thì Trọng Nhĩ làm sao không bái tạ được ?”.

Hi công nhị thập tứ niên (năm 636 trước công nguyên)

Tháng giêng mùa xuân, năm Lỗ Hi Công thứ hai mươi bốn. Tần Mục Công hộ giá Trọng Nhĩ về nước. Đến bên Hoàng Hà, Hồ Yến đưa cho Trọng Nhĩ một miếng bích (bích là một loại ngọc) và nói : “Tay của thần cầm dây cương đi theo công tử, xem xét việc xưa việc nay, đi khắp thiên hạ, sai lầm mà thần phạm phải quá nhiều ! Những sai phạm này thần đều biết hướng chi là công tử ? Xin công tử cho phép thần từ nay chia tay công tử thôi !”. Trọng Nhĩ thề rằng : “Sau khi về nước, ta bảo đảm một lòng một dạ với cậu, nếu nhà ngươi không tin thì có dòng sông này chứng giám !” Nói xong liền ném miếng ngọc xuống sông Hoàng Hà.

Bọn họ qua khỏi Hoàng Hà, bao vây Lệnh Hồ (phía tây huyện Ý Thị, tỉnh Sơn Tây ngày nay) tiến vào Tạng Truyền (phía tây huyện Giải, tỉnh Sơn Tây ngày nay) chiếm lấy Cự Suy (vùng tây bắc huyện Giải, tỉnh Sơn Tây ngày nay).

Ngày mùng bốn tháng hai, quân đội của Tống Hoài Công đóng quân tại Lô Liễu (tây bắc huyện Ý Thị, tỉnh Sơn Tây). Tần Mục Công cử Tần công tử tên là Chấp đến chỗ quân đội của Tấn Hoài Công. Quân đội của Tấn Hoài Công rút lui, đóng tại Tuân (tây bắc huyện Giải, tỉnh Sơn Tây) tháng 11 Hồ Yến cùng đại phu của nước Tần, nước Tấn ký kết việc lập minh ước. Ngày 12,

Trọng Nhĩ tiến vào quân Tấn. Ngày 16, Trọng Nhĩ tiến vào Khúc Ốc (huyện Văn Hỉ tỉnh Sơn Tây ngày nay). Ngày 17, Trọng Nhĩ tiến vào đất Giáng (phía nam huyện Phần Thành tỉnh Sơn Tây ngày nay). Trọng Nhĩ đến tổ miếu của tổ phụ là Tấn Vũ Công, triều kiến quần thần, lên ngôi kế vị thành tân quân của nước Tấn, sau đó được truy tặng là Tấn Văn Công. Ngày 18, Tấn Văn Công cử người giết Tấn Hoài Công tại Cao Lương (đông bắc huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây ngày nay).

Cụu thần của Tấn Hoài Công là Lã Di Sanh, Khước Nhuế lo sợ sự bức hại của Tấn Văn Công, âm mưu phóng hỏa đốt cháy cung điện của Tấn Văn Công và giết Tấn Văn Công. Không bao lâu, Tự Nhân Phệ xin yết kiến, Tấn Văn Công cử người ra từ chối không tiếp, đồng thời quở trách rằng : “Trong trận Bồ Thành, Hiến Công mệnh lệnh nhà ngươi sau một ngày hãy đến, ngay ngày hôm đó nhà ngươi đã đến rồi. Sau đó ta (Tấn Văn Công) cùng quốc quân người狄 đến bên bờ Vị Thủy để săn bắn, nhà ngươi nghe lời Huệ Công đến giết ta (Tấn Văn Công), Huệ Công bảo nhà ngươi ba ngày tới, hai ngày nhà ngươi đã tới rồi. Tuy nhà ngươi có mệnh lệnh của quốc quân, nhưng tại sao nhà ngươi lại đến một cách nhanh như vậy ? Ống tay áo của ta bị nhà ngươi chặt đứt còn giữ đây, (trong chiến dịch Bồ Thành, Tấn Văn Công tuy chạy thoát được, nhưng ống tay áo bị Tự Nhân Phệ chặt đứt), theo ta nhà ngươi nên mau mau rút xéo đi !” Tự Nhân Phệ đáp rằng : “Thần tưởng rằng ông đã trở về nước Tấn làm quốc quân, nhất định phải hiểu đạo lý của người làm quốc quân ? Nếu như vẫn không hiểu đạo lý của người làm quốc quân, chắc sẽ gặp tai nạn. Chấp hành mệnh lệnh của quốc quân phải toàn tâm toàn ý mà quán triệt, đó là chế độ từ xưa đến nay. Chấn hành mệnh lệnh

của quân chủ đi diệt ác phải xem sức lực mình có bao nhiêu thì phải làm hết sức của mình. Dưới thời Hiến Công, Huệ Công, ta chỉ xem nhà người như bọn người Bồ, người Dịch đối lập với quốc quân mà thôi. Giết một người Bồ hoặc người Dịch đối với ta đâu có quan hệ gì ? Ngày nay nhà người đã trở thành quân chủ của nước Tấn, lẽ nào không còn người đối lập với nhà người hay sao ? Tề Hằng Công còn gác bỏ sự việc phóng móc câu mà dùng lại Quân Trọng làm chấp chính. Nếu nhà người không khoan hồng, đại lượng được, như Tề Hằng Công, ngược lại vẫn ôm mãi mối hận bị chặt đứt ông tay áo trong lòng, thì ta đâu cần chờ đến nhà người ra lệnh trục xuất ta ? Nếu như sức chịu đựng của nhà người hạn hẹp thì những người vì lo sợ tội lỗi mà bỏ đi sẽ rất nhiều, đâu chỉ có một mình ta mà thôi !" Thế là Tấn Văn Công triệu kiến Tụ Nhân Phệ. Tụ Nhân Phệ báo cho Tấn Văn Công biết mưu đồ của bọn Lã Di Sanh. Tháng ba, Tấn Văn Công lặng lẽ ra khỏi nước Tấn, gặp Tần Mục Công tại Vương Thành. Ngày 29, cung điện của Tấn Văn Công bị cháy. Lã Di Sanh, Khước Nhuế không bắt được Tấn Văn Công bèn chạy đến bên Hoàng Hà. Tần Mục Công dụ họ ra rồi giết chết.

Tấn Văn Công đón Doanh thị phu nhân về nước. Tần Mục Công cử ba ngàn vệ sĩ hộ tống Tấn Văn Công. Ba ngàn người này là những người thật sự có năng lực làm việc.

Nguyên là, tiểu thần của Tấn Văn Công là Đầu Tu chuyên trông coi kho báu. Đợi Tấn Văn Công bỏ chạy ra nước ngoài, Đầu Tu liền lấy trộm tài sản trong kho báu. Toàn bộ chi phí dùng vào việc đón tiếp Tấn Văn Công về nước. Khi Tấn Văn Công về nước, Đầu Tu xin tiếp kiến. Tấn Văn Công lấy cớ đang gọi-dầu không ra tiếp Đầu Tu. Thế là Đầu Tu nói với đầy tớ của Văn Công : "Lúc

gội đầu, cúi đầu xuống, kết quả đầu thấp tim cao, vị trí của tim ở trên. Trái tim đã phản phúc thì dù có suy nghĩ mọi cách cũng không ngẩng đầu lên được. Như vậy không tiếp kiến ta lại hóa ra là đúng. Người ở lại trong nước là trông coi xã tắc của ông ta, người tùy tùng chạy theo ra nước ngoài là để bôn ba phục dịch cho ông ta. Cả hai loại người này đều đúng cả. Tại sao cứ cho rằng những người ở lại trong nước là có tội ? Quốc quân nếu như thù địch cả với những dân bình thường, thế thì, những người trong lòng lúc nào cũng nơm nớp lo sợ càng đông”. Người đầy tớ kể lại cho Văn Công nghe những lời nói này, Văn Công bèn vội ra tiếp Đầu Tu.

Người Dịch đưa Quý Ngỗi về nước Tấn, đồng thời xin ý kiến Tấn Văn Công nên xử lý Bá Thúc Lưu như thế nào. Con gái của Tấn Văn Công gả cho Triệu Suy, đẻ ra Nguyên Đồng, Bình Quát, Lầu Anh. Lúc bấy giờ Triệu Cơ yêu cầu Triệu Suy đón Triệu Thuần và mẹ của ông ta là Thúc Ngỗi về. Triệu Suy một mực từ chối. Triệu Cơ nói : “Được người mới, thì bỏ quên người cũ, như vậy thì sao mà dùng người được ?” Yêu cầu mãi Triệu Suy mới đồng ý. Thúc Ngỗi và Triệu Thuần trở về nước Tấn, Triệu Cơ cho rằng Triệu Thuần có tài năng, nhiều lần thỉnh cầu Tấn Văn Công để cho Triệu Thuần làm con trai đích, còn vị trí của ba người con bà ta thì ở dưới Triệu Thuần. Đồng thời Triệu Cơ còn để cho Thúc Ngỗi làm vợ chính, còn mình thì khiêm tốn ở vào vị trí thứ hai.

Tấn Văn Công tưởng thưởng những người cùng ông ta chạy ra nước ngoài. Giới Chi Thôi không đề cập đến quan lộc, vì vậy quan lộc cũng không đến lượt Giới Chi Thôi. Giới Chi Thôi nói : “Hiển Công có chín người con, bây giờ chỉ còn có chủ của ta. Huệ

Công, Hoài Công không có ai ủng hộ, trong ngoài nước đều bị người ta bỏ quên. Nhưng ông Trời vẫn chưa tuyệt diệt nước Tấn, nước Tấn nhất định sẽ có quân chủ. Chủ trì việc tế lễ ở nước Tấn nếu không phải là chủ ta thì còn ai ? Quả là ông Trời sắp đặt quốc quân của nước Tấn, còn những kẻ tự cho là công lao của mình, lẽ nào không dẫn đến sự hiềm nghi là dối người dối mình hay sao ? Ăn cắp tiền tài của người ta còn bị gọi là kẻ ăn trộm, hưởng hồ những kẻ lấy công lao của Trời làm công lao của mình ? Những kẻ bề dưới cho rằng ăn cướp công Trời là việc nên làm, lẽ nào bề trên lại tưởng thưởng những kẻ cướp công của Trời này. Trên dưới hùa nhau lừa dối, khó mà sống chung với họ được. Mẹ Giới Chi Thôi nói : “Tại sao con không xin được tướng thưởng ? Nếu như thế này mà chết đi thì có thể oán giận ai ?” Giới Chi Thôi đáp rằng : “Đã quả trách những người đó mà lại bắt chước họ xin được tướng thưởng, thì tội càng gấp đôi ! Con đã bức tức rồi thì không thêm hưởng bổng lộc nhà quan nữa”. Mẹ ông ta nói : “Sự việc này bọn họ biết được thì sẽ như thế nào ?” Giới Chi Thôi đáp rằng : “Ngôn từ của một người là trang sức trên người họ. Thân thể còn phải giấu giếm đi, thì nói chi đến chuyện trang sức ? Làm theo lời mẹ là cầu hiển đạt chứ không phải cầu an cư”. Mẹ ông ta nói : “Con có làm được hay không ? Ta cùng con đi ở ẩn”. Thế là họ ở ẩn cho đến khi qua đời. Tấn Văn Công tìm không ra Giới Chi Thôi bèn đem đất Miên (phía nam huyện Giới Hữu tỉnh Sơn Tây ngày nay) làm đất phong cho Giới Chi Thôi. Văn Công còn nói rằng : “Một mặt là đánh dấu sự sai lầm của ta, mặt khác là để biểu dương người tốt”.

TRẬN CHIẾN ĐẤU Ở THÀNH BỘC GIỮA NƯỚC TẦN VÀ NƯỚC SỞ

Hi công nhị thập thất niên (năm 633 trước công nguyên)

Sở Thành Vương chuẩn bị đánh nước Tống, phái Đấu Cốc Vu Thỗ luyện tập binh sĩ tại đất Khuê (trong huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc ngày nay) Đấu Cốc Vu Thỗ để cho Tử Ngọc biểu hiện, cố ý làm ra vẻ miễn cưỡng tặc trách, chỉ trong một buổi sáng đã luyện tập xong, đồng thời cũng không trừng phạt một ai cả, lại bảo Tử Ngọc tập luyện binh sĩ tại vùng đất Vi (gần đất Khuê). Luyện tập cả ngày suốt từ sáng đến tối, có sau người bị đánh bằng roi, có ba người bị mũi tên xuyên thủng lỗ tai. Các lão thần đã nghỉ hưu của nước Sở đều đến chúc mừng Đấu Cốc Vu Thỗ, nói rằng ông ta có đôi mắt tài tình, chọn đúng người có tài. Đấu Cốc Vu Thỗ mời họ uống rượu. Vi Cổ lúc bấy giờ còn trẻ, đến sau lại không chúc mừng. Đấu Cốc Vu Thỗ hỏi anh ta tại sao không chúc mừng. Vi Cổ nói với ông ta : “Tôi không biết phải chúc mừng cái gì. Ông đề cử Tử Ngọc thay thế cho lệnh doãn và còn nói rằng : “Đây là vì làm cho quốc gia an định”. Nếu như an định trong nội bộ mà đối ngoại toàn là thất bại, thế thì đạt được cái gì ? Đây phải chăng là cái được không bù lại cho cái mất đi ! Nếu như Tử Ngọc xử lý công việc bên ngoài thất bại, thì đó là do ông đề cử đấy. Người được đề cử đem lại thất bại cho đất nước, thì có gì đáng để chúc mừng ? Tử Ngọc là người cương bạo, không chú ý đến lễ phép, không thể dùng để cai trị nhân dân.

Ông ta thống lĩnh một quân đội gồm 22.500 người và 300 binh xa, có lẽ không thể nào thắng lợi toàn vẹn trở về. Nếu như ông ta thống lĩnh toàn quân thắng lợi trở về thì tôi sẽ đến chúc mừng, cũng không lấy gì làm muộn !”.

Mùa đông, Sở Thành Vương cùng quân đội các nước Trần, Thái, Trịnh, Hứa... bao vây nước Tống. Tống quốc công Thúc Cổ đến nước Tấn báo cáo về nguy cơ của nước Tống. Tấn quốc phu nhân Tiên Chấn nói : “Đền đáp lại công ơn nước Tống tặng ngựa, trừ bỏ tai họa nước Tống bị bao vây, xây dựng uy tín trong chư hầu, củng cố sự nghiệp của nước Tấn đều nằm ở nghĩa cử này !” Hồ Yến nói : “Nước Sở vừa xây dựng được quan hệ với nước Tào, lại vừa lập minh ước hôn nhân với nước Vệ ! Nếu đánh Tào, Vệ, nước Sở nhất định chia quân ra chi viện. Nếu nước Sở chia quân cứu viện Tào, Vệ thì nước Tề, nước Tống sẽ hủy bỏ sự uy hiếp.

Thế là nước Tấn tiến hành cuộc diễn tập quân sự với qui mô lớn tại Bi Lô (đông nam huyện Tân Giang tỉnh Sơn Tây ngày nay), sau đó xây dựng tam quân (ba tập đoàn lớn), suy nghĩ đến việc tuyển chọn người làm nguyên soái. Triệu Suy nói : “Hồ đại phu có thể đảm nhiệm chức vụ nguyên soái của tam quân. Thần thường nghe ông ta nói chuyện. Qua việc nói năng của ông ta biết rằng ông ta rất yêu thích lễ, nhạc và tôn trọng thi, thơ. Thi, thơ là kho báu của nghĩa lý, lễ, nhạc là thước đo đạo đức. Đạo đức và nghĩa lý là cái căn bản và cơ sở của lợi ích. Trong Hạ Thư có một câu như thế này : “Sử dụng một nhân tài, nên nghe theo ý kiến của ông ta. Đem một nhiệm vụ cụ thể giao cho ông ta làm thử, làm cho ông ta có được thử thách rõ ràng. Nếu ông ta có công tích thì tặng thưởng cho ông ta xa mã, trang phục coi đó là thù lao”. Chúa công hãy thử dùng ông ta xem sao. Thế là Tấn Văn Công cử Hồ Cốc làm trung quân thống soái lĩnh trung quân, Hồ

Tân làm trung quân tá để giúp việc cho ông ta. Lệnh cho Hồ Yển làm thượng quân thống soái lĩnh thượng quân, nhưng Hồ Yển để cho Hồ Mao là thượng quân tướng, còn mình thì làm thượng quân tá, giúp việc cho Hồ Mao. Cử Triệu Suy làm Khánh soái lĩnh ba quân, nhưng ông ta lại nhường cho Loan Chi, Tiên Chấn. Sau đó lệnh cho Loan Chi làm hạ quân tướng, soái lĩnh hạ quân đưa Tiên Chuẩn làm hạ quân tá để giúp việc cho Loan Chi. Tuần Lâm phụ đánh xe cho Tấn Văn Công, Ngụy Ngưu làm người bảo vệ.

Tấn Văn Công vừa về nước bèn dạy bảo dân nước Tấn quen thuộc với việc binh, trải qua hai năm, Tấn Văn Công định dùng họ để đánh trận. Hồ Yển nói : “Nước Tấn chúng ta chiến loạn nhiều năm, người dân bình thường chưa phân biệt rõ đúng sai, chưa an cư được, thường dễ rời bỏ quê hương”. Thế là về đối ngoại thì ổn định Vương vị của Chu Tương Vương, đối nội thì ra sức mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Có được hai thành tích này, nhân dân dần dần yêu mến sản nghiệp, sống quen rồi không muốn dời đi nơi khác, yên tâm lo kể sinh nhai. Tấn Văn Công lại muốn sử dụng họ vào việc đánh nhau, Hồ Yển nói : “Nhân dân chưa thật hoàn toàn tin tưởng chúa công, chưa hiểu hết dụng ý các việc chúa công làm”. Thế là Tấn Văn Công dừng việc đánh Nguyên (tây bắc huyện Tế Nguyên tỉnh Hà Nam ngày nay) để lấy lòng tin ở nhân dân. Sau đó nhân dân làm ăn buôn bán, coi thường tiền của, không ham nhiều lợi, hiểu rõ khế ước của chúng tín. Tấn Văn Công nói : “Như vậy có thể sử dụng nhân dân vào việc chiến đấu rồi chứ ?” Hồ Yển đáp : “Nhân dân vẫn còn chưa biết rõ lẽ tiết của sự giàu nghèo sang hèn, chưa có lòng cung kính”. Thế là có cuộc diễn tập qui mô lớn để thi phạm về lẽ tiết của sự giàu nghèo sang hèn, bắt đầu thiết lập quan trật lộc để quản lý trật ngạch của tước lộc, điều chỉnh và sắp xếp quan lại trong nước. Nhân dân nghe mệnh lệnh mà không cảm thấy mê

hoặc, sau đó mới dùng họ vào việc chiến đấu. Sau đó làm cho binh lính của nước Sở rút lui khỏi đất Cốc (huyện Đông A, tỉnh Sơn Đông ngày nay) loại bỏ nguy cơ bị vây của nước Tống. Chỉ cần một trận chiến đấu là giành được ngôi bá chủ đó là nhờ Tấn Văn Công giáo hóa nhân dân. Hi công nhị thập bát niên (năm 632 trước công nguyên).

Mùa xuân năm Lỗ Hi Công thứ hai mươi tám, Tấn Văn Công sắp tiến đánh nước Tào cần phải mượn đường Vệ để quân đội đi qua. Nước Vệ không cho phép. Thế là phải đi vòng về phía Nam nước Vệ để vượt qua Hoàng Hà, xâm lược nước Tào. Sau đó quay lại đánh nước Vệ. Ngày 11 tháng giêng quân Tấn chiếm lĩnh vùng Ngũ Lộc của nước Vệ (huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Bắc ngày nay).

Tháng hai, trung quân tướng của nước Tấn qua đời, Tiên Chấn thăng chức trung quân tướng, Ty Không Quý Tử tiếp nhận chức vụ hạ quân tá của Tiên Chấn. Đây là tuyển chọn nhân tài qua phẩm chất đạo đức.

Tấn Văn Công và Tề Chiêu Công định lập minh ước tại Liêm Vu (phía nam huyện Bộc Dương tỉnh Hà Bắc ngày nay). Vệ Thành Công yêu cầu được tham gia liên minh, nhưng nước Tấn không đồng ý. Vệ Thành Công chuyển hướng định liên minh với nước Sở, nhưng nhân dân nước Vệ không bằng lòng. Thế là nhân dân nước Vệ đuổi Thành Công đi để lấy lòng nước Tấn. Vệ Thành Công chạy đến Tương Ngưu (đông nam huyện Bộc, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Nguyên nước Lỗ liên minh với nước Sở, Lỗ Hi Công phái công tử Mãi đi giúp quân Sở đóng giữ nước Vệ, sau đó nước Sở cất binh cứu Vệ không thành công, điều đó tạo nên sự lo sợ của Lỗ Hi Công đối với nước Tấn, thế là giết chết công tử Mãi để lấy lòng nước Tấn, lại còn nói rằng nước Lỗ cử quân lính đi đóng giữ

nước Vệ hoàn toàn là do ý của công tử Mãi. Ngược lại nói với nước Sở rằng : “Công tử Mãi không hoàn thành nhiệm vụ đóng giữ nước Vệ cho nên phải xử tử anh ta”.

Tấn Văn Công xuất quân bao vây nước Tào. Lúc đánh vào cửa thành tổn thất rất nặng nề. Người nước Tào đem xác chết quân Tấn bày ra trong thành. Về việc này Tấn Văn Công hết sức lo lắng, bèn nghe theo mưu kế của nhiều người : “Chúng ta cần đào mộ tổ của người Tào lên, đồng thời hạ trại đóng quân ở đó”. Sau đó quân đội bèn rút đi. Người Tào cảm thấy lo sợ không yên. Họ bèn đem thi thể của quân Tấn mà họ nhặt được bỏ vào quan tài rồi vận chuyển ra khỏi thành mong rằng quân Tấn không đào mộ tổ của họ nữa. Quân Tấn nhân lúc người Tào lo sợ bất yên bèn gấp rút đánh vào thành. Mông 10 tháng ba đánh vào đô thành nước Tào. Thế rồi chất vấn tội trạng của Tào Cộng Công. Việc thứ nhất là tại sao ông ta không nghe lời Hi Phụ Kỵ, việc thứ hai là : Nước Tào là một nước nhỏ trái lại có đến hơn 300 quan lớn ngồi hiên xa. Đồng thời yêu cầu tất cả đại phu giao nộp bản công trạng, đồng thời ra lệnh không cho phép bất cứ ai đến nơi ở của Hi Phụ Kỵ để quấy rầy, còn ân xá cho những người cùng tộc với Hi Phụ Kỵ. Xem thử bọn đại phu nước Tào này có những công đức gì mà được quan cao bổng lộc nhiều, đó là vì báo đền cái ơn Hi Phụ Kỵ cho cơm. Bởi vì Ngụy Ngưu chỉ làm tới chức bao vệ binh xa, Điền Hiệt là một quan nhỏ như hạt mè hạt đậu mà thôi. Cho nên hai người họ bất bình nói : “Chúa công không thêm báo đáp công lao chúng tôi thấp túng chúa công chạy trốn mà lại đi báo đáp kẻ cơ hội là Hi Phụ Kỵ ?” Bọn họ tức giận quá bèn phóng hỏa đốt nhà ở của Hi Phụ Kỵ. Kết quả Ngụy Ngưu làm bỏng ngực mình. Tấn Văn Công định giết Ngụy Ngưu, nhưng vì còn tiếc tài cán của ông ta nên sai người đi dò xét xem thử ông ta bị thương như thế nào. Nếu bị thương nặng thì đợi sau khi trở về

báo cáo xong sẽ giết chết ông ta. Ngụy Ngưu băng bó vết thương ở ngực ra hội kiến sứ giả : “Nhờ ơn của chúa thượng, ông xem tôi vẫn bình an đó chứ ?” Tiếp đó nhảy về phía trước ba trăm lần, nhảy lên cao ba trăm lần, biểu thị vết thương không nặng lắm, tình trạng sức khỏe vẫn còn tốt. Tấn Văn Công bèn tha Ngụy Ngưu, chỉ giết Điền Hiệt để thị uy quân lính. Sau đó cử Đan Chi Kiêu thay thế Ngụy Ngưu, đảm nhận chức hộ vệ cho binh xa.

Nước Tống cử đại phu Môn Doãn Ban đến nước Tấn cầu xin cứu viện. Nếu chúng ta khoanh tay làm ngơ, không chú ý đến nước Tống, tất sẽ đoạn tuyệt bang giao với chúng ta. Nhưng nếu chúng ta thỉnh cầu nước Sở lui quân, nước Sở nhất định không đồng ý. Ta muốn đánh nhau với Sở một trận, cứu cho nước Tống thoát khỏi nguy cơ. Nhưng hai nước Tề và Tần cũng không chắc đã giúp đỡ. Ta nên làm sao bây giờ ?” Tiên Chân nói : “Tìm mọi cách làm cho nước Tống không cầu nước ta, mà nên hồi lộ cho hai nước Tề, Tần, dựa vào hồi lộ để hai nước Tề, Tần yêu cầu nước Sở rút quân. Chúng ta nắm lấy quốc quân nước Tào, sau đó chia đất của hai nước Tào, Vệ cho nước Tống. Nước Sở yêu quý bảo vệ hai nước Tào, Vệ, Tất không thể phân chia cho họ. Hai nước Tề, Tần thích sự hồi lộ của nước Tống, tức giận sự phản kháng của nước Sở, thì làm sao không tuyên chiến với nước Sở được ?” Tấn Văn Công nghe nói rất lấy làm phấn khởi, nắm chặt lấy quốc quân nước Tào, chia cắt đất đai của hai nước Tào, Vệ rồi dâng cho nước Tống.

Sở Thành Vương tiến vào đất Thân (vùng chung quanh huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) mệnh lệnh cho Thân Thúc đưa quân rời khỏi Cốc (tây bắc huyện Cốc Thành tỉnh Hồ Bắc ngày nay), mệnh lệnh cho Tử Ngọc đem quân rời khỏi nước Tống, và nói : “Không nên đuổi theo quân Tấn, chúa công nước

Tấn lưu lạc bên ngoài đã mười chín năm, sau đó mới có được nước Tấn. Trong 19 năm đó ông ta đã nếm trải đủ mùi cay đắng, ông ta biết rõ thật hư của nhân dân. Ông Trời cũng để cho ông ta được sống lâu và quét sạch mọi tai họa của nước Tấn. Ông ta là do Trời lập nên, lẽ nào có thể phế truất được ? Trong quân chí có nói : “Biết dừng ở chỗ vừa phải, không nên thái quá”, lại còn nói : “Biết khó mà thắng nổi, thì cần phải rút lui”, lại nói : “Không nên đối địch với người có đạo đức”. Ba câu nói này dường như là để nói về nước Tấn”. Tử Ngọc sai Đầu Tiêu thỉnh cầu Sở Thành Vương cho phép ông ta dẫn đầu quân Sở ra trận. Ông ta nói : “Thần không dám nói là sẽ đánh thắng trận, nhưng thần phải bịt miệng những kẻ chuyên nói xấu thần !” Sở Thành Vương rất tức giận về việc Tử Ngọc làm trái ý ông ta, cố ý cho ông ta số binh lính ít hơn. Trên thực tế chỉ có 15 binh xa ở tây Quảng (Quảng : là tên gọi một đơn vị biên chế trong quân đội nước Sở, mỗi “quảng” có 15 binh xa). Quân đội đóng quân nguyên thuộc về thái tử và 600 thân binh đồng tộc của Tử Ngọc thì giao cho Tử Ngọc soái lĩnh.

Tử Ngọc cử đại phu Uyển Xuân nói với quân đội nước Tấn rằng : “Xin các anh hãy để cho quốc quân nước Vệ quay trở về nước Vệ, cùng với quốc quân của nước Tào nắm giữ trở lại việc nước, chúng tôi cũng sẽ giải tỏa sự bao vây đối với nước Tống”. Hồ Yển nghe xong bực tức nói với Tấn Văn Công rằng : “Tử Ngọc thật là coi trời bằng vung, dám to gan vô lễ, chúa quân ta chỉ được lợi một việc, còn ông ta là thần trái lại thu được hai điều lợi. Nên tấn công nước Sở, không nên bỏ qua cơ hội này”. Tiên Chấn khuyên can Hồ Yển rằng : “Ông nên bằng lòng với họ an định đất nước của người khác đó là lễ, dựa vào cái gì để đi đánh nhau với nước Sở ? Không bằng lòng với đề nghị của nước Sở, đó chính là vứt bỏ nước Tống. Cứu Tống mà lại bỏ rơi Tống thì

ăn nói làm sao với các nước chư hầu. Nước Sở làm như vậy thì ba nước hàm ơn, chúng ta làm như vậy thì ba bước oán giận. Oán giận càng nhiều thì làm sao mà đánh nhau với nước Sở được ? Chi bằng lẳng lặng cho phép khôi phục địa vị của quốc quân hai nước Tào, Vệ để cho họ lại cai quản việc nước, ly gián quan hệ đồng minh giữa hai nước với nước Sở, giam giữ chặt Uyển Xuân sứ giả của nước Sở để kích cho nước Sở tức giận. Đợi đến sau khi quyết chiến hãy suy nghĩ đến việc có nên khôi phục địa vị cho quốc quân hai nước Tào, Vệ hay không”. Tấn Văn Công bằng lòng với ý kiến này, bèn giam giữ Uyển Xuân tại nước Vệ, lẳng lặng cho phép khôi phục địa vị của quốc quân hai nước Tào, Vệ. Hai nước Tào, Vệ cắt đứt quan hệ qua lại với nước Sở.

Quả nhiên Tử Ngọc vô cùng tức giận. Quân Sở nhằm về phía quân Tấn chuẩn bị tấn công. Quân Tấn ngược lại rút về phía sau. Một quan lại nhỏ trong quân đội nước Tấn nói rằng : “Quân đội do một quân chủ thống soái mà đi trốn quân đội một thần tử chỉ huy là một điều nhục nhã. Hơn nữa quân đội nước Sở nhiều năm ở bên ngoài đã hết sức rệu rã, mất hết ý chí chiến đấu. Tại sao ta lại phải rút lui để tránh họ ?”. Hồ Yên trả lời rằng : “Quân đội chính nghĩa có lẽ phải không sợ gì cả. Khi vào trận sinh lực tràn trề. Nếu xuất quân đi đánh nước người mà không có lý do, đuổi lý, sức lực sẽ yếu kém, khi vào trận không có ý chí chiến đấu. Quân đội có đánh nhau được hay không, vấn đề không ở chỗ thời gian quân đội ở bên ngoài dài hay ngắn ! Nếu như lúc đầu chúa quân ta không chịu ân huệ của nước Sở thí cho, thì sẽ không có ngày nay. Rút lui về phía sau, tránh đụng chạm với quân Sở là để trả ơn. Nếu chúng ta không rút lui về phía sau là bội ước lời thề, như vậy chỉ làm cho họ càng cùng chung mối thù, đồng thời khiến chúng ta đuổi lý, mà họ càng trở nên chính nghĩa. Quân đội của nước Sở xưa nay được cung cấp đầy đủ quân

nhu không thiếu, binh sĩ tinh thần dồi dào không thể nói là họ suy yếu bạc nhược. Nếu như chúng ta rút lui, nước Sở cũng đưa quân về nước, thế thì chúng ta còn đòi hỏi gì nữa ? Nếu như chúng ta rút lui mà họ không về nước, chỉ riêng có quốc quân ta tránh né, mà thần tử của họ phạm thượng, thì đó có nghĩa là họ phi nghĩa". Thế là quân Tấn rút lui về phía sau. Quân đội nước Sở định truy đuổi, nhưng Tử Ngọc không đồng ý.

Mùa hè. Ngày 3 tháng 4, quân đội của Tấn Văn Công, Tổng Thành Công, Tề đại phu Quắc Quý Phụ, Thôi Yên và con út Tần Mục Công đóng quân tại Thành Bộc (đông nam huyện Bộc tỉnh Sơn Đông ngày nay). Quân đội nước Sở đóng quân tại vùng đất phía sau vô cùng hiểm trở (đông nam huyện Bộc tỉnh Sơn Đông ngày nay). Tấn Văn Công vô cùng lo lắng. Bỗng nhiên ông ta nghe mọi người hát rằng : "Trên vùng đất vừa cao vừa bằng phẳng ! Mùa màng tốt tươi, rậm rạp. Hãy nhanh chóng đào bỏ gốc cây cũ, chuẩn bị cấy mạ mới". Khi nghe mọi người hát bài hát này, Tấn Văn Công càng do dự hơn. Hồ Yên thúc giục Tấn Văn Công : "Hãy chiến đấu đi. Nếu như chiến thắng sẽ được các nước chư hầu ủng hộ tôn sùng. Nếu không chiến thắng, đất Tấn ta trong ngoài địa thế hiểm trở thì cũng không có hại gì !" Tấn Văn Công hỏi rằng : "Nhưng còn ân tình của nước Sở đối với chúng ta thì ta sẽ ăn nói làm sao ?" Loan Chi nói : "Những nước thuộc họ Cơ ở bờ bắc Hán Thủy hết nước này đến nước khác bị Sở thôn tính, chúa công chỉ nghĩ đến chút ân huệ của nước Sở đối với chúng ta mà quên mất cái nhục lớn của họ Cơ. Chi bằng quyết chiến với họ". Vào một đêm, Tấn Văn Công nằm mơ thấy mình đánh lộn với Sở Thành Vương. Sở Thành Vương đi lên người mình, còn dùng miệng cắn vào đầu mình nữa. Tấn Văn Công cho rằng đây là điềm báo trước sự thất bại nên cảm thấy lo sợ. Hồ Yên nói với ông ta rằng : "Đây là điềm lành, nằm ở dưới đất nhìn

thấy trời, biểu thị chúng ta được trợ giúp để lên trời. Sở quân dè lên người chúa thượng, mặt nhìn xuống đất, lưng hướng về trời là dấu hiệu nhận tội. Chúng ta cần phải áp dụng chiến thuật lấy mềm mỏng chống lại cứng rắn”.

Tử Ngọc cử Đấu Bật làm đại diện đi khiêu chiến quân Tấn. Đấu Bật nói : “Ta muốn mời đội quân của chúa công so tài, cũng mời chúa công leo lên xe xem đấu, Tử Ngọc của chúng tôi cũng sẽ cùng chúa thượng xem đấu”. Tấn Văn Công cử Loan Chi thay mặt mình trả lời Đấu Bật : “Quả nhân có nghe mệnh lệnh khiêu chiến của các ông. Ân huệ của Sở quân đối với quả nhân (Tấn Văn Công khiêm xưng), quả nhân không bao giờ dám quên, cho nên dừng quân ở đây, không dám tiến lên. Đối với sự rút lui của Tử Ngọc quân Tấn còn không dám chống chọi, càng không dám ngăn chặn quân Sở ! Nay đã không nhận được mệnh lệnh rút quân của các ông, thì nhân đây phiên đại phu báo lại với các tướng quân khác hãy chuẩn bị quân lính của mình, làm việc tận tụy cho quốc quân các người. Sáng sớm ngày mai, mọi người gặp nhau ở chiến trường”.

Quân lính nước Tấn có đến 700 thặng, tổng cộng 52.500 người. Người ngựa đã chuẩn bị đầy đủ. Tấn Văn Công leo lên đồng hoang tàn ở Hữu Tân (bắc huyện Tào tỉnh Sơn Đông ngày nay) để kiểm duyệt quân nước Tấn, sau đó nói rằng : “Người nhỏ tuổi đứng phía trước, người lớn tuổi đứng phía sau, giữ gìn kỷ luật quân đội, biết nhường nhau theo nghi lễ. Có thể đi chiến đấu được. Thế là bèn đồn rất nhiều cây cối, tăng thêm vũ khí đánh trận. Ngày mồng bốn, quân Tấn bày binh bố trận ở phía bắc Thành Bộc, Tư Không Quý Tử dùng quân đội của hạ quân tá chống lại quân đội của hai nước Trần, Thái. Tử Ngọc lấy sáu trăm

người đồng tộc làm thân binh đảm trách trung quân. Tử Ngọc nói : “Hôm nay nhất định phải tiêu diệt quân Tấn”. Đấu Nghi Thân thống soái tả quân, Đấu Bật thống soái hữu quân. Tư Không Quý Tử dùng da hổ che kín thân ngựa, trước tiên đánh vào quân của hai nước Trần, Thái. Quân hai nước Trần, Thái bỏ chạy, sau đó đánh tan hữu quân do Đấu Bật thống soái. Trong việc hành quân thời cổ đại, trung quân là chủ soái, chỉ có trung quân mới được giương cờ lớn hai mặt. Hồ Mao thống soái thượng quân, nhưng ông ta lại cố ý giương cờ hai mặt rút lui về phía sau, làm cho quân Sở của Tử Ngọc tưởng lầm rằng quân Tấn thua chạy, để dụ quân Sở do Hồ Mao thống soái vào sâu. Loan Chi cũng mệnh lệnh cho binh lính hạ quân vác theo cây gỗ giả đồ thảo chạy. Tả quân nước Sở do Đấu Nghi Thân thống soái bèn truy kích hạ quân do Loan Chi thống soái. Đúng vào lúc này trung quân và thân binh do Tiên Chân và Khước Tần cầm đầu đánh thọc sườn. Hồ Mao, Hồ Yên lại dùng thượng quân giáp công. Thế là tả quân của Sở đại bại. Kết quả quân đội nước Sở thất bại thảm hại. Tử Ngọc thu trung quân dừng lại không tham chiến nữa, cho nên không bị đánh bại. Quân Tấn nghỉ ngơi ba ngày, ăn lương thực của quân Sở, đến ngày mồng tám đưa quân về nước.

Ngày 29, quân Tấn hành quân đến Hoành Ung (tây bắc huyện Nguyên Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay). Chu Tương Vương nghe nói quân Tấn thu được thắng lợi, đích thân đến ủy lạo. Tấn Văn Công xây dựng cho Chu Tương Vương một sở hành cung tại Tiểu Thố (đông bắc huyện Quảng Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay).

Ba tháng trước khi xảy ra chiến dịch này. Trịnh Văn Công đã gởi quân đội nước Trịnh sang nước Sở chuẩn bị đánh nhau với quân Tấn. Lần này bởi vì quân Sở chiến bại, Trịnh Văn Công sợ

nước Tấn trả thù bèn cử Tử Nhân Cửu đến nước Tấn cầu hòa. Nước Tấn lại cử Loan Chi sang nước Trịnh, cùng Trịnh Văn Công kết thành đồng minh. Ngày 11 tháng 5 Tấn Văn Công và Trịnh Văn Công ký kết minh ước tại Hoành Ung.

Tháng 12, Tấn Văn Công đem tù binh của các nước Trần, Thái, Sở dâng cho Chu Tương Công và gần 400 ngựa có mang giáp, một ngàn bộ binh. Trịnh Văn Công cho Chu Tương Công đảm nhận chức Tư Nghi, ông ta dùng nghi thức mà trước đây Chu Bình Vương tiếp đón Tấn Văn Hầu để tiếp đón Tấn Văn Công. Ngày 14 Chu Tương Vương dùng rượu ngọt khoản đãi Tấn Văn Công, lại khuyên Tấn Văn Công nên uống nhiều một tí. Chu Tương Công lệnh cho các khanh sĩ là Doãn thị, Vương Tử Hổ, nội sử thúc và nội sử phụ dùng sách thư bổ nhiệm Tấn Văn Công làm trưởng các chư hầu. Lại cho Tấn Văn Công trang phụ dùng khi tế lễ và ngự đại xa màu vàng, trang phụ dùng khi đi binh xa, một cái cung màu đỏ, một trăm mũi tên màu đỏ, một cái cung màu đen và một trăm mũi tên màu đen và một bình rượu thơm nấu bằng hắc thủ, cùng với ba trăm dũng sĩ... và tuyên bố rằng : “Vua nói rằng thúc phụ (Chu Tương Vương gọi Tấn Văn Công) là người có thể phục tùng mệnh lệnh Chu Vương một cách cung kính, làm ổn định thiên hạ, sửa chữa những điều không hay cho Chu Vương, thanh trừ bọn xấu”. Tấn Văn Công nhiều lần từ chối, cuối cùng tuân theo lệnh vua và nói : “Trọng Nhĩ mạo muội cúi đầu bái lạy, tiếp nhận sự vĩ đại, quang minh của thiên tử, tiếp nhận lệnh của trời, đồng thời xin phát huy sự vĩ đại quang minh của thiên tử và mệnh lệnh đẹp đẽ”.

Tấn Văn Công tiếp nhận sách mệnh rồi lui ra. Sau đó Tấn Văn Công còn ba lần liên tục triều kiến thiên tử.

Vệ Thành Công nghe nói quân Sở chiến bại, trong lòng cảm thấy lo sợ, bèn bỏ nước Vệ chạy sang nước Sở, sau đó lại đến nước Trần. Ông ta đồng thời cử đại phu Nguyên Huyền đi cùng Vũ Thúc đến Tiền Thổ tham gia minh hội chư hầu — Ngày 28 tháng 5, Vương Tử Hồ cùng chư hầu các nước Lỗ, Tấn, Tề, Tống, Thái, Trịnh, Vệ ký minh ước tại Vương Đình Tiền Thổ. Minh ước có nói : “Mọi người đều phải trợ vương thất, không làm hại lẫn nhau. Nếu kẻ nào làm trái lại minh ước thì thần linh sẽ trừng phạt nghiêm khắc, làm cho kẻ đó quân lính tan nát, đất nước không trường thọ được. Cho dù truyền đến con cháu đời sau, bất kể già trẻ, nếu ai đi ngược lại minh ước này cũng đều bị thần linh trừng phạt nghiêm khắc. Quân tử đều cho rằng minh ước này phù hợp với chữ tín. Chiến dịch này của nước Tấn, có thể dựa vào đạo, đức mà đánh trận.

Nguyên là Tử Ngọc của nước Sở dùng hồng ngọc kết liên nhau trên bờm ngựa, dùng hồng ngọc trang sức yên ngựa, nhưng vẫn chưa dùng đến. Trước khi xảy ra chiến tranh Tử Ngọc nằm mơ thấy Hà thần nói với mình : “Người đưa bờm ngựa, yên ngựa trang điểm bằng ngọc cho ta, ta sẽ giao đất Mạnh Chư Trạch (huyện Thương Khưa tỉnh Hà Nam ngày nay) cho người”. Tử Ngọc không nỡ đưa bờm ngựa, yên ngựa trang sức bằng hồng ngọc cho Hà thần. Đâu Nghi Thân và con của Tử Ngọc là Tôn Bá sai Vinh Hoàng đến khuyên can, nhưng Tử Ngọc không nghe. Vinh Hoàng nói : “Chỉ cần có lợi cho đất nước, cho dù có hy sinh tánh mạng cũng không tiếc ? Huống chi là một miếng ngọc ? Hồng ngọc này chỉ là phân là đất, không có một chút giá trị, không làm cho quân đội qua sông được thì có gì là quý giá đâu ?” Tử Ngọc không nghe. Vinh Hoàng trở ra báo với Tôn Bá và Đâu

Nghi Thân : “Không phải là thần linh đánh bại lệnh doãn. Lệnh doãn không dốc lòng vì việc dân, quả là tự mình đánh bại mình vậy.” Đến khi Tử Ngọc thua trận, sứ giả của Sở Thành Vương nói với họ : “Đại phu (chỉ Tử Ngọc) nếu trở về, ông ta sẽ đem nướng hết con em của hai vùng Thân, Túc trên chiến trường. Ông ta sẽ ăn nói làm sao với các bậc phụ lão ở hai vùng Thân, Túc ?” Đâu Nghi Thân và Tôn Bá nói : “Tử Ngọc vốn định tự sát. Hai người chúng tôi can ngăn ông ta, chúa công ta sẽ xử ông”. Đợi khi đi đến Liên Cốc (phía đông huyện Phương Thành tỉnh Hà Nam ngày nay), Tử Ngọc không nhận được mệnh lệnh ân xá của Sở Thành Vương, bèn tự sát. Tấn Văn Công nghe câu chuyện này hơn hờ ra mặt, bèn nói : “Từ đó sẽ không còn ai đối địch với ta nữa”.

CHÚC CHI VŨ THUYẾT PHỤC NƯỚC TẦN RÚT QUÂN

Hì công tam thập niên (năm 630 trước công nguyên)

Tấn Văn Công liên hợp với Tần Mục Công đem quân bao vây nước Trịnh, một trong những nguyên nhân là khi Tấn Văn Công là công tử chạy trốn ra nước ngoài lúc đi ngang qua đất Trịnh, Trịnh Văn Công không tiếp đón ông ta theo nghi lễ. Một nguyên nhân khác là nước Trịnh nhìn thấy nước Sở ngày càng lớn mạnh bèn giao hảo với nước Sở, ăn ở hai lòng với nước Tấn. Quân đội nước Tấn đóng trại tại Hàm Lăng, (bắc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay). Quân đội nước Tần đóng trại tại phía nam Phiếm Thủy (phía nam huyện Trung Mâu tỉnh Hà Nam ngày nay). Đại phu nước Trịnh là Dật Chi Hồ bẩm báo với Trịnh Văn Công : “Tình thế của nước nhà vô cùng nguy khốn ! Nếu như cử Chúc Chi Vũ đi gặp quốc quân của Tần, quân Tần nhất định sẽ triệt thoái”. Trịnh Văn Công nghe theo lời Dật Chi Hồ bèn cử Chúc Chi Vũ đến nước Tần. Sau khi nhận được mệnh lệnh Chúc Chi Vũ bèn từ chối rằng : “Tôi lúc còn trai trẻ đã không bằng người, nay đã già yếu rồi chẳng làm nên việc gì đâu !”. Trịnh Văn Công nói : “Ta không sớm trọng dụng ngươi, ngày nay tình thế khẩn cấp ta mới mời ngươi ra giúp nước, ấy là cái lỗi của ta đó. Nhưng, nếu nước Trịnh bị diệt vong thì cũng không có lợi cho ngươi”. Thế là Chúc Chi Vũ bèn đồng ý.

Đêm hôm ấy, Nước Trịnh dùng dây buột Chúc Chi Vũ rồi từ

từ thả xuống chân tường. Chúc Chi Vũ nhìn thấy Tần Mục Công bèn nói : “Quân đội nước Tần, nước Tấn liên hợp bao vây nước Trịnh chúng tôi. Chúng tôi cũng biết là sắp bị diệt vong. Nếu như nước Trịnh diệt vong có lợi cho nước Tần các ông thì tôi xin mạo muội lấy việc nước Trịnh diệt vong mà làm phiền chúa công. Nước Tấn nếu vượt qua nước Tấn mà lại lấy đất của nước Trịnh làm biên ấp tôi nghĩ rằng chúa công cũng biết việc ấy là khó khăn. Nói như vậy thì đâu cần phải dùng đến việc tiêu diệt nước Trịnh chúng tôi để làm tăng thêm đất đai của nước Tần ? Đất đai nước Tấn mở rộng ra cũng có nghĩa là đất đai nước Tần thu hẹp lại. Nếu như chúa công chịu nổi tay, không xâm lược nước Trịnh chúng tôi, lúc đó nước Trịnh chúng tôi có thể làm chủ nhân con đường phía đông. Các sứ tiết ngoại giao của nước Tần các ông qua lại Đông, Tây thì chúng tôi có thể cung cấp nơi ăn chốn ở. Như vậy đối với các ông có hại gì ? Và lại Tấn Huệ Công dựa vào lực lượng của nước Tần mới trở về được nước Tấn và ngồi vào vị trí quốc quân. Ông ta nói rằng để đền đáp ân tình của chúa công đối với ông ta nên đã giao cho nước Tần hai vùng Tiêu, Hà (vùng phụ cận huyện Thiểm, tỉnh Hà Nam ngày nay). Nhưng khi ông ta đã qua sông Hoàng Hà trở về nước, liền lập tức xây đắp tường thành, xây dựng các công sự phòng ngự ở Tiêu, Hà. Việc này chúa công biết rất rõ. Nước Tấn ấy chẳng bao giờ thấy thỏa mãn. Nước Tấn đã lấy nước Trịnh làm biên giới phía đông, lại ra sức bành trướng biên giới phía tây. Nếu không lấy đất từ nước Tấn, thì lấy đất ở đâu bây giờ ? Tiêu diệt nước Trịnh, làm tổn hại nước Tấn làm lợi cho nước Tấn, vậy mong chúa công suy nghĩ kỹ cho việc này”.

Tần Mục Công rất phấn khởi, bèn cùng nước Trịnh ký kết minh ước, đồng thời cử ba đại phu nước Tấn là Kỳ Tử, Phùng

Tôn và Dương Tôn đóng quân lại, để giữ hộ cho nước Trịnh. Sau đó Tần Mục Công trở về nước Tần.

Hồ Yển, đại phu nước Tấn yêu cầu Tấn Văn Công phái binh đi đánh nước Tần. Tấn Văn Công nói : “Không được, nếu không có sự giúp đỡ của Tần Mục Công thì ngày ta cũng không làm được quốc quân của Tấn. Dựa vào lực lượng của người ta, sau khi thành đạt lại đi làm hại người ta, đó là bất nhân. Làm mất đi nước đồng minh đó là thiếu khôn ngoan. Phá hoại sự đoàn kết hợp tác là điều ngu xuẩn. Ta cũng không muốn quay trở về”. Sau đó rời khỏi nước Trịnh.

TRẬN ĐÁNH GIỮA TẦN VÀ TẤN Ở ĐẤT HÀO

Hi công tam thập nhị niên (năm 628 trước công nguyên)

Ngày 11 tháng 12 mùa đông năm Lỗ Hi Công thứ ba mươi hai Tấn Văn Công qua đời. Ngày 12 đưa linh cữu của Tấn Văn Công về quê ở đất Khúc Ốc (phía đông huyện Quan Hi tỉnh Sơn Đông ngày nay). Khi linh cữu đi ra khỏi cửa thành nước Tấn (đông nam huyện Dục Thành tỉnh Sơn Tây ngày nay) thì trong linh cữu phát ra tiếng kêu to như tiếng trâu rống. Quan thái bosc là Quách Yển nghe được âm mưu bí mật của nước Tần, bèn mượn tiếng kêu phát ra từ linh cữu bảo quần thần quỳ lạy và nói : “Đây là tiên quân dặn dò chúng ta về việc chiến tranh đại sự, quân đội nước Tần ở phía tây sắp vượt qua lãnh thổ của chúng ta. Đến lúc đó công kích chúng nó nhất định sẽ thắng lớn”.

Đại phu nước Tần là Kỷ Tử từ nước Trịnh cử sứ giả về nước báo cáo rằng : “Người Trịnh cử khanh trấn giữ cửa bắc biên cương nước Trịnh, nếu như bí mật xuất quân cộng thêm sự nội ứng của khanh thì sẽ lấy nước Trịnh một cách dễ dàng”. Sau khi nghe những lời này thì đến thăm Kiến Thúc, hỏi suy nghĩ của ông ta về vấn đề này. Kiến Thúc nói : “Đưa quân đội đã mệt mỏi mà tập kích một nơi xa xôi, khanh chưa từng nghe những việc như thế này. Quân đội mệt mỏi rệu rã lại thêm kẻ địch nhất định sẽ phòng thủ trước có lẽ không làm được đâu ? Hành động của quân đội người nước Trịnh nhất định biết được, mệt nhọc vất vả mà không được gì, nhất định sẽ nảy sinh lòng phản nghịch.

Hướng chi mỗi ngày hành quân hàng ngàn dặm, tài nào mà che mắt thiên hạ ?” Tần Mục Công phật ý ra về, lại triệu kiến Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính, cử bọn họ xuất quân, rời khỏi đông môn. Kiến Thúc rơi lệ vì đoàn quân này, đồng thời nói : “Mạnh Minh Thị, ta xem ra đội quân này chỉ có ra đi mà không có trở về”. Sứ giả của Tần Mục Công nói với Kiến Thúc một cách thô bạo : “Ông thì biết cái gì. Nếu ông chỉ sống đến sáu mươi tuổi, thì cây cối trên mộ ông đã to bằng một người ôm rồi, thật là già rồi mà không chịu chết !”.

Con của Kiến Thúc cũng có mặt trong đoàn quân viễn chinh của nước Tần. Kiến Thúc đàm địa nước mắt tiên con : “Quân đội nước Tấn sẽ bố trí phòng ngự tại đất Hào (tây bắc huyện Lạc Ninh tỉnh Hà Nam ngày nay). Đất Hào có hai quả núi thật lớn. Mộ của Quân Cao nằm ở đỉnh núi phía nam. Chu Văn Vương từng tránh mưa gió ở đỉnh núi phía bắc. Nhất định con sẽ bị tử trận giữa hai quả núi này, không khéo ta sẽ nhật xương con ở chỗ đó”. Quân đội nước Tần tiến về phía đông.

Hi công tam thập tam niên (năm 629 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Hi công thứ ba mươi ba, lúc quân Tần đi ngang qua cửa bắc của kinh đô nước Chu (tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) Thượng tã Nhung, Hữu Vệ Thoát, Hạ Thiết Khôi thuộc binh xa quân Tần xuống xe đi bộ để biểu lộ sự tôn kính đối với Chu Tương Vương. Nhưng vừa xuống xe lại leo lên xe, biểu thị sự ngông cuồng vô lễ. Vương tôn Mãn lúc bấy giờ tuy còn nhỏ, nhưng nhìn thấy cảnh tượng này bèn nói với Chu Tương Vương : “Quân đội nước Tần ngông cuồng phóng túng, lại không tuân theo lễ phép, thì xuất quân đánh trận, thất bại là cái chắc. Ngông cuồng phóng túng thì sẽ không có kế hoạch chu đáo cẩn mật được, không tuân theo lễ phép thì sẽ không thể

thận trọng tỉ mỉ được. Hành quân vào nơi hiểm trở mà khinh xuất, lại không có kế hoạch chu đáo tỉ mỉ thì không thất bại sao được ?”.

Quân Tần đến nước Hoạt (phía nam huyện Yên Sư tỉnh Hà Nam ngày nay) thương nhân nước Trịnh là Huyền Cao đang định đến Vương Thành (tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) để buôn bán, trên đường đi gặp quân Tần. Thế là Huyền Cao bèn đem bốn tấm da và 12 con bò ủy lạo quân Tần và nói với thống soái quân Tần : “Quốc quân chúng tôi nghe nói quân Tần các ông sẽ đi ngang qua nước Trịnh, chúng tôi mạo muội đến ủy lạo quân đội của các ông. Nước Trịnh chúng tôi tuy không phải là một nước giàu có, nhưng e rằng quân đội các ông phải ngừng lại nên chúng tôi vui lòng cung cấp lương thảo cho các ông. Nếu như quân đội các ông phải xuất phát, chúng tôi nguyện trực đêm bảo vệ cho các ông”, đồng thời sai người vội vàng về nước báo cáo tình hình.

Trịnh Mục Công biết chuyện này, lập tức cử người đi giám sát tình hình quân Tần đang đóng quân ở sứ quán nước Trịnh, phát hiện quân Tần đang sắp xếp hành trang, mài sắc vũ khí, cho ngựa ăn cỏ, có vẻ như đang chuẩn bị hành quân. Thế là Trịnh Mục Công cử Hoàng Vũ Tử thay mặt nước Trịnh đưa Công hàm cho họ và nói rằng : “Các ông dừng lại ở tề quốc rất lâu, có lẽ vì lương thực dùng hàng ngày và các loại nhu phẩm thường dùng đã cạn kiệt, cho nên các ông sắp xếp hành trang chuẩn bị rời khỏi tề quốc. Kỳ thực, hai nước Trịnh, Tần lâu nay vẫn qua lại mật thiết tình hữu nghị sâu đậm. Viên Phổ Nguyên Hựu (tây bắc huyện Trung Mâu tỉnh Hà Nam ngày nay) của nước Trịnh, cũng giống như Viên Hựu Cự Phổ (phía tây huyện Long, tỉnh Thiểm Tây

ngày nay) của nước Tần, các ông có thể lấy nhu yếu phẩm tại Nguyên Phố để trú quân tại nước Trịnh chúng tôi, các ông xem có được không?”. Bọn Kỷ Tử sứ giả nước Tần nghe xong biết rằng nước Trịnh đã nhìn thấu kế hoạch của họ, cho nên Kỷ Tử bỏ chạy sang nước Tề, Phùng Tôn, Dương Tôn bỏ chạy sang nước Tống.

Mạnh Minh chủ soái quân Tần quan sát tình hình, sau đó nói : “Nước Trịnh có sự chuẩn bị trước, chúng ta không thể làm gì được họ. Chúng ta tiến đánh họ, chưa chắc đã đánh đổ được họ. Nếu như bao vây họ, thì lực lượng phía sau của ta không tiếp ứng kịp, chỉ bằng rút quân về nước!”. Sau đó tiêu diệt nước Hoạt rồi lui quân về nước.

Đại phu nước Tấn Tiên Chấn nói : “Vì lòng tham thôn tính nước Trịnh, nước Tần đã không nghe lời khuyên của Kiến Thúc, làm cho nhân dân vất vả, khổ sở. Đây là cơ hội tốt đẹp mà ông trời ban cho chúng ta. Thiên cơ không thể để mất, kẻ địch không thể buông tha. Buông tha kẻ địch sẽ di hại vô cùng, đi ngược lại thiên cơ là điều không tốt. Nhất định phải tiến đánh quân Tần”. Loan Chi nói : “Chúng ta chưa đền đáp ân huệ của nước Tần đối với chúng ta mà lại tiến đánh quân đội của họ, đây chẳng phải là đã quên tiên quân rồi hay sao?”. Tiên Chấn trả lời rằng : “Nước Tần không đau thương trước việc tang của chúng ta, ngược lại thừa dịp tiến đánh các nước họ Cơ chúng ta, đó là nước Tần không giữ lễ phép, làm gì có ân với huệ? Ta nghe nói thả lỏng quân địch một ngày thì sẽ tạo nên tai họa cho mấy đời. Chúng ta xuất quân đánh quân Tần, là nghĩ đến con cháu đời sau, sao có thể nói là quên tiên quân được?”. Thế là ra lệnh động viên, đồng thời cử địch xa truyền lệnh cho Khương Nhung bảo họ động viên

quân đội. Tấn Tương Công lúc bấy giờ mặc tang phục màu đen đích thân cầm quân xuất chinh. Lương Hoàng đánh xe, Lai Câu làm hữu vệ.

Mùa hạ. Ngày mười bốn tháng tư, nước Tấn và liên quân củaa Khương Nhung đánh bại quân Tần ở Hào (phía bắc huyện Lạc Ninh tỉnh Hà Nam ngày nay) bắt Bách Lý Thị, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính làm tù binh. Người nước Tấn mặc tang phục màu đen đi an táng Tống Văn Công. Từ đó người Tấn mặc quần áo màu đen. Tống Văn Công phu nhân Văn Doanh thỉnh cầu Tương Công phóng thích ba vị tướng quân nước Tần, bà nói : “Ba người này quả thực là những người khiêu khích quân chủ hai nước Tấn, Tần. Quân chủ nước Tấn chúng ta ăn thịt của nước họ mà trong lòng còn không lấy gì làm ngon, hà tất phải tự hạ mình đi trừng phạt bọn họ, chi bằng phóng thích họ về nước, để nước Tần giết họ, để mãn nguyện tấm lòng của Tấn quân ta. Chúa công thấy thế nào ?” Tống Tương Công đồng ý bèn phóng thích bọn họ.

Tiên Chấn lên châu hỏi đến bọn tù nhân nước Tần. Tấn Tương Công nói : “Mẫu thân của ta thỉnh cầu phóng thích bọn họ, ta đã phóng thích rồi”. Tiên Chấn nổi giận nói : “Trên chiến trường các chiến sĩ phải tốn nhiều công sức mới bắt được bọn họ. Thế mà một người đàn bà trong nháy mắt đã ân xá, phóng thích họ, hủy hoại chiến quả của quân đội, lại làm tăng thêm mối hận thù của kẻ địch. Ngày mất nước không còn xa nữa !” Tiên Chấn vì quá tức giận quên cả lễ nghĩa quân thần, nhổ nước bọt trước mặt Tấn Tương Công.

Sau khi Tấn Tương Công đụng chạm với Tiên Chấn bèn cử

Dương Xứ Phu đuổi theo ba viên tướng nước Tần. Khi đuổi đến Hoàng Hà thì phát hiện ba vị tướng đã ngồi trên thuyền qua sông. Dương Xứ Phu bèn cưỡi dây cương con ngựa thắt ở bên trái xe, làm ra vẻ lệnh của Tương Công ban cho Bách Lý Thị, định khi Bách Lý Thị quay lại lấy ngựa thì tóm luôn cả bọn. Bách Lý Thị dập đầu lạy tạ : “Nhờ ân huệ của quốc quân các ông không giết chết một tù binh như ta, dùng máu của ta mà bôi lên trống, đã phóng thích ta về nước, để về nước Tần mà chịu tội tử hình. Nếu như quân chủ của nước Tần chúng tôi xử ta tội chết mà chém đầu ta, thì dù ta có chết đi cũng không quên ân huệ của quân chủ các người. Nếu như, nhờ ơn của quốc quân các ông mà ta thoát khỏi tội chết, ba năm sau ta sẽ quay lại tạ ơn và nhận lãnh tặng vật mà quốc quân các người ban tặng”.

Tần Mục Công mặc quần áo trắng dẫn quần thần ra ngoại ô chờ đón, nhìn thấy quân Tần mà lệ chảy đầm đìa. Mục Công nói : “Ta không nghe theo lời can khuyển của Kiên Thúc, làm cho quân lính chịu nhục nhã. Đây chính là tội lỗi của ta. Ta cũng không ra lệnh đình chỉ việc Bách Lý Thị đem quân đi đánh nước Trịnh. Đây cũng là sai lầm của ta. Các vị đại phu có tội lỗi gì. Hơn nữa, ta cũng không vì những sai lầm bé nhỏ mà che lấp những thành tựu to lớn”.

NƯỚC TRỊNH BẮT HOA NGUYÊN — ĐẠI PHU NƯỚC TỔNG — LÀM TÙ BINH

Tuyên Công nhị niên (năm 607 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Lỗ Tuyên Công thứ hai, Trịnh công tử là Qui Sinh tiếp nhận mệnh lệnh của nước Sở cầm quân Trịnh đi đánh nước Tống. Đại phu nước Tống là Hoa Nguyên, Lữ Nhạc cầm đầu quân đội phòng ngự sự công kích của quân Trịnh. Ngày 10 tháng 2, quân đội hai nước Trịnh, Tống đại chiến tại Đại Cốc (tây bắc huyện Chá Thành, tỉnh Hà Nam ngày nay). Quân Tống đại bại. Quân Trịnh bắt Hoa Nguyên, Lữ Nhạc làm tù binh, đồng thời thu được 400 chiếc binh xa, bắt làm tù binh 250 người, cắt 100 cái tai trái của quân Tống.

Đại phu nước Tống là Cuồng Giáo trên chiến trường gặp binh sĩ nước Trịnh. Binh sĩ nước Trịnh rút xuống giếng, Cuồng Giáo cầm ngược cây kích, cứu người lính đó ra khỏi giếng, kết quả Cuồng Giáo lại bị nước Trịnh bắt làm tù binh.

Người quân tử bình luận về việc Cuồng Giáo bị bắt làm tù binh rằng : “Cuồng Giáo làm sai yêu cầu lúc hành quân, làm trái mệnh lệnh giết giặc. Ông ta bị kẻ địch bắt làm tù binh là chuyện đương nhiên. Trong chiến tranh, hiểu biết, dũng cảm, cương nghị, chấp hành mệnh lệnh đó là “lễ”. Giết giặc là quả cảm, quả cảm giết giặc là “nghị”. Ta không giết giặc, giặc tất giết ta”.

Trước khi Tống, Trịnh đánh nhau, Hoa Nguyên giết dê đãi binh sĩ, nhưng lại không chia cho người đánh xe của ông ta là Dương Châm. Sau đó đến lúc chiến tranh, Dương Châm nói :

“Mấy hôm trước chia thịt dê là ông làm chủ, hôm nay đánh xe là do tôi làm chủ”. Đánh xe đưa Hoa Nguyên vào giữa quân Trịnh, cố ý đánh bại trận.

Người quân tử phê bình rằng : “Dương Chăm không phải là người. Vì thù oán cá nhân mà làm hại nước, hại dân, về mặt hình pháp thì không có tội nào lớn hơn. Trong Kinh thi có câu : “người mất hết lương tâm”, có lẽ để chỉ loại người như Dương Chăm vậy ! Chỉ để thỏa mãn niềm vui nhất thời của cá nhân mà khiến cho nhân dân chịu đau khổ.

Nước Tống dùng 100 chiếc binh xa và 400 ngựa hoa đưa cho nước Trịnh để xin chuộc Hoa Nguyên. Vừa mới chuyển một nửa số ngựa đến nước Trịnh thì Hoa Nguyên trốn thoát về nước Tống. Hoa Nguyên đứng ngoài thành, nói rõ thân thế của mình cho quan lại giữ thành biết, sau đó vào thành. Hoa Nguyên gặp Thúc Tường, Thúc Tường nói : “Có lẽ do ngựa của ngài không nghe theo sự chỉ huy của ngài, mới khiến cho ngài bị bắt làm tù binh”. Hoa Nguyên nói : “Không phải là ngựa không nghe chỉ huy chạy về phía quân Trịnh mà vì có kẻ muốn làm phản ta. Nước Tống chúng ta đã giảng hòa với nước Trịnh, nên ta chạy về”.

Sau đó, nước Tống củng cố thành lũy. Hoa Nguyên làm chủ soái phụ trách việc giám sát theo dõi tình hình thủ công của công trình. Người dân xây thành hát rằng : “Mất to, bụng phệ, vứt áo giáp, đánh bại trận, trốn chạy về. Râu dài, râu rậm, vứt mũ giáp, đánh bại trận, trốn chạy về” Hoa Nguyên sai thị vệ tả hữu đối đáp rằng : “Bò có da bò, con tê giác da càng nhiều hơn, vứt bỏ mũ giáp, không có làm sao cả”. Người dân xây thành lại hát rằng : “Tuy rằng da bò nhiều nhưng đan lại tất không đủ, ông xem phải làm sao ?” Hoa Nguyên nói : “Đi thôi, đi thôi ! Bọn họ người đông, lắm mồm lắm miệng, chúng ta chọi lại không nổi đâu”.

TỔNG LINH CÔNG KHÔNG THỰC HIỆN ĐẠO LÀM VUA

Tuyên Công nhị niên (năm 607 trước công nguyên)

Tổng Linh Công làm vua, nhưng không thực hiện đạo làm vua. Ông ta tăng thuế khóa, dùng tiền đó trang trí bích họa ở trên tường nhà, từ trên lầu cao dùng cung tên bắn vào người ta, để xem người ta tránh đạn như thế nào. Một hôm tể phu (tức là quan chuyên lo việc ăn uống) ninh chân gấu cho ông ta, nhưng ninh chưa được nhừ, ông ta bèn giết chết tể phu, rồi đặt ở trong một cái rọ, cố ý để cho một người phụ nữ dùng xe vận chuyển đi ngang qua triều đình để thị uy quần thần. Triệu Thuần và Sĩ Hội nhìn thấy tay của tể phu, hỏi rõ đầu đuôi câu chuyện và hết sức lo lắng về việc này. Triệu Thuần chuẩn bị đi can ngăn Tổng Linh Công, Sĩ Hội nói : “Nếu như sau khi ông vào can ngăn mà chúa công vẫn không chịu nghe, thì không còn ai có thể khuyên can được nữa. Sĩ Hội tôi sẽ vào khuyên trước, nếu như chúa công không chịu nghe thì sẽ mời ông ra tay” Sĩ Hội đi về phía trước một đoạn, phủ phục xuống đất hành lễ. Tấn Linh Công biết rằng ông ta sẽ vào khuyên can, giả bộ không nhìn thấy. Sĩ Hội đành tiến lên phía trước, lại hành lễ. Linh Công vẫn làm bộ không nhìn thấy. Sĩ Hội lại tiến về phía trước, đến dưới hiên nhà, Linh Công không còn trốn tránh được nữa, đành phải chú ý đến, Linh Công nói trước có ý đe nẹt : “Ta biết sai lầm mà ta phạm phải, cũng chuẩn bị để sửa chữa những sai lầm này”, định ngăn chặn

không cho Sĩ Hội nói. Sĩ Hội vẫn làm lễ rạp đầu (rạp đầu là lễ tiết cung kính nhất của người xưa. Động tác tựa như cúi đầu sát đất, nhưng trước tiên phải lạy, sau đó hai tay giao nhau đặt xuống đất, đầu phủ phục trước hai tay một hồi lâu. Động tác hết sức chậm rãi, sau đó đáp rằng : “Người nào lại không có sai lầm, phạm sai lầm mà biết sửa chữa thì không có việc gì tài giỏi hơn. Trong kinh thi có câu : “Sự việc nào lại không có mở đầu, có thủy có chung mới thật là hiếm”, xem ra người có thể sửa chữa được sai lầm không nhiều lắm. Nếu chúa công có thủy có chung thì đất nước chúng ta sẽ được củng cố, đâu chỉ có bọn thần tử chúng tôi là có thể dựa vào người. Trong kinh thư lại có câu : “Thiên tử có sai lầm, chỉ có Trọng Sơn Phủ có thể bù đắp được”. Điều này có nghĩa là có thể sửa được sai lầm. Nếu chúa công sửa chữa được sai lầm thì chúa công sẽ không mất đi ngôi vua của mình”.

Tấn Linh Công vẫn không sửa chữa sai lầm để trở thành người tốt. Triệu Thuần khuyên can hết lần này đến lần khác. Thế là Tấn Linh Công rất ghét Triệu Thuần, cử đại lực sĩ nước Tấn là Sừ Ngao đi ám sát Triệu Thuần. Trời chưa sáng Sừ Ngao đã ra đi, phát hiện cửa phòng ngủ của Triệu Thuần còn mở, nhìn thấy Triệu Thuần ăn mặc chỉnh tề sắp đi vào triều. Bởi vì trời còn sớm, Triệu Thuần ngồi ngủ gật. Thế là Sừ Ngao bèn lui ra than rằng : “Một người mà lúc nào cũng không quên cung kính, đó là người chủ thực sự của nhân dân. Giết người chủ của nhân dân là bất trung, còn không tuân theo mệnh lệnh của vua là bất tín. Con người sống ở trên đời, nếu phạm một trong hai điều bất trung, bất tín thì sống cũng không bằng chết” Nói xong đập đầu vào cây hòm mà chết.

Tháng chín, mùa thu năm Lỗ Tuyên Công thứ hai, Tấn Linh Công ban cho Triệu Thuần rượu ngon để uống, lại lẳng lặng kêu

vô sĩ mặc áo giáp mai phục, chuẩn bị đâm chết Triệu Thuần. Dũng sĩ của Triệu Thuần là Đề Di Minh phát hiện việc này, bèn vội vàng chạy lên thượng đường nói lớn : “Thần hầu rượt quốc quân, uống quá ba chung là thất lễ” Rồi vội vàng dìu Triệu Thuần đi ra. Tấn Linh Công gọi chó săn của ông ta, Đề Di Minh tay không đập chết con chó. Triệu Thuần nói : “Loại bỏ con người để dùng con chó. Chó tuy hung dữ nhưng nào có tác dụng gì ?” Thế là vừa đánh vừa chạy ra bên ngoài. Đề Di Minh lại vì Triệu Thuần mà tử nạn.

Có một lần Triệu Thuần săn bắn ở đầu Sơn (phía nam huyện Vinh Tế, tỉnh Sơn Tây ngày nay) từng ngủ đêm dưới gốc cây dâu, nhìn thấy Linh Triếp vì đói mà ngã bệnh. Hỏi Linh Triếp mắc bệnh gì, Linh Triếp trả lời rằng : “Ba ngày nay không ăn gì cả” Thế là đưa lương thực cho ông ta, Linh Triếp chỉ ăn một nửa. Triệu Thuần hỏi vì sao không ăn hết, Linh Triếp đáp rằng : “Thần đi ra ngoài du học đã ba năm, làm quan sai ba năm, không biết bây giờ mẹ thần có còn sống hay không. Bây giờ cách nhà không xa nữa. Xin để dành nửa phần còn lại cho mẹ thần ăn” Triệu Thuần bảo ông ta cứ ăn hết, đồng thời cho ông ta một giỏ cơm và thịt rồi bỏ vào một cái túi da đưa cho ông ta. Không lâu sau Linh Triếp trở thành dũng sĩ của Tấn Linh Công. Khi Triệu Thuần vừa đánh vừa tháo chạy, Linh Triếp đã quay kích lại chống chọi với thuộc hạ của Linh Công, làm cho Triệu Thuần thoát thân. Triệu Thuần hỏi ông tại sao làm như vậy. Ông ta trả lời : “Thần chính là người đã đói lả ở chỗ bóng râm cây dâu dạo nào”. Triệu Thuần hỏi tiếp tên tuổi và chỗ ở của ông ta. Linh Triếp không nói và cáo từ. Triệu Thuần bèn tháo chạy một mình.

Ngày 27 tháng 9, Triệu Xuyên giết chết Linh Công ở ngay tại vườn đào của Linh Công. Triệu Thuần chưa chạy ra khỏi biên

giới nước Tấn, lại quay trở về. Thái sử nước Tấn (thái sử là tên một chức quan, lo việc ghi chép của quốc gia) là Đồng Hồ viết rằng : “Triệu Thuần giết chết quốc quân của ông ta” rồi đem ra triều đình công bố. Triệu Thuần nói : “Không phải như vậy.” Đồng Hồ đáp rằng : “Ông là chính khanh của một nước (chính khanh, quan chính vụ chủ yếu của một nước), lúc chạy trốn không chạy ra khỏi biên giới, lúc quay trở lại không trừng phạt quốc tặc, thế không phải ông giết chết quốc quân thì còn ai nữa ?” Triệu Thuần than rằng : “Chao ôi ! Ta vì lưu luyến với đất nước, trái lại mang đến cho ta sự buồn phiền. Câu này có lẽ là nói về hoàn cảnh của ta !”.

Sau này, khi bình luận về việc này, Khổng Tử có nói : “Đồng Hồ là một sử quan tốt thời cổ đại, viết sách sử không hề có một chút giấu giếm. Triệu Thuần là đại phu tốt thời cổ đại, vì nguyên tắc của sử quan mà mang tội danh giết vua. Điều này cũng thật là đáng tiếc. Nếu như lúc ông ta bỏ chạy, chạy xa đi một chút, vượt qua biên giới của nước Tấn thì có thể tránh được cái tội danh giết vua”.

VƯƠNG TÔN MÃN TRẢ LỜI SỞ TRANG VƯƠNG VỀ CỬU ĐỈNH

Tuyên công tam niên (năm 606 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Lỗ Tuyên thứ ba, Sở Trang Vương đánh Lục Hồn Nhung (Lục Hồn Nhung nguyên ở huyện An Tây phía tây, tỉnh Cam Túc ngày nay), sau đó chuyển về phía tây bắc giữa hai nước Tần, Tấn. Lỗ Hi Công năm thứ hai mươi hai (năm 638 trước công nguyên) hai nước Tần, Tấn dụ Lục Hồn Nhung di chuyển đến Y Xuyên (đông bắc huyện Tung, tỉnh Hà Nam ngày nay), thừa thắng đánh thẳng tới lưu vực Lạc Thủy (tức Lạc Thủy tỉnh Hà Nam ngày nay) và triển khai vũ lực trong khu vực Vương Ki Chu thiên tử. Chu Định Vương phái Vương Tôn Mãn đại phu của nước Chu khảo quân Sở. Sở Trang Vương muốn giành lấy đất đai của Chu bèn hỏi Vương Tôn Mãn về trọng lượng và kích thước của cửu đỉnh từ thời vua Vũ truyền lại. Vương Tôn Mãn trả lời Sở Trang Vương rằng : “Được thiên hạ là bởi vì có đức trọng cao cả, được mọi người ngưỡng mộ, chứ không phải ở việc chiếm hữu bảo đỉnh hoặc có vũ khí thần tiên. Trước đây triều Hạ vừa xây dựng đức vọng — đại Vũ Vương, người ở những nơi xa dùng các sản vật quý hiếm của địa phương về thành bản đồ đem đến triều cống, trưởng lão của châu triều cống Kim đồng, sau đó đúc các tô tem hình vật lạ quý báu lên bảo đỉnh. Trên bảo đỉnh có đủ kỳ hình quái trạng làm cho nhân dân biết được quỷ thần bách vật để mà phòng bị trước. Cho nên nhân dân vào núi, sông lớn, ao hồ, rừng

rậm không bao giờ gặp chuyện không lành, không gặp bất cứ yêu ma quỷ quái nào. Do đó trên thuận dưới hòa, cùng nhận được sự phù hộ của trời. Bởi vì Hạ Kiệt bạo ngược nên quốc gia bị diệt vong, không giữ được cửu đỉnh. Cửu đỉnh được dời đến vương đình triều Thương. Người Thương chiếm giữ các bảo đỉnh này hơn 600 năm, sau đó Thương Trụ bạo ngược vô đạo, những bảo đỉnh này lại thuộc sở hữu người Chu. Nếu như một nước có đạo đức tốt, làm việc thiện, thì dù đỉnh có nhỏ, nhẹ, người khác cũng không tài nào chuyển đi được. Nếu chính trị của một quốc gia hỗn loạn, tà ác thì đỉnh có nặng đến mấy, người khác cũng chuyển đi được. Ông trời ban phước cho những người có đạo đức làm điều thiện, nhưng cũng có thể thu về những vật đã ban thưởng. Chu Thành Vương lấy được cửu đỉnh lúc đặt kinh đô tại Giáp Nhục (huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), đã xem bói, bói xem Chu Thất có thể truyền được mấy đời ? Quẻ bói báo rằng có thể truyền được ba mươi đời. Hỏi nhà Chu có thể được hưởng phúc trong bao nhiêu năm ? Quẻ bói báo rằng có thể hưởng phúc được 700 năm. Nhà Chu tồn tại được bao lâu là do trời định. Đức Vọng của Chu thiên tử tuy có biểu hiện sa sút, nhưng mệnh trời vẫn không thay đổi. Cửu đỉnh nặng nhẹ to nhỏ, bây giờ chưa phải là lúc hỏi đến”.

TRẬN ĐÁNH GIỮA TẦN VÀ SỞ Ở VÙNG TẮT

Tuyên Công thập nhị niên (năm 597 trước công nguyên)

Tuyên Công năm thứ mười một, nước Trịnh và nước Tấn liên kết với nhau tại Thần Lăng (phía tây nam huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Mùa xuân Tuyên Công năm thứ mười hai Sở Trang Vương cầm quân bao vây đô thành nước Trịnh (huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay).

Sau khi bao vây 17 ngày, người Trịnh bói quẻ hỏi về việc cầu hòa với nước Sở, kết quả không lấy gì làm kiết tường cho lắm. Thế là người nước Trịnh khóc lóc cầu khẩn tại miếu tổ, biểu thị quyết tâm quyết tử (cầu tổ tông phù hộ) khiến binh phòng thủ công sự trên mặt thành cũng đều rơi lệ.

Khi Trang Vương cầm đầu quân đội rút về phía sau, người Trịnh vội vàng tu bổ tường thành, Sở Trang Vương lại đem quân đến bao vây. Quân Sở bao vây suốt ba tháng mới đánh chiếm được đô thành nước Trịnh. Quân Sở từ Hoàng môn đánh vào, chiếm cứ đường lớn thông đi các ngả. Trịnh Tương Công cởi áo, để vai trần tay dắt một con dê ra nghênh tiếp Sở Trang Vương và nói : “Ta không được ông trời phù hộ, không thể phục vụ tốt cho Sở quân, xúc phạm đến Sở quân, khiến Sở quân tức giận làm liên lụy đến đất nước. Đây là tội lỗi của ta, ta đâu dám không vâng lời ! Cho dù bắt ta làm tù binh đến Giang Nam cư ngụ tại vùng hoang vu bên bờ biển, ta cũng chấp nhận. Nếu chia cắt nước Trịnh cho chư

hầu, khiến nhân dân nước Trịnh thần thiếp nô tỳ, ta cũng phải nghe theo. Nếu như Người còn nghĩ đến tình hữu hảo giữa chúng ta từ trước, chịu cầu phúc cho con cháu của Lịch Vương, Tuyên Vương, Trịnh quốc Hằng Công, Tuyên Công... không tiêu diệt đất nước của họ, làm cho nước Trịnh ngang hàng với địa vị của cửu huyện, có dịp phụng sự Sở Vương, thì đó là đại ân đại đức của Người, cũng là tâm nguyện của ta. ta không dám có một nguyện vọng viễn vông nào khác, chỉ xin nói với Người những lời xuất phát tự đáy lòng. Tất cả, tất cả xin Người định đoạt”.

Những người xung quanh Sở Trang Vương nói : “Không thể thỏa mãn yêu cầu của ông ta. Đã lấy được đất nước của người ta, thì không thể nào tha tội !” Sở Trang Vương nói : “Quốc quân của nước Trịnh có thể đặt mình dưới người khác, nhất định được sự tín nhiệm của nhân dân ông ta, cũng có thể sai khiến nhân dân của ông ta ! Làm sao lại có thể có dã tâm quá đáng đối với nước Trịnh ?” Quân Sở lui về phía sau 30 dặm và đồng ý giảng hòa với nước Trịnh.

Đại phu nước Sở Phàn đi sứ sang nước Trịnh ký kết minh ước, nước Trịnh phái công tử Khứ Tật đến nước Sở làm con tin.

Mùa Hạ. Tháng sáu. Quân đội Tấn chuẩn bị giải cứu nước Trịnh. Tuân Lâm Phụ soái lĩnh trung quân, Tiên Hộc làm trung quân tả. Sĩ Huệ soái lĩnh thượng quân, Khước Khắc làm thượng quân tả, Triệu Sóc soái lĩnh hạ quân, Loan Thư làm hạ quân tả, Triệu Quát, Triệu Anh làm trung quân đại phu, Cung Sóc, Hàn Xuyên làm thượng quân đại phu. Tuân Thủ, Triệu Đồng làm hạ quân đại phu, Hàn Khuyết làm tư mã.

Quân Tấn đến bờ sông Hoàng Hà nghe nói nước Trịnh đã

giảng hòa với nước Sở. Tuân Lâm Phụ định quay trở về, bèn nói :
“Cứu Trịnh không còn kịp nữa, chỉ bằng quay trở về, nếu như
bây giờ đuổi đến nước Trịnh thì chỉ làm mệt nhân dân và tổn
công của mà thôi. Thế thì làm gì ? Đợi quân Sở đem quân về
nước, chúng ta lại dấy binh hành động, cũng không lấy gì làm
muộn” Sĩ Huệ cũng nói : “Ý kiến hay ! Ta nghe nói dụng binh
phải xem xét thời cơ mà hành động. Ân đức hình phạt, chính trị,
diễn lễ không thay đổi thì không thể thù địch với họ được, cũng
không thể đi đánh một đất nước như vậy. Người nước Sở đánh
người nước Trịnh là bởi vì phần nộ việc nước Trịnh ăn ở hai lòng
đối với nước Sở, ngược lại thương hại người dân nước Trịnh thế
thọt khúm núm. Lúc nước Trịnh bội phản mình ước, nước Sở liền
cử quân đội đi đánh. Sau khi nước Trịnh nhận tội, nước Sở lại
tha tội cho nước Trịnh. Như vậy đã gây dựng nên ân đức và hình
phạt của nước Sở. Đánh kẻ phản nghịch là thể hiện hình phạt
của một quốc gia, dùng biện pháp mềm mỏng mà đối xử với một
nước đã nhận tội, đó là biểu hiện ân đức của một quốc gia. Ân đức
và hình phạt của nước Sở đã được xây dựng. Năm ngoái nước Sở
tiến quân vào nước Trần, nay lại tiến quân vào nước Trịnh, nhân
dân không cảm thấy mệt mỏi. Sở quân cũng không bị phi báng.
Nền chính trị của họ đã đi vào quỹ đạo. Nước Sở bố trí thế trận
xong xuôi, công nông thương nghiệp các ngành các giới làm việc
không ngừng. Binh lính trên chiến xa chung sống hòa thuận lại
không ai phạm pháp hoặc làm gián điệp. Tôn Thúc Ngao nắm
chính trị nước Sở, nghiền ngẫm pháp lệnh, chính điển cổ đại của
nước Sở. Quân Sở đánh trận lấy binh xa làm chủ lực. Lúc hành
quân, binh sĩ nguyên đi sau binh xa lập tức phân ra hai bên binh
xa chuẩn bị sẵn sàng. Tả quân phụ trách bổ sung lực lượng cung

cấp lương thảo, xây dựng doanh trại. Lính gác thì trình sát địch tình, lấy cờ lau kèm ám hiệu, toàn bộ im lặng như tờ. Còn trung quân cân nhắc đại cục, chỉ huy toàn quân. Hậu quân toàn là tinh binh, giành thắng lợi cuối cùng có ý nghĩa quyết định. Bất kể quân đội nhiều hay ít đều hành động theo kỳ ngữ căn cứ vào các loại tô tem có hình chim thú, không đợi chủ soái hạ lệnh, binh sĩ nâng cao tinh thần cảnh giác, có phòng bị trước. Tôn Thúc Ngao quả có tài xây dựng các chế độ. Quân chủ nước Sở sử dụng nhân tài, phàm là những người có tài trong họ thì cất nhắc từ thân tộc của quốc quân, phàm những người có tài năng mà khác họ thì tuyển dụng từ trong cựu thân. Dùng người không để sót người có đức, ban thưởng tước lộc không để sót người có công. Người già cả được ưu đãi, người qua đường được bố thí. Quần áo đồ dùng hàng ngày, căn cứ theo tôn ty địa vị, có chế độ đẳng cấp nhất định. Quý tộc có địa vị cao thường giữ sự tôn nghiêm của họ, người dân có địa vị thấp cũng có những nghi lễ phù hợp với thân phận của họ, không cho phép bất cứ ai tùy ý lăng nhục. Đây quả thật là tuân thủ lễ số, không làm việc trái với lễ nghĩa. Làm việc theo lễ nghĩa, làm sao lại có thể đối địch với một quốc gia như vậy ? Nhìn thấy cơ hội có thể tận dụng được bèn đem quân tấn công. Biết khó thắng nổi thì cho quân rút lui, đó là sách lược tốt khi cầm quân đánh trận. Thôn tính những nước nhược tiểu kém phát triển, tấn công những nước chính trị hỗn loạn, đây cũng là nguyên tắc dụng binh tốt. Nếu các người chinh đốn quân ngũ vũ khí sẵn sàng, các nước nhược tiểu kém phát triển có nền chính trị hỗn loạn nhiều vô kể, hà tất phải đánh nhau một trận với nước Sở mới hả dạ.

Tả tương trong Trọng Hủy, Thương Thang có câu nói rằng :
“Có thể dùng lực lượng mạnh để chiếm lấy đất nước loạn lạc

không yên, có thể lấy sức mạnh để làm nhục những nước kém phát triển". Điều đó có nghĩa là có thể thôn tính các nước nhược tiểu, kém phát triển. Trong thơ chúc rượu cũng có câu : "Quân đội Vũ Vương hùng mạnh, nắm lấy thời cơ đánh chiếm nước mê muội đó". Đây là nói có thể đánh chiếm những nước có nền chính trị hỗn loạn. Vũ thi có câu nói rằng Vũ Vương "Công tích to lớn, khó ai bì kịp" Đây có nghĩa là nói làm yên lòng các nước nhược tiểu, tấn công các nước mê muội để xây dựng sự nghiệp là có thể làm được. Tiên Học Khê cho rằng như vậy, bèn nói : "Không có thể chỉ cầu mong sự nghiệp công lao mà không từ bất cứ thủ đoạn nào, thừa dịp người khác gặp nguy khốn để thôn tính các nước nhược tiểu. Nước Tấn chúng ta sở dĩ xướng bá là bởi vì quân đội dũng cảm thiện chiến, bởi vì thần dân làm hết trách nhiệm của mình. Ngày nay nước bảo hộ cho chúng ta bị quân Sở chiếm lĩnh, không thể nói là thần dân của chúng ta đã làm tròn trách nhiệm. Có địch mà không truy đuổi thì không thể nói quân đội của chúng ta cũng cảm thiện chiến được. Nếu nước Tấn chúng ta mất đi địa vị bá chủ thì còn mặt mũi nào mà nhìn tổ tông để nói với con cháu, chỉ bằng chết quách đi cho xong. Huống hồ soái lĩnh quân đội được huấn luyện kỹ lưỡng ra khỏi nước Tấn, mới chỉ nghe nói quân địch lớn mạnh bèn rút quân về nước thì chẳng phải là bạc trượng phu, đáng nam nhi mà chỉ là miếng đậu hủ nát. Ra lệnh cho chúng tôi thống soái quân đội, kết quả mọi hành động của chúng ta không phải là việc mà đáng trượng phu nên làm. Các ông làm được như thế chứ tôi không làm được". Thế là Tiên Học soái lĩnh quân đội của trung quân tả vượt qua Hoàng Hà.

Tuân Thủ nói rằng : "Quân đội của trung quân tả ra đi như

thế này dữ nhiều lành ít ! Chu dịch có nói như thế này : quẻ “sư” biến thành quẻ “lâm”, từ “địa ䷁”, từ “thủy ䷆”, từ “sư ䷆” biến thành “địa, trạch ䷂”, từ “lâm ䷒”, từ “thủy ䷆” thành “trạch ䷂”. Quẻ “sư” ngày mồng sáu nói rằng : “sư xuất dĩ luật, phủ tàng hung” điều này có nghĩa là quân đội xuất phát đi đánh trận cần phải có kỷ luật, nếu không có kỷ luật thì sẽ nguy hiểm. Bất kỳ một việc gì nếu làm tuân theo đạo lý thì sẽ có kết quả tốt, nếu làm ngược đạo lý thì sẽ không có kết quả tốt. Quẻ “sư” biến thành quẻ “lâm” từ “địa, thủy, sư” biến thành “địa, trạch, lâm”, từ “khảm” thành “đoài”. “Khảm” là tượng trưng cho đông người, “đoài” là tượng trưng cho mềm yếu, chính là tượng trưng cho tấm lòng của quần chúng ly tán, lực lượng trở nên mềm yếu. “Khảm” cũng là tượng trưng cho sông nước. “Đoài” là tượng trưng cho ao hồ, từ “khảm” biến thành “thủy”, đồng thời cũng tượng trưng cho sông nước dồn tụ thành ao hồ, vốn là sông nước thuận lợi cho việc hành quân, biến thành đầm lầy khó xoay trở. Kỷ luật có nghĩa là mỗi người phải đứng vững ở vị trí của mình, làm hết trách nhiệm, không vượt quá phận sự, làm những việc thuộc phận sự của mình. Làm hỏng kỷ luật là không tốt. Dòng nước chảy từ tràn trề trở nên khô cạn, vì ngưng đọng mà không khai thông nó, cho nên mới gặp nguy hiểm. Làm không trôi chảy gọi là “lâm”, có mệnh lệnh của chủ soái mà không phục tùng, thì còn có việc nào tồi tệ hơn ? Việc trưng quân tảo cầm quân xuất chinh rất phù hợp với tình hình này. Nếu gặp kẻ địch mà bị thất bại thì Tiên Hộc cũng sẽ chịu tai họa. Cho dù ông ta gặp may thoát nạn trở về nước, cũng nhất định sẽ có tội lớn”.

Hàn Quyết nói với Tuân Lâm Phụ : “Tiên Hộc không chú ý đến toàn cục, tập quân do Tiên Hộc soái lĩnh gặp phải thất bại,

thì tội của ông không nhẹ đâu ! Ông là nguyên soái quân Tấn, trong quân đội có người không nghe theo mệnh lệnh của ông, đây là tội lỗi của ai ? Tội vứt bỏ nước phụ thuộc làm tiêu tan quân đội là rất nặng. Theo tôi cứ ra lệnh tiến công đi ! Nếu như đánh trận, mà không thể đánh thắng, mỗi người gánh trên vai một phần trách nhiệm. Để cho một người gánh vác hết mọi tội lỗi, chi bằng để sáu người cùng gánh chịu, chẳng phải là tốt hơn không ?” Thế là, tất cả quân đội nước Tấn vượt qua Hoàng Hà, tiến thẳng đến chiến trường nước Trịnh.

Quân đội của Sở Trang Vương tiến về phía bắc, đến vùng Duyên (đồng huyện Trịnh, tỉnh Hà Nam ngày nay). Đại phu nước Sở là Thẩm Doãn soái lĩnh trung quân, công tử Anh Tề soái lĩnh tả quân, Tử Phán soái lĩnh hữu quân, bọn họ dự định đánh đến bên Hoàng Hà mới giống trống thu quân, rút lui về nước. Khi quân Sở nghe quân Tấn đã vượt Hoàng Hà, Sở Trang Vương định rút quân về nước, nhưng sủng thần của ông ta là Ngũ Tham hy vọng khai chiến. Lệnh Doãn Tôn Thúc Ngao cũng không muốn tiếp tục đánh nhau với Tấn, bèn nói : “Mấy năm trước chúng ta tiến quân vào nước Trần, năm nay chúng ta tiến quân vào nước Trịnh, quân đội của chúng ta đánh trận không phải là ít, nếu như đánh không thắng, thịt của Ngũ Tham có thể để cho binh lính ăn no không ?” Ngũ Tham nói : “Nếu như chúng ta thắng trận, thì Tôn Thúc Ngao là kẻ sĩ vô mưu. Nếu như chúng ta đánh không thắng, thịt của Ngũ Tham này sẽ mang đến nước Tấn, các ông có còn ăn được hay không ?” Tôn Thúc Ngao không nghe, hạ lệnh binh xa quay đầu hành quân về phía nam, cũng quay quân kỳ về phía khác. Ngũ Tham vội vàng nói với Trang Vương : “Nguyên soái mới được bổ nhiệm của nước Tấn quá trình chiến đấu ngắn

ngủi, uy tín chưa đủ, cho nên mệnh lệnh không được truyền xuống dưới. Trung quân tả Khước Cốc vừa mới được tin dùng lại, vừa không thương xót binh sĩ, vừa không chịu tuân theo mệnh lệnh. Thống soái tam quân thượng, trung, hạ của họ mỗi người một phách, không ai có thể làm chủ được. Dù binh sĩ quân Tấn muốn tuân theo mệnh lệnh, nhưng thống soái tối cao của họ bất lực không khống chế được thuộc hạ, khi các tướng phát ra mệnh lệnh, mạnh ai nấy chạy thì làm sao nói năng với đất nước ?” Sở Trang Vương thấy được nỗi nhục nhã của một quốc quân đi trốn tránh một thần tử, thế là bảo với lệnh doãn Tôn Thúc Ngao đổi lại hướng hành quân của binh xa, tiến quân về phía bắc. Quân Sở đóng doanh trại tại vùng Quán (phía bắc huyện Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay) đợi quân Tấn đến.

Quân Tấn đóng quân phòng thủ tại Ngao Sơn, Cao Sơn (vùng phụ cận huyện Quảng Vũ, tỉnh Hà Nam ngày nay, Ngao Sơn cách huyện 15 dặm về phía bắc, Cao Sơn ở phía nam).

Hoàng Thú nước Trịnh được phái đến nước Tấn, nói với quân Tấn : “Nước Trịnh thuận theo nước Sở đó là kế nhất thời để bảo toàn nước Trịnh. Nước Trịnh quyết không ăn ở hai lòng với nước Tấn, vẫn trước sau như một. Quân Sở thắng trận đâm ra kiêu ngạo, quân đội của họ bây giờ không còn khí thế, thiếu tinh thần cảnh giác. Quân Tấn các ông nên xuất kích trước, quân đội nước Trịnh sẽ hưởng ứng theo, làm như vậy quân Sở tất sẽ thất bại là chuyện hiển nhiên”. Tiên Hộc vội vàng nói : “Đánh đổ nước Sở khôi phục nước Trịnh, là đúng lúc này đây ! Nhất định phải đáp ứng thỉnh cầu của nước Trịnh”. Loạn Thư nói : “Nước Sở từ khi tiêu diệt nước Dung (huyện Trúc Sơn, tỉnh Hồ Bắc ngày nay) đến nay, quốc quân của họ cai trị nhân dân không ngày nào mà

không dạy bảo họ rằng : Nhân dân sống khó khăn, phải hết sức cẩn thận không chừng một lúc nào đó tai họa sẽ ập đến, bất cứ lúc nào cũng phải đề phòng cẩn thận, không được lơ lửng. Vua Sở cai trị quân đội không ngày nào là không bảo cho họ biết : Thành quả của thắng lợi không thể giữ được lâu dài. Trụ Vương đời Thương có đến hàng trăm lần chiến thắng, kết quả cũng mất nước và không có người nối dõi. Vua Sở kể cho dân Sở nghe tin thần càn cù tiết kiệm của tổ tiên họ là Nhược Ngao, Mạo đi xe thô sơ, bận quần áo rách để mở mang núi rừng, khai phá đồng hoang. Đồng thời còn có châm ngôn “Sinh kế của con người là ở chỗ càn cù tiết kiệm”. Biết càn cù tiết kiệm thì sinh kế sẽ không thiếu thốn. Như vậy không thể nói là họ kiêu ngạo. Đại phu Hồ Yển từng nói : “Quân đội lên đường đánh trận, lý lẽ chính đáng thì chí chiến đấu tràn trề, không hợp đạo lý thì sĩ khí uể oải”. Ngày nay chúng ta không có đức hạnh, gây oán cho nước Sở, khiến cho nước ta trở nên phi nghĩa, còn nước Sở lại là chính nghĩa. Chúng ta không thể nói tinh thần quân Sở uể oải chán chường. Binh xa của họ chia thành hai “quảng” mỗi “quảng” có 15 binh xa. Mỗi một binh xa có ba quân sĩ và 72 bộ binh. Mỗi “quảng” 15 “thăng” tất cả là 1.125 người. Ngoài ra mỗi “quảng” còn có một trăm người (gọi là một “tốt”) làm quân hậu bị. Mỗi một “tốt” lại có một “thiên” (50 người) và một “lương” (25 người) làm lực lượng dự phòng. Hữu quảng bắt đầu từ lúc gà gáy đã cho xe xuất phát đi mãi đến giữa trưa mới dừng lại, sau đó tả quảng tiếp nhận thay thế, đi tiếp cho đến lúc mặt trời lặn mới thôi. Vệ sĩ xung quanh quốc quân căn cứ vào sự sắp xếp thay nhau trực đêm bảo vệ để đề phòng bất trắc. Điều này cho thấy rằng quân Sở không hề buông lỏng cảnh giới. Tử Lương là hiền nhân của nước

Trịnh, Phan Ưông là người nước Sở sùng bái. Phan Ưông đến nước Trịnh để ký kết minh ước, Tử Lương lại qua nước Sở làm con tin, từ đó quan hệ giữa nước Sở và nước Trịnh thêm mật thiết. Bây giờ Hoàng Thú đến khuyên chúng ta đánh nhau với nước Sở, nếu chúng ta chiến thắng, bọn họ sẽ đến nhờ vả ta, nếu như chúng ta thất bại họ sẽ đến nhờ vả nước Sở. Sứ giả nước Trịnh chẳng qua là thăm dò chúng ta, xem chúng ta phản ứng ra làm sao. Không thể nghe lời của sứ giả nước Trịnh” Triệu Quát, Triệu Đồng nói : “Từ ngày cầm quân đến nay, suốt ngày lung sục tìm kiếm kẻ địch. Nếu như chúng ta thắng lợi, thì sẽ lấy nước Trịnh làm nước phụ thuộc, còn đợi gì nữa ? Nhất định phải nghe theo lời của Tiên Hộc”. Tuân Thủ nói : “Triệu Nguyên, Triệu Quát là những kẻ gây ra tai họa”. Triệu Sóc nói : “Loan Thư nói rất đúng ! Thực hiện lời nói của ông ta, nhất định sẽ cầm quyền ở nước Tấn”.

Quan thiếu tể nước Sở đến chỗ quân Tấn nói rằng : “Quốc quân chúng tôi lúc thiếu thời chẳng may gặp phải cảnh ngộ đau buồn khốn khổ, không giỏi về ăn nói. Người thường nghe nói hai vị tiên quân nước Sở là Thành Vương và Mục Vương thường qua lại con đường chinh phạt nước Trịnh này, mục đích là khai hóa nước Trịnh, làm cho nước Trịnh ổn định, đâu dám đắc tội với nước Tấn ? Xin các ông chớ dừng chân ở đây lâu”. Sĩ Huệ trả lời rằng : “Trước đây Chu Bình Vương bổ nhiệm Văn Hầu tiên quân của nước Tấn chúng tôi, có nói rằng : “Nước Tấn và nước Trịnh cùng nhau phò trợ Chu Vương thất, không thể bỏ qua mệnh lệnh của vua mà không thêm để ý đến. Bây giờ đây nước Trịnh không tuân theo mệnh lệnh của vua, quốc quân của chúng tôi sai quân thần chúng tôi đến nước Trịnh để dò hỏi, không hề có ý định đánh nhau với quý quốc, làm sao dám coi thường lính gác của các

ông đến trình sát tình hình quân đội của chúng tôi”. Tiên Hộc cảm thấy lời nói của Sĩ Huệ quá nhún nhường, có vẻ nịnh hót, bèn cử sứ giả đuổi theo quân thiếu tể nước Sở đính chính rằng : “Đại diện ngoại giao của chúng tôi đã nói sai. Quốc quân chúng tôi ra lệnh quân thần triệt bỏ hành động của người quý quốc tại nước Trịnh, đồng thời còn ra lệnh cho quân thần không được trốn tránh kẻ địch. Quân thần chúng tôi không có cách nào trốn tránh mệnh lệnh của quốc quân chúng tôi”.

Sở Thành Vương lại cử sứ giả đến chỗ quân Tấn để cầu hòa. Người Tấn chấp nhận, đồng thời qui định ngày giờ làm lễ ăn thề. Đại phu nước Sở Nhạc Bá đi xe bên trái, Hứa Bá đánh xe, Nhiếp Thúc làm hữu vệ đến trận tiền quân Tấn để khiêu chiến, lại bày ra thế trận giả, biểu thị không muốn cầu hòa. Hứa Bá nói : “Tôi nghe nói rằng đến trước trận tiền quân địch để khiêu chiến, là một người điều khiển quân xa, phải nhanh chóng cho xe tiếp cận trận địa của quân địch, giơ nghiêng quân kỳ để quân kỳ chạm vào thành lũy quân địch rồi sau đó quay trở lại”. Nhạc Bá nói : “Tôi nghe nói đến trước trận tiền quân địch để khiêu chiến, xa tả phải bắn tên, thay người lái xa cầm cương để người lái xe xuống xe sắp xếp lại đội hình ngựa cho chỉnh tề, điều chỉnh lại dây cương rồi quay trở lại”. Nhiếp Thúc nói : “Tôi nghe nói đến trước trận tiền quân địch khiêu chiến, người làm hữu vệ cần phải xông vào thành lũy của quân địch, giết chết một tên địch, cắt tai trái của nó đồng thời bắt cho được một tù binh, rồi quay trở lại”. Ba người này căn cứ vào những điều họ nghe nói về cách thức khiêu khích quân địch, làm thử một lần, sau đó quay trở lại.

Quân Tấn bèn đuổi theo họ, đánh giáp công từ hai bên. Nhạc Bá từ bên trái bắn vào ngựa, từ bên phải bắn vào người. Người đánh giáp công không tiến lên được, kết quả chỉ còn lại

một mũi tên. Bỗng nhiên từ phía trước xe xuất hiện một con mi lộc, Nhạc Bá gương cung bắn, liền bắn trúng vào xương sườn của nó. Bao Quý của nước Tấn đang chạy đuổi theo xe của bọn họ, Nhạc Bá lệnh cho Nhiếp Thúc dâng con mi lộc này cho Bao Quý. Lúc dâng mi lộc, Nhiếp Thúc nói rằng : “Hiện nay chưa đến mùa săn bắn, những cầm thú để cống nạp lên trên chưa có, đành mạo muội dùng mi lộc để ủy lạo bộ hạ của ông, gọi là chút lòng thành”. Bao Quý ra lệnh cho những lính Tấn cùng ông ta truy đuổi dừng lại, đồng thời nói rằng : “Xa tá của quân Sở bắn rất chính xác, xa hữu lại biết ăn nói, đều là người quân tử”. Rồi thôi không truy kích nữa.

Nguy Kỳ của nước Tấn yêu cầu được làm quan đại phu, nhưng không được, bèn ân hận trong lòng, muốn cho quân Tấn thất bại. Thế là Nguy Kỳ yêu cầu được đến trận tiền quân Sở để khiêu chiến, quân Tấn không chịu. Ông ta xin đi sứ sang nước Sở thì được đồng ý. Ông ta bèn đi đến chỗ quân Sở, nhưng ông lại thay mặt quân Tấn để khiêu chiến với quân Sở. Sau đó quay về. Phan Đẳng người nước Sở đem quân đuổi theo, đuổi một mạch đến tận Huỳnh Trạch (huyện Quảng Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay). Nguy Kỳ nhìn thấy sáu con mi lộc, liền bắn lấy một con, rồi quay lại dâng cho Phan Đẳng và nói rằng : “Ông sắp có hành động quân sự. Người quản lý súc vật e rằng không cung cấp đủ thịt tươi cho quân đội. Tôi mạo muội dâng con mi lộc này cho ông !” Phan Đẳng hạ lệnh không đuổi theo Nguy Kỳ nữa.

Triệu Chiên của nước Tấn yêu cầu làm quan khanh, nhưng không thành công, trong lòng không lấy gì làm vui vẻ, lại thấy vô cùng bức tức khi nhìn thấy không bắt được mấy người Sở đến khiêu khích mà vẫn để cho họ tháo chạy. Vì thế ông ta yêu cầu được đến trận tiền của quân Sở để khiêu chiến, nhưng không

được chấp nhận. Ông ta yêu cầu triệu tập đại hội các chư hầu. Được chấp thuận. Ông và Ngụy Kỳ lần lượt nhận mệnh lệnh đến nước Sở để triệu tập minh hội.

Khước Khắc nói : “Một người bất mãn đã đi rồi ! Nếu không tăng cường phòng bị thì nhất định sẽ nếm mùi thất bại”. Tiên Hộc nói : “Người nước Trịnh yêu cầu chúng ta giúp họ đánh giặc, chúng ta lại không dám nghe lời họ. Người nước Sở đến cầu hòa với chúng ta, chúng ta lại không thực hiện cho tốt. Chúng ta xuất quân đánh giặc, ý đồ luôn luôn thay đổi, mệnh lệnh trước sau không thống nhất. Cho dù tăng cường phòng bị trên thực tế cũng không có tác dụng gì !” Sĩ Huệ nói : “Có phòng bị trước vẫn hơn. Nếu như hai người đó khiêu khích hay ly gián sẽ làm cho nước Sở phản nộ, nước Sở sẽ thừa cơ đến đánh chúng ta, thì chúng ta sẽ lập tức bị tiêu diệt. Chi bằng cứ phòng bị trước là hơn. Nếu như nước Sở không có ác ý, chúng ta sẽ giải trừ trang bị cùng họ ký minh ước. Việc này sẽ không gây nên một tổn thất nào cho sự kết giao giữa hai nước. Nếu nước Sở không nhận mà quay ra đánh ta, có chuẩn bị trước sẽ không bị thất bại. Huống hồ chư hầu gặp mặt vệ binh không rút lui, đó là vì phải làm nhiệm vụ cảnh giới”. Tiên Hộc không đồng ý với ý kiến của Sĩ Huệ. Sĩ Huệ ra lệnh cho thượng quân đại phu Cung Sóc, Hàn Xuyên soái lĩnh quân đội xuống thuyền ở trước vùng Ngao (tây bắc huyện Quảng Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay) cho nên khi trung quân bại trận, họ đã vượt qua Hoàng Hà trước.

Phan Đẳng đã đuổi theo Ngụy Kỳ, Triệu Chiên đến tối thì đến được chỗ quân Sở, không một chút sợ hãi ngồi ngay tại trước quân môn, phái bộ hạ của ông ta đi vào chỗ quân Tấn.

Sở Trang Vương làm ba mươi chiếc binh xa, chia làm hai quảng tả và hữu. Hữu quảng thì gà vừa gáy thì xuất phát đến giữa

trưa thì dừng lại nghỉ, đồng thời thả quảng vào đúng giữa trưa thì nhận mệnh lệnh xuất trận. Đến tối thì dừng lại nghỉ. Hứa Yến đi xe chủ soái của hữu quảng. Đường Do Cơ làm hữu vệ cho xe chủ soái. Bành Danh điều khiển xe chủ soái của tả quảng. Khuất Đãng là hữu vệ cho xe chủ soái, ngày 14 tháng 6 vua đi xe soái của tả quảng truy đuổi Phan Ưông. Phan Ưông bỏ xe chạy trốn vào rừng. Khuất Đãng vật nhau với Phan Ưông, lấy được áo giáp của ông ta.

Người Tấn sợ Ngụy Kỳ, Phan Ưông khiêu khích ly gián làm cho người Sở phẫn nộ, ra lệnh cho binh xa đang phòng thủ đi đón Ngụy Kỳ và Phan Ưông, biểu thị không đánh nhau nữa. Phan Đãng nhìn thấy bụi bay mù mịt, liền cử người về doanh trại báo cáo : “Quân Tấn đã đến rồi”. Quân Sở sợ quốc quân của họ rơi vào tay của quân Tấn, bèn cử quân đội ra nghênh chiến. Tôn Thúc Ngao nói : “Đánh vào quân Tấn. Thà rằng để cho quân đội chúng ta tiếp cận quân Tấn chứ quyết không để cho quân Tấn tiếp cận chúng ta. Kinh thi đã chẳng phải nói như thế này hay sao ? Nguyên Nhung thập thắng, dĩ tiên khởi hành”. Mười chiến đại xa đi trước mở đường, cần phải hành động trước kẻ địch. Trong quân chí cũng có nói : “tiên nhân hữu đoạt nhân chi tâm”. Không chế người trước thì có thể tước đoạt ý chí chiến đấu của kẻ địch, tiếp cận được họ !” Thế rồi ra lệnh cho quân đội thần tốc tiến công, binh xa lao lên như bay, bộ binh chạy nhanh về phía trước. Nhân lúc quân Tấn không phòng bị thẳng vào quân Tấn. Chủ soái của quân Tấn là Tuần Lâm không biết xoay sở ra làm sao, giống trống ở trung quân mà rằng : “Ai vượt qua Hoàng Hà trước sẽ được thưởng”. Binh lính trung quân, hạ quân giành giật thuyền bè. Người leo được lên thuyền sợ thuyền quá nặng bị chìm, bèn dùng dao chặt vào các ngón tay đang bám vào mạn thuyền. Kết quả là trên thuyền có đến hàng năm, hàng năm đầu ngón tay.

Quân Tấn rút lui qua Hoàng Hà. Chỉ có thượng quân do Sĩ Huệ thống soái là không bị thất bại. Đại phu nước Sở là Công Doãn Tề soái lĩnh quân đội cánh phải đuổi theo hạ quân.

Sở Trang Vương phái Đường Giảo và Thái lưu Cử làm đại diện bảo với Đường Huệ Hầu (nước Đường là một nước nhỏ thời Xuân Thu, ở huyện Tuy, tỉnh Hồ Bắc ngày nay. Sau đó bị Sở tiêu diệt) : “Ta không có đức hạnh, lại tham lam, nên đừng phải kẻ địch hùng mạnh. Đây là sai lầm của ta. Nhưng mà nước Sở không thể thắng trận, đó cũng là nỗi nhục của người ! Ta mạo muội nhờ vào đại phúc của người để hỗ trợ cho nước Sở ta đánh trận”. Sau đó lệnh cho Phan Đăng soái lĩnh binh xa du kích và 40 binh xa bổ sung, tuân theo lệnh chỉ huy của Đường Huệ Hầu, đảm nhiệm tấn công từ cánh trái, đi truy kích thượng quân của quân Tấn. Khuất Kỳ nói : “Có cần đợi quân Sở đến quyết một trận sống mái với ta không ?” Sĩ Huệ nói : “Quân đội nước Sở hiện nay đang là lúc hưng thịnh, nếu như tập trung quân đội quyết chiến một trận với chúng ta, quân đội nước ta nhất định sẽ mất tất cả, chỉ bằng thu binh trở về, một mặt có thể chia xẻ sự thất bại của các thống soái khác, mặt khác làm giảm bớt thương vong cho binh sĩ. Làm như thế không được hay sao ?” Sĩ Huệ lấy thượng quân làm quân bảo vệ phía sau của quân Tấn, rồi lui quân nên không bị thất bại.

Sở Trang Vương nhìn thấy binh xa của hữu quảng, định chuyển sang ngồi ở binh xa hữu quảng, Khuất Đăng liền can ngăn ông ta : “Lúc đầu chúa công ngồi ở binh xa tả quảng, thì phải ngồi cho đến tận cùng, không thể giữa đường đổi ý được”. Từ đó về sau binh xa của nước Sở ra trận, lúc nào binh xa tả quảng cũng đi trước.

Trong quân đội của nước Tấn, có binh xa sụp hàm không tiến lên được. Lính Sở có người dạy bảo lính Tấn rằng phải tháo

tấm gỗ chắn ngang trước xe ra. Đi không được bao lâu, ngựa lại cứ chạy vòng quanh, không chịu tiến về phía trước. Lính Sở lại bảo lính Tấn nhổ bỏ quân kỳ, vắt quân kỳ lên thành xe. Lúc này ngựa mới chịu tiến lên. Lúc này lính Tấn lại quay đầu lại nói với lính Sở : “Chúng tôi không hay thất bại, thường bỏ chạy như quý quốc, vì thế các anh có kinh nghiệm trong việc làm cho binh xa thoát khỏi nguy hiểm”.

Triệu Chiên đem hai con ngựa tốt của mình cho anh của ông ta và Thúc Phụ, lại dùng ngựa khác thắng vào xe rồi trở về. Trên đường về nước ông ta gặp phải quân địch, không thể trốn tránh được, bèn vút xe chạy trốn vào rừng. Phùng đại phu nước Tấn và hai người con của ông ta lên xe tháo chạy, sợ con của mình phát hiện ra Triệu Chiên bèn nói với hai người con rằng : “Đừng quay đầu lại nhìn !” Con của ông ta lại quay đầu lại nhìn và nói : “Triệu Chiên đang ở phía sau !” Phùng đại phu rất bức tức với hành động của con mình, lệnh cho chúng xuống xe. Phùng đại phu chỉ vào rừng cây nói : “Sau này ta sẽ tìm xác của chúng mày ở nơi đây !” Rồi đưa dây cương lên ngựa cho Triệu Chiên, thế là Triệu Chiên thoát hiểm. Ngày hôm sau, theo chỗ đánh dấu đi tìm xác hai người con. Cả hai người đều bị địch giết hại, thi thể chồng lên nhau ở dưới gốc cây.

Đại phu nước Sở là Hùng Phụ Ky bắt Tuần Diêu, con của Tuần Thủ làm tù binh. Tuần Thủ dẫn bộ hạ đi tìm để cứu Tuần Diêu. Ngụy Kỳ điều khiển binh xa. Binh sĩ hạ quân đều nghe lời Ngụy Kỳ. Mỗi lần Tuần Thủ bắn tên, tóm được những mũi tên có chất lượng tốt đều bỏ vào túi đựng tên của Ngụy Kỳ, không nỡ bắn đi. Ngụy Kỳ rất tức giận nói : “Nhà ngươi không đi tìm con, chỉ một mực luyện tiếc mấy cái mũi tên làm bằng dương liễu đó. Dương liễu ở Đồng Trạch (huyện Khai Hỷ, tỉnh Sơn Tây bây giờ)

nhieu vô kể, ông chọn không xuể, nhất không hết đâu !”. Tuần Thủ đáp rằng : “Không tóm được con của kẻ địch thì làm sao tìm được con của tôi ? Tôi nhất định phải xem xem kẻ địch dùng mũi như thế nào, tôi không dễ gì bán đi những mũi tên tốt. Cho nên, mỗi lần tôi tóm được tên tốt mới bảo vào túi đựng tên của người”. Tuần Thủ dùng tên tốt bán vào Liên doanh Tương lão của nước Sở. Bán trúng. Sau đó dùng xe chở thi thể của Tương lão. Lại bán trúng Cốc thần Vương tử của Sở, đồng thời bắt Cốc Thần làm tù binh. Dem thi thể của Tương lão và Cốc thần làm tù binh. Dem thi thể của Tương lão và Cốc thần đưa về nước Tấn.

Vào lúc hoàng hôn, quân Sở hạ trại ở Tất (phía đông huyện Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay) Tàn quân của nước Tấn không còn là một đội quân nữa, suốt đêm vượt sông, suốt đêm âm i.

Ngày 15 tháng 6, Náo Trọng của quân Sở đến vùng Tất, rồi lại tiến lên phía trước đóng quân ở phía Tăng Ung (tây bắc huyện Nguyên Vũ, tỉnh Hà Nam ngày nay).

Phan Đãng nói với Sở Trang Vương : “Vì sao chúa công không chôn xác quân Tấn vào một chỗ, chất đất lên bên trên rồi xây một cái lâu đài thật lớn để khoe chiến công của nước Sở ? Thần nghe nói rằng chiến thắng kẻ địch, cần phải làm cho con cháu hay biết để chúng không bao giờ quên chiến công của tổ tiên !” Sở Trang Vương nói : “Chỗ này thì có điều ông không được biết. Chữ “Vũ” là do hai chữ “Chi”, “qua” tạo nên. Chấm dứt chiến tranh mới là nghĩa gốc của chữ “Vũ”. Chu Vũ Vương sau khi chiến thắng Thương Trụ Vương, các nhà thơ đã làm thơ ca ngợi ông ta “Cất giấu can qua, cung kiếm xếp lại, chỉ theo đuổi mỹ đức, bình gia trị quốc. Nếu đều làm được như vậy, thiên hạ sẽ thái bình”. Các nhà thơ lại làm thơ về chữ “Vũ”. Đoạn cuối nói rằng : “Sẽ truyền tụng muôn đời thành tích to lớn vĩ đại”. Lại có

thơ rằng : “Lễ pháp tiên vương được phát huy rực rỡ, đi dẹp Trụ Vương khiến thiên hạ bình yên, ổn định” Hằng thi có nói : “Làm cho nhiều nước bình yên, ổn định, nhiều lần thu được những chiến công hiển hách”. Các đức của con nhà võ có bảy điều : một là chấm dứt bạo loạn, hai là tiêu diệt chiến tranh, ba là duy trì sự vững mạnh, bốn là củng cố sự nghiệp, năm là an định nhân dân, sáu là hòa mục với lân bang, bảy là tăng thêm của cải. Vì vậy, phải làm cho con cháu không quên sự nghiệp của tổ tiên. Hôm nay chúng ta làm cho nhân dân hai nước thân phôi đầy đồng. Việc này quá tàn bạo. Triển khai quân đội, dùng vũ lực để uy hiếp các nước chư hầu, làm như vậy, chiến tranh khó mà tiêu diệt nổi. Tàn bạo mà không thể chấm dứt chiến tranh, như thế thiên hạ làm sao an bình được ? Nước Tấn tuy chiến bại, nhưng vẫn tồn tại, ta làm sao củng cố được sự nghiệp của mình ? Những việc mà chúng ta làm ngược lại nguyện vọng của nhân dân quá nhiều, làm sao có thể làm cho nhân dân an định được ? Chúng ta không thể thu phục lòng người bằng cái đức, mà còn đi tranh được, hơn với chư hầu thì làm sao sống hòa mục được với các nước láng giềng ? Thừa dịp người khác bị nguy khốn mà làm lợi cho mình, thừa dịp người khác loạn lạc mà giữ lấy sự bình yên cho mình, biến thành sự vinh quang của mình. Làm như vậy làm sao có thể tăng thêm của cải được ? Cái đức của con nhà võ có bảy điều, chúng ta không có được một điều nào, chúng ta lấy cái gì để giáo dục con cháu ? Tốt nhất là chúng ta nên tu sửa miếu thần của tiên quân nước Sở, đem việc chiến thắng nước Tấn chỉ báo cho tiên vương biết mà thôi. Chúng ta quả không có gì để nói về cái đức của nhà võ. Thánh Vương thời xưa thảo phạt những người không tuân theo lệnh vua xâm lược các nước nhỏ bé, giết họ xong dùng đất chôn lấp thi thể, coi đó là kết quả của chính pháp. Thế là xây một tòa lâu có cửa to để trưng bày tội ác của kẻ xấu, coi đó là một

hình phạt, nhắc nhở người đời. Ngày nay tìm không ra nước Tấn có tội lỗi gì, hơn nữa nhân dân nước Tấn trung thành với mệnh lệnh của quốc quân họ, hy sinh cả tính mạng. Họ có tội lỗi gì cần đến việc phải xây dựng một tòa lâu có cửa to để trưng bày ?”.

Quân Sở cúng tế Hà thần ở phía nam Hoàng Hà, đồng thời xây dựng miếu thần của tiên quân nước Sở, báo cáo với tổ tiên về việc chiến thắng nước Tấn.

Cuộc chiến tranh này, quả thực là bởi vì Thạch Chế, đại phu nước Trịnh đã dụ quân Sở vào thành, chuẩn bị cắt một nửa nước Trịnh dâng cho nước Sở, hy vọng nhận được sự hỗ trợ của nước Sở, ủng hộ việc lập công tử Lỗ Thần làm quốc quân nước Trịnh. Ngày 30 tháng 6, nước Trịnh giết công tử Lỗ Thần và Thạch Chế. Người quân tử bình luận về việc này có nói : “Sử Dật từng nói “Không nên nhân lúc người ta loạn lạc mà làm lợi mình, chính là nói những việc như thế này. Bài “thăng tư” trong tiểu nhâ của Kinh thi nói : “Những năm tháng loạn lạc, nhân dân khốn khổ, đi về chốn nào mới là đất thánh ? Nỗi khốn khổ của nhân dân là tội lỗi của những kẻ thừa dịp người khác loạn lạc mà vụ lợi cho mình”.

Trịnh Tương Công, Hứa Chiêu Công đến nước Sở. Mùa thu, quân Tấn trở về đến nước Tấn. Tuần Lâm Phụ vì bại trận xin chịu tội chết. Tấn Cảnh Công định chấp nhận thỉnh cầu của Tuần Lâm Phụ. Sĩ Trịnh, con vợ bé của Sĩ Hội can ngăn Tấn Cảnh Công rằng : “Không được làm như vậy. Cuộc chiến Thành Bộc năm xưa, quân Tấn thu được ba ngày lương thực của quân Sở, Văn Công còn có vẻ suy tư. Những người xung quanh Văn Công đều nói : “Có việc vui mà sắc mặt u sầu, lẽ nào việc u sầu mặt mày phải vui vẻ hay sao ?” Văn Công nói : “Tử Ngọc, lệnh đoán của nước Sở vẫn còn đó, thì không thể nào không lo âu được !

Một con thú bị nạn còn biết giãy dụa lần cuối, huống chi là người chấp chính của một nước ?” Mãi đến khi nước Sở giết Tử Ngọc, mọi người mới nhìn thấy Văn Công lộ vẻ phấn khởi. Văn Công nói : “Từ nay không còn ai hại ta nữa”. Cái chết của Tử Ngọc có nghĩa là nước Tấn đạt được một lần thắng lợi, còn nước Sở lại bị một lần thất bại. Từ đó nước Sở không thể nào chấn hưng được, không còn tranh quyền với các chư hầu. Lần thất bại này có lẽ là ông trời cảnh cáo nước Tấn, nếu như giết hại chủ soái Tuần Lâm Phụ cũng có nghĩa là cho thêm nước Sở một lần thắng lợi nữa. Điều đó sẽ làm cho nước Tấn mãi mãi không cường thịnh, mãi mãi không thể nào tranh giành thế mạnh với chư hầu. Lâm Phụ làm việc vì chúa công, lúc ra làm quan nghĩ phải làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ, lúc về nhà thì nghĩ đến việc làm thế nào để sửa chữa sai lầm, là một hảo hán bảo vệ nước nhà, tại sao phải giết chết ông ta ? Lần thất bại này của ông ta chỉ giống như là nhật thực, nguyệt thực, tuy tạm thời mất đi ánh sáng, nhưng nào có tổn thất gì đến ánh sáng của mặt trăng, mặt trời ?” Tấn Cảnh Công lệnh cho Tuần Lâm Phụ được khôi phục chức cũ.

NƯỚC TỔNG VÀ NƯỚC SỞ GIẢNG HÒA

Tuyên Công thập tứ niên (năm 595 trước công nguyên)

Sở Trang Vương cử Thân Vô Úy đi sứ nước Tề, đồng thời căn dặn Thân Vô Úy rằng : “Không nên mượn đường nước Tống”. Đồng thời cử công tử Phùng đi sứ sang nước Tấn, cũng dặn dò công tử Phùng đừng có mượn đường nước Trịnh. Thời Xuân Thu, sứ giả của các nước chư hầu đi ngang qua nước khác thì phải mượn đường. Nay sứ giả nước Sở đi ngang qua hai nước Tống, Trịnh mà không mượn đường là biểu thị sự coi thường hai nước này, có ý khiêu khích. Trước đây khi Tống Chiêu Công hướng dẫn Sở Mục Vương đi săn bắn ở Mạnh Chư Trạch (đồng bắc huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam ngày nay) xảy ra chuyện không vui nên Thân Vô Úy rất ghét nước Tống, bèn nói rằng : “Đầu óc của người nước Trịnh thông minh, người nước Tống kém hiểu biết. Sứ giả đến nước Tống không có gì khó khăn lắm, còn tôi thì nhất định sẽ bị giết hại”. Sở Trang Vương nói : “Nếu nước Tống giết khanh, trăm nhất định đem quân đi đánh nước Tống, báo thù cho khanh”. Thân Vô Úy gửi gắm con của mình là Thân Tề cho Sở Trang Vương rồi mới lên đường.

Thân Vô Úy ngang qua nước Tống thì bị người Tống giữ lại. Hoa Nguyên, đại phu của nước Tống nói rằng : “Đi ngang qua biên giới nước chúng tôi mà không mượn đường điều đó rõ ràng là coi lãnh thổ nước chúng tôi như là biên ấp của nước Sở. Coi lãnh thổ chúng tôi như là biên ấp của người khác, điều này chẳng khác

gi chúng tôi mất nước. Giết sứ giả của nước Sở, nước Sở nhất định sẽ đến đánh chúng tôi. Đánh chúng tôi thì quá lắm cũng là mất nước. Bất kể là mất nước kiểu nào cũng đều là mất nước". Thế là giết Thân Vô Úy.

Sở Trang Vương nghe tin nước Tống giết sứ giả của mình, vô cùng phẫn nộ, vung ống tay áo đứng dậy không kịp đi giày, mang kiếm, lên xe, vội vàng ra đi. Những người bưng giày ở hai bên, chạy theo đến lối đi giữa hoàng cung mới mang được giày cho ông ta. Những người cầm kiếm đứng hai bên đuổi theo đến cửa điện hậu cung mới đeo được kiếm cho ông ta. Người đánh xe đuổi theo đến tận chợ Bồ Tư mới đuổi kịp ông ta và mời ông ta lên xe. Mùa thu. Tháng chín. Sở Trang Vương dẫn quân đi đánh nước Tống. Tuyên công thập ngũ niên (năm 594 trước công nguyên).

Nước Tống lệnh cho Nhạc Anh Tề đến nước Tấn báo cáo về tình hình khẩn cấp của nước Tống. Tấn Cảnh Công định đi cứu Tống ngay. Bách Tông đại phu nước Tấn nói rằng : "Không được ! Cổ nhân từng nói : tuy roi ngựa có dài, cũng không nên quất vào bụng ngựa". Bây giờ là lúc ông trời cho nước Sở vận may, không nên tranh chấp với họ. Nước Tấn chúng ta tuy cường thịnh, nhưng sao có thể đi ngược lại ý trời ? Tục ngữ nói : "Gặp chuyện, phải biết co, biết dãn, trong bụng phải có tính toán trước ? Ao hồ, sông rạch có thể chắt chứa cạn bả rác rưởi, rừng núi đồng cỏ ẩn náu rắn độc, thú dữ. Trong những viên ngọc đẹp cũng lốm đốm những tí vết. Là nguyên thủ quốc gia phải biết chịu đựng ức hiếp lẫn nhau, đó là lẽ đương nhiên. Xin chúa công hãy đợi cho một thời gian rồi hẵng đi cứu viện". Thế là Tấn Cảnh Công ra lệnh đình chỉ việc xuất quân.

Nước Tấn cử Giải Dương đi sứ qua nước Tống, nói với nước Tống rằng : "Toàn bộ quân đội nước Tấn đã được động viên,

chẳng bao lâu nữa sẽ đến nước Tống”. Để cho nước Tống đừng có đầu hàng nước Sở. Giải Dương đi ngang qua nước Trịnh bị nước Trịnh bắt giữ. Nước Trịnh áp giải Giải Dương đến nước Sở rồi giao cho nước Sở, Sở Trang Vương hỏi lộ Giải Dương yêu cầu ông ta đánh chính lại là nước Tấn không chi viện nước Tống nữa. Nhưng ông ta không đồng ý. Sở Thành Vương nhiều lần thúc ép ông ta, ông ta mới nhận lời. Sau đó đưa ông ta lên xe chuyên dùng để công phá thành (giống loại xe cứu hỏa có thang ngày nay) để ông ta leo lên trên đỉnh xe nói to cho nước Tống biết rằng nước Tấn không đến cứu viện họ nữa. Nhưng ông ta không làm theo lời hứa với Sở Trang Vương, ông ta đã hoàn thành sứ mạng mà Tấn Cảnh Công đã giao phó cho ông ta, báo cho nước Tống biết rằng : quân Tấn sắp đến rồi. Sở Thành Vương giận dữ định giết chết ông ta, cho người đến nói với ông ta rằng : “Nhà ngươi từng hứa với ta (Sở Trang Vương) nhưng lại phản lại ta, đó là đạo lý gì vậy ? Không phải ta không giữ chữ tín mà chính nhà ngươi không tự giữ lấy chữ tín. Ta sẽ hành hình ngay lập tức, trừng phạt nhà ngươi theo luật pháp”. Giải Dương trả lời rằng : “Thần nghe nói : Người quân chủ có khả năng định ra những mệnh lệnh chính xác đó mới là chính nghĩa, thần tử có thể đảm nhiệm sứ mạng một cách đúng đắn đó mới là trung thành. Trung thành phải làm sao cho phù hợp với chính nghĩa, đó mới là lợi ích của quốc gia. Định đoạt cơ mưu cho đất nước cần phải bảo vệ sự an toàn cho đất nước mà lại không làm tổn hại đến lợi ích của nhân dân, đó mới chính là quân chủ của nhân dân. Một việc hợp với chính nghĩa, không thể nào lập lờ hai mặt. Một hành động chân thành cũng không thể có hai mệnh lệnh trái ngược nhau. Một quân chủ hỏi lộ một thần tử để họ biến chất là người không biết thế nào là mệnh lệnh chính nghĩa. Thần nhận mệnh lệnh của quân chủ mình đi sứ ra nước ngoài, thà chết chứ không từ bỏ sứ

mệnh mà quân chủ đã giao phó cho thần. Điều đó là có thể mua chuộc được hay sao ? Sở dĩ thần chấp nhận điều kiện của quý quốc là vì muốn lợi dụng cơ hội đó để hoàn thành sứ mạng mà quân chủ thần đã giao phó cho thần. Thần tuy chết nhưng đã hoàn thành sứ mệnh của quân chủ. Thần cho rằng đây là cái phúc của thần. Quân chủ nước Tấn có được một người thần trung thành, mà thần thì cũng hoàn thành sứ mệnh, thì dù có chết cũng không có điều gì luyến tiếc". Cuối cùng Sở Trang Vương thả Giải Dương ra, cho ông ta về nước.

Mùa hạ. Tháng năm. Lúc quân Sở chuẩn bị rời khỏi nước Tống, Thân Tề sụp lạy trước ngựa Sở Trang Vương mà rằng : "Tiên phụ rõ ràng biết trước đi sứ nước Tề ngang qua nước Tống là hết sức nguy hiểm, nếu bị người Tống bắt được thì khó bảo toàn tính mạng, nhưng tiên phụ không dám không nghe mệnh lệnh của quân chủ, bất kể nguy hiểm tính mạng để hoàn thành nhiệm vụ. Hơn nữa quân chủ cũng đã đồng ý với tiên phụ rằng : nếu tiên phụ bị hại thì sẽ đem quân đi đánh, báo thù cho tiên phụ. Giờ đây quân chủ không giữ đúng lời hứa, bội tín !" Sở Thành Vương không thể trả lời được. Thân Thúc Thời đang lái xe nêu ra một kiến nghị". Xây dựng nhà ở ngay chỗ này, đồng thời tìm các nông phu đang lưu vong quay trở lại, biểu thị quân Sở dự định định cư ở nơi đây. Như vậy, nước Tống nhất định sẽ nghe theo mệnh lệnh của nước Sở". Thế là Sở Thành Vương làm theo đề nghị của Thân Thúc Thời.

Quả nhiên, nước Tống cảm thấy lo sợ bèn để cho Hoa Nguyên thám thính tình hình quân Sở thực hư ra sao, nhân đêm tối mò vào doanh trại quân Sở, mò trúng màn của Tử Phán, tướng hữu quân của quân Sở làm cho Tử Phán tỉnh giấc, dùng binh khí

khống chế Tử Phán rồi nói : “Ta được quân chủ ta sai phái, kể cho ông nghe cảnh tượng khốn khổ của nước Tống. Nước Tống chúng tôi đã rơi vào hoàn cảnh đối con nhau để làm thịt ăn, lấy xương người làm củ nấu thức ăn. Nước Tống chúng tôi tuy khốn khổ như vậy, nhưng ép buộc chúng tôi cúi đầu, đầu hàng quân Sở, ký hiệp ước đầu hàng là không làm được đâu. Nếu như quân Sở lui về phía sau ba mươi dặm, không bao vây chúng tôi nữa, thì sẽ dễ thương lượng thôi”. Tử Phán một mặt bị Hoa Nguyên kiềm chế, trong lòng cảm thấy sợ hãi, đồng thời cũng khiếp sợ bởi tinh thần “đối con cho nhau làm thịt để ăn, lấy xương người làm củ để đốt, mà vẫn không chịu khuất phục” của người Tống, bèn tự mình ký kết hòa ước với Hoa Nguyên, sau đó báo cáo cho Sở Trang Vương. Nước Sở lui quân ba mươi dặm.

Sau khi nước Tống và nước Sở ký hiệp ước hòa bình, Hoa Nguyên bị nước Tống cử sang nước Sở làm con tin. Trong hòa ước có nói : “Ta không lừa dối người, người cũng không cần vì ta mà lo lắng !”.

CUỘC CHIẾN GIỮA TỀ VÀ TẤN Ở YÊN

Thành Công nhị niên (năm 589 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Lỗ Thành Công năm thứ hai Tề Khoảnh Công đem quân đánh phía bắc nước Lỗ, bao vây vùng Long (xã Đông nam Long, huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Tướng của Tề Khoảnh Công là Lư Bồ Tụu Khôi tấn công vào cổng thành. Người vùng Long bắt sống ông ta. Tề Khoảnh Công bảo với nhân dân vùng Long rằng : “Các người không được giết ông ta, ta có thể lập minh ước với các người, quân đội của ta không tiến vào vùng đất của các người. Nhưng nhân dân vùng Long không đếm xỉa gì đến yêu cầu của Tề Khoảnh Công, giết chết Lư Bồ Tụu Khôi rồi bêu xác trên tường thành. Tề Khoảnh Công đích thân giống trống trận, chỉ huy tác chiến. Binh lính nước Tề trèo lên tường thành, sau ba ngày thì đánh chiếm Long thành. Sau đó đưa quân xuống phía Nam xâm lược Sào Khâu (tây nam huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Vệ Đình Công phái các đại phu Tôn Lương Phu, Thạch Tác, Ninh Tương, Hướng Cầm soái lĩnh quân đội xâm lược nước Tề. Trên đường hành quân gặp phải quân Tề. Thạch Tác chủ trương rút lui, Tôn Lương Phu nói : “Không thể rút lui. Cầm quân đi đánh nước lân cận, trên đường gặp quân đội của họ, liền sợ hãi không dám tiến lên, rút quân về nước thì làm sao ăn nói với chúa công ? Ví thử cho rằng đánh không lại lân bang thì đừng cầm

quân xuất chinh. Giờ đây đã gặp quân đội của nước láng giềng, chỉ bằng quyết chiến với họ một trận !”.

Mùa hạ. Ngày 30 tháng 4, quân đội nước Vệ và quân đội nước Tề đánh nhau lớn tại Tân Trúc (huyện Quan Thành tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Thạch Tắc nói với Tôn Lương Phu : “Quân đội của chúng ta chiến bại, ngài nên đợi thêm một tí, e rằng toàn bộ quân đội sẽ bị tiêu diệt hết ! Ngài mất hết binh lính thì làm sao phục mệnh được ?” Không ai nói năng gì. Thạch Tắc lại nói với Tôn Lương Phu : “Ngài là quốc khanh, nếu ngài bị tổn thất, thì đó là cái nhục lớn của nước Vệ chúng ta. Ngài dẫn dắt quân đội rút lui, tôi sẽ ở lại đây chống chọi với chúng !” đồng thời tuyên bố với quân Vệ, đội binh xa chỉ viện đang ùn ùn kéo đến. Thế là quân Tề đành chỉ tấn công, đóng quân tại Cúc Cú Cúc Cách (thuộc huyện Triều Thanh, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Người Tân Trúc (huyện Quan Thành, tỉnh Sơn Đông ngày nay) là Trọng Thúc Vu hề cứu Tôn Lương Phu. Tôn Lương Phu nhờ thế mà thoát nạn. Sau đó, nước Vệ cho ông ta Thành ấp, ông ta từ chối. Trọng Thúc Vu hề thỉnh cầu Vệ quân thưởng cho ông ta nhạc khí và đồ trang sức cho ngựa, cho phép ông ta mang các thứ ấy khi vào châu. Vệ quân đồng ý với lời thỉnh cầu của ông ta.

Sau này, khi Khổng Tử nghe thấy chuyện này bèn nói : “Đáng tiếc, đáng tiếc ! Chỉ bằng ban thưởng cho ông ta thêm một số thành ấp ! Lễ dụng khí vật và tước vị danh hiệu, hai thứ này không thể cho người khác một cách tùy tiện được. Hai thứ này là do quân chủ một nước nắm giữ. Tước vị danh hiệu là tượng trưng làm cho nhân dân tin cậy, được nhân dân tin cậy thì mới giữ gìn được lễ dụng khí vật. Trong lễ dụng khí vật chứa đựng qui tắc lễ

pháp của xã hội. Quy tắc lễ pháp làm cho người ta làm việc đúng mực, làm việc đúng mực thì có thể sinh ra lợi ích. Cai trị nhân dân là mưu cầu lợi ích cho nhân dân. Do đó, mưu cầu lợi ích cho nhân dân là phương pháp cai trị nhân dân một cách tốt nhất. Lễ dụng khí vật và tước vị danh hiệu là then chốt quan trọng về chính trị. Nếu như cứ ban thưởng lễ dụng khí vật và tước vị danh hiệu cho người khác một cách tùy tiện, thì cũng có nghĩa là giao quyền cho người khác. Một khi chính quyền mất đi, thì đất nước cũng theo đó mà diệt vong, đến lúc đó thì không tài nào cứu vãn nổi”.

Tôn Lương Phu trở về Tân Trúc, không vào thành mà trực tiếp đi thẳng đến nước Tấn cầu cứu viện binh. Bọn họ đều trú tại nhà của Khước Khắc. Tấn Cảnh Công đồng ý phái 700 chiếc binh xa. Khước Khắc nói : “Bảy trăm chiếc binh xa là số lượng ngang với trận đánh ở Thành Bộc. Bởi vì có sự lãnh đạo anh minh của tiên quân Văn Công và tài năng trác Việt của tiên đại phu Tiên Chấn, Hồ Yển... cho nên mới đánh thắng trận. Khước Khắc tôi so với các tiên đại phu kém cỏi vô cùng”. Thế là Khước Khắc yên cầu Tấn Cảnh Công phái 800 binh xa. Tấn Cảnh Công đồng ý. Khước Khắc thống soái trung quân, Sĩ Loan thống soái thượng quân, Loan Thư thống soái hạ quân, Hàn Quyết làm Tư mã đi cầu viện hai nước Lỗ, Vệ. Tang Hứa đón tiếp quân Tấn, đồng thời dẫn đường cho quân Tấn. Đại phu nước Lỗ là Quý Hành đưa quân Lỗ đến phối hợp với quân Tấn. Lúc đến nước Vệ, Hàn Quyết định giết người, sau khi biết chuyện Khước Khắc vội vàng đến cứu. Lúc đến nơi, Hàn Quyết, đã giết chết người ta rồi. Khước Khắc sai người đem thi thể ra thị chúng, sau đó Khước Khắc nói với người đây tớ : “Ta làm như thế là để cùng chịu trách nhiệm giết người với Hàn Quyết không để cho Hàn Quyết một mình bị phỉ báng là kẻ giết người”.

Quân Tấn đến vùng Tân (huyện Tân, tỉnh Sơn Đông ngày nay) thì đuổi kịp quân Tề.

Ngày 17 tháng 6 quân Tấn đuổi đến núi Mị Kê (phía nam huyện Lịch Thành 10 dặm thuộc tỉnh Sơn Đông ngày nay, tức Thiên Phật Sơn). Tề Khoảnh Công sai người đi thách đấu : “Các người dùng quân đội của quốc quân các người làm nhục nước Tề chúng tôi. Nước Tề chúng tôi chỉ có một ít quân đội đang mệt mỏi, xin đến sáng sớm ngày mai gặp mặt quân đội nước Tấn các người”. Khách Khước đáp rằng : “Nước Tấn và hai nước Lỗ, Vệ là anh em. Sứ giả của hai nước Lỗ, Vệ cầu cứu nước Tấn rằng : “Nước Tề thường sang lãnh thổ chúng tôi chọc tức chúng tôi. Quốc quân nước Tấn chúng tôi không nhẫn tâm nhìn hai nước Lỗ, Vệ bị ức hiếp, bèn cử chúng tôi đến thỉnh cầu nước Tề không nên quấy rầy hai nước Lỗ, Vệ, cũng bảo chúng tôi không nên để cho quân đội nước Tấn ở lâu trên đất nước Tề. Đã tiến quân vào nước Tề thì cũng không lui quân được, không cần nghe theo lời dăn dò của quốc quân nước Tề”. Thế là Tề Khoảnh Công cũng đáp rằng : “Các đại phu nước Tấn đều đồng ý đánh nhau với nước Tề, thật phù hợp với nguyện vọng của chúng tôi. Cho dù họ không đồng ý đánh nhau với chúng tôi, chúng tôi cũng đánh nhau một trận với họ. Đại phu nước Tề là Cao Cố lao vào doanh trại quân Tấn giơ gạch lên ném, bắt được một lính Tấn, tước lấy binh xa của anh ta, sau phía xe cột một cây dâu trở về dinh lũy của mình rồi diễu võ dương oai trước mặt binh sĩ nước Tề, đồng thời nói rằng : “Ai cần dũng khí có thể mua dũng khí thừa của ta”.

Ngày 18 tháng 6, quân đội nước Tề và nước Lỗ dàn binh tại Yên (10 dặm về phía tây Lịch Thành tỉnh Sơn Đông ngày nay). Đại phu nước Tề là Bình Hạ lái xe cho Tề Khoảnh Công, một đại

phu khác của nước Tề là Phùng Sưu Phụ làm xa hữu cho Tề Khoảnh Công. Nước Tấn cử Khước Khắc làm chủ soái, Giải Trương lái xe cho ông ta, Trịnh Khâu Hoãn làm xa hữu. Tề Khoảnh Công nói : “Ta tạm thời tiêu diệt số quân Tấn này, sau đó hăng ăn cơm sáng”. Không đợi khoác áo giáp cho ngựa, đã lấy hết sức thúc ngựa tiến lên. Khước Khắc bị tên bắn bị thương máu chảy đến tận giày vẫn giống trống liên hồi. Khước Khắc nói : “Vết thương của ta rất nặng...” Giải Trương nói : “Kể từ khi giao chiến, tên đã bắn trúng vào tay ta, xuyên thẳng qua khuỷu tay. Ta bẻ gãy mũi tên tiếp tục lái xe, bánh xe phía tay trái đã nhuộm thành màu đỏ bầm. Ta đâu nào dám nói rằng bị thương nặng ? Ông hãy cố mà chịu đựng”. Trịnh Khâu Hoãn nói : “Từ khi bắt đầu giao chiến, nếu xe bị lún xuống bùn hoặc sập hầm, tôi nhất định sẽ nhảy xuống đẩy xe. Ông lẽ nào biết các việc này ! Nhưng mà, ông quả đã bị thương rất nặng”. Giải Trương nói : “Cờ trống của chiếc xe chúng tôi là tai mắt của quân đội Tấn, Quân đội Tấn tiến hay thoái đều dựa vào bóng cờ và tiếng trống của trung quân xa này. Lấy đó làm dấu hiệu cho sự tiến thoái. Chiếc trung quân xa này của chúng tôi một người trấn thủ là có thể thành công. Làm sao có thể vì bị thương mà lại bại hoại đại sự của quốc quân ? Khi đã mặc áo giáp vào, cầm lấy vũ khí thì đã ôm ấp quyết tâm hy sinh. Tuy thân thể bị thương, nhưng vẫn chưa chết, vì vậy xin ông hãy cố gắng chịu đựng !” Lúc này tay trái Giải Trương cầm lấy dây cương, tay mặt cầm dùi đánh trống, ngựa lao nhanh về phía trước không tài nào cản nổi, toàn quân cũng theo đó mà xông lên. Quân đội của Tề Khoảnh Công đại bại. Quân đội nước Tấn Truy kích quân đội nước Tề, truy đuổi mấy vòng quanh núi Hoa Bất Chú (đông bắc huyện Lịch Thành tỉnh Sơn Đông

ngày nay).

Đại phu nước Tấn Hàn Quyết nằm mơ thấy cha mình nói với mình rằng : “Buổi sáng cần tránh khỏi hai phía tả hữu của binh xa” do đó Hàn Quyết thay người đánh ngựa, tự mình ngồi vào ở giữa đánh xe đuổi theo Tề Khoảnh Công. Bính Hạ nói : “Bắn vào người lái xe, người lái xe đó hình như là quân tử”. Tề Khoảnh Công nói : “Gọi người ta là quân tử mà lại bắn chết người ta thì không hợp với lễ pháp”. Thế là bắn vào người ngồi bên trái xe, người ngồi bên trái xe rơi xuống đất, rồi lại bắn vào người ngồi bên phải xe, người ngồi bên phải xe chết ngay trong xe. Đại phu nước Tấn là Kì Mẫn Trương bị mất binh xa, liền đuổi theo Hàn Quyết và nói rằng : “Cho tôi đi nhờ xe của ông”. Kì Mẫn Trương định ngồi ở bên trái hoặc bên phải, nhưng Hàn Quyết đã dùng cùi chỏ thúc vào người ông ta bảo ông ta đứng ở đằng sau mình. Hàn Quyết khom người xuống đặt lại ngay ngắn người ở bên phải vừa bị bắn chết.

Phùng Sửu Phụ biết rằng Tề Khoảnh Công có thể bị bắt cho nên đã thay đổi chỗ cho Tề Khoảnh Công. Khi binh xa của Tề Khoảnh sắp đến Hoa Tuyền ở dưới chân núi Hoa Bất Chú, có một con ngựa ở bên ngoài bị cây cối chặn lại — Đêm hôm trước, Phùng Sửu Phụ ngủ ở trong lều xe, có một con rắn từ dưới bò lên. Ông ta dùng cánh tay đập rắn, kết quả cánh tay ông ta bị thương, nhưng Phùng Sửu Phụ đã giấu vết thương, cho nên sau không thể dùng tay đẩy xe, kết quả là quân Tấn đã đuổi kịp. Hàn Quyết nắm dây ngựa đứng trước Tề Khoảnh Công lay một cái rồi rạp đầu xuống, tay bưng bình rượu và vòng ngọc dâng lên Tề Khoảnh Công đồng thời dùng những lời lẽ xã giao hết sức uyển chuyển nói rằng : “Quốc quân của chúng tôi phái quân thần chúng tôi nói với

hai nước Lỗ, Vệ rằng : “Đừng để cho quân đội nước Tấn chúng tôi tiến vào lãnh thổ của quý quốc. Tôi là kẻ hạ thần (vào thời Xuân Thu, hạ thần là cách xưng hô khiêm tốn của thần đối với quốc quân nước khác), thật không may gặp ngay quân đội của quý quốc, không có cách nào trốn thoát, không có chỗ nào để chúng tôi ẩn náu, hơn nữa sợ rằng vì tháo chạy hoặc lẫn trốn mà làm nhục cho quốc quân hai nước. Tôi là một chiến sĩ, thật là làm xấu hổ người lính. Hạ thần xin mạo muội bẩm với quốc quân, hạ thần không phải là người thông minh, không biết làm việc, hơn nữa chúng tôi thiếu hụt nhân tài, không tìm được người để thương lượng, tất cả mọi việc đều do một mình thần gánh vác. Để hoàn thành trách nhiệm, thần xin đưa quốc quân cùng đến nước Tấn”. Bởi vì Phùng Sữu Phụ đã thay đổi vị trí của Tề Khoảnh Công và giả là Tề Khoảnh Công. Phùng Sữu Phụ lệnh cho Tề Khoảnh Công đến Hoa Tuyền lấy nước để uống. Nhân lúc đi lấy nước, Trịnh Chu Phụ thần tử của nước Tề đánh một chiếc xe dự phòng, là xa tá đưa Tề Khoảnh Công chạy thoát. Hàn Quyết đem Phùng Sữu Phụ hiến cho Khước Khắc. Khước Khắc chuẩn bị giết Phùng Sữu Phụ, Phùng Sữu Phụ nói rằng : “Cho đến bây giờ, vẫn chưa có người chịu thay hoạn nạn của quốc quân. Giả dụ giờ có một người rồi, lẽ nào người ấy bị giết chết ?” Khước Khắc suy nghĩ rồi nói : “Có người không sợ hy sinh tính mạng của mình để giải cứu quốc quân của ông ta, nếu ta đem người đó đi giết là một việc chẳng lành. Ân xá cho kẻ đã làm một việc như vậy để động viên những người hết lòng làm việc cho quốc quân”. Do đó tha cho Phùng Sữu Phụ.

Sau Khi Tề Khoảnh Công thoát nạn, ba lần xông vào quân Tấn, ba lần thoát khỏi vòng vây để tìm tông tích Phùng Sữu Phụ.

Mỗi lần thoát khỏi vòng vây lại chinh đồn lại đội ngũ, động viên những binh lính tháo chạy. Tề Khoảnh Công cầm quân xông vào đội ngũ người Dịch do quân Tấn đưa đến, binh sĩ người Dịch đều dùng thuẫn để che chắn. Tề Khoảnh Công lệnh cho quân Tề lại xông vào đội ngũ của quân Vệ, người nước Vệ không dám làm hại họ. Thế là từ Từ Quan (phía tây huyện Lâm Nào, tỉnh Sơn Đông ngày nay) tiến vào nước Tề. Khoảnh Công nhìn thấy những người trấn giữ thành ấp thì nói rằng : “Hãy trấn giữ cho thật tốt đi ! Quân đội nước Tề chúng ta đã thất bại rồi !” Đội quân của Tề Khoảnh Công bảo một phụ nữ đang đi ở trên đường tránh chỗ. Người phụ nữ hỏi rằng : “Quốc quân chúng ta có thoát nạn không ?” Đáp rằng : “Quốc quân của chúng ta may mắn thoát nạn rồi”. Lại hỏi : “Quan tư đồ lo việc quản lý vũ khí cũng thoát nạn chứ ?” Đáp rằng : “Thoát nạn rồi”. Người phụ nữ lại hỏi : “Nếu như quốc quân của ta và cha ta đều bình an vô sự thì sẽ như thế nào ?” Nói xong liền bỏ đi. Khoảnh Công cho rằng, người phụ nữ đó hỏi đến quốc quân trước rồi mới hỏi đến cha như vậy là hiểu lẽ tiết. Sau đó hỏi những người bên cạnh mới biết rằng người phụ nữ đó là vợ của tư đồ Bích (quan chăm lo quản lý doanh trại đồn lũy), bèn lấy đất Thạch Giao (vùng Thạch Oa Thôn cách ba mươi dặm về phía đông nam huyện Trường Thanh tỉnh Sơn Đông ngày nay) phong cho bà ta.

Quân Tấn đuổi theo phía sau quân Tề, từ Khâu Dữ (ranh giới huyện Ích Đô tỉnh Sơn Đông ngày nay), tiến vào nước Tề, tiến công Mã Hình (tây nam huyện Ích Đô tỉnh Sơn Đông ngày nay). Tề Khoảnh Công sai đại phu là Quốc Tả đến nước Tấn, dâng ngọc đẹp, ngọc khánh, đất đai của nước Kỷ ngày xưa để xin cầu hòa. Nếu như quân Tấn không chịu lui quân, thế thì cứ để mặc

họ ! Quốc Tả đi dâng đồ hồi lộ, quân Tấn không chấp nhận điều kiện cầu hòa của Tề Khoảnh Công mà lại đặt ra điều kiện : “Nhất định phải đem mẹ của quốc quân nước Tề là Tiên Đồng Thúc Tử làm con tin, đồng thời, tất cả bờ ruộng trong lãnh thổ nước Tề đều phải đổi thành hướng đông tây để sau này khi binh xa của nước Tấn vào nước Tề đi lại được dễ dàng”. Quốc Tả trả lời rằng : “Tiên Đồng Thúc Tử không phải là ai khác mà chính là mẹ của quốc quân nước Tề. Nếu như nước Tấn và nước Tề bình đẳng với nhau thì Người cũng tương đương với mẹ của quốc quân nước Tấn. Chư vị nếu coi trọng chính nghĩa giữa các nước chư hầu, cho rằng mẹ của quốc quân nước Tề làm con tin thì mới yên tâm được, thế thì các vị đặt Chu Thiên tử vào vị trí nào ? Đây là thi hành mệnh lệnh với cái giá bất hiệu. Kinh thi có nói : “Lòng hiếu thảo của đứa con có hiếu là vô tận, anh ta mãi mãi truyền lòng hiếu thảo đó cho đồng loại”. Nếu lấy sự bất hiệu mà mệnh lệnh cho chư hầu, thì sẽ trở thành những đồng loại không giữ đạo đức. Tiên vương trị vì đất đai trong thiên hạ, căn cứ vào tính chất khác nhau của đất đai để phân bố các loại cây trồng để gặt hái được những lợi ích xứng đáng. Cho nên Kinh thi có nói : “Cương thổ của chúng ta, chúng ta cai trị đất đai bờ ruộng của chúng ta chạy dài theo hướng đông nam”. Giờ đây các ông trị vì đất đai của chư hầu, trái lại buộc toàn bộ bờ ruộng phải chạy theo hướng đông tây. Các ông chỉ chú ý đến sự thuận tiện cho việc hành quân của binh xa mà không hề chú ý xem có hợp với tính chất của đất đai hay không, đó chẳng phải là phủ định di mệnh của tiên vương hay sao ? Đi ngược lại chế độ của tiên vương là bất nghĩa, thế thì làm sao có thể làm mình chủ được ? Như vậy nước Tấn đã đi quá xa. Vũ, Thang, Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương, cả

bốn vị vua này sở dĩ có thể đẩy mạnh vương chính là vì xây dựng được công đức, thỏa mãn nguyện vọng chung của chư hầu ! Côn Ngô đời Hạ, Đại Bành, Thề Vĩ đời Thương, Tề Hằng Công, Tấn Văn Công đời Chu... năm vị bá chủ này sở dĩ đẩy mạnh được bá chính là bởi vì không ngại gian lao vất vả yên chư hầu, bôn ba phục dịch cho thiên tử. Ngày nay các người muốn hợp nhất chư hầu để thỏa mãn nguyện vọng không bao giờ chấm dứt của mình. Kinh thi có nói : “Thì hành chính sự phải hòa hoãn rộng lượng, thì phước khí mới tụ hợp về được” Các ông không độ lượng, tự mình đánh mất phúc lộc, điều đó có hại gì cho chư hầu ? Nếu như các ông không chịu giảng hòa, quốc quân chúng tôi cũng đã dặn dò sứ giả một câu như thế này : “Bởi vì các người đem quân đội của quân chủ nước Tấn đến xâm lược lãnh thổ nước chúng tôi, chúng tôi với quân đội ít ỏi, mặt mũi cũng đánh nhau với quân Tấn các người. Chỉ vì sợ hãi trước uy lực của các người, quân Tề chúng tôi đã thất bại. Do đó các ông làm phúc cho người Tề, không tiêu diệt nước Tề, tiếp tục tình hữu nghị như xưa, cho nên chúng tôi không dám luyện tiếm bảo vật, đất đai của tiên quân nước Tề để hiến cho các người biểu thị sự cầu hòa. Nhưng các ông không đồng ý. Do đó chúng tôi chỉ còn cách thu gom tàn dư quân đội nước Tề, quyết đánh một trận để quyết định sự sinh tử, tồn vong của nước Tề. Nếu chúng tôi may mắn thắng lợi, thì cũng đến cầu hòa với các ông, huống chi chẳng may thất trận, thì chẳng phải là nghe theo sự dạy bảo của các người hay sao !”.

Hai nước Lỗ, Vệ khuyên Khước Khắc rằng : “Nước Tề oán giận chúng ta, những người chết trong chiến dịch này đều là những người thân cận của Tề hầu. Nếu như ông không cho nước Tề giảng hòa, nước Tề nhất định càng oán hận chúng ta hơn. Rất

cuộc là ông định tìm kiếm cái gì ? Ông được quốc bảo của nước Tề, chúng tôi được lại những vùng đất đã mất mà còn giải cứu được quốc nạn của chúng ta. Đây là một việc rất lấy làm vinh dự. Tề, Tấn đều là những cường quốc theo mệnh trời, đâu phải chỉ một mình nước Tấn là cường quốc". Thế là người Tấn đồng ý giảng hòa với nước Tề. Nói với nước Tề rằng : "Theo thỉnh cầu của hai nước Lỗ, Vệ, quần thần nước Tấn chúng tôi mới đem binh xa và binh lính đến cứu viện. Nếu như chúng tôi có thể ăn nói để hồi phục sứ mệnh của chúa công Tấn, thì đó là ân huệ của quốc quân nước Tề, làm sao dám không báo gì nghe nấy ?".

Đại phu nước Lỗ là Cầm Trịnh từ chỗ quân Lỗ đi nghênh tiếp Lỗ Thành Công.

Mùa thu. Tháng 7. Quân Tấn và Quốc Tả đại phu nước Tề liên kết với nhau tại Viên Lâu (thuộc huyện Náo Xuyên tỉnh Sơn Đông ngày nay). Đồng thời nước Tấn cho phép nước Tề trả lại ruộng đất vùng Văn Dương mà nước Tề xâm lược của nước Lỗ trả lại cho nước Lỗ. Lỗ Thành Công gặp mặt quân Tấn tại Minh (trong huyện Dương Cốc tỉnh Sơn Đông ngày nay) ban tặng chinh xa và lễ phục thượng khanh cho ba vị thống soái : Khước Khắc, Sĩ Loan và Loan Thư, (ban tặng lễ phục đại phu cho Tư Mã (đại phu chủ quản giáp binh), Tư Không (đại phu chủ quản dinh lũy), Dã Soái (đại phu chủ quản binh xa), Hầu Chính (đại phu chủ quản việc tuần tra canh gác), Á Lữ (không chuyên trách, có nhiệm vụ chi viện cho bất kỳ yêu cầu nào về mặt quân sự).

Quân đội nước Tấn về nước. Thượng quân tả Sĩ Loan tiến vào thành sau cùng. Sĩ Huệ, bố của Sĩ Loan nói : "Lê nào con không biết rằng cha mong con sớm trở về hay sao ?" Sĩ Loan đáp

rằng : “Quân đội đánh thắng trận trở về nước, người trong nước nhất định sẽ rất phấn khởi đón chào quân đội khải hoàn. Những người vào thành trước tiên tất sẽ làm cho người ta để ý. Làm như vậy là nhận công cao thay cho thống soái ! Do đó con không dám”. Sĩ Huệ nói : “Giờ đây cha mới biết hành vi khiêm tốn của con, có thể làm cho gia đình ta khỏi tai họa”.

Khước Khắc triều kiến Tấn Cảnh Công. Cảnh Công hỏi rằng : “Lần thắng lợi này là do sức mạnh của thần phải không !” Khước Khắc đáp rằng : “Đây là sự dạy bảo của chúa công và sức mạnh của các đại phu. Ngu thần làm gì có sức mạnh ?” Sĩ Loan vào triều kiến Cảnh Công. Cảnh Công cũng hỏi Sĩ Loan như vậy. Sĩ Loan đáp rằng : “Chẳng qua thần chỉ nghe theo sự dặn dò của Tuần Canh, phục tùng tiết chế của Khước Khắc mà thôi, ngu thần đâu có làm nên công trạng gì !” Loan Thư triều kiến Cảnh Công, Cảnh Công cũng hỏi ông ta nội dung như vậy. Loan Thư đáp rằng : “Nhờ có sự chỉ huy của Sĩ Loan và sự tuân theo mệnh lệnh của quân sĩ, thần đâu có công hiến gì ?”.

NƯỚC SỞ TIỀN TUẦN DIÊU CỦA NƯỚC TẤN VỀ NƯỚC

Thành Công tam niên (năm 588 trước công nguyên)

Nước Tấn đưa Cốc Thần bị bắt trong trận chiến đấu giữa Tấn, Sở tại vùng Tấn và thi thể của Liên Doãn Tương lão về nước để đổi đại thần nước Tấn là Tuần Diêu. Lúc này Tuần Thư làm trung quân tá của nước Tấn. Tuần Thư không những có năng lực mà còn là cha của Tuần Diêu, cho nên nước Sở đã chấp nhận yêu cầu của nước Tấn.

Sở Cộng Vương lúc tiễn Tuần Diêu về nước nói rằng : “Thần có oán hận ta không ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Hai nước chinh đốn quân đội, tu sửa vũ khí, thần bất tài không thể gánh vác trách nhiệm của mình, cho nên bại trận bị bắt làm tù binh. Những người cầm đầu quý quốc đã không giết hại thần lấy máu của thần bôi lên chiêng trống, lại thả thần về nước Tấn để chấp nhận sự nguyên rửa. Đó là ân huệ của Người. Hạ thần quả thật không có tài năng, đâu dám oán giận ai ?” Sở Cộng Vương lại nói : “Đã như vậy, thế thì thần có cảm kích ta không ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Người và thần đều tính toán cho nước mình tìm cách giải thoát nỗi thống khổ của nhân dân, mỗi người đều kèm chế oán hận và sự bức tức nhất thời, thông cảm cho nhau. Hai bên đều phóng thích tù binh để đạt được quan hệ hữu hảo. Hai nước Tấn, Sở cũng có quan hệ tốt đẹp, hạ thần không được tham dự vào việc ấy, thần làm sao có thể cảm kích ai được ?” Sở Cộng

Vương lại nói : “Sau khi nhà ngươi về nước sẽ báo đáp ta như thế nào ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Thần không có gì để hận chúa công, chúa công cũng không có gì đáng cho thần cảm kích. Đã không oán hận cũng chẳng ân nghĩa, không biết nên đền đáp cái gì ?” Sở Cộng Vương nói : “Tuy như vậy, cũng phải nói cho ta biết sẽ báo đáp ta như thế nào ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Nhờ phúc của chúa công, kẻ tù binh như thần mới có thể đem tấm thân này về nước. Quốc quân của thần giết chết thần. Thần chết như thế sẽ là bất tử. Nếu như, nhờ phúc của chúa công mà quốc quân của thần không giết thần mà đem thân ban cho Tuần Thủ là đại phu nước thần, Tuần Thủ sẽ khẩn cầu quốc quân, đem giết thần tại tông miếu, thì thần cũng chết một cách xứng đáng, chết một cách vinh quang. Nếu như chúa công của thần không cho phép cha thần làm như vậy mà để cho thần được tiếp tục kế thừa chức vị của tổ tông, theo đúng tư cách gánh vác chức vụ quân sự và cầm quân bảo vệ biên cương, tuy rằng gặp chúa công thần không cũng dám trốn tránh. Thần sẽ dốc hết sức mạnh của thần, cống hiến sinh mạng của thần mà không có suy nghĩ nào khác để hoàn thành nghĩa vụ mà một thần dân phải làm. Trung với quốc quân nước Tấn cũng tức là trung với quốc quân nước Sở. Thần sẽ dùng cách làm đó để báo đáp chúa công”. Nghe xong Sở Cộng Vương nói : “Không thể nào tranh nhau với nước Tấn”, rồi long trọng cử hành lễ tiễn Tuần Diêu về nước.

HẠ CƠ

Tuyên Công cầu niên (năm 600 trước công nguyên)

Trần Linh Công và đại phu Công Tôn Ninh, Nghi Hành Phụ tư thông với Hạ Cơ. Ba người lấy áo chên của Hạ Cơ mặc vào trong áo của mình, giữa triều đình lấy áo chên làm đề tài để đùa cợt lẫn nhau. Đại phu nước Trần là Tiết Dã khuyên can Trần Linh Công : “Quốc quân và khanh đại phu là tấm gương sáng của nhân dân, nay công nhiên truyền bá những sự dâm dăng thì nhân dân không còn gương sáng để noi theo. Hơn nữa, việc này mà truyền ra nước ngoài thì cũng rất là khó coi, xin chúa công cất áo chên đi, đừng mặc vào người nữa” Trần Linh Công nói : “Phải, ta nhất định sẽ sửa đổi”. Trần Linh Công đem chuyện này nói cho Công Tôn Ninh và Nghi Hành Phụ biết. Hai người xin Linh Công cho phép họ giết Tiết Dã, Trần Linh Công không cho phép cũng không cấm chỉ họ, thế là hai người bèn giết Tiết Dã.

Khổng Tử phê bình một cách châm biếm : “Trong kinh thư có nói : “Thời đại nhiều nhưng không nên lo quá nhiều việc”, có lẽ là nói về những việc như Tiết Dã đã làm chăng !”.

Tuyên Công thập niên (năm 599 trước công nguyên)

Năm Tuyên Công thứ mười, Trần Linh Công và Công Tôn Ninh, Nghi Hành Phụ ba người cùng uống rượu tại gia đình Hạ Cơ. Trần Linh Công nói với Nghi Hành Phụ : “Hạ Trưng Thư rất

giống khanh". Nghi Hành Phụ nói : "Theo khanh, Hạ Trưng Thư cũng rất giống chúa thượng". Hạ Trưng Thư nghe những lời xỉ nhục đó thì rất giận bọn họ. Khi Trần Linh Công bước ra khỏi phòng, Hạ Trưng Thư từ chuồng ngựa phóng tên bắn chết Trần Linh Công. Công Tôn Ninh, Nghi Hành Phụ bèn trốn chạy sang nước Sở.

Tuyên Công thập nhất niên (năm 598 trước công nguyên)

Mùa đông năm Tuyên Công thứ mười một, Sở Trang Vương vì việc Hạ Trưng Thư của nước Trần giết chúa công, cho nên đem quân đi đánh nước Trần, đồng thời bảo với nhân dân nước Trần không nên ngạc nhiên, lo sợ. Quân Sở chỉ đến đánh Hạ Trưng Thư. Thế là quân Sở tiến vào nước Trần giết chết Hạ Trưng Thư, đồng thời phanh thây Hạ Trưng Thư tại cổng đô thành (huyện Hoài Dương tỉnh Hà Nam ngày nay). Vì thế nước Sở đã tiêu diệt nước Trần, biến nước Trần thành một huyện của nước Sở. Trần Thành Công chạy trốn sang nước Tấn.

Đại phu nước Sở là Thân Thúc Thời đi sứ sang nước Tề, quay trở về nước Sở. Sau khi báo cáo nhiệm vụ cho Sở Trang Vương xong bèn cáo lui. Sở Trang Vương cử người đến chất vấn ông ta : "Hạ Trưng Thư không giữ đúng thần đạo, giết chết quân chủ. Quả nhân và chư hầu đi đánh ông ta, giết chết ông ta rồi, các chư hầu, huyện đại phu đều đến chúc mừng quả nhân, chỉ có một mình khanh là không chúc mừng quả nhân, là vì lý do gì ?" Thân Thúc Thời nói : "Hạ Trưng Thư giết chết quốc quân của ông ta, hành động vô đạo này tội quả là rất lớn. Nay chúa công đi đánh ông ta rồi giết ông ta. Đây là nghĩa cử của chúa công. Nhưng có người đã nói một câu chuyện như thế này : "Có một

người dắt một con trâu đi qua ruộng lúa của một người khác, một người khác bèn cướp con trâu của người đó. Dắt trâu dẫm lên ruộng lúa của người khác, quả thực là có tội, điểm này cũng là sự thật. Nhưng cướp trâu của người ta thì đó là hình thức trừng phạt quá nặng". Các nước chư hầu hưởng ứng chúa công là bởi vì chúa công nói : "Phải thảo phạt kẻ có tội". Ngày nay ta thôn tính nước Trần, biến nó thành một huyện của nước Sở, đó là tham lam của cái của nước Trần. Chúng ta lấy danh nghĩa dẹp loạn ở nước Trần để hiệu triệu chư hầu dấy binh theo chúng ta. Kết quả, vì tham thú của cái khiến các chư hầu rút quân về nước, e rằng không nên làm như vậy !" Sở Trang Vương nói : "Khanh nói rất có lý ! Từ trước tới giờ trăm chưa nghe qua những lý lẽ như vậy. Chúng ta sẽ giao lại nước Trần, có được không ?" Thân Thúc Thời nói : "Đương nhiên là được. Chúng ta như kẻ tiểu nhân, chúng ta làm như thế có nghĩa là cướp đoạt đồ vật từ trong lòng người ta, sau đó lại trả lại cho người ta. Nhưng dù sao vẫn hơn là không trả lại cho người ta". Sau đó lại phản phong nước Trần. Từ mỗi làng của nước Trần đem về một người, bố trí cho họ ở vào một vùng và đặt tên cho vùng này là Hạ Châu (phía bắc huyện Hán Dương tỉnh Hồ Bắc ngày nay).

Cho nên trong Xuân Thu có viết rằng : "Nước Sở vào nước Trần, nạp Công Tôn Ninh, Nghi Hành Phụ cho nước Trần". Ghi chép như vậy là có ý nói Sở Trang Vương biết giữ lễ pháp.

Thành Công nhị niên (năm 589 trước công nguyên)

Lỗ Tuyên năm thứ mười một (tức năm 598 trước công nguyên) Nước Sở dẹp loạn ở nước Trần, Sở Trang Vương có ý giữ Hạ Cơ lại, Khuất Vu nói : "Không thể làm như vậy. Chúa Công

kêu gọi chư hầu đánh kẻ có tội là Hạ Trưng Thư, bây giờ muốn giữ Hạ Cơ vì ham muốn sắc đẹp của Hạ Cơ. Ham muốn sắc đẹp có thể coi là dâm dăng mà dâm dăng thì sẽ bị đại pháp trừng phạt. Chu Thư nói : “Minh đức thận phạt”.

Đây là lý do mà Chu Văn Vương dựng nên triều Chu. Minh đức có nghĩa là cố gắng tu tích đức hạnh, Thận phạt có nghĩa là cố gắng để loại bỏ hình phạt. Nếu như làm cho chư hầu dấy binh để trừng phạt nước Sở, điều này không hợp với đạo “thận phạt”. Chúa công cần phải suy nghĩ kỹ. Thế là Sở Trang Vương đành dẹp đi cái ý nghĩ thu giữ Hạ Cơ.

Đại phu nước Sở là Tử Phán cũng muốn lấy Hạ Cơ làm vợ. Khuất Vu nói : “Hạ Cơ là người đàn bà có mạng xấu. Anh của bà ta là Trịnh Linh Công bị giết. Không có ai nối dõi đành phải tuyệt hậu. Chồng của bà ta là Ngự Thúc cũng bị chết sớm. Trần Linh Công có liên quan đến bà ta mà bị giết. Con của bà ta là Hạ Trưng Thư cũng bị giết chết. Công Tôn Ninh và Nghi Hành Phụ cũng vì bà ta mà trốn chạy ra nước ngoài. Nước Trần cũng vì bà ta mà bị diệt vong. Còn có người đàn bà nào mạng xấu hơn bà ta không ? Con người cầu mong được sống trên thế giới này là việc không dễ dàng, lẽ nào lại tìm đường chết ? Đàn bà đẹp trong thiên hạ nhiều vô kể, tại sao nhất định phải lấy Hạ Cơ ? Thế là Tử Phán cũng không còn nghĩ đến việc lấy Hạ Cơ nữa.

Sở Trang Vương bèn gả Hạ Cơ cho Liên Doãn Tương Lão. Lỗ Tuyên Công năm thứ mười hai (năm 597 trước công nguyên) Tương Lão chết trong trận đánh nhau giữa nước Sở và nước Tấn ở vùng Tắt. Không tìm thấy thi thể của ông ta. Con của Tương Lão là Hắc Yếu thông dâm với Hạ Cơ. Khuất Vu cậy người báo với Hạ

Cơ rằng : “Bà về nước Trịnh trước, sau đó tôi sẽ sắm sinh lễ, chính thức cưới bà làm vợ”. Rồi liên lạc với nước Trịnh, yêu cầu nước Trịnh triệu hồi Hạ Cơ đồng thời nói với Hạ Cơ : “Thi thể của Tương Lão có thể nhận được, nhưng bà phải thân chinh đi nhận mới được”. Hạ Cơ đem việc này nói lại cho Sở Trang Vương, Sở Trang Vương đem việc này đi hỏi Khuất Vu, Khuất Vu đáp rằng : “Việc này có thể tin được. Cha của Tuần Diêu là Tuần Thủ là người mà Tấn Thành Công yêu mến, lại là em út của Tuần Lâm Phụ, tướng trung quân. Gần đây Tuần Thủ đã thay Sĩ Loan làm trung quân tả. Tuần Thủ và Trịnh đại phu Hoàng Tuất có quan hệ bạn bè, ông ta rất yêu quý Tuần Diêu. Người Tấn nhất định sẽ đi tìm người Trịnh để giao lại công tử Cốc Thần và thi thể Liên Doãn Tương Lão để yêu cầu chúng ta trả lại Tuần Diêu bị bắt làm tù binh trong trận giao tranh ở đất Tất. Cuộc giao tranh ở Tất là vì chúng ta bao vây nước Trịnh. Người Tấn cứu người Trịnh mà đánh nhau với chúng ta. Kết quả người Tấn chiến bại, nước Trịnh rất khổ não về việc này, sợ có tội với nước Tấn, đang tìm cơ hội để lấy lòng nước Tấn. Nếu nước Tấn tìm họ làm việc, nước Trịnh nhất định sẽ đồng ý làm người trung gian”. Sở Trang Vương phái Hạ Cơ trở về nước Trịnh. Khi Hạ Cơ rời nước Sở, bà ta nói với người đưa tiễn rằng : “Nếu như tôi không nhận được thi thể của Tương Lão thì tôi sẽ không bao giờ trở lại đây nữa”. Khuất Vu bí mật đưa sinh lễ xin cưới Hạ Cơ đến nước Trịnh, Trịnh Tương Công đồng ý với Khuất Vu.

Đợi đến khi Sở Cộng Vương kế vị (năm Sở Cộng Vương kế vị là Lỗ Thành Công nguyên niên, tức năm 590 trước công nguyên) chuẩn bị chiến tranh với nước Lỗ tại Dương Kiều (tây nam huyện Thái An tỉnh Sơn Đông ngày nay) cử Khuất Vu đi sứ

sang nước Tề, báo cho Tề biết ngày xuất quân. Khuất Vu lên đường, mang theo toàn bộ gia sản. Thân Thúc Quy cùng cha là Thân Thúc Thời đi về hướng Sính Đô. Trên đường đi gặp Khuất Vu, Thân Thúc Quy nói “Lạ thật, tại sao ông ta vẻ mặt căng thẳng, nặng nề như đang gánh vác một nhiệm vụ quân sự gì rất quan trọng, nhưng mặt khác lại có vẻ tươi cười hơn hờ như đi gặp bạn gái vậy ? Hay là chuẩn bị bí mật đem vợ trốn chạy ?”.

Khuất Vu đến nước Trịnh, sau khi làm lễ dâng sớ xong, giao cho phó sứ của ông ta thay ông ta đem lễ vật của nước Trịnh tặng cho nước, Sở về nước ông ta đưa Hạ Cơ rời khỏi nước Trịnh. Khuất Vu vốn định chạy sang nước Tề, nhưng bởi vì nước Tề vừa bại trận ở Yên khi đánh nhau với nước Tấn (trận chiến giữa nước Tề và nước Tấn tại Yên xảy ra vào năm Lỗ Thành Công thứ hai. Xem phần trước), nên bèn nói : “Ta không cư trú ở một nước mà đánh trận không giành được thắng lợi.” Thế là, Khuất Vu chạy sang nước Tấn, dựa vào quan hệ với Khước Chí để làm quan ở nước Tấn. Nước Tấn cử ông làm đại phu (phía đông huyện Ôn tỉnh Hà Nam ngày nay).

Tử Phán nghe được tin này vô cùng tức giận thỉnh cầu Sở Cộng Vương sửa sớ lễ vật thật hậu đem đến nước Tấn để ngăn chặn con đường Khuất Vu làm quan. Cộng Vương nói : “Không được làm như vậy. Nếu như ông ta chỉ lo nghĩ cho mình thì thật là không phải. Nếu như ông ta lo nghĩ cho tiên quân chúng ta thì là còn trung thành với đất nước chúng ta. Nếu ông ta còn giữ chữ Trung thì đất nước chúng ta được an bình, công lao của ông ta sẽ bù đắp lại rất nhiều sai sót của ông ta. Huống chi, nếu như ông ta còn có lợi cho nước Tấn, thì chúng ta tuy có tặng lễ vật hậu hĩ thì nước Tấn có chịu nghe theo ta mà chặn đứng con đường làm

quan của ông ta ? Nếu như ông ta không có ích gì cho nước Tấn, nước Tấn tất sẽ vứt bỏ ông ta. Chúng ta hà tất phải làm một việc thừa thãi là ngăn chặn con đường làm quan của ông ta ?”.

Thành Công thất niên (năm 584 trước công nguyên)

Lỗ Tuyên Công năm thứ 14 (năm 595 trước công nguyên) nước Sở bao vây tiến công nước Tống. Sau khi rút quân về nước, công tử nước Sở là Anh Tề yêu cầu ban thưởng cho ông ta hai vùng đất Thân và Lữ (Thân : bắc huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam, Lữ : tây huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam) Sở Trang Vương đáp ứng thỉnh cầu của ông ta. Khuất Vu đứng ra ngăn cản : “Không thể làm như vậy. Hai vùng Thân và Lữ sở dĩ trở thành thành ấp thuộc trung ương quản lý là vì cần Thân, Lữ cung cấp quân phí để bảo vệ biên cương ở phía bắc. Nếu đem Thân, Lữ làm đất để phong thưởng, thì Thân, Lữ không còn tồn tại nữa, quân phí cũng chẳng làm sao mà cung cấp được. Các nước phương bắc như Tấn, Trịnh có thể tiến thẳng đến lưu vực Hán Thủy thì Sính Đô của chúng ta (huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc ngày nay) sẽ nguy ngập” Thế là Sở Trang Vương bèn chối bỏ lời hứa trước đây. Vì chuyện này công tử Anh Tề rất giận Khuất Vu. Nguyên Tử Phản định lấy Hạ Cơ làm vợ, bị Khuất Vu ngăn cản, nhưng bản thân Khuất Vu lại đi lấy Hạ Cơ rồi chạy trốn ra nước ngoài, cho nên Tử Phản cũng rất căm giận Khuất Vu. Sau khi Sở Cộng Vương nối ngôi công tử Anh Tề và Tử Phản bèn giết Tử Diêm, Tử Đãng và Thanh doãn Phát Kỵ và Hắc Yến con của Liên Doãn Tương Lão, đồng thời phân chia tài sản của họ. Công tử Anh Tề lấy tài sản của Tử Diêm, để cho Thẩm doãn và Vương tử Bải phân chia tài sản của Tử Đãng. Tử Phản lấy tài sản của Hắc Yến và Thanh doãn. Khuất Vu từ nước Tấn viết thư về cho Anh Tề và Tử

Phản. Trong thư nói rằng : “Hai ông chuyên dựa vào nịnh bợ, ton hót tham ô vô hạn, tâm địa độc ác, làm việc cho Sở Vương, tàn sát rất nhiều người vô tội. Ta nhất định làm cho các người sẽ chết dần chết mòn”.

Sau đó, Khuất Vu yêu cầu nước Tấn cử ông ta đi sứ sang nước Ngô, Tấn Cảnh Công đáp ứng yêu cầu của ông ta. Vua Ngô là Thọ Mộng rất phấn khởi khi nước Tấn phái sứ giả đến nước Ngô. Như vậy có thể làm cho nước Ngô có điều kiện qua lại với nước Tấn. Khuất Vu dẫn đầu một đoàn gồm 100 người đến nước Ngô. Một trăm người này được biên chế như sau : 100 người gọi là một “tốt”, một “tốt” có bốn “lương”, mỗi “lương” có hai mươi lăm người. Lúc Khuất Vu rời khỏi nước Ngô, ông ta để lại một “lương” do hai mươi lăm người hợp thành và các tay bắn tên cùng người đánh xe ngựa. Những quân nhân nước Tấn ở lại nước Ngô này dạy người nước Ngô lái xe, bắn tên, bố trí trận địa tác chiến... Đồng thời còn dạy người Ngô phản lại nước Sở. Đồng thời Khuất Vu cũng để con trai của mình là Khuất Hồ Dung ở lại nước Ngô, để cho Khuất Hồ Dung làm quan ngoại giao cho nước Ngô.

Từ đó về sau, nước Ngô bắt đầu đánh nước Sở, nước Sào (phía đông bắc huyện Sào tỉnh An Huy ngày nay) và nước Tứ (phía bắc huyện Tứ tỉnh An Huy ngày nay), công tử Anh Tề vất vả, khổ sở về việc đề kháng quân Ngô. Mùa thu năm Lỗ Thành Công thứ bảy, nước Sở giao công tử Anh Tề cầm quân tấn công nước Trịnh. Tháng tám, khi nước Sở đang cùng các nước Tấn, Tề, Lỗ, Vệ, Tào (huyện Định Đào, tỉnh Sơn Đông ngày nay), Cử (huyện Cử tỉnh Sơn Đông ngày nay), Chu (huyện Trâu tỉnh Sơn Đông ngày nay), Khôi (huyện An Khâu tỉnh Sơn Đông ngày nay)... liên kết thành đồng minh tại Mã Lăng (đông nam huyện Đại

Danh tỉnh Hà Bắc ngày nay) thì quân đội của nước Ngô tiến vào Châu Lai (huyện Phượng Đàn, tỉnh An Huy ngày nay). Công tử Anh Tề từ nước Trịnh chạy thực mạng trở về để phòng thủ quân Ngô. Trong vòng một năm, công tử Anh Tề và Tử Phán phải chạy đi chạy lại như vậy đến bảy lần. Các nước nhỏ mạn di nguyên thuộc về nước Sở, toàn bộ bị quân Ngô thôn tính. Từ đó về sau nước Ngô dần lớn mạnh lên. Từ đó về sau, nước Ngô mới có quan hệ với các nước có trình độ văn hóa cao ở trung nguyên.

NƯỚC TẤN TRẢ CHUNG NGHI VỀ CHO NƯỚC SỞ

Thành Công cầu cầu niên (năm 582 trước công nguyên)

Lúc Tấn Cảnh Công thị sát kho binh khí, nhìn thấy Chung Nghi bèn hỏi : “Người tù đội mũ miền Nam đó là người nào ?” Nhân viên coi kho đáp : “Là tù binh nước Sở do người nước Trịnh hiến cho”. Tấn Cảnh Công liền ra lệnh tháo gỡ gông xiềng cho Chung Nghi, đồng thời gọi Chung Nghi đến an ủi một lúc. Chung Nghi ba lần khấu đầu lạy tạ Cảnh Công. Cảnh Công hỏi tông tộc của ông ta. Ông ta trả lời rằng : “Bao đời nay là nhạc quan của nước Sở”. Cảnh Công hỏi : “Có thể biểu diễn nhạc khí không ?” Đáp rằng : “Đây là nghề của tiên phụ, tôi đâu dám hành nghề của cha !” Cảnh Công bảo người đem đến cho ông ta một cây đàn. Ông ta tấu điệu phương Nam. Cảnh Công hỏi ông ta : “Tình hình quốc vương của khanh ra làm sao ?” Ông ta trả lời rằng : “Điều này một nhân vật nhỏ bé như tôi không thể nào được biết”. Cảnh Công mấy lần gắng hỏi, ông ta trả lời rằng : “Quân chủ của chúng tôi vào thời thái tử, tuy có sư bảo hầu hạ người. Nhưng ông ta coi trọng khanh tướng, kính trọng người già, buổi sáng đi thăm lệnh doãn công tử Anh Tề, buổi chiều đi thăm Tư mã Trắc (tức Tử Phán). Các việc khác tôi không được biết”.

Tấn Cảnh Công đem việc này nói với Sĩ Loan biết. Sĩ Loan nói : “Người tù này xứng đáng là một quân tử. Nói ra chức quan của tổ tiên ông ta, đây là không quên cái gốc. Diễn tấu âm nhạc

của quê hương đó là không quên cái cũ. Xưng là thái tử là có ý bỏ đi những sự việc hiện tại, chỉ nói những việc đã qua đó là biểu tượng của việc không có lòng tư riêng. Gọi ra tên của hai khanh nước Sở, đó biểu hiện của sự tôn quân. Không vong bản, đó là nhơn, không quên cũ, đó là tín, không có lòng tư lợi, đó là trung, biết tôn quân đó là khôn khéo, mà khôn khéo thì thông đạt mọi chuyện. Nếu như có thể dùng “nhân” để nhận một nhiệm vụ dùng “tín” để bảo vệ một nhiệm vụ, dùng “trung” để hoàn thành một nhiệm vụ, dùng “khôn khéo” để chấp hành một nhiệm vụ, thì dù nhiệm vụ to lớn đến đâu, cũng nhất định sẽ hoàn thành được. Sao chúa công không đưa ông ta về nước Sở, để ông ta hoàn thành nhiệm vụ giúp nước Tấn nước Sở chung sống hòa bình ?”.

Cảnh Công nghe theo kiến nghị của Sĩ Loan chuẩn bị cho Chung Nghi nhiều lễ vật rồi tiễn ông ta về nước Sở, giao cho ông ta nhiệm vụ nước Tấn đề nghị chung sống hòa bình với nước Sở.

HẾT PHƯƠNG CỨU CHỮA

Thành Công thập niên (năm 581 trước công nguyên)

Tấn Cảnh Công nằm mơ thấy đại quý, có bộ tóc dài sát đất, vừa dùng nắm tay đâm vào ngực, vừa nhảy liên tục, miệng thì không ngớt la hét : “Ông không nên giết oan cháu của ta là Triệu Đồng, Triệu Quát, ông không nên giết oan cháu của ta là Triệu Đồng, Triệu Quát. Ta đã xin ý kiến của thượng đế, thượng đế đã cho phép ta đến trả thù”. Đại quý đập vỡ cửa cung đình và cửa phòng ngủ, đi thẳng vào trong. Cảnh Công cảm thấy vô cùng lo sợ, bèn nhảy vào phòng trong. Đại quý lại phá vỡ cửa sổ nhảy vào. Thế là Cảnh Công bị tỉnh giấc. Sau khi Cảnh Công thức dậy sai người tìm thầy mo trong vùng Tang Điền đến (Tang Điền : thuộc huyện Linh Bảo tỉnh Hà Nam ngày nay), định hỏi giấc mơ này lành hay dữ. Những điều thầy mo nói giống hệt như giấc mơ của Cảnh Công. Cảnh Công hỏi rằng : “Rốt cục lại giấc mơ này lành hay dữ ?” Thầy mo đáp rằng : “Có lẽ chúa công không kịp thường thức lúa mạch thu hoạch năm nay nữa rồi !”

Từ đó Cảnh Công bị bệnh, bèn đến nước Tần tìm thầy thuốc. Tần Hằng Công cử một danh y tên là Hoãn đến chữa trị cho Cảnh Công. Y Hoãn chưa đến nước Tấn, Cảnh Công đã nằm mơ thấy bệnh tật của ông ta biến thành hai người nhỏ bé. Hai người nhỏ bé này nói : “Y Hoãn là một thầy thuốc giỏi, chúng tôi sợ rằng ông ấy làm hại chúng tôi, rốt cuộc chúng tôi phải chạy trốn đi đâu cho an toàn ?” Một trong hai người nhỏ bé lại nói :

“Nếu chúng tôi ẩn nấu giữa mô hoành cách và tim, xem ra ông ấy sẽ không có cách nào chữa trị đâu !”.

Sau khi đến và xem bệnh cho Cảnh Công, nói với Cảnh Công rằng : “Bệnh của chúa thượng là không có cách nào chữa trị nổi. Bệnh căn của chúa thượng nằm ở trên hoành cách mô và ở dưới tim. Không thể nào dùng cách “cứu” được, dùng “châm” thì đâm không đến. Nếu uống thuốc, thuốc cũng không thấm đến. Không còn cách nào chữa trị được”. Cảnh Công ca ngợi ông ta rằng : “Y Hoãn là một thầy thuốc tốt”. Sau đó tặng cho ông ta một lễ vật rất hậu rồi tiễn ông ta về nước.

Ngày 7 tháng 6, Tấn Cảnh Công muốn ăn lúa mạch mới thu hoạch, lệnh cho quan quản lý ruộng đất dâng lên lúa mạch mới thu hoạch. Người đầu bếp nấu cơm cho các chư hầu đem mạch mới đi nấu. Sau đó lại gọi thầy mo ở Tang Điền đến, Tấn Cảnh Công đem mạch đã nấu cho thầy mo xem. Sau đó giết chết thầy mo, cho rằng thầy mo nói xằng nói bậy, nói rằng ông ta không sống đến ngày ăn lúa mới năm nay.

Lúc Tấn Cảnh Công đang chuẩn bị ăn, cảm thấy bụng phát trướng lên, bèn đi vào nhà vệ sinh. Không hiểu vì sao mà rơi tọt xuống hố phân chết một cách lẳng xẹt. Ngày hôm đó có một vị thần nhỏ sáng sớm, nằm mơ thấy mình công Cảnh Công leo lên trời. Đến buổi trưa, ông công Cảnh Công vào nhà vệ sinh. Kết quả vị thần nhỏ ấy cũng bị chôn chung cùng Cảnh Công.

LÃ TƯỚNG TUYỆT TẦN

Thành Công thập nhất niên (năm 580 trước công nguyên)

Lỗ Thành Công năm thứ mười một, để duy trì hòa bình, quốc quân hai nước Tấn, Tần đã họp với nhau tại Hồ (phía nam huyện Y, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Trước khi họp, Tấn Lệ Công đã đến hội trường, Tần Hằng Công ngược lại không chịu qua Hoàng Hà để gặp nhau. Ông ta dừng lại ở Thiên Thành (phía đông huyện Triều Ấp tỉnh Thiểm Tây ngày nay), phái đại phu Sứ Lỏa cùng với Tấn Lệ Công ký hòa ước tạm thời tại Lệnh Hồ phía đông Hoàng Hà. Tấn Lệ Công cũng phái đại phu Khích Ngưu cùng với Tần Hằng Công ký hòa ước tạm thời tại Vương Thành ở phía tây Hoàng Hà. Đại phu nước Tấn là Sĩ Loan nói : “Loại hiệp ước đồng minh này có tác dụng gì ? Minh thế là giữ chữ tín, đến dự họp đúng giờ là sự bắt đầu của chữ tín. Lúc bắt đầu đã không đến dự họp, thế thì làm sao thực hiện các lời hứa được ?” Sau khi Tần Hằng Công về nước thì đã vi phạm minh ước đã ký với nước Tấn. Sau đó Tần lại kêu gọi Dịch và Sở, định dẫn dắt họ vào con đường chống nước Tấn. Thành Công thập tam niên (năm 578 trước công nguyên).

Lỗ Thành Công năm thứ mười ba. Mùa hè. Ngày 5 tháng 4, Tấn Lệ Công phái Lữ Tướng đi sứ sang nước Tần, định tuyệt giao với nước Tần. Lữ Tướng nói với Tần Hằng Công :

“Từ khi Tấn Hiến Công của chúng tôi có quan hệ tốt với Tần Mục Công đến nay, cùng nhau nỗ lực, dùng minh thế để ràng

buộc nhau, lại thông qua việc hôn nhân qua lại để tăng cường quan hệ giữa hai nước. Ông trời giáng tai họa xuống cho nước Tấn, nước Tấn trong nước đại loạn, Văn Công chạy đến nước Tề, Huệ Công chạy đến nước Tần. Hiến Công chẳng may qua đời, Tần Mục Công sao có thể quên đi tình hữu nghị trước đây khiến cho Huệ Công chúng tôi có thể thừa tự lên ngôi vua. Nhưng công đức không được toàn vẹn. Hai nước Tần, Tấn đánh nhau một trận ở Hàn (huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Kết quả Huệ Công bị nước Tần bắt. Tần Mục Công cũng lấy làm tiếc về việc này. Sau này Văn Công có thể an định quân vị, hoàn toàn dựa vào sự giúp đỡ của Tần Mục Công”.

“Văn Công của chúng tôi đích thân mang áo giáp vượt qua sông rộng, núi dài, vượt qua muôn vàn khó khăn nguy hiểm dẫn con cháu chư hầu các nước ở phía đông như Ngụ, Hạ, Thương, Chu đến triều bái nước Tần (Lâm Nhiêu Tẩu nói : lúc bấy giờ chỉ có các nước chư hầu nhỏ đi đến nước Tần triều kiến, không chắc đều là công sức của Tấn Văn Công. Đây là cách nói khoa trương) thì đã báo đáp ân huệ trước đây của nước Tần. Nước Trịnh xâm lấn biên cương của nước Tần (chú : Đây là lời lẽ Lữ Tương vu oan cho nước Tần) Văn Công của chúng tôi đã dẫn đầu chư hầu và quân đội nước Tần bao vây nước Trịnh. Đại phu nước Tần không chịu thương lượng cùng Văn Công chúng tôi mà lại tự tiện ký minh ước với nước Trịnh. Các nước chư hầu vô cùng căm giận cách làm của nước Tần, chuẩn bị liều sống chết với nước Tần (chú : lúc bấy giờ Tần và Trịnh liên kết với nhau, không có lợi cho nước Tấn, nhưng cũng không đến nỗi bức các chư hầu khác liều sống chết với nước Tần, đây cũng là cách nói ngoại giao, cũng là cách khuếch đại và bẻ cong sự thật) Văn Công chúng tôi cảm thấy kinh hoàng, vỗ yên các nước chư hầu, khiến cho nước Tần có thể đưa toàn bộ quân đội về nước, không bị một chút tổn thương nào. Đây là ân huệ rất lớn của nước Tấn đối với nước Tần”.

“Chẳng may Văn Công qua đời, Tần Mục Công không đến phúng điếu, đó là coi thường người đã khuất, Văn Công của chúng tôi. Coi thường Tương Công, vua mới của chúng tôi, lại xâm lược đất Diêu của chúng tôi (phía bắc huyện Lạc Ninh, tỉnh Hà Nam ngày nay. Chú : Lỗ Hằng Công năm thứ ba mươi ba, nước Tần đi ngang qua nước Tấn để đánh nước Trịnh, đồng thời không xâm lược đất Diêu của nước Tấn. Đây cũng là cách nói vu oan). Đồng thời nước Tần cự tuyệt quan hệ tốt với nước Tấn chúng tôi, tấn công thành ấp của nước Tấn chúng tôi, tiêu diệt Phí Thành của nước Hoạt (gần huyện Uyển Sư tỉnh Hà Nam ngày nay) ly gián quan hệ anh em giữa chúng tôi và các nước Hoạt, Trịnh... làm rối loạn mối quan hệ đồng minh giữa nước Hoạt và nước Trịnh, khuynh đảo đất nước chúng tôi. Tương Công của chúng tôi tuy chưa quên ân huệ mà ngày xưa nước Tần tiếp nhận Văn Công, nhưng lo sợ đất nước bị khuynh đảo, cho nên đã đánh nhau một trận lớn với nước Tần ở đất Diêu. Tương Công của chúng tôi vẫn mong rằng Tần Mục Công có thể tha thứ cho tội lỗi của nước Tấn. Nhưng Tần Mục Công không đáp ứng, lập tức cùng nước Sở tìm cách chống phá chúng tôi. Nhưng ông trời có mắt. Sở Thành Vương về châu trời, vì thế Tần Mục Công không lấy gì làm thỏa mãn cho lắm, không thể có bất kỳ hành động nào đối với chúng tôi”.

“Sau khi Tần Mục Công, Tấn Tương Công qua đời, Tần Khang Công, Tấn Linh Công kế vị. Mẹ của Khanh Công là con gái của Tấn Hiến Công, là cháu ngoại của chúng tôi. Lại còn muốn làm yếu gia tộc của chúng tôi, khuynh đảo đất nước chúng tôi. Còn ủng hộ bọn trâu ngựa trong gia tộc chúng tôi. Công tử Dung đến quấy phá biên giới của chúng tôi (chú : ở đây Lữ Tương chỉ công tử Dung làm nội gián, còn nói Tần Khang Công cố ý

khuyh đảo nước Tấn là những lời nói phiến diện, không đáng tin). Thế là nước Tấn chúng tôi lại đánh nhau trận lớn với nước Tần tại Hồ (huyện Kỳ Thị tỉnh Sơn Tây ngày nay). Khang Công vẫn không chịu hồi cải, tiến vào Hà Khúc (đông nam huyện Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây ngày nay) đánh vùng Túc Xuyên của chúng tôi (tên một con sông xuất phát từ tây nam qua huyện Dịch Thị), cướp bóc vương cung của chúng tôi. (Phía nam huyện Dịch Thị tỉnh Sơn Tây ngày nay). Tiêu diệt kỵ mã của chúng tôi (phía nam huyện Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây). Thế là nước chúng tôi và nước Tần đánh nhau ở Hà Khúc. Con đường mà nước Tần phái sứ giả đi đến các nước ở phương Đông cũng không cách nào thông suốt được. Đây hoàn toàn bởi vì Tần Khang Công đoạn tuyệt bang giao với nước Tấn”.

“Đến khi chúa công (chỉ Tần Hằng Công) thừa tự ngôi vua, Tấn Phổ Công của chúng tôi mới kéo dài cổ ra mà nhìn về phía Tây, nói rằng : “Bây giờ nước Tần sẽ quan tâm đến nước Tấn chúng ta rồi chứ !” Chúa công cũng không chịu ban chút ân huệ cho nước Tấn, không chịu ký minh ước với nước Tấn, lại thừa lúc nước Tấn chúng tôi bị người Dịch quấy nhiễu (chú : Lỗ Tuyên Công năm thứ 15, nước Tấn diệt Xích Dịch, Lộ Thị. Tiêu diệt Dịch mà lại còn nói là bị Dịch quấy nhiễu cũng là cố ý xuyên tạc sự thật), tiến quân vào các huyện ấp ven sông của chúng tôi, đốt phá Kỳ, Cáo (Kỳ : ở đông bắc huyện Bồ tỉnh Sơn Tây ngày nay, Cáo : phía tây huyện Kỳ tỉnh Sơn Tây ngày nay), cướp phá hoa màu của chúng tôi, giết hại đồng bào ở biên giới chúng tôi. Do đó chúng tôi tụ tập quân chúng ở Phụ Thị (tây bắc huyện Triều ấp, tỉnh Thiểm Tây ngày nay) để chống lại quân Tần. Chúa công cũng cảm thấy hối hận về việc làm tăng thêm tai họa, đồng thời

cũng muốn cầu phúc tiên quân của các ông là Hiến Công và Mục Công, sai Bá Xa đi sứ nước Tấn, lệnh cho Cảnh Công của tôi rằng : “Tôi và ông liên kết hữu hảo với nhau, vứt bỏ hận thù, khôi phục tình hữu nghị trước đây, tưởng nhớ đến công lao sự nghiệp của tiên nhân”. Lời thề chưa dứt, minh ước chưa được ký kết thì Cảnh Công qua đời. Tân quân của chúng tôi là Tấn Lệ Công vì thế mà gặp gỡ bàn chuyện liên kết tại Lệnh Hồ (huyện Dịch Thị tỉnh Sơn Tây), nhưng chúa công lại nảy ra ý định bất lương, phản bội lại những điều đã ghi trong hiệp ước. Bạch Dịch và các ông cùng cư trú trong vùng Châu (thuộc phạm vi các tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ ngày nay) Bạch Dịch là kẻ thù của các ông, nhưng lại có quan hệ về hôn nhân với chúng tôi. Chúa công có nói : “Chúng ta cùng thảo phạt người Dịch”.

“Tân quân của chúng tôi vì sợ uy nghiêm của chúa công, không chú ý đến việc người Dịch có quan hệ về hôn nhân với chúng tôi, nên đã tiếp nhận mệnh lệnh của sứ giả của chúa công. Chúa công lại chơi trò hai mặt, lại nói với người Dịch rằng : “nước Tấn sắp đánh các ông đấy”. Người Dịch bề ngoài đáp ứng yêu cầu các ông nói, trên thực tế rất căm ghét các ông, đem hết đầu đuôi câu chuyện nói lại cho nước Tấn chúng tôi biết. Người nước Sở cũng chán ghét các ông ăn ở hai lòng, thường hay tráo trở, cũng đến báo cho chúng tôi biết : Người nước Tần đi ngược lại minh ước ở Lệnh Hồ, lại đến liên kết với chúng tôi, nói rõ cho Hoàng thiên Thượng đế, Mục Công, Khang Công, Cộng Công của nước Tần và Mục Vương, Thành Vương, Trang Vương của nước Sở : “Ta tuy có quan hệ qua lại nước Sở, nhưng đều dựa trên cơ sở có lợi hoặc có hại. Ta chán ghét ông ta không có lòng thành, cho nên mới nói sự việc này ra, để răn đe những kẻ thất tâm thất

đức". Chư hầu đều nghe những lời nói trên đây, do đó rất đau lòng, đều đến làm thân với nước Tấn chúng tôi. Bây giờ tôi cầm đầu chư hầu đến để nghe mệnh lệnh của nước Tần, cầu mong có được hòa bình hữu nghị. Nếu chúa công còn nể mặt các nước chư hầu, còn thương hại cá nhân tôi, đội ơn của chúa công, cùng chúng tôi ký kết minh ước. Đó là nguyện vọng của cá nhân tôi. Đội ơn được ký minh ước, tôi sẽ an định các chư hầu, sau đó rút đi ! Nào dám động binh, tự chuốc lấy tai họa ? Nếu chúa công không chịu ban thí cho ân huệ, ký kết minh ước, thì người bắt tài như tôi đây cũng khó mà bảo các chư hầu yên lặng rút quân !".

"Tôi mạnh dạn nói lên ý kiến và suy nghĩ của mình cho chúa công nghe, để chúa công có điều kiện suy nghĩ lợi, hại, thiệt, hơn".

CUỘC CHIẾN GIỮA TẤN VÀ SỞ Ở YÊN LĂNG

Thành Công thập lục niên (năm 575 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Lỗ Thành Công thứ mười sáu từ Vũ Thành (phía bắc huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) Sở Cộng Vương sai công tử Thành đem ruộng đất ở phía nam Như Thủy (phía nam Hà Nam ngày nay) dâng cho nước Trịnh, yêu cầu ký kết minh ước với nước Trịnh. Nước Trịnh bội phản nước Tấn, sai công tử Tử ký kết minh ước với Sở Cộng Vương tại Vũ Thành (phía bắc huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay).

Do đó Tấn Lệ Công chuẩn bị đi đánh nước Trịnh, Sĩ Loan can ngăn, nói rằng : “Đệ ta oai trong chốc lát mà dấy binh đánh nước Trịnh là không nên. Nếu như tất cả chư hầu đều phản lại nước Tấn chúng ta, chúng ta hoặc là làm cho họ lo sợ, sau đó đem quân đi đánh thì không có gì trở ngại, hoặc là bày tỏ dục vọng của chúng ta. Bây giờ chỉ có một mình nước Trịnh phản lại chúng ta mà đã động viên quân chúng huy động binh lính thì nước Tấn chúng ta sẽ lập tức gặp chuyện chẳng lành”. Loan Thư nói : “Lúc ta đang chấp chính không thể làm mất chư hầu, nhất định phải đánh nước Trịnh”. Thế là động viên quân đội. Loan Thư soái lĩnh trung quân, Sĩ Loan làm trung quân tá, Khích Kỳ soái lĩnh thượng quân, Tuần Yển làm thượng quân tá, Hàn Quyết soái lĩnh hạ quân, Khước Chí làm tân quân tá, Tuần Diêu ở lại canh giữ không tham gia chiến đấu.

Khích Lê đến nước Vệ và nước Tề để cầu cứu viện binh, Loạn Đại đến nước Lỗ cầu cứu viện binh. Trọng Tôn của nước Lỗ nói một cách khinh bỉ : “Nước Tấn có hy vọng chiến thắng !” Ngày 12 tháng 4, quân đội nước Tấn xuất quân.

Người nước Trịnh nghe nói nước Tấn đem quân đi đánh họ, cử sứ giả thông báo cho nước Sở biết. Đại phu nước nước Trịnh là Đào Cú Nhi đến nước Sở, Sở Cộng Vương phái binh lính đi cứu Trịnh. Tư mã Tử Phán soái lĩnh trung quân, Lệnh doãn công tử Anh Tề soái lĩnh tả quân, Hữu doãn công tử Nhâm Phu dẫn đầu hữu quân.

Đi qua Thân Thành (phía tây huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) Tử Phán đến viếng thăm nguyên lão Thân Thúc Thời, nói : “Ông xem quân đội của chúng tôi như thế nào ?” Thân Thúc Thời đáp rằng : “Đức, hình, tướng, nghĩa, lễ, tín, sáu thứ này đều là điều kiện tác chiến. Đức là để đem ân huệ đến cho mọi người, hình là dùng để sửa chữa sai lầm, tướng là toàn tâm phụ sự thần, nghĩa là dùng để xây dựng nên lợi ích chung, lễ là dùng để tùy cơ ứng biến, tín dùng để duy trì việc thủ chức. Cuộc sống nhân dân giàu có thì sẽ không làm điều gì bậy bạ, dó đó đại đức nhân dân sẽ cải tà qui chính. Có thể đẩy mạnh lợi ích chung, thì phải an phận giữ mình, do đó làm việc gì cũng phải biết kiềm chế. Mọi sự trên đời đều chọn thời gian thích hợp mà tiến hành, thì sẽ không làm đắc lộn trật tự thời gian, cho nên có thể hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt đẹp. Trên dưới sống hòa mục, hành vi không lộn xộn. Khi các loại đồ dùng đã chuẩn bị đầy đủ, mỗi người đều hiểu rõ mục tiêu của mình, nguyên tắc của mình. Cho nên Kinh thi có nói : “Trị vì dân chúng thì phải cho họ biết phải làm gì, không nên làm gì ? Do đó thần sẽ ban phúc lành, quanh

năm không bị tai họa. Sinh kế của nhân dân đầy đủ thì sẽ muôn người như một phục tùng mệnh lệnh, sẽ không có ai không dốc lòng để phục tùng mệnh lệnh, thậm chí sẽ hy sinh tính mạng của mình để cứu những tổn thất của nước nhà. Đó là nguyên nhân của bách chiến bách thắng. Bây giờ đối nội thì nước Sở vứt bỏ nhân dân của mình, đối ngoại thì đoạn tuyệt quan hệ với các nước láng giềng hữu hảo, xúc phạm đến những điều kiêng kị và minh thệ, không giữ lời hứa với nhân dân khi cúng tế, lúc nông dân bận mùa màng lại phát động can qua, làm cho nhân dân mệt nhọc chỉ vì để thỏa mãn dục vọng nhất thời của mình. Nhân dân không biết cái gì cần làm, cái gì không nên làm. Trên chiến trường, tiến lên hoặc rút lui đều có thể là tội lỗi. Binh sĩ đều có những suy nghĩ của họ về nơi mà họ hành quân đến thì làm sao dám hy sinh quên mình được. Ông cần phải làm cho thật tốt, tôi không thể còn gặp lại ông được”.

Đào Cú Nhĩ quay về nước Trịnh, công tử Phi hỏi ông ta về tình hình viện binh nước Sở, ông đáp rằng : “Quân đội của họ hành động rất nhanh, đi qua những nơi xung yếu, đội ngũ không chỉnh tề, hành quân nhanh quá dễ làm mất ý chí chiến đấu. Đội ngũ không chỉnh tề thì dễ dàng làm mất thế trận tác chiến. Một quân đội không có ý chí chiến đấu, đội ngũ lộn xộn thì làm sao đi đánh nhau với người ta. E rằng quân đội của nước Sở không giúp ích được gì”.

Tháng năm, quân Tấn vượt qua Hoàng Hà, nghe nói quân đội nước Sở sắp đến, Sĩ Loan định quay đầu trở về nước. Ông ta nói : “Tôi giả vờ trốn tránh quân Sở, làm như vậy sẽ loại bỏ những vướng mắc, lo lắng của tôi. Tôi không có đủ bản lĩnh để đánh nhau với các nước chư hầu. Tôi để việc này cho những người

có năng lực đảm nhiệm. Nếu như tôi có thể sống hòa mục với quần thần để phụng sự cho quân chủ là đã khá lắm rồi”. Loan Thư nói : “Không được”.

Tháng sáu, quân đội nước Tấn và nước Sở gặp nhau ở Yên Lăng (huyện Yên Lăng tỉnh Hà Nam ngày nay). Sĩ Loan không muốn đánh nhau, Khước Chí nói : “Ở Hàn Nguyên (huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây ngày nay) Huệ Công chiến bại không thể bảo toàn lực lượng để rút về nước. Trong cuộc chiến đấu với Địch ở vùng Kỳ (bắc huyện Bồ tỉnh Sơn Tây ngày nay) chủ soái Tiên Chấn hy sinh không thể trở về triều đình báo cáo về sứ mệnh của mình. Cuộc chiến đấu ở Tất với quân Sở, Tuần Lâm Phụ xuất quân bại trận, không còn sức quần nhau với quân Sở. Tất cả những cái đó là sự sỉ nhục của nước Tấn chúng ta. Ông cũng đã tận mắt nhìn thấy sự thành bại của tiên quân. Ngày nay chúng ta trốn tránh quân Sở thì sẽ tăng thêm nhục nhã cho chúng ta”. Sĩ Hội nói : “Trước đây, quân chủ của chúng ta nhiều lần đánh nhau là có nguyên nhân của họ. Nước Tần, người Địch, nước Tề, nước Sở đều là những nước lớn mạnh, không dốc sức đánh nhau với họ thì sẽ làm suy yếu con cháu. Ngày nay tam cương đã thần phục chúng ta rồi. Chỉ còn có nước Sở là lực lượng ngang ngửa với chúng ta. Chỉ có thánh nhân mới có thể thực hiện được trong nước, ngoài nước thái bình vô sự, không có gì lo lắng. Giả dụ không phải là thánh nhân, bên ngoài ổn định rồi, bên trong lại xảy ra những chuyện lộn xộn, thì tại sao không thể tạm thời bỏ qua nước Sở, coi nước Sở là kẻ thù của chúng ta, chúng ta sẽ vì thế mà có nhiều chuyện phải lo lắng sợ hãi”.

Sáng sớm ngày 26, quân Sở tiến sát quân Tấn bày ra thế trận chiến đấu. Quan binh của quân Tấn cảm thấy lo sợ, Phạm

Vọng đi lên phía trước nói rằng : “Nhanh chóng lấp hết các giếng, san bằng các lò bếp, bày ra chiến trận ngay tại nơi đây. Nhưng mà, quân đội đi ở phía trước cần phải sơ tán ra. Tấn và Sở ai thắng ai bại chỉ còn cách để cho ông trời quyết định. Có gì đáng sợ đâu ?” Sĩ Loan lấy một thanh kiếm dài đuổi Phạm Vọng đi, nói rằng : “Sự tồn vong của quốc gia lại để cho trời quyết định, đồ nhãi ranh, mày thì biết cái gì ?” Loan Thư nói : “Quân của nước Sở tính tình nóng nảy, chúng ta chỉ cần cố thủ đồn lũy, ba ngày sau quân Sở nhất định sẽ rút lui. Đợi bọn họ rút lui, ta hãy công kích, nhất định sẽ giành được thắng lợi !” Khước Chí nói rằng : “Nước Sở có sáu chỗ sơ hở ta có thể tận dụng được, không thể bỏ qua sáu cơ hội có thể tận dụng được. Một là, Tư mã Tử Phán và Lệnh doãn công tử Anh Tề bất hòa với nhau, hai là, thân binh của nước Sở tuổi tác đều đã lớn, ba là, quân đội của nước Trịnh tuy đã triển khai trận địa, nhưng đội hình lộn xộn. Bốn là, quân đội người Man do quân Sở đưa đến, chưa triển khai thế trận, năm là, từ cổ chí kim khi đánh nhau không bao giờ triển khai thế trận vào ngày cuối trong tháng. Sáu là, quân Sở tuy đã triển khai thế trận, nhưng nội bộ tranh cãi nhau, đủ thấy kỷ luật không nghiêm. Quân Sở, Trịnh, Man tập hợp lại, lại không có kỷ luật, mỗi người chỉ biết có thân mình, không có ý chí chiến đấu. Lính già chưa chắc đã là lính tinh nhuệ, lại phạm vào các điều cấm kỵ của trời. Cho nên chúng ta nhất định sẽ đánh thắng !”.

Sở Cộng Vương leo lên viên vọng dài ở chiếc xe cao nhất để quan sát quân Tấn. Công tử Anh Tề phái đại tể Bá Châu Lê phục dịch Sở Cộng Vương, Sở Cộng Vương nói : “Trong doanh lũy của nước Tấn có người chạy qua chạy lại, họ đang làm cái gì thế ?”

Bá Châu Lê nói : “Đó là đang triệu tập quân quan các cấp”. Sở Cộng Vương nói : “Bọn chúng đều tụ tập về phía trung quân”. Bá Châu Lê đáp rằng : “Bọn họ đang cùng nhau bàn bạc đối sách”. Sở Cộng Vương nói : “Bọn họ đã dựng lều trại rồi.” Bá Châu Lê đáp rằng : “Bọn họ đang thành kính cầu khẩn tiên quân của họ để hỏi về sự thành bại của chiến tranh”. “Bọn họ đã nhổ lều trại rồi”. Bá Châu Lê đáp rằng : “Bọn họ sắp ban bố mệnh lệnh rồi đó.” “Bọn họ đang cãi vã nhau mà bụi đất bay đầy trời” Bá Châu Lê đáp rằng : “Họ đang lấp giếng, san bằng các bếp lò, chuẩn bị thế trận”. “Đều lên binh xa cả rồi, người ở hai bên đều cầm vũ khí bước xuống”. Bá Châu Lê đáp rằng : “Binh sĩ đang nghe lời thề của chủ soái” “Bọn họ đang chuẩn bị đánh nhau phải không ?” Bá Châu Lê đáp rằng : “Bây giờ vẫn chưa biết rõ” “Bọn họ leo lên xe, người ở hai bên lại leo xuống, thế là thế nào ?” Bá Châu Lê đáp rằng : “Đó là họ đang cầu khẩn quỷ thần trước khi chiến đấu”. Bởi vì cha của Bá Châu Lê là Bá Tông bị giết vào năm ngoái, nên mới chạy về phía nước Sở. Cho nên đối với tình hình của quân Tấn biết rất rõ ràng, đồng thời cũng đem tình hình quân đội nước Tấn báo cho Sở Cộng Vương biết.

Lỗ Tuyên Công năm thứ tư (năm 605 trước công nguyên) vua Miên Bôn từ nước Sở tháo chạy qua nước Tấn. Bây giờ trợ giúp cho Tấn Lệ Công, cũng đem tình hình quân đội của Sở Cộng Vương báo cho Tấn Lệ Công. Mọi người đều nói : “Thân binh của nước Sở còn đó, hơn nữa số lượng rất đông, rất khó chống chọi lại được”. Vua Miên Bôn nói với Tấn Lệ Công : “Tinh binh nước Sở chỉ nằm trong lĩnh vương tộc của trung quân, đem quân của chúng ta đánh vào tả hữu quân của họ, sau đó chúng ta tập trung tam quân đánh vào quân đội nước Sở, nhất định sẽ đánh bại

bọn họ”. Tấn Lệ Công bèn bói một quẻ thử xem. Sử quan nói : “Điềm lành. Bói một quẻ. Bói thêm quẻ nữa. Lời trong quẻ bói nói rằng : “Các nước ở phương Nam rất nghèo túng, bắn tên vào đại vương của họ, có thể bắn trúng mắt của ông ta. Quốc gia nghèo túng, đại vương bị thương, đó không phải là chiến bại thì còn là cái gì nữa ?” Lệ Công nghe theo lời của sử quan.

Quân Tấn trên đường tiến quân gặp một vùng bùn lớn, quân Tấn đều phải đi vòng qua hai bên để tránh vùng bùn. Khước Nghị điều khiển binh xa của Lệ Công, Loan Châm làm xa hữu cho Lịch Công. Bành Danh điều khiển xe của Sở Cộng Vương, Phan Đẳng làm xa hữu. Thạch Thủ điều khiển xe cho Trịnh Thành Công, Đường Tuần làm xa hữu. Quân đội của hai tộc Loan thị, Phạm thị từ hai phía hỗ trợ cho quân đội của Tấn Lệ Công bày ra thế trận, kết quả đều bị rơi vào hố bùn. Loan Thư định dùng xe của ông ta để chở Tấn Lệ Công, Loan Châm nói : “Loan Thư, ông hãy rút lui. Trách nhiệm của quốc gia, sao chỉ do một mình ông bao biện được ? Huống hồ cướp đoạt chức quyền của người khác, là hành vi xâm phạm đến người khác. Rời bỏ chức vụ của mình là lời là trách nhiệm do mình đảm đương, xa rời bộ hạ của mình, cũng là phạm sai lầm. Như vậy sẽ tạo nên ba tội lỗi ! Không nên phạm những tội lỗi đó”. Thế là nâng bánh xe của Lịch Công lên rồi đẩy ra khỏi vùng bùn.

Ngày 28 Phan Đẳng và Dương Do Cơ dùng tên bắn vào các áo giáp chồng chất lên nhau. Phan Đẳng và Dương Do Cơ một mũi tên có thể bắn xuyên thủng bảy lớp áo giáp. Họ đem những áo giáp bị bắn thủng cho đưa cho Sở Cộng Vương xem và nói : “Chủ của chúng tôi có hai thần tử như chúng tôi đây thì xuất quân đánh trận có gì phải lo lắng ?” Cộng Vương nghe xong bèn

nổi giận nói : “Người làm tướng chỉ biết bắn tên, không có mưu lược thì là sự sỉ nhục của đất nước. E rằng sáng sớm ngày mai các người sẽ chết vì kỹ thuật bắn tên”.

Ngụy Kỳ nằm mơ thấy một giấc mơ kỳ lạ, thấy mình bắn trúng mặt trăng, lùi lại bị rơi vào vũng sinh lầy. Thế là Ngụy Kỳ đi bói một quẻ xem sao. Thầy bói nói rằng : “Họ Cơ là mặt trời, các họ khác là mặt trăng, mặt trăng nhất định là chỉ Sở CỘNG Vương rồi. Bắn trúng mặt trăng, lùi lại rơi vào vũng sinh lầy thì cũng sẽ toi mạng”. Sau khi khai chiến, Ngụy Kỳ bắn trúng vào mắt Sở CỘNG Vương. Sở CỘNG Vương liền gọi Dương Do Cơ đến đưa cho ông ta hai mũi tên, bảo ông ta bắn Ngụy Kỳ. Mũi tên thứ nhất Dương Do Cơ bắn trúng cổ Ngụy Kỳ, Ngụy Kỳ chết ngay tức khắc. Ông ta cầm mũi tên còn lại đem về chờ mệnh lệnh của Sở CỘNG Vương.

Khích Chí ba lần đụng phải quân đội của Sở CỘNG Vương. Ông ta nhìn thấy Sở CỘNG Vương nhất định xuống xe, cởi áo giáp, rồi chạy trốn như bay (chú : đây là hành vi biểu thị sự cung kính khi thần tử gặp quân chủ). Sở CỘNG Vương sai Doãn Tương tặng cho ông ta một chiếc cung và nói : “Lúc cuộc chiến căng thẳng nhất có một người mặc quân phục làm bằng da thuộc màu đỏ, quần xà cạp, thật là một bậc chính nhân quân tử, nhìn thấy ta đã vội tránh xa, không biết ông ta có bị thương không ?” Khích Chí hội kiến khách, cởi bỏ mũ sắt và tiếp nhận mệnh lệnh : “Khích Chí tôi đây là thần ngoại bang của Sở quân, đi theo quốc quân nước tôi tham gia trận chiến đấu này. Nhờ phúc đức của Sở quân ban cho tôi một chiếc cung bởi vì hiện tại tôi đang mặc áo giáp không tiện bái tạ ân huệ của Sở quân ban cho, như vậy đối với Sở quân có điều thất lễ, điều này làm tôi không yên tâm. Vì lý do

chiến tranh, xin cho phép tôi bái lạy để tạ ơn sứ giả !”.

Hàn Quyết thống soái hạ quân của quân Tấn đuổi theo Trịnh Thành Công. Đỗ Hồn La người đánh xe nói với Hàn Quyết : “Đuổi nhanh lên hử ? Người lái xe của Trịnh quân nhiều lần quay đầu lại nhìn không chuyên tâm điều khiển ngựa, có thể đuổi theo kịp”. Hàn Quyết nói : “Không thể lại khiến cho quốc quân bị sỉ nhục”. Thế là dừng xe lại không đuổi theo nữa. Tân quân tá của quân Tấn lại đuổi theo Trịnh Thành Công. Xa hữu của ông ta là Phúc Hàn Hồ nói : “Dùng khinh binh chặn đường xe của Trịnh quân, tôi sẽ leo lên xe của Trịnh quân bắt sống ông ta đem về”. Khích Chí nói : “Làm hại quốc quân sẽ bị trừng phạt” Rồi cũng dừng xe lại. Thạch Thủ người điều khiển xe cho Trịnh Thành Công nói : “Vệ Ý Công bởi vì không hạ cờ xuống cho nên đã bại trận tại Vĩnh Trạch (bờ bắc Hoàng Hà tỉnh Hà Nam ngày nay). Thế là đem cất cờ xí vào trong túi đựng cung tên. Xa hữu của Trịnh Thành Công là Đường Tuần nói với Thạch Thủ rằng : “Ông hãy ở lại bên cạnh chúa công ! Bởi vì khi bại trận, năng lực của tôi không bằng ông, ông sẽ đưa chúa công chạy trốn. Để tôi ở lại đối phó !” Sau đó Đường Tuần cũng chết trận.

Quân Sở bị dồn vào chỗ hiểm yếu. Dững sĩ nước Sở là Thúc Sơn Nhiễm nói với Dương Do Cơ : “Tuy quốc quân chúng ta có mệnh lệnh, không cho phép ông bắn tên, nhưng vì đất nước ông nhất định phải bắn”. Thế là giương cung bắn vào bọn địch, bắn phát nào trúng phát đó. Thúc Sơn Nhiễm bắt được binh sĩ Tấn, sau đó ném về phía quân Tấn, vứt lên binh xa, đập gãy càng xe. Thế là quân Tấn đình chỉ việc tiến quân, nhưng công tử nước Sở làm tù binh.

Xa hữu của Tấn Lịch Công là Loan Châm thấy cờ xí của công tử Anh Tề, tướng tá quân của nước Sở, ông ta bèn thỉnh cầu Tấn Lệ Công rằng : “Người Sở nói rằng cờ đó là cờ của công tử Anh Tề, công tử Anh Tề nhất định ở chỗ đó. Trước đây không lâu, thần từng đi sứ sang nước Sở, lúc bấy giờ công tử Anh Tề có hỏi quân đội nước Tấn đánh nhau có đúng cảm hay không, thần từng trả lời rằng : “Quân đội nước Tấn lúc nào cũng giữ vững đội ngũ chỉnh tề, không vì chiến sự khẩn trương mà hỗn loạn”. Lại hỏi : “Ngoài cái đó ra còn có gì đặc biệt không ?” Thần từng đáp rằng : “Hành quân ra trận lúc nào cũng ung dung tự tại”. Giờ đây hai nước đánh nhau, không cử quan ngoại giao qua lại, không thể nói là “chỉnh tề” được. Nước đã đến chân, không thể cũng thực hiện những lời hứa trước đây, không thể nói là “tự tại” được. Xin cho thần đem rượu đến chỗ quân Sở, mời công tử Anh Tề uống rượu”. Tấn Lịch Công đồng ý biện pháp của ông ta. Sai quan ngoại giao đem theo thức ăn và rượu đi thăm viếng công tử Anh Tề mà nói rằng : “Chúa công nước Tấn chúng tôi thiếu người sai khiến, do đó bổ nhiệm Loan Châm làm xa hữu cầm giáo, phục dịch hai bên, cho nên ông ta không thể đến ủy lạo ngài và quân đội của ngài, cho nên đã cử tôi đem rượu đến khao quân”. Công tử Anh Tề nói : “Loan Châm đã từng cùng ta nói chuyện về quân đội Tấn chỉnh tề, ung dung tự tại, nhất định vì thế mà cử ông đến đây. Điều này chứng tỏ rằng ông ta chưa quên những lời ông ta nói”. Thế là ông ta bèn đón nhận rượu của quan ngoại giao nước Tấn. Sau khi uống rượu, tiễn quan ngoại giao nước Tấn ra về, lại giống trống chuẩn bị chiến đấu.

Bắt đầu từ sáng sớm cho đến lúc sao mọc đầy trời, quân đội hai nước đánh nhau liên tục. Tử Phán hạ lệnh cho quân quan các

cấp “kiểm tra các quân sĩ bị thương, bổ sung binh sĩ và binh xa thiếu hụt, tu sửa vũ khí và áo mũ bị hư hỏng, tuần tra tình hình xa mã, gà vừa gáy thì ăn cơm và đợi mệnh lệnh, tất cả đều tuân theo mệnh lệnh cấp trên”. Thế là quân Tấn có chút sợ hãi. Miên Bôn Hoàng ra lệnh cho toàn quân : “Kiểm tra lại binh xa, bổ sung binh sĩ, cho ngựa ăn no, mài sắc vũ khí, chỉnh đốn quân ngũ, củng cố trận địa, ăn cơm ngay tại giường ngủ, rồi cầu khẩn, chuẩn bị ngày mai lại chiến đấu”. Sau đó thả số tù oịnh Sở bị bắt để cho quân Sở biết rằng quân Tấn cũng đã chuẩn bị sẵn sàng rồi.

Sở Cộng Vương nghe đến tình hình của nước Tấn, bèn triệu tư mã Tử Phán cùng bàn việc quân. Tiểu thần của Tử Phán là Cốc Dương Thụ dâng rượu cho Tử Phán uống. Tử Phán uống rượu xong không thể đến yết kiến Sở Cộng Vương được. Sở Cộng Vương nói : “Trời nhất định sẽ đánh bại nước Sở ! Ta không thể ngồi ở đây chờ chết !”, liền chạy trốn ngay trong đêm đó.

Quân Tấn đánh vào dinh lũy của quân Sở, ăn ba ngày lương thực của quân Sở. Sĩ Hội đứng trước chiến mã nói rằng : “Quốc quân tuổi còn nhỏ, quân thần lại không có tài cán gì. Đây là nguyên nhân nước Sở rơi vào nông nỗi này. Chủ ta cần lấy sự việc này để làm gương. Chu thư có nói : “Mệnh trời là thất thường, cổ nghĩa là người có đức mới hưởng được mệnh trời”.

Quân Sở rút lui đến vùng Hà (tây nam huyện Tuy tỉnh Hồ Bắc ngày nay) sứ giả của Sở Cộng Vương nói với Tử Phán rằng : “Lúc toán quân của Tử Ngọc tiên đại phu bị tan rã, tiên quân Thành Vương không có trong quân, cho nên trách nhiệm do Tử Ngọc gánh chịu. Lần chiến đấu này, bởi vì Trầm có mặt trong đoàn quân, cho nên khanh không có trách nhiệm gì, tội lỗi đều do

Trầm gây ra". Tử Phán rập đầu bái lạy mà rằng : "Nếu chúa công cho thần chết, mạng thần tuy chết, nhưng danh tiếng còn có thể lưu truyền mãi mãi. Quả thật là quân đội do thần thống soái bị đánh bại, tháo chạy. Đó là tội lỗi của thần". Công tử Anh Tề phái sứ giả nói với Tử Phán : "Lúc đó tại chiến trận Thành Bộc Tử Ngọc đã thất bại như thế nào ? Ta nghĩ rằng ông cũng đã được nghe qua ! Thế thì ông dự định như thế nào ?" Tử Phán trả lời sứ giả của công tử Anh Tề rằng : "Cho dù không có sự việc của tiên đại phu Tử Ngọc, ông đã lấy đại nghĩa ra mà quả trách, tôi lẽ nào lại tham sống sợ chết ?" Sở Cộng Vương cử sứ giả đến ngăn chặn việc này. Nhưng trước khi sứ giả của Sở Cộng Vương đến Tử Phán đã tự sát.

KỠ KHÊ TIẾN CỬ NGƯỜI HIỀN

Tương Công tam niên (năm 570 trước công nguyên)

Trung quân úy của nước Tấn (trung quân úy là một chức quan, là quân úy của trung quân) tên là Cáp Lão xin phép nghỉ hưu, Tấn Diệu Công hỏi Kỳ Khê về người thay thế chức vụ trung quân úy. Kỳ Khê giới thiệu Giải Hồ (Giải Hồ là kẻ thù của Kỳ Khê). Lúc sắp sửa bổ nhiệm Giải Hồ, Giải Hồ lại qua đời. Tấn Diệu Công lại yêu cầu Kỳ Khê giới thiệu người khác, ông ta nói rằng : “Con của thần là Kỳ Ngộ có thể thay thế được”. Đúng vào lúc này trung quân úy tá (tức phó quân úy) là Dương Thiết Chúc lại qua đời. Tấn Diệu Công hỏi Kỳ Khê : “Ai có thể thay thế chức vụ của Dương Thiết Chúc ?” Ông ta lại trả lời rằng : “Con trai của Dương Thiết Chúc là Dương Thiết Xích có thể thay thế được”. Thế là Tấn Diệu Công bổ nhiệm Kỳ Ngộ làm trung quân úy, Dương Thiết Xích làm phó nguyên quân để hỗ trợ cho Kỳ Ngộ.

Người quân tử cho rằng Kỳ Khê có thể giới thiệu người hiền vừa có đức lại có tài. Cho rằng ông ta ca ngợi kẻ thù của ông ta, không phải là nịnh bợ, đề bạt con trai mình không phải vì tư lợi, giới thiệu thuộc cấp của mình, không phải là kết bè kết đảng. Thượng thư có câu rằng : “Không thiên về người thân của mình, không bao che đồng đảng của mình thì nền chính trị của nước nhà mới rộng rãi bằng phẳng được”. Điều này có lẽ là để nói

những sự việc Kỳ Khê đã làm. Ba người Giải Hồ, Kỳ Ngộ, Dương Thiệt Xích đều được bổ nhiệm, tìm một người trung quân úy mà làm được ba việc tốt, là bởi vì giới thiệu đúng người. Chính bởi vì ông ta là hiền nhân, cho nên mới giới thiệu được những người giống như ông ta. Kinh thi có câu : “Bởi vì bản thân anh ta có đức có tài, cho nên mới giới thiệu được những người có đức có tài như anh ta” Kỳ Ngộ quả là người tài đức vẹn toàn.

THÔI TRỮ GIẾT TÈ TRANG CÔNG

Tương Công nhị thập ngũ niên (năm 548 trước công nguyên)

Vợ của đại phu Đường ấp nước Tề (huyện Đường Ấp tỉnh Sơn Đông ngày nay) là Đường Khương, chị của Quách Yển. Đông Quách Yển là gia thần của Thôi Trữ. Đại phu Đường ấp qua đời, Đông Quách Yển đánh xe đưa Thôi Trữ đi viếng Đường ấp đại phu. Thôi Trữ nhìn thấy Đường Khương, cảm thấy nàng rất xinh đẹp bèn bảo Đông Quách Yển lấy Đường Khương làm vợ ông ta. Đông Quách Yển nói : “Đàn ông lấy vợ, nhất định cần phải phân biệt rõ hai bên có cùng một họ hay không. Nếu cùng họ thì không được lấy nhau. Ngài xuất thân từ Tề Đình Công, tôi xuất thân từ Tề Hằng Công. Hai nhà chúng ta cùng họ, không được lấy nhau”. Thôi Trữ bất kể lời khuyên này, bèn đi xem bói, bói thử xem có thể lấy nhau được không, kết quả là từ quẻ Khốn “trạch, thủy, khốn” biến thành quẻ đại qua “trạch, phong, đại qua”. Sử quan đều cùng nhau nói rằng : “Kiết”. Thôi Trữ đem hai quẻ này cho Trần Văn Tử xem. Trần Văn Tử nói : “Quẻ Khốn “trạch, thủy, khốn” biến thành quẻ đại qua “trạch, phong, đại qua” tức là “thủy biến thành phong, gió có thể thổi rơi vạn vật, làm chông cũng bị thổi rơi, cho nên không thể lấy Đường Khương người đàn bà này làm vợ. Hơn nữa, lời lẽ trong quẻ khốn nói rằng : “Khốn ư thạch, cử ư kiết lê (Kiết lê là một loại cỏ nhỏ mọc trên bãi cát dọc bờ biển, mùa hè nở hoa màu vàng, trên quả có gai), nhập ư kỳ cung, bất kiến kỳ thân, hung “Hung ư thạch” là nói rằng bị khốn

đốn trên tảng đá, có đi cũng không đi được. “Cư ư kiết lê” có nghĩa là dựa vào cây kiết lê, kiết lê có gai, sẽ bị gai đâm. “Nhập ư kỳ cung, bất kiến kỳ thê, hung”, có nghĩa là trở về nhà vợ đã đi xa rồi, không nhìn thấy vợ đâu. Vợ đã đi xa, gia đình không còn là gia đình nữa, không còn nơi để an thân, đương nhiên là diêm dũ”. Thôi Trữ nói : “Người quả phụ đó sẽ đem lại cho ta tai họa gì ! Người chồng trước của nàng đã hứng chịu hết cho ta rồi”. Cuối cùng Thôi Trữ lấy Đường Khương làm vợ.

Sau đó Tề Trang Công tư thông với Đường Khương, thường thường đến nhà của Thôi Trữ. Tề Trang Công lấy mũ của Thôi Trữ ban thưởng cho người khác. Người hầu của Trang Công nói rằng : “Không nên lấy mũ của Thôi Trữ ban tặng cho người khác” Tề Trang Công nói liêu rằng : “Ai biết được đây là mũ của Thôi Trữ ? Lê nào chỉ có Thôi Trữ mới có mũ ? Người khác không có mũ hay sao ?” Đối với sự việc này Thôi Trữ vô cùng cảm giận Tề Trang Công. Hai năm trước đây Tề Trang Công đã từng đi chung xe với kẻ phản loạn là Loan Doanh đi đánh nước Tấn, Thôi Trữ bèn lợi dụng sự kiện này để dọa dẫm nhân dân nước Tề : “Nước Tấn nhất định sẽ tìm nước Tề để báo thù”, lại định giết Tề Trang Công để lấy lòng nước Tấn, nhưng chưa có cơ hội. Có một hôm vì một chuyện rất nhỏ nhất Trang Công dùng roi quật cho người đầy tớ là Cổ Cử một trận. Không lâu sau Trang Công lại làm lạnh với Cổ Cử. Cổ Cử bèn tìm cách giúp đỡ Thôi Trữ luôn luôn dòm ngó Trang Công, giúp Thôi Trữ tìm kiếm thời cơ.

Tháng năm, mùa hè năm Lô Tương Công thứ hai mươi lăm, nước Cử bởi vì hai nước trước đánh nhau với nước Tề, thua trận tại Thả Ư (huyện Cử tỉnh Sơn Đông ngày nay), cho nên Lê Ti Công đến triều kiến Tề Trang Công. Ngày 16 tháng 5, Tề Trang

Công thất đãi Lê Tỉ Công tại bắc thành của quốc đô nước Tề, nhưng ông ta nói rằng bị bệnh không đến dự tiệc được. Ngày 17, Tề Trang Công đi thăm Thôi Trữ, định nhân cơ hội đó làm quen với Đường Khương. Đường Khương thấy Tề Trang Công đến liền đi vào phòng trong, lại cùng Thôi Trữ từ cửa hông phòng trong đi ra. Sau khi Trang Công đi vào sảnh đường nhà Thôi Trữ, bèn vỗ tay vào cột nhà mà hát mấy câu, ám thị cho Đường Khương biết là ông ta đã đến. Người đầy tớ là Cổ Cử bảo vệ sĩ và những người đi theo Trang Công dừng bước, để họ đứng ở ngoài cửa, sau đó anh ta bước vào và đóng cửa lại. Sau đó các võ sĩ đã mai phục sẵn của Thôi Trữ xuất hiện, uy hiếp Trang Công. Trang Công bò lên trên đài cao xin họ tha tội chết. Những võ sĩ này không đồng ý. Trang Công xin phép họ cho ông ta minh thệ, bọn họ cũng không chịu. Trang Công xin phép họ cho ông tự sát trước tông miếu, bọn họ vẫn không bằng lòng. Bọn họ cùng nói rằng : “Thôi Trữ đại thần của quốc quân đã bị bệnh, không thể tự mình nghe theo mệnh lệnh của quốc quân, chúng tôi lại không biết ai là quốc quân, hơn nữa ở đây cách cung thất của quốc quân rất gần, chúng tôi phải đề phòng bọn gian tặc. Những người như chúng tôi chỉ biết tuân tra bắt giữ bọn gian dân, ngoài ra không biết mệnh lệnh nào khác” Trang Công định leo tường chạy trốn, có người liền phóng tên bám theo. Tên trúng vào mông của Trang Công, Trang Công ngã từ trên tường xuống. Thế là những võ sĩ đó chạy ào tới giết chết ông ta. Trong trận hỗn chiến này tám dũng sĩ của Trang Công là Cổ Cử, Châu Xước, Bình Sư, Công Tôn Ngao, Phong Cự, Đạc Phụ, Tương Y, Lữ Nhân đều bị giết chết. Chúc Đà Phụ nhận mệnh lệnh của Trang Công đến Cao Đường (14 dặm về phía tây huyện Vũ Thành tỉnh Sơn Đông ngày nay) để lo việc

cúng tế. Ông ta làm xong công chuyện liền trở về đợi lệnh. Chưa cời xong áo tế đã chết trong tay của Thôi Trữ. Thân Khoái là quan lo quản lý về ngư nghiệp, sau khi rời khỏi triều đình về nhà, bèn nói với người đầu bếp của nhà ông ta rằng : “Ông vì có vợ có con thì thôi vậy ! Còn tôi sẽ chết vì chúa công”. Người đầu bếp của ông ta nói : “Nếu tôi mà thoát nạn thì sẽ đi ngược lại những nghĩa cử hy sinh vì quốc quân của ông. Tôi không thể làm như vậy”. Thế là hai người cùng tuân tiết. Thôi Trữ lại giết luôn cả đại phu vùng Mậu Đảng Bình Âm (15 dặm về phía đông bắc huyện Bình Âm, tỉnh Sơn Đông ngày nay) để trừ hậu họa về sau này.

Yến Anh nghe nói Tề Trang Công gặp nạn, vội vàng chạy đến, ông ta đứng bên ngoài cửa nhà của Thôi Trữ. Người chung quanh ông ta hỏi rằng : “Có cần tuân tiết vì chúa công không ?” Yến Anh nói : “Nếu những chúa công đối xử với tôi như một quốc sĩ, tôi sẽ vì chúa công mà tuân tiết. Chúa công không đối xử với tôi như quốc sĩ, tôi làm gì phải tuân tiết vì chúa công”. Họ lại hỏi rằng : “Thế thì ông có trốn chạy không ?” Yến Anh nói : “Nếu như tôi có tội tôi sẽ chạy trốn. Tôi không có tội, tại sao tôi lại phải chạy trốn ?” Bọn họ lại hỏi : “Thế thì chúng ta về nhà đi !”. Yến Anh nói : “Quốc quân đã chết, ta có thể trở về nơi nào ? Một người làm quốc quân, đâu chỉ có cỡi trên đầu của nhân dân, chỉ tay năm ngón, tác oai tác quái. Một người làm quốc quân lúc nào cũng suy nghĩ vì nhân dân, vì đất nước. Một người làm quan lại một nước, đâu chỉ vì để ăn lương cao mỹ vị, mặc gấm, vóc lụa là, ở nhà cao cửa rộng. Một người làm quan lại của một nước cần phải chú ý đến ăn, mặc, ở, đi lại của nhân dân, cần chú ý đến việc giáo dục phong tục tập quán cho nhân dân. Cho nên, một quốc quân

hy sinh vì nước, thế thì người làm quan cũng phải đồng thời hy sinh vì đất nước. Một quốc quân vì nước mà bỏ chạy sang một nước khác để tị nạn. Ví dụ một quốc quân chết vì lợi ích hoặc hành động của ông ta, chạy trốn vì lợi ích hoặc hành vi của ông ta, ngoài những người thân thích hoặc những người được ông ta sủng ái ra, những người khác không nên chết theo hoặc chạy trốn theo. Huống hồ, có người nhẫn tâm giết chết quốc quân của mình, giờ đây tôi làm sao mà tuân tiết được ? Giờ đây tôi sao có thể chạy trốn được ? Giờ đây tôi biết đi đâu về đâu ? Đến khi cửa mở ra, Yến Anh bèn đi vào ôm lấy thi thể của Trang Công đặt lên đùi mình, khóc thét lên. Sau đó đứng dậy nhảy lên phía trên ba bước, sau khi thực hiện xong nghi lễ khóc thương quốc quân đã chết bèn rời khỏi nhà Thôi Trữ. Mọi người nói rằng Thôi Trữ nhất định sẽ giết chết Yến Anh. Thôi Trữ nói : “Ông ta là người mà nhân dân ngưỡng mộ, thả ông ta ra thì mới có thể giành được lòng dân”.

Bè đảng của Tề Trang Công là Lô Bồ Quỷ đào vong sang nước Tấn, Vương Hà đào vong sang nước Cử.

Lỗ Thành Công năm thứ mười sáu (năm 575 trước công nguyên) Thúc Tôn Kiều Như của nước Lỗ đào vong sang nước Tề. Đến khi Thúc Tôn trở về nước Lỗ đem con gái mình cho Tề Linh Công. Con gái của Thúc Tôn được Linh Công sủng ái đẻ ra được một đứa con tức là Tề Cảnh Công được Thôi Trữ lập làm quốc quân. Sau khi Thôi Trữ lập Tề Cảnh Công, tự mình làm tướng, Khánh Phong làm tả tướng. Thôi và Khánh cùng với người nước Tề thề bồi liên minh với nhau trước miếu Tề Thái Công. Hai người nói rằng : “Nếu như có người không tham gia vào hội của hai chúng tôi...” Không đợi họ nói xong, Yến Anh bèn ngắt lời của

họ, ngẩng mặt lên trời mà than rằng : “Yến Anh này nếu có điều gì bất trung với quốc quân, bất lợi đối với quốc gia, thì có đèn trời soi xét” Nói xong thì chấm máu ăn thề (Chú : Lời thề của hai người Thôi, Khánh đáng lẽ ra là như thế này : Nếu có ai không tham gia vào hội của Thôi, Khánh này thì có đèn trời soi xét. Yến Anh nói chen vào làm cho kế của Thôi, Khánh không thực hiện được. Ngày 23 tháng 5 Tề Cảnh Công cầm đầu đại phu cùng Lê Tỉ Công xác lập quan hệ đồng minh.

Quan thái sử viết rằng : “Thôi Trữ giết chết quốc quân của ông ta” Thôi Trữ vì vậy mà giết thái sử nước Tề. Hai người em của thái sử nước Tề, hết người này đến người khác cũng đều viết : “Thôi Trữ giết chết quốc quân của ông ta” cũng bị giết chết hết. Một người em khác của họ cũng lại viết như vậy, Thôi Trữ cuối cùng đã tha mạng cho ông ta. Nam sử thị nghe nói thái sử đều bị giết chết bèn cầm thẻ trúc đến tận đô thành nước Tề. Trên đường đi nghe nói sự việc giết quốc quân đã được ghi chép lại rồi, bèn quay đầu trở về.

HƯỚNG NHUNG CHẤM DỨT CHIẾN TRANH

Tương Công nhị thập thất niên (năm 546 trước công nguyên)

Hướng Nhung đại phu nước Tống có quan hệ tình cảm với Triệu Vũ, đại phu đương quyền của nước Sở. Ông ta muốn các nước chư hầu chấm dứt chiến tranh ký kết điều ước hòa bình quốc tế, để giành thanh thế. Thế là Hướng Nhung đến nước Tấn, báo cáo kế hoạch của ông ta với Triệu Vũ. Triệu Vũ bèn cùng các đại phu nước Tấn thảo luận kế hoạch hòa bình quốc tế của Hướng Nhung. Đại phu nước Tấn Hàn Khởi nói : “Chiến tranh là sự tàn sát dân lành cũng là con sâu độc làm tổn hao tài sản của quốc gia và cũng làm tai nạn lớn đối với các nước nhỏ bé. Nếu có người muốn chấm dứt chiến tranh giữa các nước, tuy có thể không thực hiện được, nhưng nhất định phải bằng lòng với họ. Nếu chúng ta không chịu chấm dứt chiến tranh, người nước Sở nhất định sẽ bằng lòng. Nước Sở sẽ lấy việc chấm dứt chiến tranh để kêu gọi các nước, thế thì nước chúng ta sẽ mất đi địa vị minh chủ của các chư hầu”. Thế là nước Tấn đồng ý chấm dứt chiến tranh, ký kết điều ước. Sau đó, Hướng Nhung đến nước Sở. Nước Sở cũng đồng ý kế hoạch chấm dứt chiến tranh. Sau đó, Hướng Nhung đi qua nước Tề. Người nước Tề có hơi khó xử. Đại phu nước Tề Trần Văn Tử nói : “Nước Tấn và nước Sở đã chịu rồi, chúng ta làm sao

lại không bằng lòng ? Huống hồ người ta kêu gọi chấm dứt chiến tranh mà chúng ta lại không bằng lòng. Chúng ta không chịu chấm dứt chiến tranh, nhân dân nhất định sẽ vứt bỏ chúng ta. Chúng ta hà tất phải làm như thế ?”. Người nước Tề cũng bằng lòng. Sau đó Huống Nhung báo với nước Tấn. Nước Tấn cũng đồng ý. Thế là, thông báo đến các nước nhỏ, cùng đến nước Tống để họp mặt thề ước liên kết với nhau.

Ngày 28 tháng 5 năm Lỗ Tương Công thứ 27, Triệu Vũ của nước Tấn đến nước Tống. Ngày 30, đại phu nước Trịnh là Lương Tiêu đến nước Tống. Ngày mồng một tháng sáu, nước Tống mở tiệc mời Triệu Vũ, Dương Thiết làm phó sứ. Tư mã nước Tống đem thịt đã thái sẵn đặt vào đĩa. Đó là việc hợp với lễ nghĩa. Khổng Tử đã từng bảo học sinh của ông ta ghi chép sự việc của buổi yến tiệc này, bởi vì lời đối đáp giữa chủ và khách rất phong phú. Ngày mồng hai, Thúc Tôn Báo của nước Lỗ, Khánh Phóng, Trần Văn Tử của nước Tề, Thạch Diệu Tử của nước Vệ đến nước Tống. Ngày mồng tám, Tuần Doanh của nước Tấn không phải là nhận mệnh lệnh của quốc quân nước Tấn, mà là nhận mệnh lệnh của Triệu Vũ đến nước Tống. Ngày mồng 10, Chu Diệu Công đến nơi. Ngày 16, Hắc Quảng công tử của nước Sở đến trước thỏa thuận nội dung điều ước hòa bình với nước Tấn. Ngày 21, Huống Nhung của nước Tống đến nước Trần xin ý kiến lệnh đoán của nước Sở là Khuất Kiến thỏa thuận nội dung hiệp ước hòa bình với nước Sở. Ngày 22, Đằng Thành Công đến. Khuất Kiến báo với Huống Nhung yêu cầu các nước đồng minh của nước Tấn và nước Sở phải thay phiên nhau triều kiến nước Tấn và nước Sở. Ngày 24 Huống Nhung đem ý kiến của Khuất Kiến chuyển đạt cho Triệu Vũ. Triệu Vũ nói : “Bốn nước Tấn, Sở, Tề, Tần là bốn nước lớn bình đẳng với nhau. Nước Tấn không thể chi phối nước Tề cũng giống như nước Sở không thể chi phối nước Tần. Quốc quân

nước Sở nếu như có thể làm cho quốc quân nước Tần đến nước Tấn chúng tôi triều kiến, thì quốc quân chúng tôi làm sao nhiều lần thỉnh cầu quốc quân nước Tề đi triều kiến nước Sở”. Ngày 26, Hướng Nhung đem những lời của Triệu Vũ nói chuyển đạt lại cho Khuất Kiến, Khuất Kiến bèn phái xe liên lạc báo cáo cho Sở Khang Vương biết. Sở Khang Vương trả lời rằng : “Bất kể nước Tề, nước Tần, các nước đồng minh khác cần phải thay phiên nhau triều kiến”. Mùa thu. Ngày mồng ba tháng 7, Hướng Nhung từ nước Trần trở về nước Tống. Ngay đêm hôm đó, Triệu Vũ của nước Tấn và Hắc Quảng, công tử của nước Sở đã ký xong lời thề ước, đến lúc không cần phải tranh luận nữa. Ngày mồng năm, Khuất Kiến từ nước Trần đến nước Tống. Đại phu nước Trần là Khổng Hoán, đại phu nước Thái là Công Tôn Qui Sinh cũng đến cùng một lúc. Tiếp đó đại phu nước Tào, nước Hứa cũng đều đến. Sứ giả các nước đều dùng rào dậu thay thế dinh lũy đóng quân tại chỗ. Sứ giả nước Tấn ở phía bắc, sứ giả nước Sở ở phía nam. Đại phu nước Tấn là Tuần Doanh nói với Triệu Vũ : “Không khí ở nước Sở rất không tốt, e rằng họ sẽ dấy binh làm khó dễ”. Triệu Vũ nói : “Chúng ta chuyển về hướng trái, thì có thể nhanh chóng tiến vào đô thành nước Sở, bọn họ có thể làm gì được chúng ta ?”.

Ngày mồng sáu tháng bảy chuẩn bị tổ chức lễ minh thệ tại cổng tây đô thành nước Tống. Người nước Sở mặc áo giáp ở bên trong. Đại phu nước Sở Bá Chu Lê nói : “Hội hợp với quân đội các nước chư hầu mà không giữ chữ tín, e rằng không được hay ho lắm ! Các nước chư hầu ngưỡng mộ nước Lê chúng ta, tín nhiệm nước Sở chúng ta, cho nên mới qui phục nước Sở chúng ta. Nếu như chúng ta không giữ chữ tín, thì đó là chúng ta đã vứt bỏ cái mà các nước chư hầu tin tưởng ở chúng ta”. Bá Châu Lê nhiều lần thỉnh cầu vứt bỏ vũ khí, Khuất Kiến nói : “Hai nước Tấn, Sở

đã không giữ chữ tín, sự tình xem có lợi cho chúng ta hay bất lợi cho chúng ta. Chỉ cần đạt được mục đích của chúng ta là được rồi, có cần họ có giữ chữ tín hay không ?” Chu Bá Lê lui xuống nói với người bên cạnh : “Lệnh đoán sắp chết rồi, xem ra không sống nổi ba năm nữa. Toàn tâm toàn ý để đạt được mục đích mà không từ thủ đoạn nào, đương nhiên là bất kể chữ tín, vứt bỏ chữ tín. Như vậy sẽ đạt được mục đích hay sao ? Lòng dạ của một người dùng ngôn ngữ để biểu đạt. Ngôn ngữ của một người là phải thể hiện chữ tín. Lòng thành tín của một người là phải thể hiện ở tấm lòng thành của mình. Tấm lòng, ngôn ngữ, chữ tín ba thứ đều phải có đủ thì mới có thể an thân lập mệnh. Không giữ chữ tín thì làm sao sống nổi đến ba năm ?”.

Triệu Vũ sợ người Sở mặc áo giáp ở bên trong, áo khoác ngoài, đồng thời đem chuyện người Sở giấu vũ khí ở trong áo báo cho Dương Thiệt Hất biết. Dương Thiệt Hất nói : “Cái này thì có gì đáng sợ ? Ngay cả một người bình thường khi họ đã có hành động không giữ chữ tín thì đã không được rồi. Một người bình thường khi đã không giữ chữ tín thì không ai thoát chết được. Nếu hội mình cùng Khanh đại phu các nước chư hầu mà làm những việc thất tín thì nhất định sẽ không thành công. Không giữ chữ tín thì cũng chẳng làm hại được ai. Điều này ông không phải lo lắng. Dùng lòng thành để triệu tập mọi người đến liên kết với nhau mà lại không làm theo chữ tín thì nhất định không giành được sự ủng hộ và giúp đỡ của người khác, làm sao hại được chúng ta ? Và lại chúng ta có thể mượn lực lượng của nước Tống để chống lại tai họa của chúng. Nước Tống nhất định sẽ ra sức làm việc cho ta. Chúng ta cùng với nước Tống dốc hết sức, thì phải đối phó với nước Sở cũng có thể được. Ông sợ cái gì nào ? Cho dù nước Tống không dốc lòng vì nước Tấn chúng ta, nhưng mà lần này triệu tập chư hầu hội hợp, liên kết với nhau là để

chấm dứt chiến tranh. Kết quả, nước Sở lại đẩy binh để hại chúng ta. Lợi thế của chúng ta còn nhiều ! Việc này không phải lo lắng gì cả”.

Quý Tôn Túc của nước Lỗ sợ Thúc Tôn Ngao không nghe lời ông ta, bèn mượn cơ là mệnh lệnh của Lỗ Tương Công, cử người chuyển đạt ý kiến cho Thúc Tôn Ngao : “Xem thử xem nước Chu và nước Đằng làm như thế nào !” Không lâu sau, nước Tề lấy nước Chu làm nước phụ thuộc, nước Tống lấy nước Đằng làm nước phụ thuộc. Hai nước Chu, Đằng không tham gia minh hội. Tôn Thúc Ngao nói : “Hai nước Chu, Đằng là những nước phụ thuộc của người ta. Nước Lỗ chúng ta là một nước độc lập, tự chủ tại sao lại phải nhìn vào hai nước Chu, Đằng mà làm theo ? Lực lượng của hai nước Tống, Vệ cũng ngang ngửa với lực lượng nước Sở chúng ta”. Thế là Thúc Tôn Ngao tham gia minh hội. Cho nên trong sách Xuân Thu không ghi chép tộc tính của Thúc Tôn Ngao, nguyên nhân là vì ông ta làm ngược lại mệnh lệnh của Lỗ Tương Công.

Vào ngày họp hội nghị liên minh, hai nước Tấn và Sở tranh nhau chấm máu ăn thề trước, cãi vã lẫn nhau. Người nước Tấn nói : “Từ bao đời nay nước Tấn là minh chủ của các chư hầu, không ai có thể đi trước nước Tấn một bước”. Người nước Sở nói : “Các ông nói rằng hai nước Tấn, Sở là hai nước bình đẳng có thể lực ngang bằng nhau. Nếu như lúc nào nước Tấn cũng giành phần chấm máu thề nguyên trước, điều đó có nghĩa là lực lượng nước Sở đã suy yếu rồi. Hơn nữa, hai nước Tấn, Sở thay nhau chủ trì các công việc của minh hội chư hầu, lại không phải là việc bắt đầu từ hôm nay, từ lâu đã là như vậy rồi, làm sao lại chỉ có nước Tấn là nắm lấy minh hội” Dương Thiệt Hất nói với Triệu Vũ : “Chư hầu quy thuận nước Tấn là nhìn vào đức hạnh của nước

Tấn đâu có phải là vì nước Tấn chủ trì minh hội mà phải quy thuận. Ông phải ra sức tu nhân tích đức, đừng có phí sức với nước Sở về việc tranh giành ngôi thứ trước sau. Hơn nữa, chư hầu và các nước nhỏ liên minh với nhau, nhất định phải cần người chủ trì công việc của minh hội. Người nước Sở làm được một số việc linh tinh cho người nước Sở, có gì là không được ?” Thế là người nước Sở chấm máu ăn thề trước. Nhưng trong sách Xuân Thu ngược lại để nước Tấn lên trước nước Sở là bởi vì nước Tấn thành tâm, giữ chữ tín.

Ngày 7 tháng 7 Tống Bình Công cùng lúc mở tiệc mời đại phu nước Tấn và nước Sở, nhưng coi đại phu nước Tấn Triệu Vũ là khách chính. Lệnh doãn nước Sở là Khuất Kiến trao đổi công chuyện với Triệu Vũ. Triệu Vũ thường không trả lời được. Triệu Vũ bèn bảo Dương Thiệt Hất ngồi ở bên cạnh, để Dương Thiệt Hất nói chuyện cùng Khuất Kiến, Khuất Kiến cũng thường không trả lời được.

Ngày 10 tháng 7, Tống Bình Công và đại phu các nước chư hầu họp hội nghị liên kết tại bên ngoài Mông môn, cửa đông của đô thành nước Tống. Khuất Kiến hỏi Triệu Vũ : “Nhân phẩm, đạo đức của Sĩ Hội xét cho cùng là như thế nào ?” Triệu Vũ nói : “Sĩ Hội xử lý công việc của gia tộc ông ta đâu vào đấy, sự việc của cá nhân Sĩ Hội, việc nào cũng đều có thể công khai ở nước Tấn. Chúc quan, sử quan của ông ta lúc cúng tế, không bao giờ nói bừa bãi trước mặt quỷ thần”. Sau khi Khuất Kiến trở về nước Sở đem những lời nói này kể lại cho Sở Khang Vương. Sở Khang Vương nói : “Thật là cừ khôi, ông ta đều có thể khiến cho quỷ thần và nhân dân đều vui vẻ, tin phục, chẳng trách ông ta có khả năng làm trợ tá cho năm vị quốc quân nước Tấn là Văn Công, Tương Công, Linh Công, Thành Công, Cảnh Công làm minh chủ của chư hầu”.

Khuất Kiến lại nói với Sở Khang Vương : “Nước Tấn trở thành bá chủ là có nguyên nhân của nó. Họ có Dương Thiệt Hất làm phò tá cho thượng khanh của họ, nước Sở tìm không ra người để đối phó với Dương Thiệt Hất, không thể đối lập tranh hơn thua với họ”. Không bao lâu đại phu nước Tấn là Tuần Doanh đến nước Sở ký kết minh ước với nước Sở.

Trịnh Giản Công mở tiệc mời Triệu Vũ ở Thù Long (phía đông huyện Vĩnh Dương tỉnh Hà Nam ngày nay). Đại phu nước Trịnh là Tử Triển, Lương Tiêu, Công Tôn Hạ, Tử Sản, Du Cát, Ấn Đoạn, Công Tôn Đoạn tháp tùng Trịnh Giản Công tham gia buổi tiệc này. Triệu Vũ nói : “Bảy vị tháp tùng quốc quân của quý quốc tham gia buổi yến tiệc này, là đặc biệt đối xử tốt với Triệu Vũ tôi ! Xin các vị đọc một bài thơ để kết thúc buổi tiệc của quốc quân quý quốc, đồng thời Triệu Vũ tôi cũng có thể xem thử xem chí hướng của quý vị”. Tử Sản đọc bài thảo trùng. Triệu Vũ nói : “Hay quá, thật là tuyệt ! Có thể làm chủ nhân của nhân dân. Nhưng Triệu Vũ tôi không dám đảm đương” Lương Tiêu đọc bài Thuần chi Bôn. Triệu Vũ nói : “Những lời nói giữa giường và đất không vượt qua nổi ngưỡng cửa làm sao có thể vượt ra đã ngoài được ? Điều này một sứ giả như tôi không làm sao biết được”. Công Tôn Hạ đọc chương bốn bài Kê Miêu. Triệu Vũ nói : “Quốc quân của chúng tôi vẫn còn sống, tôi đâu dám gánh vác ?” Tử Sản đọc bài Tập tang. Triệu Vũ nói : “Triệu Vũ tôi thỉnh cầu được tiếp nhận chương cuối của bài thơ này” Du Kiệt đọc bài Dã hữu man thảo. Triệu Vũ nói : “Đây là ân huệ của ngài”. Ấn Đoạn đọc bài Con đế. Triệu Vũ nói : “Hay lắm ! Đây là người bảo vệ gia đình yêu mến quê hương, tôi đặt hy vọng vào ngài”. Công Tôn Đoạn đọc bài Tang hộ. Triệu Vũ nói : “Không tự cao tự đại, vạn phúc sẽ đến. Nếu ghi nhớ câu nói này, cho dù có từ chối phúc lộc, cũng không từ chối được”.

Sau buổi tiệc này, Triệu Vũ nói với Dương Thiết Hất :
“Lương Tiêu e rằng sẽ bị giết. Thơ là biểu đạt tâm ý của một người. Ông ta dám đem những lời miệt thị quốc quân của ông ta biểu thị một cách công nhiên trước mặt quan khách, để lấy lòng người khác. Ông ta như vậy làm sao sống lâu được ? Chỉ e rằng không bao lâu sẽ bị tai họa thiết thân”. Dương Thiết Hất nói :
“Đúng thế. Ông ta có phần quá đáng. Có câu tục ngữ nói rằng : “Sống không quá năm năm”, có lẽ là nói về trường hợp này của Lương Tiêu !” Triệu Vũ nói : “Sáu người khác đều có thể phò tá nhiều vị chúa công của nước Trịnh. Tử Triển là người cuối cùng rời khỏi chính trường. Ông ta làm quan to nhưng không quên nhân dân cấp dưới. Kể đó là Ân Đoạn. Có thể hưởng lạc mà không hoang dâm. Dùng hưởng lạc để an định nhân dân, nhưng lại làm cho nhân dân không vượt quá thân phận để hoang dâm vô độ, có thể duy trì được lâu dài, thì có việc gì không thể làm được ?”.

Sau đó đại phu nước Tống là Hường Nhung thỉnh cầu Tống Bình Công ban thưởng. Ông ta nói : “Thần đã chấm dứt chiến tranh, khiến cho nhân dân khỏi tử trận ở sa trường, cho nên muốn xin được ban thưởng”. Tống Bình Công thưởng cho Hường Nhung 60 thành ấp. Hường Nhung cho Lạc Hỷ xem sự ban thưởng này. Lạc Hỷ nói : “Các nước nhỏ trong chư hầu, trước sự uy hiếp của quân đội nước Tấn, nước Sở... bởi vì lo rằng nước mất nhà tan nên trong nước mới yêu mến lẫn nhau, trên dưới một lòng. Bởi vì yêu mến lẫn nhau, trên dưới một lòng, cho nên quốc gia của họ mới được yên ổn, mới có thể ứng phó một cách thỏa đáng đối với các nước lớn. Đó là nguyên nhân làm cho các nước nhỏ có thể tồn tại được. Bên ngoài, không bị uy hiếp thì sẽ tự cao tự mãn, tự cao tự mãn thì sẽ nảy sinh hỗn loạn, mà nảy sinh hỗn loạn thì sẽ bị diệt vong. Đó là nguyên nhân mà các nước nhỏ bị tiêu diệt. Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, thứ nào cũng có tác dụng của

nó, nhân dân đồng thời sử dụng. Loại bỏ một loại cũng không thể nào loại bỏ được. Ai có thể tiêu diệt binh khí, loại trừ chiến tranh ? Nguồn gốc của chiến tranh có từ lâu. Chiến tranh dùng để uy hiếp các nước không thực hiện theo đạo lý thông thường. Thánh nhân có thể trỗi dậy, kẻ bạc ác bị tiêu diệt, phế truất, tồn vong, ánh sáng hay bóng tối... đều do chiến tranh mà ra. Nếu như ông đình chỉ chiến tranh, chẳng phải là có chút lừa mình dối người hay sao ? Dùng những biện pháp dối trá để che giấu các nước chư hầu, thì không có tội ác nào to lớn hơn, không bị pháp luật trừng trị đã là khoan dung lắm rồi, đã thế mà lại còn dám xin ban thưởng, quả là lòng tham vô đáy". Lạc Hỷ ném bỏ lệnh ban thưởng cho Hướng Nhung. Thế là Hướng Nhung xin không cấp đất cho nữa. Do đó gia tộc của Hướng Nhung muốn đánh vào Lạc Hỷ. Hướng Nhung nói : "Ta vốn đi vào con đường hủy diệt, Lạc Hỷ đã cứu ta, đối với ta ân huệ thật là to lớn, sao lại có thể đi đánh ông ta ?".

Người quân tử nói rằng : "Người chính nhân quân tử đó đã nói lên nói tiếng chính nghĩa của các nước lân bang" cỡ lẽ là nói về trường hợp của Lạc Hỷ ! "Mọi người lo lắng cho ta như thế nào, ta đều tiếp thu sự khuyến cáo chân thành của họ". Điều này có lẽ là nói về trường hợp của Hướng Nhung !

QUÍ TRÁT, CÔNG TỬ NƯỚC NGÔ XEM LỄ NHẠC

Tương Công nhị thập cửu niên (năm 544 trước công nguyên)

Công tử nước Ngô là Quý Trát đến nước Lỗ thăm viếng, hội kiến Thúc Tôn Ngao, rất thích ông ta. Thế là Quý Trát nói với Tôn Thúc Ngao : “Có lẽ ông không thọ được lâu ? Bởi vì ông thích kết bạn với những người tốt, nhưng lại không biết chọn người nào để làm bạn, những người nào không nên giao du với họ. Tôi nghe nói rằng : một người quân tử nên chọn nhân tài một cách kỹ lưỡng. Ông đồng tòng với quốc quân nước Lỗ, lại là thế Khanh đảm nhận chức vụ quan trọng của nước Lỗ ? Nếu như tuyển dụng người tài không thận trọng, lỡ có xảy ra việc gì sai sót thì làm sao ông gánh chịu được ? Sợ rằng những tai họa như vậy sẽ liên lụy đến ông”.

Quý Trát xin phép nước Lỗ cho ông ta được thưởng thức lễ nhạc của Chu thiên tử. Nước Lỗ bèn sai nhạc công biểu diễn cho ông xem các điệu nhạc ở vùng Chu Nam, Triệu Nam. Quý Trát xem xong, bình luận rằng : “Hay tuyệt ! Đã biểu hiện được nền móng của cơ sở giáo hóa, nhưng vẫn chưa đạt được đến mức hoàn thiện. Có chút hơi hướng của nhạc điệu đánh chém nhau. Thế hiện được tâm tình của nhân dân lúc bấy giờ là cần cù lao động mà không hề oán hận”. Tiếp đó lại biểu diễn các nhạc điệu thuộc ba vùng Bội (đông nam huyện Thang Âm tỉnh Hà Nam ngày nay),

Dung (tây nam huyện Tân Thượng, tỉnh Hà Nam ngày nay), Vệ (huyện Kỳ, tỉnh Hà Nam ngày nay). Quý Trát bình luận rằng : “Rất tuyệt ! Du dương sâu lắng vô cùng ! biểu hiện được nhân dân tuy có chút ưu tư nhưng không hề tuyệt vọng. Tôi nghe nói Vệ Khang Thúc, Vệ Vũ Công... phẩm chất đạo đức đều như thế cả. Phong thái của nước Vệ chắc cũng là những vậy ?” Lại biểu diễn nhạc vùng Vương (phía tây huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Quý Trát lại bình luận : “Hay lắm ! Tuy có ưu tư, nhưng không sợ hãi. Có phải là tác phẩm sáng tác sau khi vương thất nhà Chu dời về phía đông hay không ?” Lại diễn xướng các điệu nhạc của vùng Trịnh (huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam ngày nay). Quý Trát bình luận rằng : “Hát rất là hay, âm tiết của bản nhạc rối rắm vụn vặt. Người dân đất Trịnh có lẽ không chịu đựng được sự rối rắm của chính quyền vùng họ. Phải chăng là nước Trịnh sẽ sớm bị diệt vong ?” Lại biểu diễn nhạc vùng Tề (thuộc huyện Lâm Náo tỉnh Sơn Đông ngày nay). Quý Trát bình luận rằng : “Tuyệt ! Biểu hiện được những âm thanh hùng vĩ như gió lớn ! Âm thanh đó nói rằng họ có thể làm gương cho chư hầu khắp vùng đông hải. Đây chẳng phải là quốc gia do Khương Thái Công xây dựng hay sao ? Tiền đồ của đất nước này là vô cùng sáng lạn”. Lại biểu diễn cho ông ta nghe âm nhạc vùng Mân (huyện Phần, tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Quý Trát bình luận rằng : “Hay tuyệt ! Biểu diễn một cách thẳng thắn, không chút che giấu. Tuy rất hoan lạc nhưng có tiết chế, không phải là hoang dâm vô độ. Có phải là những bài thơ lúc Chu Công đông chinh hay không ?” Lại biểu diễn nhạc vùng Tân Tân (huyện Bình tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Quý Trát lại bình luận rằng : “Đây là giai điệu của người Hạ. Có thể hát được giai điệu của người Hạ là có

thể phát huy lên được. Phát triển lên đến đỉnh cao là có thể kế thừa sự nghiệp cổ xưa của người Chu”. Lại biểu diễn cho Quý Trát xem nhạc vùng Ngụy (huyện Nhung Thành, tỉnh Sơn Tây ngày nay) Quý Trát bình luận rằng : “Hay tuyệt ! Tiết tấu du dương bay bổng, biểu hiện được nhân dân vùng Ngụy tuy phải làm việc không theo ý muốn của mình, nhưng không đánh mất lễ tiết. Tuy rằng tiết kiệm thiên kiến, nhưng không cố chấp bảo thủ. Nếu một người quân chủ dùng giáo dục đạo đức để giúp đỡ những người này, thì đó là một vị quân chủ anh minh”. Lại biểu diễn nhạc vùng Đường (tức nước Tấn, thời kỳ Xuân Thu) cho Quý Trát nghe. Sau khi nghe xong, Quý Trát nói rằng : “Một nỗi buồn sâu lắng, là di dân của Đào Tương thị chăng ? Nếu không thì làm sao có thể có nỗi buồn sâu lắng như vậy. Nếu như không có những hậu duệ có đức tính tốt, thì ai lại có thể có nỗi buồn xé gan xé ruột như vậy !” Lại biểu diễn cho Quý Trát xem nhạc vùng Trần (huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Quý Trát nói : “Hoang dã phóng đảng không biết sợ sệt gì cả, thật giống như một đất nước không có người cai trị. Phúc đức của một nước như vậy, làm sao có thể lâu dài được ?” Còn đối với âm nhạc thuộc các vùng Hội (đông bắc huyện Mật, tỉnh Hà Nam ngày nay), vùng Tào (vùng Hà Trạch, Dinh Đào, tỉnh Sơn Đông ngày nay)... Quý Trát không có lời bình luận nào.

Lại biểu diễn nhạc tiểu nhã cho Quý Trát xem. Quý Trát nói : “Hay lắm ! Tuy có biểu lộ sự ưu tư, nhưng không có sinh lòng phản bội, tuy có tình cảm ai oán, nhưng lòng dạ nhân hậu, không nhấn tâm chỉ trích. Chẳng phải là công đức của vương đình nhà Chu tuy đã suy thoái rồi, nhưng những người trung thành với tiên vương vẫn còn tồn tại hay sao ?” Lại biểu diễn

xướng cho Quý Trát xem đại phá. Ông ta nói rằng : “Thật là mệnh mông bát ngát, hòa quyện cùng với cái đẹp ! Bên ngoài mềm mại bên trong cứng rắn. Đó chẳng phải là đức hạnh của Chu Văn Vương hay sao ?”. Lại diễn thơ tụng cho Quý Trát thưởng thức. Ông ta nói : “Hay lắm, hay đến độ không còn gì hay hơn nữa, cứng rắn mà không ngạo mạn, mềm mại mà không khuất phục, chặt chẽ mà không bức bách người ta, du dương nhưng không xa vời, thanh âm biến hóa đa dạng nhưng không làm cho người nghe cảm thấy quá đáng. Điệu nhạc lấy đi lấy lại nhưng không làm người ta cảm thấy nhàm chán. Bi thương mà không sầu khổ, hoan lạc mà không đi quá xa. Nhạc điệu phong phú, dùng mãi không hết. Nhạc điệu hàm xúc có dư vị, nhưng không hoàn toàn biểu lộ ra bên ngoài. Âm thanh thiên biến vạn hóa, không giảm bớt đi được, lại cũng không cảm thấy dư thừa. Nghe âm thanh có lúc như lắng đọng nhưng thưa ra không bao giờ bị đứt đoạn. Nghe âm thanh có lúc như dòng nước trôi mãi không ngừng, nhưng không phải là chảy tràn lan, một đi không quay lại. Cung, thương, giác, trung, vũ cả năm âm hài hòa với nhau. Tám loại nhạc khí là kim, thạch, trúc, tơ, bào, thổi cách, mộc phối hợp nhịp nhàng. Mỗi một âm điệu có một tiết tấu nhất định, các loại nhạc khí có thứ tự diễn tấu đã được sắp đặt sẵn. Những âm nhạc này như một người có đức trị vì một quốc gia, trị vì thiên hạ. Có tiết tấu, có nhịp điệu. Có thực hiện, có giữ gìn bảo vệ”.

Xem qua vũ nhạc của Chu Văn Vương như Tương Tiêu, Nam Thước, Quý Trát nói : “Đẹp tuyệt vời. Nhưng vẫn còn thiếu sót”. Xem xong vũ nhạc của Chu Thiên Vương, Quý Trát nói : “Hay lắm ! Lúc vương đình nhà Chu hưng thịnh nhất, chắc cũng chỉ như vậy !” Sau khi xem xong điệu Thiên Hộ vũ nhạc của Thương

Thánh, ông ta nói : " Thánh nhân quả là vĩ đại, nhưng vẫn có thiếu sót, điều đó có thể thấy được cái khó khăn khi phải xử lý nhân tình thế thái của thánh nhân". Sau khi xem xong vũ nhạc đại hạ của Hạ Vũ, Quý Trát nói : "Đẹp lắm ! Vất vả phục vụ nhân dân mà không kể công. Nếu không phải là Đại Vũ thì ai có thể làm được như vậy ?" Xem xong điệu Thiệu của vua Thuấn, ông ta bình phẩm rằng : "Đức hạnh của vua Thuấn thật là cao cả, thật là vĩ đại! Như là trời che phủ mỗi một sự vật, như đất chuyên chở mỗi một thứ hàng mà không bị mất mát một thứ gì. Tuy đức hạnh của vua Thuấn cao cả vĩ đại như trời, đất, mùa và nhạc của Thiệu Tiêu toàn thiện toàn mỹ, không còn có gì phải thêm bớt nữa. Đến lúc này thì dừng lại. Dù rằng vẫn còn nhiều loại vũ nhạc nữa, tôi cũng không muốn thưởng thức thêm".

TỬ SÀN GIÚP NƯỚC TRỊNH

Tương Công, tam thập niên (năm 543 trước công nguyên)

Lỗ Tương Công năm thứ ba mươi, Hân Hồ của nước Trịnh giao chính quyền cho Tử Sàn. Tử Sàn cảm ơn không dám nhận, nói rằng : “Nước Trịnh chúng ta đất đai nhỏ hẹp lại bị kẹp giữa các nước lớn, chịu sự o ép của nước lớn. Ngoài ra công tộc lớn mạnh, cây thế được nuông chiều ngang ngược, không làm nổi đầu” Hân Hồ nói : “Hân Hồ này sẽ cầm đầu đám công tộc này nghe theo mệnh lệnh của người, còn ai dám xâm phạm mệnh lệnh của Người ! Người cứ mạnh dạn đảm đương công việc của nước Trịnh. Một nước không sợ đất đai nhỏ bé, nước nhỏ mà đối phó có hiệu quả đối với nước lớn đất nước vẫn phát triển được”.

Khi Tử Sàn xử lý chính sự, có chính sự thường tìm Công Tôn Đoạn đại phu nước Trịnh để thực hiện, vì vậy đã hối lộ cho ông ta một mảnh đất. Du Cát nói : “Nước Trịnh là đất nước của người Trịnh chúng ta, tại sao chỉ tìm Công Tôn Đoạn làm việc rồi hối lộ cho ông ta ?” Tử Sàn nói : “Một người mà không có dục vọng gì là điều rất khó. Ta để cho họ được thỏa mãn dục vọng của họ, yêu cầu họ làm việc cho nước nhà, nhưng nhất định bắt buộc họ phải làm việc cho thật tốt. Chỉ cần làm việc thành công. Người khác làm việc thành thì cũng như ta làm việc thành công. Tại sao lại phải tiếc mảnh đất đó ? Mảnh đất đó có thể chạy đi đâu ? Vẫn là đất đai của nước Trịnh chúng ta mà”. Du Cát nói : “Thế thì ăn nói như thế nào với bốn nước láng giềng ?” Tử Sàn nói : “Đây

không phải là đi ngược lại lợi ích của nước láng giềng, mà chính là thuận theo lợi ích của nước láng giềng. Bốn nước láng giềng có điều gì trách cứ chúng ta. Sử sách nước Trịnh có ghi chép rằng : “Muốn làm cho đất nước yên ổn, trước hết phải làm cho đại tộc được yên ổn? Do đó, tạm thời làm cho đại tộc yên ổn cái đã để xem hiệu quả sau này”. Sau khi sự việc thành công, Công Tôn Đoạn trong lòng sợ hãi, bèn đem mảnh đất đó trả lại cho Tử Sản, Tử Sản vẫn ban thưởng cho ông ta mảnh đất đó.

Sau khi Lương Tiêu, đại phu nước Trịnh qua đời, Trịnh Giản Công cử thái sử bổ nhiệm Công Tôn Đoạn giữ chức vụ là Khanh, Công Tôn Đoạn từ chối không nhận, đợi đến sau khi thái sử quay trở về, ông ta lại thỉnh cầu bổ nhiệm ông ta giữ chức Khanh. Lần thứ hai bổ nhiệm ông ta, ông ta lại từ chối không nhận. Trước sau ba lần như vậy, ông ta mới nhận lệnh bổ nhiệm rồi vào triều tạ ơn. Về việc này Tử Sản rất không thích cách cư xử của Công Tôn Đoạn. Tuy có chán ghét ông ta, nhưng sợ ông ta làm phản, vì để lời kéo ông ta, cho nên cho ông ta ở vào vị trí chỉ thấp hơn mình một bậc.

Tử Sản trị vì nước Trịnh đã làm cho quốc đô và mọi việc ở biên cương đều có chế độ qui củ. Trên dưới thấp hèn đều có chế độ rõ rệt. Đồng ruộng có cương giới mà nương mạng. Nhà cửa, giếng nước ở thôn quê có sự sắp xếp nhất định. Trong số khanh đại phu, những người trung thực, giản dị, Tử Sản đều kết bạn với họ. Trong khanh đại phu, số người nào kiêu ngạo, xa xỉ thì tìm mọi cách gạt bỏ. Phong Quyển chuẩn bị tế lễ, thỉnh cầu xin phép Tử Sản cho ông ta đi săn bắn để bắt những con vật dùng để cúng tế. Tử Sản không cho phép, nói rằng : “Chỉ có quốc quân mới được dùng dã thú mới bị giết để cúng tế, các người khác chỉ cần dùng những vật phẩm thông thường là được rồi”. Phong Quyển

rất bức tức, về nhà triệu tập binh lính chuẩn bị đánh Tử Sản. Tử Sản nghe tin này, chuẩn bị chạy trốn sang nước Tấn. Hãn Hồ ngăn không cho Tử Sản chạy trốn và trục xuất Phong Quyển. Phong Quyển bỏ chạy sang nước Tấn. Tử Sản thỉnh cầu Trịnh Giản Công không tịch thu đất đai và nhà cửa của Phong Quyển. Đến năm thứ ba thì cho Phong Quyển trở về nước, không những trả lại nhà cửa, ruộng đất mà thu nhập trong ba năm cũng đều cho ông ta.

Năm đầu tiên Tử Sản thực thi chính sách của mình, nhiều người phỉ báng ông ta và hát rằng : “Tử Sản lấy đi áo mũ của chúng ta, cất giấu áo mũ của chúng ta. Tử Sản lấy đi đất đai của chúng ta, phân chia sắp xếp lại ruộng đất của chúng ta. Ai cần giết Tử Sản, ta nhất định sẽ giúp đỡ họ”. Ba năm sau, mọi người lại nói khác đi. Mọi người hát rằng : “Chúng ta có con cháu, Tử Sản giáo dục cho chúng, chúng ta có đất đai, Tử Sản làm cho nó sinh lợi. Nếu Tử Sản không chấp chính nữa, thì có ai kế thừa được ?”.

Tương Công tam thập thất niên (năm 542 trước công nguyên)

Tháng 6 năm Lỗ Tương Công thứ ba mươi mốt, Lỗ Tương Công qua đời. Tháng mà Tương Công qua đời, Tử Sản cùng Trịnh Giản Công đi đến nước Tấn. Vì lý do Lỗ Tương Công qua đời nên Tấn Bình Công không tiếp kiến Trịnh Giản Công và Tử Sản. Tử Sản hạ lệnh gỡ bỏ bức tường rào xung quanh nhà khách đón tiếp khách nước ngoài của nước Tấn, sau đó đánh xe của mình đi thẳng vào.

Si Vong trách Tử Sản rằng : “Nhà nước chúng tôi chính trị, hình pháp chưa được hoàn thiện, bọn trộm cắp rất nhiều. Để cho sứ giả các nước chư hầu đến bái kiến quân chủ nước chúng tôi

không bị quấy rầy, nên đã cho người xây dựng nhà khách để tiếp đón khách nước ngoài. Cửa của nhà khách xây rất cao, tường của nhà khách cũng rất vững chắc, để cho các sứ thần không bị bọn trộm cắp quấy phá. Giờ đây ông đập phá tường rào, tuy thuộc hạ của ông biết cách đánh nhau, có thể phòng bị, nhưng các vị khách khác thì làm sao ? Bởi vì nước Tấn là minh chủ của chư hầu cho nên mới tu sửa tường rào để tiếp đón quý khách. Nếu như phá hết tường rào thì chúng tôi làm sao đáp ứng được yêu cầu các nước khác ? Quốc quân nước tôi sai tôi đến hỏi ông vì sao lại phá bỏ tường rào ?”.

Tử Sản trả lời rằng : “Nước Trịnh chúng tôi bé nhỏ, nằm giữa các nước lớn. Các nước lớn yêu cầu chúng tôi triều cống lễ vật không qui định thời gian nhất định, cho nên chúng tôi không dám sống những ngày tháng bình yên. Lấy hết tài sản của chúng tôi để triều cống, dâng nạp lễ vật thăm viếng. Vừa vận gặp phải lúc quốc quân các nước không có thời gian rảnh rỗi, không được yết kiến. Lại không nhận được chỉ thị của quốc quân nước Tấn, không biết lúc nào thì tiếp kiến chúng tôi. Do đó chúng tôi vừa không dám đem dâng lễ vật đã mang đến, cũng không dám để các lễ vật đó lộ ra bên ngoài. Chỉ cần hiến cho các ông những lễ vật này thì sẽ là tài sản trong kho của nước Tấn. Nhưng không thông qua lễ tiết ngoại giao, chúng tôi đâu dám dâng nạp. Nếu những vật phẩm này lộ ra ở bên ngoài, e rằng sẽ bị mưa gió làm hư hỏng thì sẽ làm tăng thêm tội lỗi của nước chúng tôi. Công Tôn Kiều nghe nói Tống Văn Công làm minh chủ, cung thất của người nhỏ bé thấp hèn lại không có lầu gác đình đài, mà dùng để xây dựng nhà khách cao to, rộng lớn. Phòng ốc của nhà khách tương tự như phòng ngủ của quốc quân nước Tấn. Kho tàng, chuồng trại xây dựng chính tề ngay ngắn. Từ không lúc nào cũng sẵn sàng duy tu đường sá, thợ nề thợ sơn theo thời gian qui định sơn quét

nhà cửa của nhà khách. Lúc sứ giả các nước chư hầu đến, người phụ trách củi lửa đốt một đồng lửa lớn ở giữa sân để chiếu sáng, đây tớ thường xuyên đi tuần quanh nhà khách, xa mã có chỗ đậu hàng hoàng, đồng thời có người thay thế đây tớ của khách để chăm lo công việc, lại cử người chuyên bảo dưỡng xe cộ cho khách, cho dầu mỡ vào xe. Người làm công, người chăm nom bò, ngựa... người nào làm tròn công việc của người đó. Hàng trăm quan văn võ người nào chịu trách nhiệm tiếp đón khách của người đó. Đối với khách, khách đến lúc nào Tấn Văn Công đều tiếp lúc đó, từ hồi nào đến giờ không bao giờ làm ảnh hưởng đến thời gian của khách, làm ảnh hưởng đến chính sự. Tấn Văn Công vui cái vui của khách, buồn cái buồn của khách, có vấn đề gì cùng nhau giải quyết. Những việc mà khách không biết thì tận tình chỉ bảo. Đối với những khách thiếu thốn thì chú ý giúp đỡ. Lúc bấy giờ không những không bị thiên tai, mà cũng không sợ kẻ trộm cắp, cũng không sợ mưa nắng thất thường làm hư hại đến vật phẩm. Ngày nay, biệt cung của Tấn Văn Công ở Đồng Cách (phía nam huyện Tầm, tỉnh Sơn Tây ngày nay) rộng đến mấy dặm. mà xây dựng nhà khách để tiếp đón chư hầu chỉ bằng nhà ở của kẻ nô lệ. Cửa lớn xe không thể ra vào được, bọn trộm cướp ngang nhiên hoành hành, không hề chuẩn bị để đối phó với thiên tai, không có thời gian nhất định để đón tiếp tân khách, sứ giả, cũng không biết rõ lúc nào thì được lệnh triều kiến. Nếu như không đập phá tường rào, thì sẽ không có chỗ để cất những thứ chúng tôi đem đến, đến lúc của cải hàng hóa đó bị hư hỏng đi, thì tội sẽ tăng theo không biết bao nhiêu lần. Tôi xin hỏi ông ? Là người cai quản đất nước, ông có điều gì chỉ giáo ? Tuy quốc quân các ông gặp phải lúc Lỗ quân qua đời. Nhưng nước Trịnh chúng tôi cũng rất lấy làm lo lắng về sự qua đời của Lỗ quân. Nếu như các ông theo đúng lễ tiết ngoại giao nhận các lễ vật chúng tôi trao tặng,

chúng tôi sẽ sửa sang lại tường rào như cũ rồi mới ra về. Đó cũng là ân huệ của các ông. Xin mạo muội phiền ông thông báo cho một tiếng”.

Sĩ Vong trở về triều đình bẩm báo, Triệu Vũ nói : “Những điều Tử Sản nói rất đúng. Đó là sai sót của chúng ta. Dùng căn nhà như nhà của nô lệ, ở để đón tiếp chư hầu, đó là sai sót của chúng ta”. Thế rồi sai Sĩ Vong đi tạ tội với Tử Sản.

Tấn Bình Công tiếp kiến Trịnh Giản Công, những lễ tiết mà Bình Công giành cho Giản Công rất trang trọng, tiếp đãi rất nồng hậu, tăng cường quan hệ hữu hảo. Sau đó tiễn Giản Công về nước, đồng thời lập tức cho xây dựng nhà đón tiếp khách nước ngoài.

Tấn quốc hiền đại phu Dương Thiết Hất nói : “Ngôn ngữ có sức mạnh làm cho người ta không cưỡng lại được ! Tử Sản có khiêu ăn nói, các nước chư hầu cũng được thơm lây. Nước Tấn lập tức xây dựng nhà tiếp khách nước ngoài. Nói như vậy người ta làm sao có thể vứt bỏ biện pháp được. Kinh thi có nói : “Ngôn từ hợp tình hợp lý, nhân dân sẽ nghe theo, làm theo. Ngôn từ hợp tình hợp lý thì nhân dân sẽ giữ vững lòng tin”. Người viết bài thơ này, thật là người biết rõ ý nghĩa của ngôn ngữ”.

Tháng 12, Bắc Cung Đà đem lễ vật cho Vệ Tương Công đến nước Sở. Vì để thực hiện lời thề năm trước tại nước Tống, Họ đi ngang qua nước Trịnh. Đại phu nước Trịnh là Ân Đoạn đến Phi Lâm (cách đông nam huyện Tân Trịnh 25 dặm thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay) để ủy lạo bọn họ, tiếp đãi họ theo nghi thức ngoại giao chính thức, còn đọc lời chúc mừng họ nữa. Bắc Cung Đà cũng đáp lại nước Trịnh những nghi lễ tương tự như vậy. Công Tôn Huy của nước Trịnh tiếp đón Phùng Giản Tử, Du Cát và các người cùng đi. Sau khi mọi việc đã hoàn tất, Bắc Cung Đà trở về nói với Vệ Tương Công : “Lễ tiết của nước Trịnh hết sức chu đáo,

suốt cả mấy đời họ đều được hưởng phúc không bị nước lớn xâm lược. Kinh thi nói : “Ai bốc phải một vật nóng mà không bỏ vào nước lạnh để ngâm”. Quan hệ giữa lễ và chính trị, cũng giống như bốc phải một vật nóng liền bỏ vào nước lạnh để làm giảm bớt độ nóng. Nước lạnh là dùng để chữa nóng. Lễ cũng giống như nước lạnh. Lễ tiết chu đáo thì chẳng xảy ra tai họa gì cả”.

Phương pháp xử lý chính sự của Tử Sản là ở chỗ tiến cử người hiền. Phùng Giản Tử giỏi phán đoán, có thể đoán được quốc gia đại sự. Du Cát chứng chắc đang hoàng lại giỏi về văn. Công Tôn Huy hiểu biết căn cơ tình hình của các nước. Ông ta biết rất rõ họ của từng gia tộc, chức tước bổng lộc của đại phu các nước. Ông ta lại giỏi ăn nói. Tì Thầm có mưu lược, thường suy nghĩ công việc ở những nơi dã ngoại yên tĩnh và tìm ra biện pháp để giải quyết. Ở chỗ đông người ồn ào náo nhiệt mà suy nghĩ công chuyện thì sẽ không tìm ra được phương pháp gì cả. Mỗi lần nước Trịnh nảy sinh vấn đề hoặc có tranh chấp với các nước chư hầu. Tử Sản bèn hỏi Công tôn Huy về tình hình của các nước chư hầu đó, đồng thời yêu cầu ông ta chuẩn bị nhiều lời lẽ đối đáp khác nhau. Sau đó cùng Tì Thầm đánh xe ra ngoài thôn quê chuẩn bị các chiến lược để đối phó, sau đó báo cáo cho Phùng Giản Tử, yêu cầu Giản Tử chọn lựa và quyết đoán. Tất cả đều đã chuẩn bị sẵn sàng thì giao cho Du Cát để Du Cát thi hành. Cứ như vậy mà đối đáp với tân khách. Do vậy công việc ngoại giao của Tử Sản ít khi thất bại. Đó chính là “lễ” mà Bắc Cung Đà đã từng nhắc đến.

Người nước Trịnh tụ tập tại hương hiệu (hương hiệu vừa là nhà trường, vừa là nơi công cộng để tập hợp dân chúng trong xã) để phê bình tình hình thời thế, chính trị. Đại phu nước Trịnh là Cách Miệt nói với Tử Sản : “Đóng cửa hương hiệu lại, liệu có được hay không ?” Tử Sản nói : “Hà tất phải làm như vậy !

Hương hiệu là nơi đồng bào nghỉ ngơi nói chuyện phiếm với nhau, sau khi công việc đã làm xong. Ở đó họ có thể phê bình sự hay dở, được mất của hình tình chính trị lúc bấy giờ. Những biện pháp chính trị được họ coi là tốt thì ta tiếp tục làm, những biện pháp chính trị mà họ cho là không tốt, thì chúng ta phải kịp thời sửa chữa ngay. Đó là những thầy giáo của chúng ta. Tại sao lại phải đóng cửa hương hiệu. Tôi nghe nói rằng thành tâm làm những việc thiện thì sẽ giảm bớt oán hận. Tôi chưa từng nghe nói dùng cách làm dọa dẫm thô bạo lại có thể loại trừ oán hận. Nếu dùng những phương pháp cứng rắn, chưa chắc đã bịt kín được miệng của thiên hạ. Trị vì nhân dân cũng giống như điều khiển một dòng nước, chỗ vỡ của dòng nước lớn thì sẽ làm hại nhiều người. Lúc bấy giờ chúng ta sẽ không kịp cứu người. Chỉ bằng đào một lỗ nhỏ cho dòng nước chảy thông. Đó cũng giống như cứ để quốc dân đồng bào nêu ý kiến một cách tự nhiên thoải mái. Sau khi nghe xong. Ta đem những lời phê bình đó coi như là y được để cai trị đất nước". Cách Miệt nói : "Ngày hôm nay Miệt tôi mới biết ông thật là người có tài, tôi bất tài. Nếu có thể làm việc theo cách của ông, thì cả nước Trịnh hoàn toàn có thể dựa vào ông, đâu cần tới những đại thần như chúng tôi".

Khổng Tử nghe những lời này, nói rằng : "Từ sự việc này mà suy ra, có người nói rằng Tử Sản không có tấm lòng nhân hậu, còn ta thì không tin như vậy".

Hân Hồ muốn đổi thái ấp của Doãn Hà thành ấp tể. Tử Sản nói : "Doãn Hà tuổi còn trẻ, không biết có đảm nhiệm được không ?" Hân Hồ nói : "Anh ta nhân hậu, ta rất thích anh ta, ta tin rằng anh ta không phản bội lại ta. Cứ anh ta đi học tập một thời gian, anh ta sẽ càng hiểu những lý lẽ chính trị hơn". Tử Sản nói : "Làm như thế không được. Phàm một người yêu thích một

người thì bao giờ cũng thường đem lại một số lợi ích cho người mình yêu thích. Bây giờ Người thích một người, lại đem chính sự giao cho anh ta, chẳng khác gì bảo một người chưa biết sử dụng dao, cầm dao cắt đồ vật. Điều này sẽ đem lại tác hại rất lớn. Kết quả của việc Người yêu thích người khác chỉ làm cho người được Người yêu thích bị hại mà thôi. Thế thì còn ai dám nhận sự thương yêu của Người ? Đối với nước Trịnh là ruộng cột. Ruộng cột là để chống đỡ một căn nhà. Ruộng cột bị gãy, căn nhà sẽ bị sụp đổ và thế là Công Tôn Kiều này sẽ bị đè ở bên dưới. Tôi đâu dám giấu giếm mà không nói lên sự thật ? Nếu như Người có một tấm gương thật đẹp, nhất định sẽ không đưa cho người ta làm vật thí nghiệm để tập cắt may quần áo. Đại quan, đại ấp là nơi mà bản thân chúng ta ẩn náu, gửi gắm, lại để cho người ta làm vật thực nghiệm học tập, lý luận chính trị. Điều này còn tai hại gấp nhiều lần tấm gương đẹp mà tôi đã nói. Công Tôn Kiều này nghe nói rằng, học tập cách cầm quyền, sau đó mới có thể làm những công việc chính trị thực tế, chứ chưa hề nghe nói rằng học tập phương pháp cầm quyền trong công tác chính trị thực tế. Nếu nhất định cứ học tập trong công tác chính trị thực tế, thì phương pháp cầm quyền sẽ bị tổn hại. Chẳng hạn như đi săn, thì nhất định phải sử dụng cung tên và đánh xe một cách thuần thục thì mới có thể săn bắn chim chóc, cầm thú được. Nếu không biết điều khiển xe, cũng chưa từng bắn tên ở trên xe. Vừa lên xe đã vội lo sợ xe lật đổ, xe hư hỏng thì có còn thời gian đâu mà nghĩ đến chuyện phải săn bắn như thế nào ?”.

Hân Hồ nói : “Ông nói rất có lý. Hân Hồ này suy nghĩ nông cạn. Ta thường nghe nói : người quân tử thì hay nói đến những chuyện to lớn, những chuyện tương lai, còn tiểu nhân thì hay nói

đến những chuyện nhỏ, chuyện trước mắt. Ta chỉ là một kẻ tiểu nhân mà thôi ! Quân áo mặc trên người, ta biết yêu quý giữ gìn nó, nhưng đại quan đại ấp là chỗ dựa của ta, ta lại coi thường. Nếu không nghe ông nói những điều này, thì tôi vẫn mơ mơ hồ hồ không biết rõ được. Những ngày trước đây, tôi đã từng nói : “Ông cứ dốc sức mà chăm lo việc nước Trịnh, tôi quản lý gia sản của tôi, để cho thân thể tôi có nơi gửi gắm, điều này chắc là không có vấn đề gì chứ” Từ nay về sau, tôi biết rằng làm như thế là không được. Kể từ ngày hôm nay, tôi thỉnh cầu ông, cho dù là việc của gia đình tôi, tôi cũng phải làm theo lời khuyên của ông”. Tử Sản nói : “Lòng người khác nhau cũng giống như mặt người khác nhau vậy. Mặt của ông khác với mặt của tôi, tôi làm sao dám nói rằng lòng dạ của ông giống như lòng dạ của tôi ? Nhưng mà tôi cảm thấy rằng làm như vậy rất nguy hiểm cho nên mới nói thẳng ra cho ông biết”.

Hãn Hồ cho rằng Tử Sản là một người có tinh thần trách nhiệm cao, cho nên giao chính quyền cho Tử Sản. Vì vậy Tử Sản mới có thể trị vì nước Trịnh.

EM GÁI CỦA TỪ NGÔ PHẠM CHỌN CHỒNG

Chiêu Công nguyên niên (năm 541 trước công nguyên)

Em gái của Từ Ngô Phạm đại phu nước Trịnh rất đẹp. Công Tôn Sở đã có hôn ước với em gái của Từ Ngô Phạm. Công Tôn Hắc cũng yêu mến cô ta nên cho người vội đem sính lễ đến trước, đòi lấy cô ta cho bằng được. Từ Ngô Phạm không dám đắc tội với cả hai người có quyền có thế của nước Trịnh, cho nên rất lo lắng. Thế là ông ta báo cho Tử Sản biết, nhờ Tử Sản giúp ông ta giải quyết vấn đề này. Tử Sản nói : “Đã xảy ra sự việc như vậy là do chính trị của nước Trịnh chúng ta không đi đúng quỹ đạo, không chỉ có ông lo lắng mà thôi, ông cứ xem xem em gái ông thích lấy người nào thì gả cho người đó”. Từ Ngô Phạm bèn mời cả hai người đến nhà ông ta báo cho họ biết rằng, sẽ do em gái của ông ta lựa chọn một trong hai người. Cả hai người đều đồng ý.

Công Tôn Hắc ăn diện rất đẹp bước vào nhà Từ Ngô Phạm, sau khi bày xong lễ vật bèn thanh thân đi ra. Công Tôn Sở mặc quân phục vào nhà Từ Ngô Phạm. Sau khi vào nhà giương cung bắn tên vào bên trái và bên phải, sau đó nhảy lên xe, ra đi một cách hùng dũng. Em gái Từ Ngô Phạm từ trong phòng nhìn thấy tất cả, cô ta nói : “Công Tôn Hắc quả là xinh đẹp, điệu nghệ. Nhưng em chọn Công Tôn Sở làm chồng. Nam nhi quân tử phải có dáng dấp của đấng nam nhi, là con gái phải có dáng dấp của con gái. Đó là việc thường tình”. Kết quả, bèn gả cô ta cho Công

Tôn Sở.

Lần này thì Công Tôn Hắc vô cùng bức tức, thế là mặc áo giáp vào trong đi gặp Công Tôn Sở, định giết Công Tôn Sở để cướp vợ của ông ta. Công Tôn Sở biết được nắm lấy trường kích truy đuổi Công Tôn Hắc, đuổi mãi cho đến một ngã tư lớn thì dùng trường kích đâm Công Tôn Hắc. Công Tôn Hắc bị thương bèn tháo chạy. Ông ta nói với các đại phu nước Trịnh rằng : “Với lòng thành tâm tôi đi gặp Công Tôn Sở, nào ngờ ông ta lòng dạ khác thường, cho nên tôi mới bị thương”.

ÁN TỬ KHÔNG THAY ĐỔI CHỖ Ở

Chiêu Công tam niên (năm 539 trước công nguyên)

Lúc đầu, Tề Cảnh Công định sửa sang mở rộng thêm chỗ ở của Án Tử bèn nói với Án Tử rằng : “Nhà ở của thần ở gần chợ, nhà lại ẩm thấp chật hẹp, bốn phía lại rất ồn ào rác rưởi dơ bẩn. Chỗ đó không thích hợp để cho thần ở. Để thần sửa chữa lại làm cho nơi ở của thần rộng lớn hơn, sáng sủa hơn”. Án Tử từ tạ, nói rằng : “Cha của thần và các bậc tiên nhân đều sống ở nơi đó. Thần quả không xứng đáng được kế tục sản nghiệp của tiên nhân mà sống tại nơi đó. Ngôi nhà đó, đối với thần mà nói đã là quá sang trọng rồi. Vả lại thần sống gần chợ búa sớm tối rất dễ dàng mua sắm được những thứ cần thiết. Đối với thần mà nói việc này rất là thuận tiện. Thần sao dám để mọi người xây dựng nhà cửa cho thần”. Cảnh Công cười mà nói rằng : “Chỗ thần ở gần chợ, thế thần có biết giá cả không ?” Án Tử nói : “Đã mua từ chợ nhiều thứ, thần sao lại không biết vật giá được ?” Cảnh Công nói : “Thứ nào mắc, thứ nào rẻ ?”. Lúc bấy giờ Cảnh Công làm dụng hình phạt, rất nhiều người bị chặt mất chân, có người chuyên bán nạng gỗ, cho nên Án Tử cố ý nói rằng : “Giá của nạng gỗ mắc, giá của giày dép thì lại rẻ. Đó là bởi vì chúa công hình phạt rất phức tạp, chân của mọi người đều bị chúa công chặt đứt cho nên không cần phải dùng đến giày dép nữa”. Do đó Cảnh Công đã giảm nhẹ hình phạt. Bởi vì Án Tử đã đem chuyện nạng gỗ mắc, giày dép rẻ nói cho Cảnh Công cho nên Lỗ Chiêu Công năm thứ ba, ông ta đi sứ sang nước Tấn cùng với đại phu

nước Tấn là Dương Thiệt Hất có bàn đến chuyện này.

Quân tử bình luận rằng : “Một câu nói của người có nhân đã tạo phúc cho rất nhiều người”. Một câu nói của Ân Tử, Tề Cảnh Công đã giảm nhẹ hình phạt. Trong Kinh thi có nói : “Người quân tử biết làm việc thiện, thì tai họa sẽ được chấm dứt. Có lẽ là nói về việc này đây !”.

Đợi khi Ân Tử đi sứ sang nước Tấn, Cảnh Công bèn sửa sang lại nhà ở của Ân Tử rộng lớn hơn. Khi Ân Tử trở về, ngôi nhà mới đã được xây dựng xong. Sau khi Ân Tử cảm ơn Cảnh Công về việc đã xây dựng nhà mới cho ông ta xong thì tháo dỡ và đập phá ngôi nhà mới đó. Vì để xây dựng nhà mới cho Ân Tử, Cảnh Công đã đập phá toàn bộ nhà cửa ở xung quanh, lúc bấy giờ Ân Tử xây dựng hồi phục lại các ngôi nhà đó, đồng thời mời láng giềng cũ của ông ta dọn về ở. Ân Tử nói với họ rằng : “Tục ngữ có nói rằng : “Không nên bói hỏi nhà cửa của ta như thế nào ? Mà nên bói hỏi hàng xóm láng giềng của ta như thế nào ? Các ông các bà nhất định đã bói hỏi láng giềng cả rồi chứ ! Làm ngược lại những việc đã bói hỏi là không may mắn đâu. Người quân tử bề trên không nên làm những việc trái với lễ pháp, người dân bình thường cũng không được làm những việc tạo nên điều xui xẻo. Đây là nề nếp đã tương truyền từ xưa cho đến bây giờ. Tôi là một người dân bình thường sao dám làm những điều đi ngược lại sự may mắn ?” Rốt cuộc, tất cả đều dọn về nhà cũ để ở. Lúc đầu Cảnh Công không đồng ý làm như vậy. Nhưng vì Ân Tử nhờ Thần Vô Vũ nói giúp, cho nên Cảnh Công đành chấp nhận vậy.

MẠNH HY TỬ HỌC LỄ

Chiêu Công thất niên (năm 535 trước công nguyên)

Lỗ Chiêu Công năm thứ bảy, khi Lỗ Chiêu Công từ nước Sở trở về nước Lỗ, Mạnh Hy Tử cảm thấy rằng mình không hiểu Lễ, đó là một khuyết điểm lớn, thế là bắt đầu học Lễ. Phàm những người giỏi về Lễ, Mạnh Hy Tử đều học họ.

Mùa xuân năm Lỗ Chiêu Công thứ hai mươi bốn (năm 518 trước công nguyên), trước lúc lâm chung, Mạnh Hy Tử triệu tập đại phu nhà ông ta, nói với họ rằng : “Lễ là cái thân của con người. Một con người mà không biết Lễ, thì cũng giống như người không có thân, người mà không có thân thì không thể đứng được. Ta nghe nói ở nước Lỗ có một người thành đạt, tên của ông ta là Khổng Khâu, Khổng Khâu là hậu duệ của thánh nhân. Tổ tiên của ông ta nguyên cư trú ở nước Tống. Lục thế tổ của ông ta là Khổng Phụ Gia bị giết ở nước Tống, gia tộc của ông ta bèn trốn khỏi nước Tống đến nước Lỗ của chúng ta. Thập thế tổ của ông ta là Phất Phụ Hà nguyên kế vị làm quốc quân của nước Tống, nhưng lại nhường cho em trai là Tống Lệ Công. Thất thế tổ của ông ta là Chính Khảo Phụ từng phụ tá cho Tống Đới Công, Tống Vũ Công, Tống Nghi Công, trước sau ba lần được quốc quân nước Tống bổ nhiệm. Chức quan làm đến thượng khanh chức quan của Chính Khảo Phụ càng cao, ông ta càng khiêm tốn, giữ lễ. Cho nên ông ta đã từng đúc mấy chữ sau đây lên đỉnh : “Lần thứ nhất được bổ nhiệm ta khom lưng 15 độ để tiếp nhận, lần thứ hai được

bổ nhiệm ta khom lưng 30 độ để tiếp nhận, được bổ nhiệm lần thứ ba ta khom lưng 60 độ để tiếp nhận. Ta không đi nghênh ngang ở ngay chính giữa, ta chỉ đi men theo tường cung không có ai làm nhục ta. Cháo đặc ở trong cái đỉnh này, cháo loãng cũng ở trong cái đỉnh này, dùng những thứ đó mà đưa vào miệng ta, lấp vào bụng của ta. Chính Khảo Phụ khiêm nhường, tiết kiệm là thế. Tang Tôn Hột đã từng nói : “Bậc thánh nhân có đạo đức hành vi tốt, bản thân họ không làm những chức vụ lớn, con cháu của họ nhất định có người thành đạt”. Người thành đạt đó chính là Khổng Khâu ngày nay ! Sau khi ta qua đời nhất định phải đem thuyết (tên của Nam Cung Kính thúc, và Hà Kỵ (tức Mạnh Hy Tử) giao cho Phu Tử để học Lễ, để họ bái Phu Tử làm thầy, theo Phu Tử để học lễ, để cho thân phận của họ được an định, làm cho họ đứng vững được trong xã hội”. Cho nên Mạnh Hy Tử và Nam Cung Kính Thúc đều làm học trò của Khổng Tử.

Khổng Tử nói : “Có thể bù đắp cái khuyết điểm của mình thì đó là người quân tử”. Kinh Thi nói : “Tấm gương tốt của người quân tử nên học tập và noi theo” Mạnh Hy Tử đáng để cho chúng ta học tập và noi theo.

SỞ LINH VƯƠNG LÂM NẠN TẠI CAN KHÊ

Chiêu Công thập nhị niên (năm 530 trước công nguyên)

Mùa đông năm Lỗ Chiêu Công thứ mười hai, Sở Linh Vương đến vùng Châu lai (huyện Phụng Đài, tỉnh An Huy ngày nay) để săn bắn, cả đoàn dừng lại tại Dĩnh Vĩ (Chinh Dương quan nơi tiếp giáp giữa huyện Thọ và Huyện Dĩnh Thượng, tỉnh An Huy ngày nay). Sở Linh Vương ra lệnh cho các đại phu nước Sở là Thang Hầu, Phan Tử, Tư Mã Đốc, Doãn Ngưu, Lăng Doãn Hỷ đem quân bao vây vùng Từ (vùng Từ Châu, tỉnh Giang Tô ngày nay) lấy cớ đó để uy hiếp nước Ngô. Sở Linh Vương đem quân đến Can Khê (đông nam huyện Hào, tỉnh An Huy ngày nay) dựng doanh trại, để chi viện từ phía sau.

Gặp phải lúc trời rơi tuyết, Sở Linh Vương đầu đội mũ lông, mặc quần áo nhung do nước Tần gửi tặng, trên vai quàng chiếc khăn quàng màu xanh đậm, chân đi giày làm bằng da beo, tay cầm roi đi tuần tra. Đại phu nước Sở là Bắc Tích Phụ cùng đi theo. Hữu doãn Nhiên Đan yết kiến Linh Vương vào lúc chập choạng tối. Linh Vương tiếp kiến Nhiên Đan, lúc nhìn thấy ông ta, đặt roi xuống, cởi mũ và khăn choàng nói với Nhiên Đan : “Trước đây, tiên vương của chúng tôi Hùng Dịch cùng với Tề Thái công tử Tử Lã, con của Vệ Khang Thúc là Vương Tôn Mâu, con của Tấn Đường Thúc là Phụ, công tử nước Chu là Tử Bá Cầm cùng làm việc cho Chu Khang Vương. Bốn nước họ đều có châu báu do Chu Thiên Tử ban tặng, chỉ có Hùng Dịch tiên vương của chúng

tôi là không có. Giờ đây tôi cho người đến xin Chu Thiên Tử bảo đảm để làm vật ban tặng, Chu Thiên Tử liệu có cho chúng tôi không ?” Nhiên Đan trả lời : “Chu Thiên Tử đương nhiên sẽ đưa cho chúa công ! Trước đây Hùng Dịch tiên vương của chúng ta cư trú ở vùng Kinh Sơn hẻo lánh (phía tây huyện Nam Chương, tỉnh Hồ Bắc ngày nay), đi xe bằng gỗ tạp, mặc áo rách đến trú tại một vùng thảo nguyên mọc đầy gai góc. Trèo đèo vượt suối mới có thể phụng sự thiên tử, chỉ có cung làm bằng gỗ đào, tên làm bằng gỗ cây gai triều cống cho Chu thiên tử dùng. Tề quân là cậu của Chu Thiên Tử, quốc quân các nước Tấn, Lỗ, Vệ đều là em của Chu Thiên Tử. Đó là lý do vì sao nước Sở không được Chu Thiên Tử ban thưởng mà họ lại được ban thưởng. Giờ đây Chu Thiên Tử cùng bốn nước Tề, Tấn, Lỗ, Vệ phụng sự cho quân vương chúng ta, nói gì họ sẽ nghe nấy, ông ta làm sao dám luyến tiếc cái bảo đảm đó ?” Linh Vương lại nói : “Viễn tổ của chúng ta trước đây là Côn Ngô, cư ngụ tại nước Hứa ngày xưa (huyện Hứa Xương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Giờ đây người nước Trịnh tham lam sản vật của nước Hứa, chiếm cứ nước Hứa mà không giao trả cho chúng ta. Ví dụ như ta đến nước Trịnh đòi lại đất Hứa, liệu họ có trả lại cho chúng ta không ?” Nhiên Đan đáp rằng : “Đương nhiên là trả lại cho chúa công rồi ! Chu Thiên Tử không dám luyến tiếc bảo đảm, người nước Trịnh sao dám luyến tiếc đồng ruộng đất Hứa ?” Linh Vương lại hỏi : “Trước đây các nước chư hầu xa lánh nước Sở chúng ta, chỉ kính nể nước Tấn. Ngày nay ta mở rộng củng cố thêm bốn thành trì là Trần (huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), Thái (tây nam Thượng Thái Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), Đông Bất Canh (tây bắc huyện Vũ Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) và Tây Bất Canh (đông nam huyện Tương Thành, tỉnh Hà Nam ngày nay). Mỗi nơi trang bị một ngàn chiếc binh xa. Ở đó cũng có công lao của ông. Làm như vậy các nước

chư hầu có kính nể chúng ta không ?” Nhiên Đan đáp rằng : “Đương nhiên là kính nể chúa công rồi ! Công sự phòng ngự và lực lượng quân sự ở các vùng biên cương đó đã để các nước chư hầu kính sợ. Huống hồ lại còn có thêm lực lượng bản thân nước Sở của chúng ta. Nước chư hầu nào lại dám không kính nể sợ hãi chúng ta ?”.

Vừa nói đến đây, Công Doãn Lộ bước vào xin hỏi Sở Linh Vương : “Chúa công tôi từng ra lệnh cho tôi xẻ ngọc ra làm trang sức cho cán rìu, tôi xin hỏi chúa công phải làm như thế nào ?” Sở Linh Vương đi đến xem thử xem. Lúc bấy giờ Bốc Tích Phụ nói với Nhiên Đan rằng : “Ông là người có danh tiếng của nước Sở. Hôm nay ông đối đáp với chúa công ta như vậy, quả là kẻ phụ họa, dấy nước chúng ta làm sao làm được như thế ?” Nhiên Đan nói : “Tôi sẽ mài sắc ngôn ngữ đối đáp của tôi để đối phó với chúa công. Đợi chúa công ra, tôi sẽ nói tất cả không chút nề nang, tranh luận với nhau không hề giữ kẽ”.

Sở Linh Vương đi ra, lại cùng bàn luận với Nhiên Đan, vừa mang tả sử Ý Tương từ bên cạnh bước nhanh ra. Linh Vương nói : “Ông ta là một sử quan tài giỏi, ông cần chăm sóc đến ông ta. Ông ta có thể đọc được tam phần, ngũ điển, bát sách, cửu khâu... Các điển tịch thời thượng cổ”. Nhiên Đan phản bác nó rằng : “Thầy từng hỏi ông ta. Trước đây Chu Mục Vương (ch) phô bày dã tâm của ông ta, chu du thiên hạ, định dấu vết xa mã của ông ta lưu lại khắp mọi nơi. Một thái công nào đó đã làm một bài thơ kỳ chiêu để can ngăn dã tâm của Mục Vương, cho nên Mục Vương đã được yên nghỉ ở Đế Cung (huyện Nam Trịnh tỉnh Thiểm Tây ngày nay) Thần hỏi Tả sử Ý Tương có biết bài thơ kỳ chiêu đó không, rồi cuộc ông ta nói là không biết. Một sự việc rất gần như chuyện của Chu Mục Vương ông ta cũng không biết, nếu

hỏi những chuyện từ thời xa xưa thì ông ta làm sao mà biết được ?” Linh Vương nói : “Thế thần có biết bài thơ đó không ?” Nhiên Đan đáp rằng : “Thần có biết. Bài thơ đó là như thế này : giọng cầu chiêu, tinh mịch thâm trầm, nói lên âm thanh của người có đức hạnh. Hành động của vua ta giống như ngọc thạch trắng tinh, lóng lánh như hoàng kim, thuần khiết xán lạn mà vững chắc. Đo lường lực lượng của nhân dân, kiềm chế dục vọng của mình, đừng làm những việc vượt quá bốn phận của mình”.

Sở Linh Vương lay tạ Nhiên Đan, sau đó vào phòng nghỉ ngơi. Những lời nói này của Nhiên Đan khiến cho Sở Linh Vương ăn không ngon ngủ không yên. Tuy mấy ngày liền ăn không được, ngủ không được, nhưng ông ta vẫn không kiềm chế được dục vọng của mình, cho nên cuối cùng đã gặp phải tai nạn.

Sau này, Khổng Tử bình luận rằng : “Thời cổ có ghi chép rằng : “Có kiềm chế được mình, tuân theo lễ pháp, đó là người có nhân”. Câu nói này rất đúng. Sở Linh Vương nếu làm được như vậy thì ông ta sẽ không bị làm nhục mà gặp nạn tại Can Khê.

Chiêu Công thập tam niên (năm 529 trước công nguyên)

Lỗ Tương Công năm thứ ba mươi (năm 543 trước công nguyên), lúc Sở Linh Vương làm lệnh doãn giết chết đại tư mã Nguyên Yểm, cướp vợ và tài sản của Nguyên Yểm. Lỗ Chiêu Công năm thứ hai (năm 540 trước công nguyên) Sở Linh Vương kế vị lại cướp đất đai của Viên Cư. Lỗ Chiêu Công năm thứ chín (năm 533 trước công nguyên) Sở Linh Vương chuyển người Hứa đến vùng Di (cách 17 dặm về phía đông nam huyện Đài, tỉnh An Huy ngày nay) đồng thời bắt Hứa đại phu là Hứa Vi đem về nước Sở làm con tin. Thái Vi được sự chiều chuộng và tin dùng của Linh Vương — Năm Lỗ Chiêu Công thứ mười một (năm 531 trước công nguyên) Sở Linh Vương tiêu diệt nước Thái (huyện Thượng Thái,

tỉnh Hà Nam ngày nay), cha của Thái Vĩ bị quân Sở đánh chết — Linh Vương ra lệnh cho Thái Vĩ bảo vệ quốc đô nước Sở, còn mình thì tiến về Can Khê. Lỗ Chiêu Công năm thứ tư (năm 538 trước công nguyên) vào khoảng tháng sáu, Sở Linh Vương và chư hầu họp bàn việc liên kết tại vùng Thân (huyện Nam Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), từng làm nhục Thường Thọ Quá, đại phu của nước Việt. Sở Linh Vương lại cướp đoạt thái ấp Ngưu của Đấu Vĩ Quy (quanh huyện Nam Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), lại cướp đoạt thái ấp của Đấu Thành Nhiên, con của Đấu Vĩ Quy, lại bổ nhiệm Đấu Thành Nhiên làm giao doãn (giao doãn là quan lo việc ngoại giao ở vùng biên giới). Đấu Thành Nhiên từng hầu hạ Linh Vương ấu để công tử Huy Tật cho nên đối với Nguyên Cư Hứa Vĩ, Thái Vĩ, Đấu Thành Nhiên... Và tộc Nguyên thì đều không đối xử theo Lễ. Nhưng người này dựa vào thân tộc của những người bị mất chức vụ, địa vị thời Sở Linh Vương để dụ dỗ đại phu nước Việt là Thường Thọ Quá làm loạn. Thường Thọ Quá bao vây cố thành biên giới phía đông của nước Sở (đông bắc huyện Tức tỉnh Hà Nam ngày nay), tiến đánh Tức Châu (giữa huyện Tức và huyện Tân Thái, tỉnh Hà Nam ngày nay), rồi củng cố thành lũy ở Tức Châu đóng quân tại nơi đó.

Lỗ Tương Công năm thứ hai mươi hai (năm 551 trước công nguyên), lúc Quan Khởi bị xe của Sở Khang Vương cán chết, con trai của ông ta là Quan Tòng đang ở nước Thái. Quan Tòng bèn ở lại nước Thái làm việc cho Triều Ngô là đại phu nước Thái. Sau khi Sở Linh Vương tiêu diệt nước Thái, bèn phong cho công tử Tật, em của ông ta vùng đất Thái. Quan Tòng vì muốn trả thù việc Sở Khang Vương giết chết cha mình, bèn khiêu khích Triều Ngô rằng : “Nếu như ngày nay Sở Vương không đồng ý cho nước Thái khôi phục lại đất nước, nước Thái cũng chẳng còn gì để phục quốc. Xin nhân lúc Thường Thọ Quá nổi loạn mà thừa cơ

khôi phục lại đất nước”. Thế là lấy danh nghĩa là mệnh lệnh của công tử Tật triệu hồi Công Tử, người đã tháo chạy sang nước Tấn khi Sở Linh Vương chiếm ngôi, cũng triệu hồi cả công tử Hắc Hoàng lúc bấy giờ tháo chạy trốn qua nước Trịnh. Đến ngoại vi đô thành nước Thái. Quan Tông nói rõ sự thật cho họ biết, đồng thời bức họ ký kết minh thệ. Sau đó tập kích thái công. Thái công Tật lúc bấy giờ đang chuẩn bị ăn cơm, nhìn thấy bọn họ liền bỏ chạy. Quan Tông ép công tử Tật ăn các thức ăn của thái công. Sau đó đào đất làm đân, giết súc vật lấy máu ăn thề. Lấy một bức minh thư đặt lên súc vật, hoàn thành nghi thức ký minh ước với Thái Công (giả mạo) thì lập tức bảo công tử Tật và các người khác rời khỏi nơi đó. Quan Tông tự mình tuyên bố với nhân dân Thái rằng : “Thái Công đã gọi công tử Tư và công tử Hắc Hoàng trở về chuẩn bị đưa hai người về nước Sở. Sau khi Thái Công ký kết minh thệ với họ xong, bèn sai họ lập tức lên đường. Thái Công sẽ đích thân dẫn quân lính đi theo”. Nhân dân nước Thái tụ tập lại vây bắt Quan Tông. Quan Tông nói : “Công tử Tật và công tử Hắc Hoàng đã chạy trốn rồi. Quân đội của Thái Công cũng đã tổ chức lại rồi, dù có giết tôi cũng chẳng có tác dụng gì” Thế là họ bèn thả Quan Tông ra. Tiếp đó Triệu Ngộ nói : “Thưa bà con, nếu như bà con quyết giữ lấy chữ trung mà hy sinh vì Sở Vương, chỉ bằng nghe theo lời của Quan Tông, đợi sự diễn biến của tình hình. Bà con mong muốn bình an vô sự, chỉ bằng giúp đỡ Thái Công để thỏa mãn lòng mong ước của mình. Hơn nữa nếu bà con phản lại chúa thượng Thái Công, thì sẽ chẳng có cách nào đâu”. Nhân dân Thái đều nói rằng : “Thế thì cứ nghe theo lời Thái Công”. Thế là họ ủng hộ Thái Công, đồng thời triệu công tử Tật và công tử Hắc Hoàng về đất Đặng (đông nam huyện Yểm Thành, tỉnh Hà Nam ngày nay) để cử hành nghi thức minh thệ. Bởi vì bắt đầu sự kiện này phải dựa vào lực lượng của nhân dân hai nước Trần và Thái

cho nên đồng ý sau khi công việc thành đạt, sẽ cho phép hai nước Trần, Thái khôi phục lại đất nước. Công tử Tỷ, công tử Hắc Hoàng, công tử Khí Tật, Đẩu Thành Nhiên và Triều Ngô của nước Thái cầm đầu quân đội của các nước Trần, Thái, Đồng Bất Canh, Tây Bất Canh, Hứa, Diệp và các nước nhỏ thời Xuân Thu bị nước Sở tiêu diệt (xung quanh huyện Diệp tỉnh Hà Nam ngày nay) và tộc nhân của bọn họ La Cứ, Hứa Vi, Thái Vi, Đẩu Thành Nhiên tiến về phía đô thành Sính (huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc ngày nay) của nước Sở. Đến ngoại thành của Sính đô nước Sở, người nước Trần, Thái vì để tuyên truyền thanh thế việc phục quốc, yêu cầu được xây dựng đồn lũy để khuếch trương thanh thế. Sau khi Thái Công Khí Tật biết được, nói rằng : “Cái quý của quân đội là ở chỗ thần tốc. Vả lại, xây dựng đồn lũy là một việc hao tài tốn sức. Xây dựng một hàng rào doanh trại là được rồi”. Thế là bèn làm một hàng rào doanh trại. Thái Công Khí Tật phái hai người đồng đảng là Tu Vụ Mâu và Sử Tì xâm nhập vào đô thành của nước Sở trước, được chính bộc nhân (cận quan của thái tử) giúp đỡ giết chết thái tử Lộc và công tử Bại Định.

Công tử Tỷ kế vị làm vua, công tử Hắc Hoàng làm lệnh doãn, quân đội đóng tại Ngũ Pha (phía nam huyện Chung Tường, tỉnh Hồ Bắc ngày nay) công tử Khí Tật làm Tư mã. Ông ta vừa vào đến Sính đô liền sửa sang vương cung đồng thời phái Quan Tông truy đuổi theo quân đội của Sở Linh Vương và tuyên bố với quân đội của Sở Linh Vương rằng : “Ai về trở về trước tiên thì sẽ được giữ chức vụ như cũ, ai về sau thì sẽ cắt mũi”. Quân đội của Sở Linh Vương đến Tí Lương (huyện Tín Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) thì hoàn toàn tan rã.

Sở Linh Vương nghe tin con trai của ông ta chết, từ trên xe ngã xuống, sau đó nói rằng : “Còn có ai yêu quý con như ta

không?”. Người hầu bên cạnh nói : “Tình yêu con của người khác còn vượt qua tình yêu con của chúa thượng. Những người già cả như thần đây mà chưa có con cái, khi chết, thần chỉ biết rằng sẽ bị vứt xuống mương mà thôi”. Linh Vương nói : “Ta đã giết quá nhiều con cái của người khác liệu sau khi ta chết có bị vứt xuống mương máng hay không?”.

Hữu doãn Nhiên Đan nói : “Trước hết chúng ta hãy đợi ở ngoại thành Sính đô đã, nghe ngóng ý kiến của bàn dân thiên hạ như thế nào?” Linh Vương nói : “Quần chúng họ phần nộ là điều không tránh khỏi!” Nhiên Đan lại nói : “Giả dụ cứ tiến vào đại đô ấp trốn tránh, sau đó xin chư hầu viện binh, có được không?”.

Sở Vương nói : “Đại đô ấp đã phản bội ta rồi, ta không còn chỗ để trốn tránh nữa”. Nhiên Đan nói : “Giả dụ bỏ chạy sang nước khác, sau đó nghe theo sự sắp đặt của các nước đó, chúa công thấy có được không?” Sở Vương nói : “Một người trong cả cuộc đời mình chỉ có một lần gặp vận may. Ta trốn chạy sang nước khác chỉ chuốc lấy nhục vào thân thôi”. Thế là Nhiên Đan lại trở lại Sính đô.

Sở Linh Vương men theo Hán Thủy, chuẩn bị đến Yên (huyện Tự Trung, tỉnh Hồ Bắc ngày nay, biệt đô của nước Sở) con đại phu nước Sở — Thân Vô Vũ là Thân Hối nói : “Cha tôi đã hai lần mạo phạm mệnh lệnh của quốc quân, quốc quân không giết cha tôi, còn có ân huệ nào lớn hơn nữa. Đối xử với quốc quân không nên quá tàn nhẫn, không nên quên ân huệ của người khác giành cho mình. Tôi quyết định đi theo quốc quân”. Thế là đi tìm Sở Linh Vương, gặp Sở Linh Vương tại Kinh Vi (đông bắc huyện Tân Dã, tỉnh Hà Nam ngày nay), cùng Linh Vương trở về nước Sở.

Ngày 26 tháng 5, Sở Linh Vương thất cổ tự tử. Thân Hối an táng Sở Linh Vương đồng thời cũng chôn theo hai đứa con gái của mình.

Quan Tòng nói với công tử Tỹ rằng : “Không giết công tử Khí Tật, tuy bây giờ xưng vương lấy lại đất nước, nhưng cũng giống như đang tiếp nhận một tai họa” Công tử Tỹ nói : “Ta không nhẫn tâm giết hại công tử Khí Tật”. Quan Tòng nói : “Người ta có thể nhẫn tâm giết chúa công. Thần không nỡ nhẫn tâm ngồi đợi người ta giết chúa công !”. Nói xong thì bỏ đi.

Ở Sính đô, hàng đêm đều có người sợ hãi la lớn : “Lão vương trở về rồi !” Đêm 18 tháng 5 công tử Khí Tật cử người lùng sục khắp nơi la lớn : “Lão vương trở về rồi”. Dân Sính đô vô cùng sợ hãi. Đồng thời cử Đẩu Thành Nhiên chạy đi báo cho công tử Tỹ, công tử Hắc Hoàng : “Lão vương đã trở về rồi ! Nhân dân đã giết tư mã công tử Khí Tật rồi, không lâu nữa sẽ đến đây ! Nếu các người sớm kết liễu sinh mạng của mình, thì có thể khỏi bị làm nhục. Sự phẫn nộ của quần chúng giống như nước và lửa, rất khó đối phó !” Thế là cả hai người đều tự sát.

Ngày 19 tháng 5 công tử Khí Tật lên ngôi vua, đổi tên là Hùng Củ, cũng là Sở Bình Vương. Sở Bình Vương chôn công tử Tỹ tại Tí tức là Tí Ngao. Bình Vương lại giết một phạm nhân, cho người tử tù mặc quần áo của Sở Linh Vương, để cho thi thể trôi lênh bênh trên Hán Thủy, sau đó vớt thi thể từ Hán Thủy lên đem đi mai táng. Dùng cách lừa dối này để nói rằng Sở Linh Vương đã chết, để làm yên lòng người dân trong nước. Bổ nhiệm Đán Thành Nhiên, làm lệnh đoãn của nước Sở.

Nước Sở rút lui quân năm trước, đã tiến đánh nước Từ. Người nước Ngô đánh tan quân Sở tại Dự Chương (cách huyện Thọ 40 dặm về phía tây, thuộc tỉnh An Huy ngày nay) bắt năm vị

thống soái của quân Sở làm tù binh, đó là : Thang Hầu, Phan Tử, Tư Mã Đốc, Hiêu Doãn Ngưu, Lăng Doãn Hỷ.

Sở Bình Vương cho hai nước Trần, Thái khôi phục lại đất nước của mình. Nhân dân đã di chuyển đi đến các nơi khác từ thời Linh Vương, đều cho phép họ trở về nơi ở cũ. Lúc Bình Vương bắt đầu lên ngôi, hứa sẽ đem lại lợi ích cho mọi người, bây giờ đều làm đúng theo lời hứa. Bổ thí cho nhân dân những thứ cần dùng trong cuộc sống, giảm nhẹ sưu thuế lao dịch cho nhân dân, ân xá tội phạm, dùng lại những người trước đây đã bị mất chức vụ. Sau đó Bình Vương triệu kiến Quan Tòng, hỏi rằng : “Thần có nguyện vọng gì ?” Quan Tòng trả lời : “Tiên nhân của thần đảm nhiệm trợ thủ của bậc quan”. Thế là bổ nhiệm ông ta làm bốc đoan, chuyên quản lý việc bói toán.

Lại sai Chi Như Tử Cung sang nước Trịnh bẩm báo, chuẩn bị trả lại hai ấp Ngưu (đông nam huyện Lô Sơn, tỉnh Hà Nam ngày nay) và Lịch (huyện Vũ, tỉnh Hà Nam ngày nay) để lấy lại sự hòa mục bang giao với nhau. Sau khi cử hành xong lễ triều bái, Chi Như Tử Cung không trả hai ấp Ngưu và Lịch cho nước Trịnh. Người Trịnh hỏi ông ta rằng : “Chúng tôi nghe được những lời đồn đại ngoài đường, chúa công nước Sở đã có mệnh lệnh trả lại hai ấp Ngưu và Lịch cho quân chủ nước Trịnh, chúng tôi mạo muội xin ngài giao mệnh lệnh đó cho chúng tôi”. Ông ta trả lời rằng : “Thần chưa nhận được mệnh lệnh như vậy”. Khi ông ta trở về nước Sở báo cáo nhiệm vụ, Bình Vương hỏi đến chuyện hai ấp Ngưu, Lịch, Chi Như Tử Cung cởi áo khoác tạ tội với Bình Vương : “Thần đã phạm sai lầm, làm trái lại mệnh lệnh của chúa công, không giao hai ấp Ngưu, Lịch cho nước Trịnh”. Bình Vương nắm chặt tay ông ta nói : “Thần đừng tự trách mình như vậy ! Về nhà nghỉ ngơi cái đã, nếu trăm có việc gì sẽ gọi thần đến”.

Mấy năm sau, Thân Hối báo cho Bình Vương biết nơi để quan tài của Linh Vương, thế là lại cải táng cho Linh Vương.

Lúc đầu, Sở Linh Vương bói một quẻ hỏi rằng : “Ta có thể đoạt được cả nước Sở không ?” Quẻ bói cho biết : điềm không may. Sở Linh Vương bèn vứt thẻ bói đi, trách móc ông trời, lớn tiếng la hét : “Đến một vật nhỏ bé như vậy trời cũng không chịu cho ta, ta nhất định sẽ tự mình đoạt lấy”. Nhân dân lo sợ tham vọng của Linh Vương quá lớn, cho nên đã đi theo đội ngũ của Bình Vương như trở về gia đình của mình vậy.

Mới đầu, vợ cả của Sở Cộng Vương không có con, vợ thứ sinh được năm quý tử : Khang Vương, Linh Vương, công tử Tỷ, công tử Hắc Hoàng và Bình Vương. Không biết nên chọn ai làm người kế vị thì tốt hơn. Do đó Sở Cộng Vương đã cúng tế thần sao, thần sông núi một cách hết sức long trọng, cầu khẩn rằng : “Xin quần thần chọn một trong năm người con để làm người kế thừa của đất nước”. Lấy ra một tấm ngọc bích đưa cho các thần xem, nói : “Người qui lay dưới tấm ngọc bích này là người mà quần thần chọn làm Sở quân. Mỗi một người đều phải nghe theo ông ta”. Sau đó, Cộng Vương cùng với người thiếp yêu quý của mình là Ba Cơ bí mật chôn ngọc bích trong sân thái thất tổ miếu của nước Sở, bắt năm người con đều trai giới, theo thứ tự lớn bé lần lượt vào bái lạy thần. Hai chân Khang Vương đặt ở hai bên ngọc bích, một cùi chỏ tay của Linh Vương dè lên trên ngọc bích. Vị trí lay của công tử Tỷ, công tử Hắc Hoàng cách ngọc bích rất xa, Bình Vương tuổi còn nhỏ được bế đến để lạy thần. Trước sau lay hai lần đều dè lên tấm ngọc bích. Đẩu Vĩ Quy biết rằng Bình Vương sẽ được chọn, cho nên đã dặn dò con của ông ta là Đẩu Thành Nhiên hầu hạ Bình Vương cho thật chu đáo, đồng thời còn nói : “Cộng Vương vứt bỏ tục lệ chọn con trưởng, mà lại đi bói

toán, cầu thần, về sau lại làm trái với ý chỉ của thần, vẫn chọn tuổi tác tương đối lớn là Khang Vương. Hai cách làm này đều không đúng. Nước Sở e rằng sẽ nguy hiểm, bất an”.

Lúc công tử Ty từ nước Tấn trở về nước Sở, Hàn Khởi hỏi Dương Thiệt Hất rằng : “Lần này công tử Ty về nước khởi sự liệu có thành công không ?” Dương Thiệt Hất nói : “Rất khó”. Hàn Khởi lại nói : “Mục tiêu của họ chán ghét giống nhau, giống như thương, thân người nào theo đuổi ý muốn của người đó. Họ khởi sự có gì khó khăn chẳng ?” Dương Thiệt Hất nói : “Công tử Ty không có người tâm đầu ý hợp với ông ta, thế thì có ai cùng sự chán ghét như ông ta ? Muốn đoạt lấy một quốc gia có năm cái khó. Cái khó thứ nhất là : có người sùng ái nhưng không có nhân tài. Cái khó thứ hai là : có nhân tài lại thiếu người có thực lực nâng đỡ. Cái khó thứ ba là : có người nâng đỡ nhưng lại thiếu mưu lược. Cái khó thứ tư là : có mưu lược, nhưng thiếu sự ủng hộ của quần chúng. Cái khó thứ năm là : có quần chúng ủng hộ, nhưng bản thân lại thiếu đạo đức và danh vọng để thực hiện. Công tử Ty lưu vong ở nước Tấn đến 13 năm. Nhân sĩ hai nước Tấn, Sở có quan hệ qua lại với ông ta, nhưng không nghe nói có người nào là những nhân sĩ có tài trí, có thể nói : ông ta là người không có tài năng gì. Tộc nhân của ông ta không còn ai thân thích cũng phản bội lại ông ta, có thể nói rằng : không có lực lượng nâng đỡ ông ta. Không có cơ hội đã hành động vội vàng, có thể nói rằng : “Ông ta không có mưu lược. Suốt cả đời lưu vong ở nước ngoài, có thể nói rằng : ông ta không có quần chúng. Người nước Sở, nơi ông ta sống lưu vong chẳng có ai tưởng nhớ đến ông ta, có thể nói rằng : ông ta là người không có đạo đức, danh vọng. Sở Vương tuy bạo ngược, nhưng ông ta không khắc nghiệt với hiền nhân. Người Sở lập công tử Ty làm Sở Vương, bỏ qua năm vấn đề nêu trên, mà giết cựu quân của nước Sở. Ai có thể giúp đỡ

được ông ta ? Cướp đoạt được nước Sở có lẽ là công tử Khí Tật mà thôi ! Công tử Tật tuy được phong hai vùng đất Trần, Thái, những vùng đất ngoài Phương thành nước Sở (đồng bắc huyện Phương Thành, tỉnh Hà Nam ngày nay) cũng thuộc về ông ta. Ông ta không đưa ra những chính lệnh phúc tạp, cũng không làm tâm bậy tâm bạ. Những nơi ông ta cai trị, bọn trộm cắp đều không dám hoành hành, không làm ngược lại lợi ích riêng của người dân, nhân dân cũng không oán trách gì ông. Ông tuân theo lệnh của quần thần, lên ngôi vua một cách hợp lý, cho nên ông ta được nhân dân tin tưởng. Mỗi lần vương tộc nước Sở có biến loạn, thường là người con nhỏ nhất được lập làm vua. Đó là thường lệ của nước Sở. Công tử Khí Tật, một là : được quần thần tuyển chọn, hai là : được quần thần ủng hộ, ba là : có đủ đạo đức danh vọng, bốn là : ở nước Sở vừa được thương yêu, chiều chuộng, năm là : hợp với thường lệ thừa kế vương vị của nước Sở. Có năm điều kiện ưu việt để khắc phục năm vấn đề khó khăn, ai có thể ngăn cản ông ta thừa kế ngôi vua của nước Sở được ? Lại nói đến công tử Tỹ, chức quan của ông ta mới chỉ là hữu doãn. Nói về sự thương yêu và chiều chuộng thì không vượt qua được con thứ Sở Vương. Nói về sự chỉ mệnh của quần thần thì ông ta còn cách rất xa, chức quan cao nhất mà ông ta đảm nhiệm bây giờ đã mất rồi. Sự chiều chuộng mà ông ta từng có giờ cũng đã hết rồi. Nhân dân không tưởng nhớ đến ông ta, trong nước không ai ủng hộ ông ta. Thế thì ông ta dựa vào cái gì để có thể được lập làm Sở Vương ?

Hàn Khởi nói : “Tề Hằng Công, Tấn Văn Công cũng không phải là con thứ, nhưng chẳng đã lưu vong ở nước ngoài mà xây dựng nên cơ đồ hay sao ?” Dương Thiệt Hất đáp rằng : “Tề Hằng Công là con của Vệ Cơ, được Tề Hy Công nuông chiều, hơn nữa có Bao Thúc Nha, Tân Tu Vô, Hiến Bằng... các hiền đại phụ giúp đỡ ông ta có lực lượng hai nước Cử (huyện Cử tỉnh Sơn Đông ngày

nay) Vệ ủng hộ, lại được sự chi viện của hai tộc lớn trong nước là Quốc và Cao. Ông ta phục tùng chân lý, luôn luôn làm việc thiện, trai giới nghiêm túc, không cất giấu tài sản riêng tư, không tham lam phóng túng. Ông ta luôn luôn làm những điều tốt không hề biết mệt mỏi. Cho nên mới giành được đất nước. Đó chẳng phải là việc đương nhiên hay sao ? Hơn nữa tiên quân Tấn Văn Công của chúng ta là con của Hồ Quý Cơ được Hiến Công nuông chiều. Ông chuyên tâm học hành, lòng dạ ngang thẳng. Lúc 17 tuổi đã là người có tài cao học rộng, lại được các tiên đại phu Triệu Tương, Hồ Yển làm trung thần, có các thần đáng tin cậy là Ngụy Ngưu, Cổ Đà, có sự giúp đỡ của thế lực bên ngoài ở nước Tề, Tống, Tần, Sở, được sự nội viện của bốn tộc lớn trong nước là Loan, Khích, Hồ, Tiên. Ông ta lưu lạc ở bên ngoài 19 năm, nhưng chí hướng kiên định. Những người dân bị Huệ Công, Hoài Công vứt bỏ đều đi theo Văn Công tham gia vào sự nghiệp phục quốc của ông ta. Hiến Công không có ai là người thân, nhân dân cũng không có nguyện vọng nào khác. Ông trời đang giúp đỡ nước Tấn, thế thì dùng ai để thay thế Văn Công ? Hai chúa công là Tề Hằng và Tấn Văn khác với công tử Tử. Sở Cộng Vương còn có những người con khác được nuông chiều hơn. Quốc Vương của nước Sở vẫn còn tại vị, đối với nhân dân không có ân đức, thế lực bên ngoài cũng không ủng hộ ông ta. Khi ông rời khỏi nước Tấn, không một người tiễn đưa, khi trở về nước Sở cũng không ai đón tiếp. Làm sao có thể hy vọng ông ta có thể giành được vương vị của nước Sở ?”.

TỬ SẢN VÀ THƯƠNG NHÂN

Chiêu Công thập lục niên (năm 526 trước công nguyên)

Có một đôi vòng bằng ngọc, Hàn Khởi — đại phu nước Tấn có một chiếc, một chiếc khác ở trong tay một thương nhân nước Trịnh. Hàn Khởi nói với Trịnh Định Công để lấy chiếc vòng của thương nhân người Trịnh. Tử Sản trái lại không đồng ý đưa vòng ngọc của thương nhân nước Trịnh cho Hàn Khởi. Tử Sản nói : “Tôi hoàn toàn không biết, đây không phải là đồ vật trong kho của nhà nước, đây là tài sản riêng của thương nhân”. Hai đại phu nước Trịnh là Du Cát và Cộng Tôn Huy nói với Tử Sản : “Đồ vật mà Hàn Khởi cần ở nước Trịnh chúng ta không nhiều, nước Trịnh chúng ta không thể không làm nước láng giềng thân thiện của nước Tấn. Chúng ta không thể đối xử quá gay gắt với Hàn Khởi của nước Tấn. Nếu gặp phải kẻ tiểu nhân chuyên khiêu khích ly gián quan hệ giữa hai nước Tấn và nước Trịnh chúng ta, lại gặp phải chuyện không may xảy ra sẽ làm cho nước Tấn giận dữ, đem quân đến hỏi tội. Đến lúc đó có hối hận cũng không kịp. Tại sao ông chỉ vì yêu quý một chiếc vòng ngọc mà chuốc lấy sự bất mãn và thù hận của một nước lớn đối với chúng ta ? Tại sao không tìm đến thương nhân đó lấy chiếc vòng ngọc tặng cho Hàn Khởi ?” Tử Sản nói : “Tôi làm như vậy không phải là đối xử tệ với nước Tấn, cũng không phải là không trung thành với nước Tấn. Bởi vì tôi muốn đi theo nước Tấn đến cùng, cho nên không

đưa cho Hàn Khởi chiếc vòng ngọc đó. Tôi làm như vậy hoàn toàn là vì để giữ chữ trung chữ tín. Công Tôn Kiều tôi chỉ nghe nói một quân tử không lo mình không có tài sản. Một người quân tử chỉ lo rằng mình có chức tước nào đó mà không có tiếng tăm tốt. Công Tôn Kiều cũng nghe nói rằng trị vì một quốc gia, không lo phải hầu hạ phụng sự một nước lớn như thế nào, phải bảo vệ một nước nhỏ như thế nào. Cai trị một đất nước, chỉ lo là không có lễ pháp để làm cho đất nước ổn định. Nếu như người của một nước lớn ra lệnh cho nước nhỏ và mọi yêu cầu của họ đều được đáp ứng, thế thì một nước nhỏ làm sao có thể đáp ứng hết cho được. Một nước thì đưa cho, một nước thì không đưa cho. Có thứ thì đưa cho, có thứ không đưa. Làm như vậy e rằng càng đắc tội thêm mà thôi ! Và lại yêu cầu của nước lớn nếu ta không dựa vào Lễ để mà cự tuyệt, thì làm sao có thể thỏa mãn mọi tham vọng của họ được ? Nếu lúc nào cũng thỏa mãn yêu cầu của nước lớn, chúng ta sẽ trở thành một bộ phận của nước Tấn, và đất nước chúng ta sẽ bị diệt vong. Nếu như Hàn Khởi là phụng mệnh của nước Tấn đi sứ sang nước ta, mà bản thân ông ta lại đòi lấy vòng ngọc cho bản thân mình, thì sự tham nhũng đó là quá tệ hại ! Đó chẳng phải là phạm pháp hay sao ? Tim thương nhân nước ta để lấy một chiếc vòng ngọc, sẽ gây nên hai tội, một là làm cho đất nước chúng ta bị diệt vong, hai là khiến cho Hàn Khởi trở thành tham quan lại ô. Chúng ta hà tất phải làm như vậy ? Hơn nữa chỉ vì một chiếc vòng ngọc nhỏ mà tôi mang vạ vào thân, đó chẳng phải là quá đáng hay sao ?”.

Hàn Khởi không lấy chiếc vòng ngọc từ chỗ Trịnh Định Công, lại mua được từ tay thương nhân nọ. Cuộc mua bán coi như đã xong xuôi. Người thương nhân nước Trịnh nói rằng : “Nhất

định phải báo cáo với người chấp chính của chúng tôi, thì việc mua bán này mới chính thức được". Hàn Khởi bèn đi hỏi ý của Tử Sản : "Trước đây mấy hôm Hàn Khởi tôi xin đương cục nước Trịnh giao cho tôi chiếc vòng ngọc, chấp chính không muốn làm một việc bất nghĩa, cho nên tôi cũng không muốn ép các người. Giờ đây tôi đã mua được chiếc vòng ngọc đó từ tay thương nhân của các người, nhưng thương nhân của các người lại nói cần phải báo cáo cho chấp chính biết. Tôi mạo muội hỏi ông : đó là đạo lý gì vậy ?" Tử Sản nói với Hàn Khởi : "Trước đây, tiên quân của chúng tôi là Hằng Công cùng với thương nhân trú ngụ quanh vùng Cao Kinh, sau đó Cao Kinh bị tàn phá, nên đã cùng nhau rời khỏi Cao Kinh, dời đến chỗ ở bây giờ. Tiên quân Hằng Công và thương nhân thay nhau cày cấy, phát quang cây cỏ gai góc, cùng nhau cư ngụ tại nơi đây. Lúc bấy giờ, vì để tin tưởng lẫn nhau Hằng Công và thương nhân có thề bồi với nhau, thề rằng : "Ông không phản bội lại tôi, tôi cũng không thể ép mình mau các vật phẩm của các ông, cũng không thể cướp đoạt vật phẩm của các ông. Các ông có châu báu hoặc thương phẩm có thể làm giàu được, tôi cũng không thể can thiệp vào việc mua bán của các ông". Cứ dựa theo lời thề này chính phủ của chúng tôi và thương nhân hợp tác chặt chẽ với nhau cho mãi đến ngày nay. Giờ đây Ngài xa giá quang lâm là nhằm mục đích xúc tiến việc bang giao với đất nước chúng tôi, nhưng ngược lại khiến chúng tôi cướp đoạt tài sản và thương nhân, cũng có nghĩa là bắt chúng tôi bội phản lại lời thề xưa. Điều này e rằng không được thỏa đáng cho lắm ! Nếu ngài đoạt được vòng ngọc mà để mất đi lòng tin của chư hầu, tôi tin rằng nhất định ngài sẽ không làm như vậy. Giả như đại quốc lúc nào cũng đòi hỏi ở nước Trịnh chúng tôi, muốn biến nước tôi

thành một bộ phận của biên cương các ngài, thì chúng tôi không bao giờ chấp nhận. Công Tôn Kiêu tôi nếu như đưa vòng ngọc cho ngài, tôi không biết làm như vậy là theo cái đạo lý gì. Tôi mạo muội nói hết những điều cần nói". Hàn Khởi cảm ơn không đòi hỏi vòng ngọc nữa. Hàn Khởi nói : "Hàn Khởi tôi là kẻ ngu ngốc, mới xất xược đòi hỏi vòng ngọc, không ngờ có thể gây nên hai tội lớn, một là mất đi lòng tin của chư hầu, hai là phá hoại minh thệ của nước Trịnh. Xin mạo muội trả lại chiếc vòng ngọc này".

TỬ SẢN BÀN VỀ CHÍNH SÁCH KHOAN DUNG HAY KHẮC NGHIỆT

Lỗ Chiêu Công nhị thập niên (năm 522 trước công nguyên)

Lỗ Chiêu Công năm thứ hai mươi, Tử Sản của nước Trịnh bị bệnh. Tử Sản nói với Du Cát rằng : “Sau khi tôi chết, ông nhất định phải chấp chính. Chỉ có những người đức hạnh vẹn toàn mới có thể dùng chính sách khoan dung để cai trị nhân dân. Lùi một bước mà nói, bất đắc dĩ lắm mới dùng chính sách hà khắc để cai trị nhân dân. Chẳng hạn như lửa, xem ra rất là dữ dội, nhân dân thấy lửa thì sợ lửa, cho nên rất ít người bị lửa thiêu chết. Nước xem ra rất là ôn hòa mềm mỏng, cho nên nhân dân thường thích nô đùa dưới nước, mà ít chú ý đến sự nguy hiểm của nước, cho nên rất nhiều người bị chìm chết. Tóm lại, dùng chính sách khoan dung độ lượng để cai trị nhân dân là việc rất khó, không dễ dàng gì”.

Tử Sản bệnh mấy tháng rồi chết. Du Cát lên nắm chính quyền, cai trị đất nước. Ông ta không dùng chính sách hà khắc để cai trị nhân dân, mà dùng chính sách khoan dung độ lượng. Thế là bọn trộm cướp ở nước Trịnh ngày một đông, cướp bóc tài sản của nhân dân vùng đầm Phù (tây bắc huyện Trung Mâu, tỉnh Hà Nam ngày nay). Du Cát rất hối hận, nói rằng : “Nếu như ta sớm nghe theo lời của Tử Sản thì sẽ không tạo nên cục diện trộm cướp ngày càng đông như bây giờ”. Sau đó, ông đem quân đi dẹp

bọn trộm cướp ở vùng đầm Hoàn Phủ, tiêu diệt toàn bộ bọn trộm cướp ở đó. Việc trộm cướp ở nước Trịnh dần dần bớt đi.

Khổng Tử nghe tin Tử Sản qua đời, nước mắt lưng tròng, than rằng : “Ông ta là điển hình của lòng nhân ái thời cổ đại còn lưu truyền cho đến ngày hôm nay”.

ÁN TỬ KHUYÊN CAN TỀ CẢNH CÔNG HỦY BỎ LỄ CẦU YÊN

Chiêu Công nhị thập lục niên (năm 516 trước công nguyên)

Mùa đông năm Lỗ Chiêu Công thứ hai mươi sáu, trên bầu trời nước Tề xuất hiện sao chổi, Tề Cảnh Công cử người làm lễ cầu yên, cầu trời loại trừ tai họa. Án Tử nói : “Làm như vậy chẳng có ích lợi gì. Đó chỉ là lừa dối con người mà thôi. Trời rất là sáng suốt, không thay đổi cách làm của mình, lễ cầu yên thì được ích lợi gì ? Và lại trên bầu trời xuất hiện sao chổi là để rác rưởi dơ bẩn ở trên trời. Nếu chúa công không lừa dối không bị xúi quẩy thì cần gì phải cầu yên ? Nếu chúa công lừa bịp xúi quẩy thì ông trời có đến quét sạch đi thì cũng không sao làm nổi ? Kinh thi có nói : “Chỉ có Văn Vương của chúng ta, làm việc cẩn thận tỉ mỉ thành tâm đối với trời đất, nên phúc lộc ùn ùn kéo đến, đạo đức của Văn Vương cao cả, được thiên hạ kính nể”. Nếu chúa công không làm điều gì trái với đạo đức, thì nhân sĩ khắp nơi sẽ đến chào hỏi, còn lo đến sao chổi làm gì ? Kinh thi lại có nói : “Chúng ta không cần ai thuyết giáo chỉ cần xem hai triều Hạ, Thương, nền chính trị hỗn loạn nát bét, kết quả nhân dân ly tán đi các nơi, chim thú cũng chạy đi hết”. Nếu như làm bậy làm bạ, nhân dân sẽ bỏ chạy đi nơi khác, có cầu khẩn cúng tế cũng không tài nào cứu vãn được”. Nghe xong, Tề Cảnh Công rất phấn khởi, bèn hủy bỏ lễ cầu yên.

LÀ ĐÀN BÀ CON GÁI PHẢI TRÁNH XA ĐÀN ÔNG

Định Công tứ niên (năm 506 trước công nguyên)

Mùa đông năm Lỗ Định Công năm thứ tư Thái Chiêu Hầu, Ngô Vương Hợp Lô, Đường Thành Công cùng nhau đem quân đánh nước Sở. Quân đội nước Ngô từ Hoài Hà đi thuyền qua, đến nước Thái thì vớt thuyền ở bên sông. Từ Dự Chương (phía tây huyện Thọ, tỉnh An Huy ngày nay) trở đi, quân Ngô và quân Sở bày binh bố trận ở hai bên Hán Thủy. Trải qua năm lần đánh lớn, quân Ngô đánh vào tới Sính đô (đông bắc huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Ngày 28 tháng 11 Sở Chiêu Vương mang theo em gái là Quý Mễ trốn khỏi Sính đô, vượt qua Tuy (tức Từ Thủy huyện Đang Dương, tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Kiểm Doãn Cố và Sở Chiêu Vương cùng đi trên một thuyền. Chiêu Vương ra lệnh cho Kiểm Doãn Cố buộc một bó lửa sau đuôi voi, đồng thời xua đuổi các con voi này chạy về phía quân Ngô để phá hoại thế trận của quân Ngô, ngăn cản việc truy kích của quân Ngô.

Sở Chiêu Vương vượt qua Tùy Thủy, lại vượt qua Trường Giang để vào Vân Trung (tức trong vùng đầm Vân Mộng thời cổ đại, ở đây Vân Trung là chỉ phía Nam huyện Chi Giang, tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Khi cả đoàn người ngủ đêm, bọn trộm cướp ở địa phương đến tập kích, đồng thời dùng kích đâm Chiêu Vương. Vương Tôn nằm bên cạnh Chiêu Vương dùng lưng để cản lại, kết quả bị chém vào vai. Chiêu Vương lại chạy trốn về phía huyện

Vân (huyện Chung Tường, tỉnh Hồ Bắc ngày nay) Chung Kiện công Quý Mễ cùng đi theo. Vương Tôn sau khi tỉnh lại cũng đi theo về hướng đó.

Định Công năm thứ năm (năm 505 trước công nguyên). Mùa thu năm Lỗ Định Công thứ năm, đại phu nước Sở là Thân Bao Tư và Tử Bồ, Tử Hồ của nước Tần cầm đầu 500 binh xa đến nước Sở để cứu lấy nước Sở.

Thế là Sở Chiêu Vương lại trở về Sính đô. Sau khi ông Tường Thương quần thần Chiêu Vương định gả em gái của mình là Quý Mễ. Quý Mễ cảm ơn Chiêu Vương nói : “Là một người con gái, phải giữ một khoảng cách với nam giới, nam nữ thụ thụ bất thân. Lúc chúng ta trốn chạy, Chung Kiện đã công muội” Do đó, Chiêu Vương bèn gả Quý Mễ cho Chung Kiện, đồng thời bổ nhiệm ông ta làm quan nhạc doãn (nhạc doãn là quan chuyên lo quản lý về âm nhạc).

KHỔNG TỬ THAM DỰ CUỘC GẶP GỠ Ở GIÁP CỐC

Định Công thập niên (năm 500 trước công nguyên)

Tháng ba, mùa xuân năm Đinh Công thứ mười, nước Lỗ và nước Tề ký kết hòa ước. Mùa hạ, Lỗ Định Công và Tề Cảnh Công gặp nhau ở Chúc Kỳ, nói chính xác hơn là ở Giáp Cốc (Chúc Kỳ, Giáp Cốc đều ở phía nam huyện Bắc Sơn, tỉnh Sơn Đông ngày nay) Khổng Tử làm người xướng lễ cho Lỗ Định Công, cùng đi theo Định Công đến Giáp Cốc. Đại phu nước Tề là Lê Di nói với Tề Cảnh Công : “Khổng Khâu là người rất hiểu lễ tiết, nghi thức, nhưng không dũng cảm, rất nhát gan. Nếu như chúng ta tìm người Lai Di mang vũ khí đến bắt cóc quốc quân nước Lỗ, thì chúng ta sẽ, đạt được nguyện vọng của”. Tề Cảnh Công làm theo ý của Lê Di, tìm người Lai Di mang vũ khí chuẩn bị bắt cóc Lỗ Định Công. Khổng Tử phát hiện sự việc này, trước mặt mọi người, quát mắng yêu cầu những người Lai Di mang theo vũ khí phải rút lui, đồng thời la lớn : “Quân đâu ? Đem những người này giết đi. Quốc quân của hai nước gặp nhau là tăng cường tình hữu nghị, nhưng những người dân mất nước man rợ này, ngang nhiên mang vũ khí làm rối loạn hội trường. Ta nghĩ rằng đây không phải là cách quốc quân nước Tề đối xử với các nước khác. Những người dã man không thể làm ô nhiễm vùng trung nguyên, bọn Di, Địch, không thể làm rối loạn tình hình an ninh ở Hoa Hạ. Bọn tù

nhân không thể can dự vào minh hội, cũng không thể dùng vũ lực để bức bách tình hữu nghị. Nếu không thì sẽ không may mắn cho quý thân, bất nghĩa đối với đạo đức, và thất lễ đối với người. Thần nghĩ rằng không phải là chúa công cố ý tìm người Lai Di mang vũ khí đến để làm áp lực cho lần họp mặt này". Nghe những lời nói này, Tề Cảnh Công vô cùng xấu hổ, liền đuổi bọn người Lai Di đi ra.

Lúc sắp minh thệ, người nước Tề thêm vào một câu như thế này vào minh thư : "Sau này khi quân đội nước Tề ra khỏi biên giới đánh nhau, nếu như nước Lỗ không cử ba trăm xe vũ trang cùng chúng tôi đánh trận, thì sẽ nhận lấy lời mắng chửi của minh thệ này". Khổng Tử cũng liền bảo đại phu nước Lỗ chưa vội đáp lễ mà nói với người nước Tề rằng : "Người nước Tề các ông nếu không trả lại đất đai vùng Văn Dương điền, (bắc huyện Ninh Dương, tỉnh Sơn Đông ngày nay) của nước Lỗ chúng tôi, mà chúng tôi lại đồng ý cung cấp binh xa, thì các ông cũng sẽ chuốc lấy những lời chửi rủa của minh thệ này !".

Tề Cảnh Công sắp mở tiệc chiêu đãi Lỗ Định Công, Khổng Tử nói với đại phu nước Tề là Lương Khâu Cú rằng : "Theo qui định từ xưa đến giờ giữa nước Lỗ và nước Tề, lễ nào ông chưa từng nghe nói ? Minh thệ đã hoàn thành mà lại mở tiệc chiêu đãi, thì sẽ làm cho những người chăm lo việc này tổn công tổn sức. Hơn nữa những tượng trâu bò, tượng voi không thể đem ra khỏi cửa của tông miếu. Chuông, khánh... những nhạc khí này cũng không thể đem ra biểu diễn ở ngoài đồng. Nếu như vì yến tiệc mà đem tất cả những lễ khí, nhạc khí này chuyển đến đây, đó là cách làm không chú ý đến lễ pháp. Nếu như, tất cả đều không mang đi thì điều này cũng giống như vứt bỏ gà vịt, cá thịt

sơn hào hải vị, mà chỉ chiêu đãi khách quý bằng gạo thô, rau dại. Dùng gạo thô, rau dại là làm nhục quốc quân, không chú ý đến lễ nghĩa cũng là có tội. Tại sao ông không suy nghĩ kỹ thử coi ? Yến tiệc là việc mang ân huệ đến cho người khác, tăng cường tình hữu nghị. Nếu như biến khéo thành vụng, chi bằng hủy bỏ yến tiệc đi thì hơn”. Kết quả, nước Tề đã hủy bỏ buổi yến tiệc.

Sau đó nước Tề trả cho nước Lỗ ba vùng đất là Vận (huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Đông ngày nay), Hoan (tây nam huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông ngày nay) và Quy Âm (huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

CUỘC CHIẾN GIỮA TÈ VÀ LỖ Ở ĐẤT THANH

Ai Công thập nhất niên (năm 484 trước công nguyên)

Mùa xuân năm Lỗ Ai Công thứ mười một vì lý do năm trước nước Lỗ từng đóng quân ở Tức (phía bắc huyện Mông Âm, phía nam huyện Phục Hưng, tỉnh Sơn Đông ngày nay) mệnh lệnh cho Quốc Thư, Cao Vô Phi soái lĩnh quân đội đi đánh nước Lỗ. Đại quân tiến đến vùng đất Thanh (đông nam huyện Trường Thanh, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Quý Khang Tử chấp chính của nước Lỗ, nói với Tể quan của ông ta là Nhiễm Cầu rằng : “Quân Tề tiến đến vùng Thanh, nhất định là đến để đánh nước Lỗ. Đối phó với sự việc này như thế nào ?” Nhiễm Cầu nói : “Ông đem quân đội phòng thủ quốc đô, ngoài ra Mạnh Tôn thị và Thúc Tôn thị đem quân đội của họ đến biên giới để chống đỡ”. Quý Khang Tử nói : “Điều này không làm được đâu” Nhiễm Cầu nói : “Thế thì ông bảo hai người ấy đem quân đội phòng thủ trong biên giới là được rồi”. Quý Khang Tử đem kế hoạch này nói cho Mạnh Tôn thị và Thúc Tôn thị biết. Nhưng hai người này không đồng ý. Nhiễm Cầu nói : “Đến một việc như vậy cũng không làm được, quốc quân nước Lỗ chúng ta sẽ giữ thành. Ông một mình thống soái quân đội đánh ở phía ngoài thành. Những người không phục tùng mệnh lệnh của ông đều không phải là người nước Lỗ. Gia thất trong đô thành nước Lỗ còn nhiều hơn binh xa của nước Tề, dùng cả nhà để chống lại một binh xa là thừa sức, ông còn gì phải lo lắng nữa. Mạnh Tôn, Thúc Tôn không chịu dốc sức chiến đấu cũng là lẽ đương nhiên ! Bởi vì chính quyền nước Lỗ nằm trong

tay họ Quý các ông. Lúc ông đương quyền, nước Tề đến đánh nước Lỗ chúng ta, nếu ông không xuất quân chống lại, thì đó là sự sỉ nhục của ông. Điều đó không xứng đáng với người đang chấp chính.

Quý Khang Tử bảo Nhiễm Cầu cùng ông ta thượng triều, sau đó bảo Nhiễm Cầu đợi ông ta ở Cổng Đẳng Thị. Thúc Tôn, Chân Thù gặp Nhiễm Cầu, lớn tiếng hỏi việc nước Lỗ đánh nhau với nước Tề. Nhiễm Cầu đáp rằng : “Các ông làm quan to đương nhiên suy nghĩ sâu xa hơn, tôi chỉ là kẻ sai nha làm sao mà biết được ?” Sau đó Mạnh Ý Tử gắng hỏi Nhiễm Cầu, Nhiễm Cầu đáp rằng : “Tôi suy nghĩ đến tài năng của tôi ít nhiều mà đối đáp với người ta, giấu nghĩa lực lượng của tôi to hay nhỏ mà phục vụ cho người khác”. Thúc Tôn Chân Thù nói : “Điều này chứng minh rằng tôi không phải là bậc đại trượng phu, cho nên không muốn nói với tôi về việc nước Lỗ và nước Tề đánh nhau”. Thúc Tôn Chân Thù sau khi trở về, lập tức kiểm tra quân đội của ông ta.

Thế là, con của Mạnh Ý Tử là Mạnh Vô Bá thống soái hữu quân nước Lỗ. Nhan Vũ điều khiển xe. Bình Tiết làm xa hữu. Nhiễm Cầu thống soái tả quân. Quảng Chu phụ điều khiển xe. Phàn Tu làm xa hữu. Quý Khang Tử nói : “Tuổi của Phàn Tu còn nhỏ” Nhiễm Cầu nói : “Tuổi tuy còn nhỏ, nhưng anh ta chịu theo tôi, tuân theo mệnh lệnh”. Giáp binh của họ Quý có bảy ngàn người. Nhiễm Cầu lấy ba trăm người ở vùng Vũ Thành (huyện Phí, tỉnh Sơn Đông ngày nay) làm bộ binh cho ông ta. Những người tuổi lớn và tuổi còn trẻ phòng thủ cung điện của nước Lỗ, đóng quân ở bên ngoài Vu môn (cửa Nam đô thành nước Lỗ). Qua năm ngày, hữu quân do Mạnh Vũ Bá cầm đầu mới đến kịp.

Công thúc Công Vi trông thấy người già, kẻ trẻ phòng thủ

đô thành, cảm động đến rơi nước mắt nói rằng : “Lao dịch nhiều, sưu thuế nặng, những kẻ bề trên không có thể tính kế cho đất nước, là quân sĩ của nhà nước lại không ra sức giữ gìn biên cương. Như vậy làm sao xứng đáng là cai trị nhân dân ? Tôi đã nói những lời lẽ như vậy, lẽ nào tôi không dốc sức vì đất nước ?

Tả quân nước Lỗ và quân đội nước Tề đánh nhau ở ngoại thành Khúc Phụ của thủ đô nước Lỗ. Quân Tề từ bên ngoài Tấn môn phía Nam thủ đô nước Lỗ tiến vào. Tả quân nước Lỗ không vượt qua con sông bảo vệ thành. Phàn Tu nói với Nhiễm Cầu : “Không phải là không vượt qua nổi Hộ thành hà, mà vì nước Lỗ không tin tưởng ở ông, xin ông ký với quân Lỗ ba điều không nên làm, thì có thể vượt qua con sông Hộ Thành này !” Nhiễm Cầu làm theo lời của Phàn Tu, quân chúng đi theo đều vượt qua sông Hộ Thành. Tả quân nước Lỗ đánh thắng vào quân Tề.

Nhưng hữu quân nước Lỗ lại thất bại thảm hại, quân Tề từ phía sau đuổi theo. Tướng lĩnh của nước Tề là Trần Quyền, Trần Trang vượt qua Tứ Thủy (tên một dòng sông, chảy qua phía bắc và phía Tây thành Khúc Phụ) Quân Lỗ vào thành, Mạnh Tử Phán đi cuối đoàn quân để khóa đuôi, rút ra một cái tên quất vào ngựa và nói : “Không phải tôi không sợ chết, tôi đi phía sau là vì ngựa của tôi phi không nhanh”. Một số binh sĩ trong đội ngũ của Lâm Bất Nữu hỏi ông ta : “Có cần phải phi nhanh không ?” Lâm Bất Nữu nói : “Ta không thua kém ai, làm gì phải phi nhanh ?” Lại hỏi : “Thế thì có phải lưu lại không ?” Lâm Bất Nữu nói : “Lưu lại thì có ích lợi gì ?”. Lâm Bất Nữu cứ thông thả mà đi, cuối cùng bị chết trận.

Tả quân nước Lỗ nhặt được tám mươi cái đầu lâu của quân sĩ nước Tề. Quân Tề bị đánh tan tác. Nửa đêm lính trinh sát thám thính tình hình quân địch quay về báo cáo rằng : “Quân Tề

đã lặng lẽ tháo chạy” Nhiệm Cầu thỉnh cầu Quý Khang Tử cho lính đi truy kích. Trước sau thỉnh cầu ba lần, nhưng Quý Khang Tử đều không chấp nhận.

Mạnh Vũ Bá nói với mọi người : “Ta không bằng Nhan Vũ nhưng lại hơn Bình Tiết rất nhiều. Nhan Vũ đánh trận dũng cảm sắc bén mà nhanh nhẹn. Ta tuy trong lòng có sợ hãi, không muốn đánh nhau, nhưng ta vẫn còn cố chịu đựng được, chẳng nói chẳng rằng, còn Bình Tiết quả thực là nhát gan, miệng lúc nào cũng la hét : “Đánh xe nhanh tháo chạy đi”. Do vậy ta vẫn còn hơn Bình Tiết”.

Công thúc Công Vi và một tiểu đồng mà ông ta nuông chiều là Ônng Kỳ cùng đi trên một xe trong lúc đánh trận, cả hai đều chết. Thi thể của hai người đã tìm thấy, cùng tiến hành lễ an táng. Khổng Tử nói : “Ônng Kỳ tuy là một đứa trẻ, nhưng là người có thể cầm vũ khí bảo vệ đất nước, có thể không mai táng cậu ta theo nghi thức trẻ con”. Lúc Nhiệm Cầu xong trận vì xa hữu là Phàn Tu tuổi còn trẻ, bèn lấy xà mâu của Phàn Tu tự mình xông vào trận địa, cho nên có thể xông thẳng vào quân Tề. Khổng Tử nói : “Làm như vậy là rất đúng”.

QUÝ KHANG TỬ SAI NHIỆM CẦU HỎI KHỔNG TỬ VỀ THUẾ RUỘNG

Ai Công thập nhất niên (năm 484 trước công nguyên)

Mùa đông năm Ai Công thứ mười một, Quý Khang Tử chuẩn bị căn cứ vào ruộng đất để thu thuế, bèn sai Nhiệm Cầu đi hỏi ý kiến của Khổng Tử. Khổng Tử đáp rằng : “Tôi không biết” Nhiệm Cầu hỏi đi hỏi lại mấy lần Khổng Tử đều không trả lời. Sau cùng Nhiệm Cầu hỏi : “Ông là nguyên lão của quốc gia, rất nhiều công việc phải nghe ý kiến của ông rồi mới thực hiện. Tại sao ông không nói ?” Khổng Tử vẫn không trả lời. Sau đó Khổng Tử nói riêng với Nhiệm Cầu : “Một quân tử làm việc, cần phải xem xét có hợp với Lễ không, bổ thí của cải càng nhiều càng tốt, nghĩa vụ lao động mức độ vừa phải, sưu thuế thu càng ít càng tốt. Nói như vậy, căn cứ vào khâu (mỗi khâu mười sáu tính, khoảng 150 người) để thu thuế quân là đủ lắm rồi. Nếu như không để ý xem có hợp với Lễ hay không, mà lòng tham vô đáy, tuy căn cứ vào ruộng đất để thu thuế, quân thì sẽ cảm thấy là không đủ. Và lại, Quý Tôn thị các ông làm việc theo quy củ, pháp điển của Chu Công soạn thảo vẫn còn đó. Nếu làm việc tắc trách, cầu thả, thì hỏi tôi làm gì ?” Quý Khang Tử không thêm nghe. Mùa xuân năm Ai Công thứ mười hai (năm 483 trước công nguyên) thực hiện biện pháp căn cứ vào ruộng đất để thu thuế quân.

HIỆP ƯỚC ĐỒNG MINH Ở HOÀNG TRÌ

Ai Công thập tam niên (năm 482 trước công nguyên)

Mùa hạ, Lỗ Ai Công và Chu khanh sĩ Đôn Bình Công, Tấn Bình Công, Ngô Vương Phù Sai hội họp liên minh với nhau tại Hoàng Trì (tây nam huyện Phong Khâu, tỉnh Hà Nam ngày nay).

Ngày 12 tháng 6, nước Việt chia làm hai hướng tấn công nước Ngô, một hướng do Việt Vương Câu Tiễn cầm đầu, một hướng do Việt đại phu Trù Vô Dư, Âu Dương cầm đầu xuất phát từ phía Nam. Quân đội do Trù Vô Dư và Âu Dương cầm đầu đến trước ngoại ô thủ đô nước Ngô. Thái tử Hữu, Vương tử Địa, Vương tôn Mê Dung, Thọ Vũ Đào... nhìn thấy quân đội nước Việt ở Hoàng Thượng (tức Hoành Sơn, đông nam huyện Ngô, tỉnh Giang Tô ngày nay) Vương tôn Mê Dung nhìn thấy cờ xí ở vùng Cô Miệt (phía bắc huyện Long Du, tỉnh Triết Giang ngày nay), bèn nói : “Đây là cờ của cha tôi — cha của Mê Dung trước đây, bị người Việt bắt làm tù binh, người Cô Miệt đã lấy cờ xí — Tôi không thể nhìn thấy kẻ thù mà không giết”. Thái tử Hữu nói : “Chiến tranh mà đánh không thắng thì nước nhà sẽ bị diệt vong, xin ông đợi cho một chút !” Vương tôn Mê Dung không chịu nghe lời thái tử Hữu, tập hợp năm ngàn người thân tín đi giết giặc. Vương tử Địa giúp đỡ ông ta. Ngày 21 tháng 6 quân đội của hai nước Ngô, Việt đánh nhau một trận lớn. Vương Tôn Mê Dung bắt sống Trù Vô Dư, Vương tử Địa bắt sống Âu Dương. Không lâu sau

Việt Vương Thoa Tiễn cầm quân vội đến bên ngoài đô thành nước Ngô. Vương tử Địa giữ chặt thành không ra đánh. Ngày 22, quân đội hai nước Ngô, Việt lại đánh nhau một trận lớn nữa. Quân Việt đánh bại quân Ngô, bắt sống thái tử Hữu, Vương tôn Mê Dung và Thọ Vu Đào là các tướng của nước Ngô. Ngày 23 đánh vào quốc đô của nước Ngô.

Quân Ngô cử người đến Hoàng Tri báo cáo với Ngô Vương Phù Sai về thất bại của quân Ngô về tin quốc đô thất thủ... Ngô Vương Phù Sai sợ rằng việc quân Ngô đánh bại trận tin tức sẽ tuyên truyền ra ngoài, thế là dùng tay giết chết năm người tin cận ngay ở trong lầu doanh trại để bịt đầu mối.

Mùa thu. Ngày 7 tháng 7, các nước Chu, Lỗ, Tấn, Ngô họp hội nghị liên minh tại Hoàng Tri. Hai nước Ngô và Tấn tranh nhau uống máu ăn thề trước, cũng có nghĩa là tranh nhau làm minh chủ. Người nước Ngô nói : “Trong Chu thất mà nói, chúng tôi đứng sau thái bá, tư cách của chúng tôi là lớn nhất”. Người Tấn nói : “Trong các nước chư hầu họ Cơ, chúng tôi là bá tước, các ông là tử tước, do đó có thể nói rằng tư cách của chúng tôi cao nhất. Đại phu nước Tấn là Triệu Ương hét lớn với đại phu nước Tấn là Tư Mã Diễn : “Trời đã tối rồi, việc đại sự là mình thệ đến giờ vẫn chưa xong. Đây là tội lỗi của hai chúng ta. Chúng ta lấy trống trận ra, gióng trống lên chấn chỉnh lại đội ngũ. Hai người chúng ta liều chết. Đến lúc đó thì sẽ biết ai anh cả ai là anh hai”. Tư Mã Diễn nói : “Xin ông đến nước Ngô xem có động tĩnh gì không”. Sau khi Triệu Ương quan sát tình hình nước Ngô, trở về nói rằng : “Người làm quan to bổng lộc nhiều, không nên mặt mày ủ ê khí sắc khó coi. Giờ đây Ngô Vương mặt mày ủ ê khí sắc khó coi. Không biết là nước của họ bị kẻ địch đánh đổ, hay là thái

tử của họ qua đời ? Hẹn nửa bọn Địch, Nhưng không lấy gì làm vững vàng cho lắm, nhất định sẽ không kéo dài được bao lâu. Chúng ta hãy đợi thêm chút nữa”. Thế là để cho người nước Ngô uống máu ăn thề trước.

Ngô Vương Phù Sai định đánh nước Tống giết chết bọn con trai của nước họ, bắt sống con gái của nước họ. Thái tử Hỷ nói : “Có thể chiến thắng nước Tống, nhưng không thể ở lâu tại nước Tống”. Thế là không đánh nhau nữa, đem quân về nước.

Mùa đông, nước Ngô và nước Việt giảng hòa với nhau.

CÁI CHẾT CỦA TỬ LỘ

Ai Công thập ngũ niên (năm 480 trước công nguyên)

Đại phu nước Vệ là Khổng Ngũ lấy chị của thái tử Khoái Hội nước Vệ đẻ ra Khổng Lí. Gia thần của nhà họ Khổng là Hồn Lương Phu, thân hình cao lớn lại đẹp trai. Sau khi Khổng Ngũ chết, ông ta tư thông với Khổng Cơ là vợ của Khổng Ngũ. Lúc bấy giờ thái tử nước Vệ là Khoái Hội trốn chạy đến Thích (phía bắc huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Bắc ngày nay) — Thái tử Khoái Hội phải trốn chạy vì đắc tội với Sủng Cơ Nam Tử của cha là Vệ Linh Công. Sau khi Linh Công qua đời, Vệ Xuất Công kế vị. Xuất Công là con trai của thái tử Khoái Hội. Khổng Cơ cử Hồn Lương Phu liên lạc với em trai của bà ta là Khoái Hội. Khoái Hội nói với Hồn Lương Phu : “Giả dụ, ông có thể giúp tôi đoạt lấy quyền lực, ngồi lên ngôi báu quốc vương, tôi sẽ cho người mặc quần áo đại phu, đi xe của đại phu, đề bạt người làm đại phu. Ngoài ra, ta ân xá ba lần người phạm tội, mà không giết ông”. Khoái Hội và Hồn Lương Phu căn cứ vào điều kiện này thề với nhau hợp tác. Hồn Lương Phu yêu cầu Khoái Hội cho phép ông ta lấy Khổng Cơ làm vợ.

Tháng 12 năm Ai Công thứ mười hai, Hồn Lương Phu yểm hộ cho thái tử Khoái Hội, tiến vào đô thành của nước Vệ (tây nam huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Trương ngày nay) đồng thời để cho Khoái Hội ở vườn hoa bên ngoài của gia đình họ Khổng. Sau khi trời tối, cả hai người ăn mặc quần áo phụ nữ, dùng khăn trùm đầu, cùng đi một chiếc xe, do Tự Nhân La điều khiển xe đến nhà

của Khổng gia, lão gia thần của Khổng gia là Loan Ninh hỏi họ là ai, họ trả lời rằng : là đây tổ gái của nhà họ hàng với Khổng gia. Thế là họ đi vào nhà họ Khổng. Họ đi thẳng vào phòng của Khổng Cơ. Sau khi ăn cơm ở chỗ Khổng Cơ. Khổng Cơ lấy một chiếc kích dẫn đầu đi tìm Khổng Lí, Khoái Hội cầm đầu năm chiếc xe vũ trang chất đầy heo để dùng lúc mình thế đi theo phía sau. Họ bắt được Khổng Lễ trong nhà vệ sinh, ép Khổng Lí thề nguyện cùng liên minh với họ. Sau đó dẫn Khổng Lí đến đài quan lễ của nước Vệ để kêu gọi nhân dân Vệ. Loan Ninh đang chuẩn bị uống rượu, nướng thịt còn chưa chín hẳn nghe tin nước Vệ có loạn, vội vàng sai người đi báo với Tử Lộ. Đại phu nước Vệ là Chiêu Hoạch đánh xe rất nhanh, vừa uống rượu, ăn thịt ở trên xe, làm ra vẻ ung dung tự tại không hề sợ hãi theo lệnh Vệ Xuất Công đi đầu hàng nước Lỗ.

Tử Lộ đang trên đường đến đô thành gặp đại phu nước Vệ là Cao Sài chạy trốn ra bên ngoài. Cao Sài nói với Tử Lộ : “Cửa thành đã đóng chặt rồi”. Tử Lộ nói : “Tôi đi gần đến cửa thành rồi hãy tính cách”. Cao Sài nói : “Không vào ở trong thành thì tai họa sẽ không liên lụy đến mình”. Tử Lộ nói : “Đã là ăn cơm của người ta, thì không thể trốn tránh tai họa của nhà người ta”. Thế là Cao Sài đi ra bên ngoài, còn Tử Lộ thì đi vào trong thành.

Lúc Tử Lộ đến cửa thành, công tôn Cầm chặn ở cổng thành nói rằng : “Vệ quân đã ra khỏi thành rồi, khỏi phải vào trong đó”. Tử Lộ nói : “Công tôn Cầm, ông chỉ biết lợi lộc của người khác. Khi người ta gặp phải tai họa thì lảng lạng trốn đi. Trọng Do này không làm như vậy, nhận được phúc lộc của người khác, nhất định phải đi cứu người ta khi gặp nạn”. Tử Lộ đợi khi có sứ giả vào thành, cổng thành được mở ra, mới thừa cơ lên vào thành. Tử Lộ la lớn nói với Khoái Hội : “Thái tử giết chết Khổng Lí thì có

tác dụng gì ? Tuy ông giết chết ông ta, nhất định cũng sẽ có người thay thế ông ta tiếp tục chống đối lại ông”. Đồng thời Tử Lộ nói với quần chúng nước Vệ rằng : “Thái tử không dùng cảm, nhát gan, đốt lửa ở quan lễ đài, chỉ cần lửa cháy một nửa quan lễ đài, thái tử sẽ thả Khổng thúc (tức Khổng Lí) ra, tự mình tháo chạy”. Thái tử Khoái Hội nghe nói Tử Lộ sẽ phóng hỏa đốt quan lễ đài, trong lòng rất sợ hãi, bèn mệnh lệnh cho hai đại lực sĩ của ông ta là Thạch Khất, Mạnh Yếm bước xuống quan lễ đài đánh nhau với Tử Lộ, cuối cùng đã cắt đứt các dải trên mũ của Tử Lộ. Tử Lộ nói : “Một người quân tử khi chết, không cời bỏ mũ của anh ta”. Thế là thắt lại các dải dây trên mũ rồi mới tắt thở. Khổng Tử nghe nói nước Vệ xảy ra chuyện biến loạn, bèn nói : “Cao Sái sẽ tháo chạy, Trọng Do chết là cái chắc”.

Sau đó, Khổng Lí lại ủng hộ việc lập thái tử Khoái Hội, tức Vệ Trang Công.

TỬ CỐNG CHÊ CƯỜI BÀI VĂN ĐIỀU KHỔNG TỬ CỦA AI CÔNG

Ai Công thập lục niên (năm 479 trước công nguyên)

Mùa hạ năm Ai Công thứ mười sáu, ngày 18 tháng tư Khổng Tử qua đời. Bài văn điệu Khổng Tử của Lỗ Ai Công viết : “Ông trời không thương xót nước Lỗ chúng tôi, không giữ lại cho chúng ta vị nguyên lão quốc gia này để ông ta bảo vệ danh phận và địa vị của tôi. Tôi cô độc không nơi nương tựa, quá đau thương mà sinh bệnh. Tôi vô cùng đau xót ! Khổng Tử ông đi rồi, tôi không làm sao còn không chế mình được nữa”.

Tử Cống nói : “Chúa công chúng ta e rằng không sống an nhàn ở nước Lỗ trong những năm còn lại của đời mình ? Lúc còn sống, thầy ta từng nói : “Đánh mất lễ chế, thì sẽ mất phương hướng, đánh mất danh chế thì sẽ phát sinh sai lầm, đánh mất chí khí thì không có mục đích, đánh mất địa vị, thì là tội lỗi. Lúc thầy ta còn sống, chúa công không trọng dụng thầy ta. Khi thầy ta qua đời, chúa công lại dùng văn điệu để điệu phúng thầy ta. Như vậy là không hợp với lễ chế. Trong bài văn điệu, chúa công tự xưng rằng : “bản thân ta” điều này cũng không hợp với danh chế. Chúa công của chúng ta về mặt lễ chế, đều phạm sai lầm.

THỢ THỦ CÔNG VÂY ĐÁNH VỆ TRANG CÔNG

Ai Công thập thất niên (năm 474 trước công nguyên)

Vệ Trang Công nằm mơ ở Bắc Cung. Mơ thấy có người trèo lên quan lễ đài do Côn Ngô thị đời Hạ xây dựng. Người đó đầu xoa tóc mặt hướng về phía Bắc la lớn : “Ta leo lên đóng gạch vụn của Côn Ngô thị. Dây leo bò tứ phía ngày càng rậm rạp. Ta là Hỗn Lương Phu, không có lý do gì để giết ta. Ta gọi trời xanh giải oan cho ta”.

Vệ Trang Công tự mình bói xem giấc mơ này ra sao, do Tư Di Xá hỏi xem quẻ này. Nhưng Tư Di Xá không dám nói sự thật, chỉ nói rằng : “không có tai họa gì”. Thế là Trang Công ban thưởng cho ông ta một thành ấp. Ông ta bỏ thành ấp này, trốn chạy sang nước Tống. Vệ Trang Công lại bói một lần nữa, lời lẽ trong quẻ bói nói rằng : “Giống như là một con cá đuôi đỏ, bơi qua bơi lại ngang qua sông, không được yên ổn cho lắm. Có nước lớn có vũ lực hùng mạnh đến xâm lược, sẽ làm cho quốc gia diệt vong. Đóng cửa lại, lấp các lỗ hổng, từ phía sau bỏ ra”.

Tháng mười, nước Tấn lại tiến đánh nước Vệ. Khi tấn công đến ngoại thành của quốc đô nước Vệ, lúc chuẩn bị tiến vào thành, đại phu của nước Tấn là Triệu Ứng nói : “Dừng lại ! Dương Thiệt Hất từng nói ! Nhân lúc người ta có nội loạn để tiêu diệt đất nước của người ta, thì sẽ tuyệt tự tuyệt tôn, không có người thừa kế !” Đồng thời người Vệ ở trong thành đuổi Vệ Trang Công đi và giảng hòa với nước Tấn. Người nước Tấn sau khi ủng hộ Ban Sư, cháu của Vệ Tương Công, thì rút quân về nước.

Tháng 11 Vệ Trang công từ Quyên (huyện Bộc, tỉnh Sơn

Đông ngày nay) về nước. Ban Sư bèn bỏ chạy. Trước đây có một lần Vệ Trang Công trèo lên tường thành quốc đô của nước Vệ, nhìn về phía xa xa, nhìn thấy thành Nhung Châu (huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Bắc ngày nay, ngoài đô thành nước Vệ). Trang Công hỏi đó là cái gì, có người nói thật với ông ta. Trang Công nói : “Chúng ta là quốc gia họ Cơ, tại sao lại có một cái thành gọi là Nhung Châu ?” bèn ra lệnh phá bỏ thành Nhung Châu. Trang Công bắt thợ làm công việc phá dỡ trong thời gian quá lâu, thợ rất lấy làm bất mãn. Giờ đây Trang Công muốn trục xuất Thạch Phổ là đại phu nước Vệ. Trang Công chưa ra tay, Thạch Phổ đã ra tay trước. Ngày 12 tháng 11, Thạch Phổ kết hợp với đám thợ vây đánh Trang Công. Trang Công đóng cửa lại, sau đó yêu cầu được giảng hòa với họ. Thạch Phổ và đám thợ không chịu. Trang Công không còn cách nào khác, đành trèo lên tường ở phía Bắc, định trốn chạy. Nhưng từ trên tường rơi xuống, làm gãy xương đùi. Người Nhung Châu căm hận Trang Công phá tường thành của họ, do đó cũng kéo đến đánh Trang Công. Thái tử Tật, công tử Thanh Nguyên Lai cùng Trang Công nhảy qua tường chạy trốn. Kết quả bị người Nhung Châu giết chết. Vệ Trang Công chạy trốn vào gia đình họ Kỷ ở Nhung Châu.

Trước đây, Trang Công từ trên thành tường của nước Vệ nhìn thấy tóc của vợ nhà họ Kỷ rất đẹp, bèn cho người đến cắt tóc của vợ nhà họ Kỷ để làm tóc giả cho vợ ông là Lữ Khương — Sau khi Trang Công vào nhà người họ Kỷ. Trang Công lấy ngọc bích ra cho họ Kỷ xem, đồng thời nói rằng : “Ông để cho ta sống, ta sẽ cho ông ngọc bích này”. Người họ Kỷ nói : “Ta sẽ giết ông, xem thử miếng ngọc bích này thuộc về ai ?” Nói xong, giết chết Vệ Trang Công và lấy đi miếng ngọc bích.

Người nước Vệ lại đưa Ban Sư lên làm quốc quân nước Vệ.

PHỤ LỤC

TUYỂN CHỌN TỪ NGUYÊN TÁC

QUÝ LƯƠNG CAN NGĂN VIỆC TRUY KÍCH QUÂN SỞ

Sở Vũ Vương xâm lược người Tùy, sai Viễn Dương đến Tùy cầu hòa, lại cho quân đội đến đất Hà đợi thời cơ. Nước Tùy cử Thiệu Sư kết ước với nước Sở.

Đấu Bá Ty nói với Sở Vũ Vương : “Chúng ta chưa đạt được nguyện vọng đối với các nước ở phía đông Hán Thủy. Thần biết rõ lý do tại sao như vậy. Chúng ta định khuếch trương ba quân đổi mới giáp binh, dùng vũ lực để uy hiếp các nước. Khiến cho các nước lo sợ mà hợp nhau lại chống ta, vì vậy chúng ta khó lý gián họ. Trong các nước ở đông Hán Thủy, nước Tùy là lớn nhất. Nước Tùy mở rộng thì sẽ nuốt bỏ các nước nhỏ. Các nước nhỏ ly tán đó là việc có lợi cho nước Sở. Thiệu Sư ngạo mạn, ta giấu quân đi để hấn ta khuếch trương thế lực”. Hùng Xuất Ty nói : “Quý Lương còn đó, thì liệu làm được gì ?” Đấu Bá Ty nói : “Đây là kế hoạch lâu dài. Thiệu Sư được lòng vua Tùy” Vua giải tán quân đội, nghênh tiếp Thiệu Sư.

Thiệu Sư trở về nước, xin cho truy kích quân Sở, Tùy hầu đang định cho phép thì Quý Lương ra can ngăn, nói rằng : “Trời đang giúp nước Sở. Nước Sở giấu quân là để lừa chúng ta. Chúa thượng vì sao phải vội vàng như vậy ? Thần nghe nói một nước nhỏ thắng một nước lớn là vì nước nhỏ có chính nghĩa, nước lớn làm xằng bậy. Cái gọi là chính nghĩa là trung với dân, giữ chữ tín

với quỷ thần. Bề trên nghĩ đến lợi ích của nhân dân, đó là trung. Lời cầu chúc đảng hoàng, đó là tín. Nay nhân dân đói nghèo mà chúa thượng lại muốn thỏa mãn dục vọng của mình, lúc tế lễ nói những lời huyền hoang. Thần cho rằng như thế là không được". Tùy hầu nói : "Ta thường dùng những con vật mập mập, gạo trắng tế lễ rất là thịnh soạn, sao lại nói là không giữ chữ tín". Đáp rằng : "Nhân dân là chủ của quỷ thần, thánh vương thời cổ, trước tiên là lo cho dân, sau đó mới phụng sự cho quỷ thần. Cho nên khi dâng các con vật thì đều nói : "Lương thực thịnh soạn đầy đủ nhân dân có sức mạnh phổ biến, những con vật mà nhân dân nuôi dưỡng mập mập, da dễ đẹp dễ không xấu xí. Khi dâng lễ thì nói : "Lương thực đầy đủ", đó là nói ba mùa không có thiên tai, nhân dân ra sức làm ruộng, được mùa lớn. Khi dâng rượu thì nói : "Gạo thơm nấu rượu ngon" đó là nói trên, dưới đều có phẩm chất tốt đẹp, không có tà tâm, đó cũng gọi là rượu thơm thì mùi vị bay xa. Cho nên ba mùa đều phải chuyên tâm làm việc, học tập ngũ giáo, thương yêu bà con dòng họ mình, dùng cái đó để dốc lòng tế lễ quỷ thần. Như thế nhân dân mới được quỷ thần ban phúc lành. Lúc bấy giờ làm việc gì cũng thành công. Giờ đây nhân dân lòng người ai chẳng giống ai, quỷ thần không có người làm chủ thì chúa công có dâng vật cúng thịnh soạn thì quỷ thần cũng không đem lại hạnh phúc được. Chúa công phải chinh đồn lại chính quyền, coi các nước láng giềng như anh em thì có thể tránh được tai họa".

Tùy hầu lo sợ ra sức chinh đồn nền chính trị trong nước. Nước Sở cũng không dám tấn công nước Tùy nữa.

CHA VÀ CHỒNG AI THÂN HƠN ?

Sài Trọng chuyên quyền, Trịnh Bá vô cùng lo lắng, sai rể của ông ta là Ung Củ giết Sài Trọng, định mời Sài Trọng dự tiệc

ở ngoại thành. Ung Cơ biết được hỏi mẹ rằng : “Cha và chồng ai thân hơn ?” Mẹ của Ung Cơ nói rằng : “Con người phải tận trung với trời. Cha thì chỉ có một, làm sao có thể so sánh với chồng được” Ung Cơ bèn nói cho Sài Trọng biết : “Ung thị không mời cha ở nhà mình mà lại mời ra thành ngoại, con cảm thấy có gì là lạ, xin báo cho cha biết”. Sài Trọng giết chết Ung Cửu, vứt thi thể vào hồ nước của Chu thị. Chúa công đem thi thể ra ngoài và nói rằng : “Bàn công chuyện với đàn bà, chết là đáng kiếp”.

Mùa hạ, Lệ Công chạy trốn sang nước Thái. Chiêu Công lên ngôi.

VỆ Ý CÔNG THÍCH CHƠI HẠC MÀ LÀM MẤT NƯỚC.

Mùa đông. Tháng 12. Người Địch tiến đánh nước Vệ. Vệ Ý Công thích chơi hạc cho hạc đi cùng xe chuyên dùng cho đại phu. Lúc sắp đánh trận, những người tiếp nhận binh khí và áo giáp đều nói : “Đưa hạc của chúa công ra đánh địch, hạc của chúa công có bồng lộc. Chúng tôi làm sao mà đánh nhau được”. Chúa công cùng Thạch Kỳ Tử đưa cung tên cho Ninh Trang Tử, bảo họ phòng thủ và nói : “Dùng những thứ này mà bảo vệ đất nước, chọn lựa những việc có lợi mà làm”. Đưa áo thêu cho phu nhân và nói : “Hãy nghe theo lời của Thạch Kỳ Tử và Ninh Trang Tử. Cừu Khổng điều khiển xe cho Vệ Ý Công, Tử Bá đi hộ vệ, Hoàng Di đi trước mở đường, Khổng Anh Tề đi sau cùng. Đánh nhau với người Địch ở vùng Huỳnh Trạch.

Quân Vệ đại bại rồi mất nước.

VƯƠNG TÔN MÃN TRẢ LỜI SỞ TRANG VƯƠNG VỀ CỬU ĐỈNH.

Sở Trang Vương đánh Lục Hồn Nhung tiến tới vùng Lạc Thủy, triển khai lực lượng trong cương vực Chu Thiên Tử. Địch

Vương phái Vương Tôn Mãn khảo quân Sở. Sở Trang Vương hỏi Vương Tôn Mãn về độ to nhỏ, nặng nhẹ của các đỉnh. Đáp rằng : “Vấn đề là ở đạo đức chứ không phải ở chỗ có đỉnh hay không. Trước đây triều Hạ có đức vọng, những người ở nơi xa dùng các sản vật quý hiếm vẽ thành bản đồ đem đến triều cống, đúc các tờ tem hình vật lên cửa đỉnh báo cho nhân dân biết bách vật quý thần để đề phòng trước. Do đó nhân dân vào núi cao, sông lớn, ao hồ, rừng rậm chẳng bao giờ gặp chuyện chẳng lành, không gặp ma quỷ. Nếu trên dưới một lòng, nhận được sự phù hộ của trời. Vua Kiệt bạo ngược, đỉnh di chuyển cho dời Thương. Thương Trụ bạo ngược, đỉnh lại thuộc về người Chu. Nếu có đạo đức tốt thì đỉnh tuy có nhẹ, người khác cũng không di chuyển đi được. Nếu hỗn loạn tà ác, thì đỉnh có nặng đến mấy, người khác cũng có thể di chuyển đi được. Ông trời ban phước cho những người có đạo đức, nhưng cũng có thể lấy lại vật đã ban thưởng. Thành Vương đặt đỉnh ở Giáp Nhục. Bói quẻ được biết Chu thất truyền được 30 đời, hưởng phúc trọng 700 năm. Đó là do mệnh trời vậy, Đức vọng của Chu Thiên Tử tuy có sa sút, nhưng mệnh trời không thay đổi. Cho nên đỉnh nặng hay nhẹ, lúc này chưa nên hỏi đến”.

NƯỚC SỞ TIỀN TUẦN ĐIỀU CỦA NƯỚC TẤN VỀ NƯỚC

Người Tấn trả công tử Cốc Thần và thi thể của Liên doãn Tương lão để đổi lấy Tri Điều. Lúc này Tuần Thủ làm tá trung quân, cho nên nước Sở đã chấp thuận.

Sở Vương tiễn Tri Điều và nói rằng : “Thần có oán hận ta không ?” Đáp rằng : “Hai nước chinh đồn quân đội, tu sửa vũ khí, thần bất tài, không gánh vác được trách nhiệm của mình cho nên bị bắt làm tù binh. Những người cầm quân đã không giết thần để lấy máu bôi lên trống trận, lại thả thần về nước. Đó là ân

huệ của chúa công. Hạ thần quả thật bất tài, đâu dám oán giận ai ?” Sở Vương nói : “Nếu vậy thần có cảm kích ta không ?” Đáp rằng : “Hai nước đều tính toán cho xã tắc của mình, làm cho dân khỏi thống khổ, mỗi bên đều tự kìm chế tức giận, thông cảm cho nhau. Hai nước đều phóng thích tù binh để đạt quan hệ hữu hảo. Hai nước có quan hệ tốt, hạ thần không được can dự vào việc ấy, thì làm sao cảm kích ai được”. Sở Vương nói : “Sau khi thần về nước, lấy gì báo đáp cho ta ?”. Đáp rằng : “Thần không có gì để hận chúa công, chúa công cũng không có gì để cho thần cảm kích. Đã không oán hận cũng chẳng ân nghĩa, không biết là nên đền đáp như thế nào ?” Sở Vương nói : “Tuy vậy cũng nói cho ta biết thần định báo đáp ra sao ?” Đáp rằng : “Nhờ phúc đức của chúa công, kẻ tù binh như thần mới đem tấm thân này về nước Tấn. Quốc quân của thần giết chết thần. Thần có chết cũng là bất tử. Nếu như nhờ phúc đức của chúa công mà thoát chết mà đem thần ban cho Tuần Thủ, cha thần xin phép quốc quân đem thần ra giết tại tông miếu. Chết như vậy cũng là quang vinh. Nếu chúa công không chấp thuận, mà để cho thần được tiếp tục sự nghiệp của tổ tông, gánh vác nhiệm vụ cầm quân bảo vệ biên cương. Nếu gặp chúa công thần cũng không dám trốn tránh. Thần sẽ dốc hết sức của thần cho đến chết không dám ăn ở hai lòng, để làm trọn nghĩa vụ của thần, dùng cách đó để báo đáp chúa công vậy”. Sở Vương nói : “Ta không thể nào tranh chấp với nước Tấn được” Thế rồi long trọng cử hành lễ tiễn đưa Tuần Diêu về nước.

HẾT PHƯƠNG CỨU CHỮA

Tấn hầu nằm mơ thấy Đại quý, tóc dài sát đất, tay đập vào ngực vừa nhảy vừa la hét : “Giết cháu ta là bất nghĩa, ta sẽ xin ý kiến của thượng đế” rồi đập hông cửa xông thẳng vào phòng ngủ. Cảnh Công lo sợ nhảy vào phòng trong, đại quý lại đập cửa xông

vào. Cảnh Công tỉnh cơn mơ. Sai người tìm thầy mo ở vùng Tang Điền. Thầy mo nói hết như trong giấc mơ. Cảnh Công nói : “Lành hay dữ ?” Đáp rằng : “Chúa công không kịp hưởng lương thực mới của năm nay”.

Cảnh Công bị bệnh, đến nước Tần tìm thầy thuốc. Tần Bá cử danh y tên là Hoãn chữa trị cho ông ta. Danh y chưa đến, Cảnh Công nằm mơ thấy bệnh tật của mình biến thành hai người nhỏ bé, nói : “Người thầy thuốc ấy rất giỏi, sẽ làm hại đến chúng tôi, chúng tôi chạy trốn đi đâu ?” Một trong hai lại nói : “Nếu ẩn nấu giữa hoành cách mô và tim thì làm gì được ta ?”. Danh y đến, nói : “Bệnh không thể chữa trị được, bệnh căn nằm ở trên hoành cách mô dưới tim, không có cách nào đụng đến đó được, thuốc cũng không thấm đến đó được. Không thể chữa trị nổi”. Cảnh Công nói : “Thầy thuốc giỏi” rồi tặng danh y lễ vật hậu hĩnh và tiễn ông ta về nước.

Ngày 7 tháng 6 Cảnh Công muốn ăn lúa mạch mới thu hoạch, lấy giống mạch ở ngoại thành, nấu cơm dâng lên. Sau đó gọi thầy mo ở Tang Điền đến, cho thầy mo xem lúa mạch mới xong, thì giết ông ta.

Lúc Cảnh Công chuẩn bị ăn, thấy bụng trương lên đi vào nhà vệ sinh, rơi tọt xuống hố phân mà chết. Một vị thần nhỏ sáng sớm nằm mơ thấy mình công Cảnh Công lên trời, đến giữa trưa công Tấn hầu vào nhà vệ sinh, hết quả cùng bị chôn chung cùng Cảnh Công.

LÃO TƯỚNG TUYỆT TẦN

Hai nước Tấn, Tần để giao hảo với nhau họp nhau tại Hồ. Tấn Hầu đến trước Tần Bá không chịu qua sông, dừng lại ở Vương Thành, sai sứ giả là Sử Lỏa cùng với Tấn Hầu ký hòa ước

tại phía đông Hoàng Hà. Tấn phái Khích Ngưu ký kết hòa ước với Tần Bá tại phía tây Hoàng Hà. Phạm Văn Tử nói rằng : “Hiệp ước này có ích lợi gì ? Minh thế là giữ chữ tín dự hợp đúng hẹn là sự bắt đầu của chữ tín. Lúc bắt đầu đã không làm đúng, thì làm sao giữ trọn lời hứa được ?” Tần Bá về nước và làm ngược lại những điều ký kết với Tấn.

Lỗ Thành Công năm thứ mười ba. Mùa hè. Ngày 5 tháng tư. Tấn Hầu sai Lữ tướng sang tuyệt giao với Tần, nói : “Ngày xưa Hiến Công của chúng tôi và Mục Công có quan hệ tốt, đồng tâm hiệp lực, dùng minh thế để ràng buộc nhau, thông quan hôn nhân để tăng cường quan hệ giữa hai nước. Trời giáng tai họa xuống nước Tấn, Văn Công chạy đến nước Tề, Huệ Công đến nước Tần. Hiến Công qua đời, Mục Công không quên công đức cũ, khiến cho Huệ Công chúng tôi không thể thừa tự lên ngôi vua, công đức không được toàn vẹn. Trong trận đánh ở Hàn, Tần Mục Công cũng lấy làm tiếc về việc này. Sau này Văn Công an định được là nhờ sự giúp đỡ của Mục Công.

Văn Công đích thân mang áo giáp treo đeo vượt suối, vượt qua muôn vạn nguy hiểm dẫn con cháu các nước chư hầu như Ngưu, Hạ, Thương, Chu đến triều bái nước Tần, đó là để báo đáp công đức ngày xưa vậy. Người Trịnh xâm lấn biên cương nước Tần. Văn Công của chúng tôi đã dẫn đầu quân đội chư hầu cùng quân Tần bao vây nước Trịnh. Đại phu nước Tần không hỏi ý kiến của chúa công tôi tự tiện ký minh ước với Trịnh. Các nước chư hầu vô cùng tức giận, liều sống chết với nước Tần. Văn Công lo sợ, vỗ yên các nước chư hầu để quân Tần rút quân về nước, không bị một chút tổn thất nào. Đây là ân huệ rất lớn của nước Tấn đối với nước Tần.

Chẳng may Văn Công qua đời, Tần Mục Công không đến

phúng điều mà còn khinh miệt người đã khuất, coi thường Tương Công của chúng tôi, lại xâm lược đất Diêu của chúng tôi, cự tuyệt quan hệ tốt với nước Tấn chúng tôi, tấn công thành ấp của chúng tôi, tiêu diệt Phí Hoạt của chúng tôi, ly gián quan hệ anh em giữa chúng tôi, làm rối loạn đồng minh của chúng tôi, khuynh đảo đất nước chúng tôi. Tương Công chúng tôi chưa quên ân huệ cũ của chúa công, nhưng lo sợ đất nước bị khuynh đảo nên đã đánh nhau một trận ở đất Diêu. Mong rằng Mục Công xá tội. Nhưng Mục Công không chịu, âm mưu cùng nước Sở chống phá chúng tôi. Nhưng ông trời còn rủ lòng thương Thành Vương về châu trời, Mục Công không lấy làm thỏa mãn chi lắm.

“Sau khi Tần Mục Công, Tương Công qua đời. Tần Khang Công, Tấn Linh Công kế vị. Khang Công còn muốn làm suy yếu gia tộc chúng tôi, khuynh đảo đất nước chúng tôi, giúp đỡ bọn trộm cướp nước chúng tôi để quấy phá biên cương của đất nước chúng tôi. Do đó mới có trận đánh ở Hồ. Khang Công vẫn không chịu hối cải, tiến vào Hà Khúc, tiến đánh vùng Tốc Xuyên, cướp bóc vương cung của chúng tôi, tiêu diệt kỵ mã của chúng tôi. Đó là lý do xảy ra trận đánh tại Hà Khúc. Con đường phía đông không thông, đây là do Khang Công tuyệt giao với chúng tôi”.

“Đến khi chúa công lên ngôi, Cảnh Công của chúng tôi kéo dài cổ ra mà nhìn về phía Tây, nói rằng : “Nước Tần quan tâm đến nước Tấn chúng ta rồi chứ ?” Chúa công cũng không chịu ban ân huệ cho nước Tấn, không chịu ký minh ước với chúng tôi. Lại thừa lúc nước chúng tôi bị bọn狄 quấy nhiễu, tiến quân vào các huyện ven sông của chúng tôi, đốt phá các vùng Kỳ, Cáo cướp phá hoa màu của chúng tôi, giết hại đồng bào vùng biên giới chúng tôi. Đó là lý do chúng tôi phải tập hợp dân chúng ở Phụ Thị. Chúa công cũng lấy làm ân hận về việc kéo dài tai họa, đồng

thời cũng muốn cầu phúc cho tiên quân Hiến Công, Mục Công, sai Bá Xa sang Tần lệnh cho Cảnh Công, nói : “Tấn sẽ đánh các ông”, bọn Dịch sẽ cầm giận, nên nói cho tôi biết. Người nước Sở cũng căm ghét các ông ăn ở hai lòng, cũng đến báo cho chúng tôi biết : “Người nước Tần đi ngược lại minh ước ở Lệnh Hồ, lại đến liên kết với chúng tôi, nói rõ cho Hoàng Nhiên thượng đế, Tần Tam Công, Sở Tam Vương biết rằng : “Ta tuy có quan hệ với nước Tấn nhưng đều dựa trên cơ sở có lợi. Ta chán ghét ông ta không có lòng thành, cho nên mới nói việc này ra để răn đe kẻ khác. Chư hầu đều nghe những lời trên đây, do đó rất đau lòng, đến làm thân với quả nhân, đó là nguyện vọng của quả nhân. Tôi sẽ an định các nước chư hầu, bảo họ rút đi, không dám động binh quấy phá. Nếu chúa công không chịu ban bố cho ân huệ, thì người bất tài như quả nhân đây cũng khó mà bảo các nước chư hầu rút quân !”

Tôi xin nói hết ý kiến của mình để chúa công suy nghĩ lợi hại.

TỬ SÂN VÀ THƯƠNG NHÂN

Tuyên Tử có vòng ngọc, một chiếc khác ở trong tay thương nhân nước Trịnh. Tuyên Tử yết kiến Trịnh Bá để lấy chiếc vòng ngọc đó. Tử Sân không đồng ý nói : “Đây không phải là đồ vật trong kho nhà nước, quốc quân của tôi không biết”. Tử Đại thúc, Tử Vũ nói với Tử Sân rằng : “Hàn Tử cũng không có yêu cầu gì lớn lắm. Nước Tấn ta cũng phải thân thiện với họ. Ta không thể đối xử tệ với nước Tấn là Hàn Tử. Nếu gặp kẻ xấu khiêu khích ly gián quan hệ giữa hai nước quý thần lại giúp đỡ họ, làm cho nước Tấn nổi giận. Có hối cải cũng không kịp. Ông làm gì mà luyến tiếc một chiếc vòng mà chuốc lấy thù hận của một nước lớn. Ta đi tìm chiếc vòng đó và đưa cho Hàn Tử”. Tử Sân nói : “Tôi làm

như vậy là không phải đối xử tệ với nước Tấn, hoặc ăn ở hai lòng. Vì tôi muốn theo nước Tấn đến cùng cho nên mới không đưa cho chiếc vòng ngọc đó, đó là vì chữ trung chữ tín vậy. Tôi nghe nói một người quân tử không lo mình không có tài sản, chỉ lo mình có chức tước mà không có tiếng tăm tốt. Tôi cũng nghe nói rằng cai trị một nước không phải là lo phụng sự một nước lớn như thế nào hoặc bảo vệ một nước nhỏ như thế nào, mà chỉ lo không có lẽ pháp để làm cho đất nước ổn định. Nếu người của nước lớn mệnh lệnh cho nước nhỏ và mọi yêu cầu của họ đều đạt được, thì sẽ lấy gì đưa cho họ. Có thứ thì đưa, có thứ không đưa, làm như vậy tội sẽ lớn hơn. Nếu ta không dựa vào lẽ để cự tuyệt yêu cầu của nước lớn, thì lòng tham của họ sẽ vô cùng. Chúng ta sẽ trở thành thôn ấp của họ, đánh mất vị trí của mình. Nếu Hàn Tử phụng mệnh qua nước Tấn mà lại đòi lấy vòng ngọc đó, thì sự tham những đó là rất nặng, đó chẳng phải là phạm pháp hay sao ? Bỏ ra một chiếc vòng ngọc, mà phạm hai tội. Chúng ta thì mất nước, Hàn Tử trở thành kẻ tham ô. Hơn nữa chỉ vì một chiếc vòng nhỏ mà mang vạ vào thân, đó chẳng phải là quá đáng lắm sao ?

Hàn Tử mua chiếc vòng từ người thương nhân. Việc mua bán sắp thành, thương nhân nói : “Cần phải báo cáo cho quan đại phu”. Hàn Tử đem việc này hỏi Tử Sản : “Lúc trước xin các ông cho chúng tôi chiếc vòng, chấp chính không chịu, nên không dám nhắc lại chuyện đó nữa. Nay mua chiếc vòng đó từ thương nhân, thương nhân nói phải xin ý kiến của chấp chính. Xin cho biết vì sao như vậy ?” Tử Sản đáp rằng : “Trước đây tiên quân Hằng Công và thương nhân đều gốc gác từ Chu. Họ thay nhau cày cấy, phát quang cây cỏ gai góc, cùng nhau cư ngụ tại nơi đây. Lúc đó có thể với nhau để giữ mãi niềm tin nên đã nói rằng, ông không phản lại tôi, tôi cũng không ép mua hoặc cướp đoạt đồ vật của ông. Ông có vàng bạc châu báu, tôi cũng không can dự vào. Dựa

vào lời thề này, do đó tin tưởng quan hệ tốt với nhau từ lúc đó cho đến bây giờ. Nay ông đến đây để giao hảo, nhưng lại khiến chúng tôi cướp đoạt tài sản của thương nhân là bắt chúng tôi phản bội lại lời thề xưa. Điều này e rằng không thể làm được. Nếu ông đoạt được vòng ngọc mà đánh mất chư hầu, chắc ông không làm như vậy. Nếu đại quốc ra lệnh chúng tôi cung ứng đủ thứ, là muốn biến nước Trịnh chúng tôi thành một bộ phận của các ông, điều này cũng không chấp nhận được. Nếu tôi đưa vòng ngọc cho ông, thì không biết đó là làm theo đạo lý gì, tôi xin mạo muội nói hết cho ông hiểu". Hàn Tử cảm ơn, không đòi vòng ngọc nữa, nói rằng : "Lúc đầu tôi ngu ngốc, tôi hỏi vòng ngọc, để chuốc lấy hai tội. Nay không dám đòi hỏi nữa".

THÔI TRỮ GIẾT QUỐC QUÂN CỦA ÔNG TA

Vợ của Tề Đường Công là chị của Đông Quách Yến. Đông Quách Yến là gia thần của Thôi Vũ Tử. Đường Công chết, Yến đánh xe đưa Vũ Tử đi viếng. Nhìn thấy Đường Khương xinh đẹp bèn bảo Yến gả cho ông ta. Yến nói : "Nam nữ lấy nhau phải xem rõ có khác họ không. Ngài xuất thân từ Đinh, tôi xuất thân từ Hàng. Không lấy nhau được" Vũ Tử đi xem bói, gặp phải quẻ Khốn, sử quan đều nói rằng : "Kiết". Đem cho Trần Văn Tử xem, Văn Tử nói rằng : "đó thuộc "gió" "gió" thổi bay vạn vật, không lấy làm vợ được. Hơn nữa lời trong quẻ nói rằng : "Khốn ư thạch, cứ ư kiết lê (có nghĩa là sẽ bị gai đâm) nhập ư kỳ cung bất kiến kỳ thê (có nghĩa là trở về thì vợ đã bỏ đi xa rồi) Thôi Tử nói : "Người đàn bà đó thì đem lại tai họa gì cho ta, người chồng trước của bà đã gánh chịu hết rồi". Cuối cùng lấy bà ta làm vợ.

Trang Công thông dâm với Đường Khương, thường xuyên đến nhà họ Thôi, lấy mũ của Thôi Trữ ban tặng cho người khác, người hầu nói rằng : "Không được". Trang Công nói : "Ai biết

được đây là mũi của Thôi Trữ, chẳng lẽ người khác không có mũi hay sao ? Vì lý do đó, hơn nửa trước đây Trang Công đã từng đi đánh nước Tấn, nên nói rằng : “Nước Tấn sẽ trả thù” định giết Trang Công để lấy lòng nước Tấn, nhưng chưa có cơ hội. Trang Công dùng roi đánh người hầu là Cổ Cử, không lâu sau lại làm lành với Cổ Cử, nên Cổ Cử giúp Thôi Trữ trị Trang Công.

Mùa hè. Tháng năm, vì lý do trước đây có đánh nhau tại Thả Lí, Lệ Tỉ Công đến triều kiến nước Tề. Ngày 16 tháng 5 Tề Trang Công thắt đai Lệ Tỉ Công tại bắc Quách. Thôi Trữ cáo bệnh không đến dự. Ngày 17 Tề Trang Công thăm Thôi Trữ để làm quen với Đường Khương. Đường Khương ở trong phòng, cùng Thôi Trữ từ cửa hông đi ra. Trang Công vỗ tay vào cột nhà mà hát. Người hầu là Cổ Cử ngăn không cho những người đi theo cùng vào. Đóng sập cửa lại, cho võ sĩ xuất hiện. Trang Công trèo lên đài cao xin tha tội. Họ không chấp nhận. Xin phép được thề thốt, cũng không cho. Xin được tự sát trước tông miếu. Họ cũng không bằng lòng. Họ đều bảo rằng : “Thôi Trữ đại thần của Ngai đã bị bệnh, không thể tự mình nghe theo mệnh lệnh của quốc quân. Nơi đây cách cung thất của quốc quân rất gần, phải đề phòng bọn gian tặc. Không có mệnh lệnh nào khác” Trang Công trèo tường chạy trốn, bị tên bắn trúng vào hông, ngã xuống, họ liền giết ông ta. Cổ Cử, Châu Xước, Bình Sư, Công Tôn Ngao, Phóng Cự, Đạc Phụ, Tương Y, Lữ Nhân... đều chết. Đà Phụ đến Cao Đường để lo việc cúng tế. Đến nơi. Đợi mệnh lệnh. Chưa nói xong đã chết trong tay Thôi Trữ. Thân Khoái trở về nhà nói với người đầu bếp của ông ta rằng : “Ông thì có thể được miễn, còn tôi sẽ chết vì chúa công” Người đầu bếp nói : “Được miễn là đi ngược lại với nghĩa cử”. Thế là cùng chết với Thân Khoái. Thôi Trữ lại giết luôn cả đại phu Cách Miệt tại Bình Âm.

Yến Tử đứng ở ngoài cửa nhà họ Thôi. Nhiều người hỏi : “Chết chẳng ?” Đáp rằng : “Nếu chúa công đối xử với tôi như một quốc sĩ tôi sẽ chết vì chúa công ?” Lại hỏi : “Thế ông có bỏ chạy không ?” Đáp rằng : “Nếu như tôi có tội, tôi sẽ chạy trốn”. Lại hỏi : “Về nhà chẳng ?” Đáp rằng : “Quốc quân đã chết ta đi về đâu. Làm quốc quân đâu chỉ có đè ép nhân dân. Xả tắc là chủ. Là quốc quân đâu chỉ lo việc ăn mặc của mình, mà phải nuôi dưỡng nhân dân. Cho nên quốc quân hy sinh vì nước, thì quan thần cũng phải hy sinh vì nước. Nếu chết hoặc chạy trốn vì hành vi hoặc lợi ích cá nhân thì những người khác không cần chết theo, chạy trốn theo. Huống hồ có người nhẫn tâm giết chết quốc quân của mình, giờ đây tôi làm sao mà tuân tiết được, giờ đây tôi biết đi đâu về đâu”. Cửa mở Yến Tử xông vào, đặt thi thể Trang Công lên đùi mà khóc. Sau đó đứng phắt lên, nhảy ba bước. Mọi người cho rằng Thôi Tử sẽ giết ông ta. Thôi Tử nói : “Ông ta là người được nhân dân ngưỡng mộ, tha cho ông ta thì sẽ được lòng dân”. Lô Bo Quý chạy trốn sang nước Tấn. Vương Hà chạy sang nước Cử.

Thúc Tôn Tuyên Bá ở nước Tề. Khi Thúc Tôn trở về đem con gái mình cho Linh Công. Sinh được đứa con là Cảnh Công. Tề Cảnh Công được Thôi Trữ lập làm quốc quân tự mình làm tướng, Khánh Phong làm tể tướng, cùng mình thệ tại Thái cung. Thề rằng : “Nếu có người không tham gia vào đồng minh của chúng ta”. Yến Tử ngẩng mặt lên trời than rằng : “Yến Tử này nếu làm điều gì bất trung với quốc quân, bất lợi cho quốc gia, thì có đèn trời soi xét”. Nói xong hút máu ăn thề. Ngày 23 tháng 5, Tề Cảnh Công và đại phu đến nước Cử xác lập quan hệ đồng minh. Đại sử chép rằng : “Thôi Trữ giết chết quốc quân” Thôi Trữ bèn giết chết thái sử. Hai người em của thái sử cũng bị giết chết vì đã

chép như vậy. Một người em khác lại chép như vậy. Thôi Trữ lại tha mạng cho Nam Sĩ thị nghe nói thái tử đều bị giết chết bèn cầm thẻ trúc đến tận đô thành nước Tề. Nghe nói sự việc đã được sử sách ghi chép lại rồi, bèn quay trở về.

KHÔNG TỬ THAM DỰ CUỘC GẶP GỠ Ở GIÁP CỐC

Mùa xuân năm Đinh Công thứ mười, ký hiệp ước hòa bình với nước Tề. Mùa hạ, Lỗ Đinh Công và Tề Hầu gặp nhau ở Chúc Kỳ. Khổng Khâu làm người xướng lễ. Lẽ Di nói với Tề Hầu rằng : “Khổng Khâu là người biết Lễ nhưng thiếu dũng cảm, nếu như cho người Lai Di dùng binh lính bắt cóc Lỗ Hầu, thì chúng ta sẽ đạt được ý muốn”. Tề Hầu nghe theo. Khổng Khâu yêu cầu họ rút lui và nói : “Quân đâu đến mau, quốc quân hai nước giao hòa với nhau, nhưng những người man rợ này mang vũ khí đến làm loạn. Đây không phải là quốc quân nước Tề đối xử với chư hầu. Bọn Di, Địch không làm rối loạn Hoa Hạ, bọn tù nhân không can dự vào minh hội, không dùng vũ lực để ép buộc sự hòa hảo. Nếu không thì sẽ không may mắn cho quý thần, bất nghĩa đối với đạo đức, thất lễ đối với người. Chúa công chắc không muốn làm như vậy !” Tề hầu nghe những lời nói này, liền đuổi bọn Lai Di đi.

Khi sắp ký minh ước, người Tề thêm vào minh ước một đoạn : “Sau này khi quân đội nước Tề ra khỏi biên giới, nếu như nước Lỗ không cử ba trăm xe vũ trang đi cùng chúng tôi, thì sẽ bị mắng chửi của minh ước này”. Khổng Khâu bảo sứ giả chưa vội đáp lễ, đối đáp lại rằng : “Các ông không trả lại vùng đất Văn Dương cho nước Lỗ, mà chúng tôi đồng ý cung cấp binh xa, thì các ông cũng bị chửi rửa như trên !”.

Tề Hầu định chiêu đãi Đinh Công, Khổng Khâu nói với

Lương Khâu Cứ rằng : “Qui định từ xưa đến nay giữa nước Lỗ và nước Tề, lễ nào ông không nghe thấy. Minh thế đã hoàn thành mà mở tiệc chiêu đãi, thì làm cho những người làm việc này tổn công tổn sức. Hơn nữa những tượng vật đem ra khỏi tông miếu, nhạc khí cũng không thể đem ra diễn ở ngoài đồng. Nếu vì yến tiệc mà đem hết các thứ ra đây đó là vứt đi lễ pháp. Nếu như tất cả không mang đi mà chỉ đãi khách bằng gạo thô rau dại. Dùng gạo thô rau dại là làm nhục quốc quân, không chú ý đến lễ nghĩa cũng là có tội. Tại sao ông không suy nghĩ kỹ. Yến tiệc là mang ân huệ đến cho người khác. Không mang ân huệ đến cho người khác, chỉ bằng hủy bỏ yến tiệc đi. Do đó nước Tề hủy bỏ việc đãi tiệc.

Người nước Tề trả cho nước Lỗ ba vùng đất Vện, Hoan và Quy Âm.

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

TẢ TRUYỆN

LIỆT QUỐC PHONG VÂN ĐỒ

Người biên soạn : **TÔN PHƯƠNG LY**

Người biên dịch : **PHAN KỲ NAM**

Người hiệu đính : **TRẦN KIẾT HÙNG**



Chịu trách nhiệm xuất bản :

HOÀNG VĂN BÓN

Biên tập : **ĐẶNG TẤN HƯƠNG**

Sửa bản in : **HỒNG TRANG**

Bìa : **CHÂU NHIÊN KHANH**

Trình bày : **CHÂU NHIÊN KHANH**

In 1000 bản, khổ 14,5 x 20,5. In tại XN in Đường Sắt
Số đăng ký KHXB 49 VH/ĐN/642. Cục Xuất Bản cấp ngày 17.11.94
Quyết định xuất bản số 530/QĐXB ngày 28.8.95
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9.95

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 4 Nguyễn Trãi, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại : (01.61) 22613 — Ban Biên tập : (01.61) 25292

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Trân trọng giới thiệu :

BỘ SÁCH QUÝ TRỌN BỘ 52 TẬP

SẼ ĐƯỢC ẤN HÀNH LẦN LƯỢT TRONG NĂM 1995

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC



Trung Quốc — Đất nước có chiều dài lịch sử lâu đời, có nền triết học văn học nghệ thuật phát triển sớm nhất phương Đông.

Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911, trải qua hơn 2000 năm chế độ phong kiến đã bảo tồn và gìn giữ một kho tàng văn hóa triết học, văn học nghệ thuật, nho học tinh tú đồ sộ. Trong đó phải kể đến : Kinh Thi, Tả truyện, Chiến Quốc sách; với Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Hàn Phi Tử... Có thể nói đó là những hạt châu sáng chói ngàn năm, soi sáng trí tuệ cho các thế hệ sau, bằng những giá trị tinh thần sâu sắc.

Ngày nay, nó vẫn giữ vị trí trong các giá trị tinh thần làm giàu thêm kiến thức cho con người. Các nhà nghiên cứu văn học cổ điển TQ đã thông qua hàng trăm tác phẩm tiêu biểu biên soạn thành hệ thống, với 52 tập văn học tinh hoa cổ điển bằng lời văn bạch thoại, văn phong giản dị, ngôn từ dễ đọc, dễ hiểu và dễ nhớ, nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi trình độ có thể học hỏi và nghiên cứu.

Bộ sách do một nhóm các nhà nghiên cứu và giảng dạy Trung văn của Trường Đại Học Sư Phạm dịch và hiệu đính. Gồm : Trần Kiệt Hùng, Phan Kỳ Nam, Lê Văn Sơn, Giáp Văn Cường, Hồ Sỹ Hiệp, Nguyễn Văn Ai, Nguyễn Thiên Chí, Hàn Thế Chân, Võ Ngọc Liên, Phùng Quý Sơn, Hoàng Tuyết Nga...

Trần Kiệt Hùng — Giảng viên văn học TQ và là Phó chủ nhiệm Khoa Trung Văn Trường Đại Học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh hiệu đính và giới thiệu.

Chúng tôi tin rằng bộ sách này sẽ giúp ích cho bạn đọc làm giàu thêm kiến thức của mình.